

ĐÔNG

gặp

TÂY

Tung Cánh Từ Trời Nam

Từ Đồng Bằng Sông Cửu Long

Tới Vịnh Cự Kim Sơn

Khương-Hữu Điều

ĐÔNG gập TÂY

Tập 1

Hành trình: **Khương Hữu Điều**

Bìa: **Khương Hữu Điều & Khánh Trường**

Phỏng dịch: **Thái Vĩnh Khiêm**

Trình bày: **Nguyễn Công Thuần**

Kỹ thuật: **Tạ Quốc Quang**

ISBN: **978-1987023831**

Nhân Ảnh tái bản 2019

Copyright © 2019 by Dieu Khuong-Huu



Mục Lục

Lời Cảm Tạ	iv
Lời Phi Lộ	vi

TẬP I – 1930-1975

Phần 1 : Cuộc Sống Trẻ Đẹp Nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long

Chương 1	Thời Thơ Ấu Của Tôi	15
Chương 2	Thuở Thanh Bình Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long	37
Chương 3	Những Thú Vui Tại Đồng Bằng Sông Cửu Long	65

Phần 2 : Hội Nhập Văn Hóa Pháp

Chương 4	Nếm Mùi Tranh Đua Tại Trường Le Myre de Vilers	83
Chương 5	Đà Lạt Và Lycée Yersin	97

Phần 3 : Hội Nhập Văn Hóa Mỹ

Chương 6	Hợp Lặn Ở Lafayette College, Easton, Pennsylvania, USA	135
Chương 7	Thử Lửa Ở MIT	159
Chương 8	Chim Đại Bàng Hạ Cánh Ở "Big Apple"	175

Phần 4 : Lá Rụng Về Cội

Chương 9	Nữ Ước - Sài Gòn Trong 90 Ngày Với Pan Am	197
Chương 10	Hồi Hương Sau Bảy Năm Sống Tại Hoa Kỳ	273

Phần 5 : Quản Trị Trong Thời Chiến

Chương 11	Câu Chuyện Đi Làm Với ESSO	299
Chương 12	Những Nguy Nan Của Chương Trình Kỹ Nghệ Hóa Trong Thời Chiến	309
Chương 13	Khai Khẩn Dầu Hỏa Ngoài Khơi	323
Chương 14	Thiết Lập Hạ Tầng Cơ Sở Kỹ Nghệ Trong Thời Chiến 1964-75	335
Chương 15	Hợp Tác Quốc Tế: Các Nước Á Châu Và Tây Âu & Việt Nam - Hoa Kỳ 1954-75	353

TẬP II – 1975-Đến Nay
Phần 6 : Vượt Thoát Việt Nam

Chương 16	Thoát Khỏi Cộng Sản Việt Nam	393
Chương 17	Tị Nạn Tại Trại Pendleton, California	405

Phần 7 : Chánh Trị Trong Thời Chiến

Chương 18	Kissinger Và Cuộc Chiến Việt Nam	423
-----------	--	-----

Phần 8 : Tìm Cuộc Sống Mới

Chương 19	Những Ân Nhân Đầu Tiên Của Tôi Trên Đất Mỹ	447
Chương 20	San Francisco, Mái Ấm Gia Đình	465

Phần 9 : An Cư Lạc Nghiệp

Chương 21	Hai Mươi Hai Năm Làm Việc Để Vui Hưởng Tuổi Về Hưu	499
Chương 22	Ấm Thực Trong Đời Tôi	523
Chương 23	Sống Thọ, Sống Khỏe, Sống Vui Khi Về Hưu	551
Chương 24	Những Mẫu Chuyện Vui Buồn Của Nhóm “Gà Nòi”	575
Chương 25	Tình Thương Kháng Khít Trong Một Gia Đình Họ Khương	645
	Thay Lời Kết	683
	Phụ Lục 1-7	689

Lời Cảm Tạ

Được huấn luyện để làm kỹ sư cơ khí tại MIT, tôi tự coi mình như một chuyên viên “bù-lon con-tán.” Đối với tôi việc ngồi viết sách thật là xa lạ với những hoạt động tôi thường làm trong đời sống. Đến lúc tôi được 65 tuổi và quyết định về hưu năm 1996, tôi có ý muốn làm một việc gì cho ngày tháng về hưu của tôi được ý nghĩa đồng thời giúp trí óc tôi khỏi mắc bệnh Alzheimer. Dự án viết sách đã thành tựu nhờ sự khuyến khích và góp sức của nhiều bạn thân như Stan Tull, Thái vĩnh Khiêm, Don Sayenga, Chuck Hage, Phil Gehman, Nguyễn chí Thành, Nguyễn sĩ Tuất, Frances Krebs, Nguyễn xuân Phong, Lâm văn Bé, và Nguyễn công Thuần.

Stan, một con một sách, có thì giờ là đọc sách, đã viết xong cuốn hồi ký của anh và tình nguyện làm điều động viên cho dự án này. Anh bạn tôi nghĩ cuộc đời tôi khá thú vị để viết thành sách và anh đã nhiều lần thức sáng đêm để giải quyết giúp tôi nhiều vấn đề khúc mắc. Dựa vào kinh nghiệm viết sách của mình, anh Khiêm là người đã thuyết phục tôi có thể hoàn tất một quyển sách. Anh đã gieo hạt giống cho sách tôi được trưởng thành. Don, Chuck và Phil những người bạn thân cùng lớp từ thời học ở Lafayette College những năm 1952-56, sẵn lòng giúp tôi một cách vui vẻ và đáng tin cậy. Không có bạn Thành tôi sẽ không sao ráp và bảo trì được một hệ thống PC tốt với tất cả

phần cứng và phần mềm cần thiết cho việc viết sách. Ngày nay, viết sách có hình ảnh đi kèm đòi hỏi nhiều kiến thức về máy PC và anh Tuất là một “Sư” (guru) thật rành nghề đã bao lần gỡ rối kỹ thuật giúp tôi. Frances, con gái của ông bà Muelhberger, cặp vợ chồng bảo trợ chúng tôi ra khỏi trại tị nạn Pendleton năm 1975, đã cùng một nhóm bạn giúp đánh bóng lời văn trong tác phẩm tiếng Anh của tôi. Anh Phong người bạn và đồng nghiệp với tôi ở ESSO Sài Gòn, người Việt duy nhất tốt nghiệp từ Oxford University, đã mang lại cho tôi nhiều cảm hứng cho đề tài “Đông gặp Tây.” Anh Lâm Văn Bé bạn đồng môn Collège Le Myre de Vilers (Mỹ Tho) đã giúp tôi bổ túc rất nhiều về sử liệu. Khi viết gần xong, may quá Trời giúp tôi được anh Thuần không quản công ráp nối các chương thành quyển sách với cách trình bày thật mỹ thuật. Sau cùng quyển sách được đến tay bạn đọc nhờ nhà xuất bản Nhân Ảnh của anh Lê Hân.

Tôi cũng không quên cảm ơn những cựu nhân viên Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ, Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ và nhiều họ hàng cùng bạn hữu đã quan tâm đến dự án và hỗ trợ tôi không ngừng trong việc đóng góp nhiều ý kiến trung thực và xây dựng.

Sau cùng và điều này rất quan trọng, tôi muốn nhân đây bày tỏ tình thương và cảm ơn Marie, người vợ đã chung sống với tôi 57 năm qua. Chúng tôi luôn luôn đồng chia sẻ mọi thăng trầm trong cuộc đời và chúng tôi cầu mong Trời tiếp tục ban ân huệ cho chúng tôi.

Khương-Hữu Điều
Cựu Kim Sơn
Hè 2017

Lời Phi Lộ

Cuộc hành trình kỳ thú từ Đồng Bằng Sông Cửu Long Tới Vịnh Cự Kim Sơn

Bởi dụng tâm hay định mệnh mà bà nội tôi đã đặt tên cho tôi là "chim", nói theo tiếng Hán là "điều". Lần tung cánh đầu tiên 1952 của cánh chim này đã vượt Thái Bình Dương bao la để dõng mài kinh sử, nhưng lần sải cánh sau cùng, cũng trên trùng dương ấy, cánh chim đã phải lao vào trong giông bão hiểm nguy để tránh loài chim dữ.

Triết gia Anh Rudyard Kipling đã nói: "Đông là Đông, Tây là Tây, đôi bên không bao giờ gặp nhau." Sự thực có phải muôn đời như vậy không? Nếu Đông và Tây gặp nhau thì sẽ ra sao?

Cuộc đời tôi, từ thuở trung niên cho đến lúc lão niên là một cuộc hành trình, không tìm mà gặp, cái đáp số cho cái nhận định này. Quyển sách mà quý bạn sắp đọc là câu chuyện kỳ thú về Đông và Tây của một cậu học trò sinh ra ở phương Đông, lớn lên ở phương Đông và phương Tây và sẽ nằm xuống ở phương Tây.

Tôi chưa bao giờ viết sách trong đời, thế sao ở tuổi 80 tôi lại làm việc này? Khi con người đã sống tới ngưỡng cửa "nhân sinh lão lai tài tận" như câu ngạn ngữ Trung Hoa hay "cát bụi cũng trở về với cát bụi" như triết lý phương Tây, con người thường tìm về với quá khứ.

Từ hơn bốn thập niên qua, rời xa quê cha đất tổ vì không thể sống với bạo quyền cộng sản, tôi đã định cư ở thành phố Cự Kim Sơn, nơi tôi đang an

hưởng tuổi già tại vùng đất mà tôi xem như quê hương thứ hai, hay quê hương mãi mãi...

Có những buổi hoàng hôn tôi ngồi lặng lẽ cô đơn, trầm tư nơi góc vườn sau nhà, rồi biết bao nhiêu sự việc trong quá khứ dâng trào như sóng cồn trong đầu tôi với vô vàn hình bóng xa xưa hiện về. Những hồi tưởng đó tạo cho tôi tình trạng xúc động vô ngần, tôi nhớ cảnh cũ người xưa quay quắt, nhưng vì khối lượng kỷ niệm, chuyện quá khứ khá nhiều, khá lâu, khá xa, và hôm nay tôi khá già, khiến tôi lẫn lộn.

Mỗi lần như vậy, tôi phải ghi lại để nhớ, và khi ghi lại, một lần nữa tôi sống lại với những nỗi vui buồn của quá khứ nhưng có lớp lang hơn theo thời gian, không gian, và như vậy, vô tình các "neurons" trong óc tôi buộc phải làm việc. Âu cũng là một thể thao cho bộ óc!

Rồi các trang bài viết cứ từ từ xếp chồng lên nhau. Kết quả này đã thúc đẩy tôi xếp loại những gì viết xong theo thứ tự niên đại, có khi tập trung thành sự việc, biến cố, có khi thúc giục tôi phải tìm hiểu thêm qua sách vở báo chí để kiểm soát lại trí nhớ của mình. Từ việc ghi chép chuyện đời, tôi đã trở thành người ham đọc sách, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến bài viết, nhất là bối cảnh đất nước thời tôi đã sống. Chuyện đời tôi đã quện vào thế giới Đông Tây. Những bài viết xong gom lại đã được vài trăm trang. Tôi trao bài viết cho vài người bà con và bạn bè thân thiết đọc để chia sẻ với tôi những kỷ niệm hay biến cố mà họ cũng đã phần nào có biết qua. Nhiều người đã thúc giục tôi chia sẻ những gì tôi viết, không phải chỉ với vòng thân thuộc, mà cả với độc giả bốn phương dưới hình thức một quyển sách.

Quyển sách đã được hình thành trong một trạng huống như vậy. Nhưng quyển sách bạn đang cầm trong tay không phải là những tờ giấy rời ghi vội những cảm nghĩ, kỷ niệm thoáng qua. Khi tôi quyết định viết thành sách, tôi bắt đầu đào sâu thêm những mảng tối của ký ức bằng những tìm hiểu cặn kẽ gia phả, sự việc, viếng Google thường xuyên hơn để tra cứu, trao đổi với bạn bè nhiều hơn để biết thêm những vấn đề mà tôi muốn thấu hiểu. Từ người viết hồi ký, tôi đã trở thành một người nghiên cứu «tập sự» lúc nào mà không hay. Giờ đây, với tư cách một công dân Hoa Kỳ qua cái nhìn hòa hợp giữa Đông và Tây, cộng thêm với nền văn hóa và giáo dục tổng hợp từ Việt Nam, Pháp, Hoa và Hoa Kỳ mà tôi đã thụ hưởng, tôi muốn viết lại cuộc hành trình của tôi, khởi

đầu từ nếp sống êm đềm từ Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long vào những năm 1930 cho tới Vùng Vịnh Cựu Kim Sơn văn minh tân tiến vào thế kỷ 21.

Tôi đã trải qua nửa đời người sống tại Á châu, nhất là tại Việt Nam. Tôi đã sống qua chế độ thuộc địa Pháp, cuộc xâm lăng của người Nhật, và cuộc quay trở lại lần nữa của quân viễn chinh Pháp gây thêm những trận chiến lớn nhỏ khác. Phần nổi bật trong nửa cuộc đời đầu của tôi hẳn là cuộc chiến tranh Việt Nam có sự can thiệp của Hoa Kỳ mà di hệ vẫn còn là một đề tài tranh cãi bất tận ngay trong giới chuyên gia am tường lẫn những tầng lớp quần chúng khác nhau.

Hơn mọi thứ và đối với mọi người, chiến tranh Việt Nam là một trong những thảm họa lớn nhất trong thế kỷ 20, là cuộc xung đột quân sự hủy diệt dữ dội nhất trong dòng sử Việt dài cả 4.000 năm, và cũng là cuộc chiến lâu nhất tại nước ngoài đối với người Mỹ từ ngày lập quốc. Cuộc chiến ghê gớm ấy đã để lại trong tâm tư tôi sự chàm trán kinh hoàng về mặt văn hóa và văn minh của "Phương Đông và phương Tây khi đôi bên gặp nhau" ngay khi tôi còn sống trên mảnh đất của tổ tiên tôi.

Khá lâu trước khi người Mỹ có mặt trên chiến trường Việt Nam, tôi đã rời Sài Gòn năm 1952 để qua Mỹ du học với học bổng Fulbright. Đây là lần đầu tôi đáp chuyến bay tới nước Mỹ, cũng như khởi đầu cho cuộc hành trình "khi Đông Tây gặp nhau." Việc cư trú lần đầu tại Mỹ đã làm thay đổi mạnh mẽ đời tôi. Do bị tróc gốc bật rễ khỏi cách sinh sống theo truyền thống gia đình người Á châu, sự khởi đầu cuộc sống của tôi trên đất Mỹ quả như cơn ác mộng. Nhưng sự khó khăn to lớn nhất của tôi lúc ấy chính là nỗi nhớ nhà, tình trạng cô đơn và bất đồng ngôn ngữ bởi kiến thức Anh ngữ quá hạn hẹp của mình. Tuy nhiên, tôi đã quyết tâm bỏ công sức ra học nên đạt được kết quả khá bất ngờ. Tôi liên tục chiếm được hạng đầu trong lớp. Và tôi cũng có thể nói rằng tôi đã hấp thụ được nền giáo dục xuất sắc từ Lafayette College, kế đến là đại học MIT tiếng tăm, và sau chót là Columbia University. Xong giai đoạn sinh viên du học tôi có được việc làm tại thành phố New York. Năm 1958, tôi thực hiện một quyết định đáng nhớ, đi du lịch quanh thế giới và về tới Sài Gòn trong vòng thời gian 90 ngày qua hãng hàng không Pan American World Airways.

Chuyến hồi hương này đối với tôi quả là một kinh nghiệm sống thực của câu chuyện phiêu lưu ký "Rip Van Winkle". Những năm tháng đi du học của tôi tại

Mỹ như một thời kỳ hưởng thụ "đời sống xa hoa", xa cách một nước Việt Nam đang điêu linh trong chinh chiến. Thực tế phũ phàng của quê hương tôi và dân tộc tôi đã làm đau lòng tôi khi tôi thấy song thân tôi và bà con quyến thuộc đều có mặt tại phi trường Tân Sơn Nhứt để mừng đón ngày tôi trở về.

Một chương sách hoàn toàn mới về bản thân cuộc đời tôi bắt đầu khi tôi phải lo tới mấy thứ chuyện tối ưu tiên sau đây: lập gia đình, mua một ngôi nhà, và tạo dựng sự nghiệp bản thân. Suốt 17 năm làm việc cật lực trong lãnh vực phát triển công kỹ nghệ quốc gia tại Sài Gòn, tôi đã thi thố hết tài năng mình nhằm phục vụ đất nước đang bị hủy hoại bởi loại chiến tranh du kích dai dẳng và công khai xâm lược quân sự của các lực lượng chính quy Bắc Việt.

Năm 1966, lúc 35 tuổi, tôi là người trẻ tuổi nhất giữ chức Phụ Tá Tổng ủy Viên Kinh-Tế Tài-Chánh, trách nhiệm điều hành một ngân quỹ lỗi 800 triệu Mỹ kim cho một chương trình Hoa Kỳ tài trợ dân sự, và thêm hàng triệu Mỹ kim trong Quỹ ngoại tệ sở hữu Việt Nam. Năm 1966, cùng với vị Tổng ủy Viên Kinh-Tế Tài-Chánh Âu Trường Thanh trong nội các Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, chúng tôi đã có cơ hội gặp Tổng thống Hoa Kỳ Lyndon Johnson và ông cố vấn Walt Rostow tại Tòa Bạch Ốc. Cuộc gặp gỡ nhằm duyệt lại những khó khăn kinh tế nơi một đất nước binh đao bị ảnh hưởng nặng nề vì chiến tranh. Nhưng buồn thay, sự ước mơ của tôi nhìn thấy một miền Nam được sống trong thanh bình và thịnh vượng đã không trở thành sự thực!

Phần còn lại của đời tôi đánh dấu bằng biến cố sụp đổ của Sài Gòn vào tay cộng sản Bắc Việt ngày 30 tháng 4 năm 1975. Biến cố đó đã đẩy tôi vội vã phóng vô cuộc hành trình lần thứ hai đến nước Mỹ, tuy nhiên, lần này trong tình trạng bị kinh động và kinh ngạc. Việc kế tiếp tôi nhận thức được là vợ tôi và tôi đều còn sống sót và được lành lặn khi vô tới Marine Camp Pendleton tại California. Nơi đây, tôi được những đồng bào tị nạn bầu ra làm trưởng trại để lo việc sinh hoạt của hàng ngàn người Việt đồng tạm cư và chung cảnh ngộ. Vào tuổi đời 44, tôi đã lâm cảnh mất quê hương, táng gia bại sản, và biết bao nhiêu thứ khác mà tôi đã chẳng chịu nổi.

Sau khi rời trại tạm cư Pendleton, tôi đã đương đầu để vượt qua bao thứ cực nhọc của một người tị nạn, chỉ còn lại chi phiếu du lịch 150 Mỹ kim trong túi và chiếc xách tay đựng vài bộ áo quần cũ. Một thời kỳ mới lộ dạng cho "ngày hồi sinh của con ưng diều". Trong đời, tôi đã đi giáp vòng số phận, phải sống

những lần thăng trầm, đổi thay từ sung túc sang bần hàn rồi sung túc. Dẫu sao, tôi cũng tạ Ôn Trên đã cho tôi cơ hội một lần nữa tới đất Mỹ chốn không phải nơi nào khác. Tôi hết sức trân quý sự đặc ân đãi ngộ cho tôi được sống trên một xứ sở của tự do và cơ hội. Tôi không bao giờ tưởng tượng tới việc lìa xa quê cha đất tổ của mình, nhưng nếu phải ở lại Việt Nam sống dưới một chế độ cộng sản toàn trị thì dĩ nhiên đó không phải một lựa chọn của tôi và vợ tôi.

Cuộc đời tị nạn của tôi đã trải qua 22 năm buổi đầu cực nhọc, nhưng cũng may mắn cho cả hai chúng tôi là đủ để có được một nếp sống gói ghém, cho phép chúng tôi an hưởng đời sống về hưu hài lòng, lành mạnh và hạnh phúc trong trên 20 năm qua tại thành phố Cựu Kim Sơn mỹ miều, tráng lệ. Quả thực, giai đoạn thứ hai này trong đời tôi cũng là cuộc đọ sức lần thứ ba và lần chót của tôi trong tấn tuồng "khi Đông phương đụng độ Tây phương" vậy.

Cuộc đời tôi được chia cắt thành hai giai đoạn gần như bằng nhau mà mỗi giai đoạn là một trận đọ sức quyết liệt của "Đông phương đụng độ Tây phương". Lần đầu, qua việc tôi sang Mỹ ăn học rồi trở về Sài Gòn làm việc trong một quê hương Việt Nam 17 năm giã giã với sự tham dự tai hại của người Mỹ thì dường như câu nói của triết gia Rudyard Kipling có phần nào đúng. Còn lần sau, từ năm 1975 tại Mỹ, qua những nỗ lực cần lao của tôi nhằm bảo đảm một cuộc sống có ý nghĩa cũng cho thấy phương Đông và phương Tây cũng có thể sáp gần lại với nhau được! Tôi cảm thấy may mắn và hài lòng khi ở vào tuổi đời này mà còn đủ sức "ngồi lại tính sổ" cho hai giai đoạn quan trọng của cuộc đời mình: chuyển đi Mỹ đầu tiên năm 1952 vì chuyện trau dồi học vấn và chuyển đến Mỹ sau cùng để thoát khỏi Sài Gòn vì mạng sống, chưa kịp nói lời giã biệt với đất tổ quê hương. Tâm tư tôi trĩu nặng trong ý nghĩ đớn đau sẽ không còn bao giờ thấy quê hương Việt Nam nữa. Tôi không thể nào nén lòng để giữ những giọt lệ khi nhìn ra cửa sổ phi cơ và nhìn xuống Sài Gòn với những sông rạch thân quen, nhà cửa, phố xá thân thương khuất dần khỏi tầm mắt từ từ... và mãi mãi...

Khi ôn lại tất cả những kỷ niệm theo lộ trình đặc biệt qua thời gian và không gian, đối với tôi vẫn còn hấp dẫn vì đồng thời còn có thêm một cuộc hành trình nội tại khác trong tâm trí tôi. Đó là sự biến đổi tiệm tiến của tôi trong tiến trình thích nghi và hội nhập kỳ thú với chánh sách "melting pot" của người Mỹ - một phong cách sống hiểu như trong cái "nồi thập cẩm" hợp chung mọi thứ lại. Hàng trăm triệu người có nguồn gốc khác nhau về chủng tộc, tín ngưỡng và

văn hóa đã thành công trong hai thế kỷ qua, tạo lập được một xã hội sống chung trong hòa bình và tiến bộ với những thành quả đặc biệt do sự đóng góp nỗ lực của mọi người.

Dù cho có thích hay không thích, chánh sách "melting pot" này của nước Mỹ đã minh chứng một kinh nghiệm ngoại hạng và độc đáo trong công cuộc lập cư của con người. Nhìn lại lịch sử nước Mỹ, trước khi tạo dựng được sự thịnh vượng kinh tế và sức mạnh quân sự, nước Mỹ đã cố sự từ thời điểm tuyên bố độc lập ngày 4 tháng 7 năm 1776 những lý tưởng tự do và dân chủ tỏa ra khắp bốn phương trời. Nước Mỹ vẫn tiếp tục thực hiện sứ mạng đó và trở thành ngọn đuốc soi đường cho hàng triệu người khắp nơi vẫn xem nước Mỹ như miền đất hứa để tạm trú, tị nạn và phát triển tài năng cá nhân cũng như sức mạnh tập thể. Cuộc di cư và lập cư của người Việt nói chung và của chính tôi trên đất Mỹ là một thí dụ tuyệt vời cho sự xác quyết này.

Bây giờ, tôi xin phép quý bạn cùng chia sẻ với tôi cuộc hành trình của Ứng Điều từ một cánh đồng ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long đến vùng Vịnh Cựu Kim Sơn, thân phận thăng trầm của một người Việt đã trải qua hơn 80 năm trong hai thế giới Đông Và Tây.

Tôi cũng muốn nhờ những trang giấy này để tưởng nhớ đến song thân phụ mẫu tôi nay đã quá vãng, những bạn bè thân thuộc tôi đã vĩnh viễn ra đi hay còn sống ở Việt Nam mà có nhiều người phải chịu cảnh đời kham khổ. Tôi cũng bày tỏ lòng cảm ơn của tôi với người vợ yêu quý luôn bên cạnh tôi trong mọi cảnh ngộ thăng trầm trong suốt 56 năm qua và hôm nay vẫn tận tụy với tôi trong tuổi già.

Sau hết, với tác giả các bài viết và các hình ảnh trích dẫn trong quyển sách mà chúng tôi không liên lạc được để xin phép, chúng tôi thành thật tri ơn và xin cáo lỗi. Cũng xin được nói thêm, tuy quyển sách có một giá bán, nhưng chúng tôi sẽ hân hạnh tặng tất cả cho Quý Xã Hội của Dòng Chúa Cứu Thế ở 38 đường Kỳ Đồng Sài Gòn.

Khương-Hữu Điều

Tiểu bang Vàng mùa Xuân 2017

Tập I

1930-1975

Phần 1

Cuộc Sống Tươi Đẹp Nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long

Chương 1

Thời Thơ Ấu Của Tôi



*Bà nội của tôi Khương-Hữu Lương,
người sáng lập dòng họ Khương-Hữu (ảnh năm 1936)*

Quyển sách được kể bắt đầu với một lý lịch rắc rối của tôi. Từ lâu trước khi tôi ra đời, bà nội tôi đã quyết định là ba tôi sẽ đặt tên các con theo thứ tự như sau: "Ngân, Đáng, Ngân, Cân, Sứng, Lắm, Quí, Điều."



Hai anh em sanh đôi, 1931 "Cặp Chim Quí"

Rõ ràng là bà nội muốn ba tôi có ít nhất tám người con. Sau này đôi khi vợ tôi nói dí dỏm là khi má tôi có bầu lần thứ bảy và cũng là lần cuối, bà đã cố ý sanh đôi để có đủ số con theo ước muốn của mẹ chồng. Tôi may mắn là người con thứ tám và có tên "Quí Điều" là tên một loài chim đại bàng dũng mãnh, tung cánh vươn cao chứ không phải là loài quạ hay "gà tây" chạy khắp khiểng. Khi trưởng thành, hình ảnh oai phong của cánh chim đại bàng này là kim chỉ nam để tôi sống đời mình.

Tôi đã may mắn thụ hưởng một cái tên mang một ý nghĩa huyền diệu như vậy, nhưng câu chuyện lý lịch của tôi trở thành rắc rối sau đó vì trong đại gia đình Khương-Hữu của tôi có Chú Bảy, người em trai của ba tôi không có con. Theo phong tục Việt Nam, mỗi gia đình phải có con trai để nối dõi tông đường, lo việc hương khói và cúng giỗ mỗi năm. Do đó, ba tôi quyết định cho tôi về làm con nuôi của Chú Bảy. Tôi nói việc này rắc rối vì sau đó tôi phải gọi ba tôi là Bác Năm và gọi Chú Thím Bảy là Ba Má.



Nơi tôi sanh ra: Bệnh Viện Sản Khoa Mỹ Tho

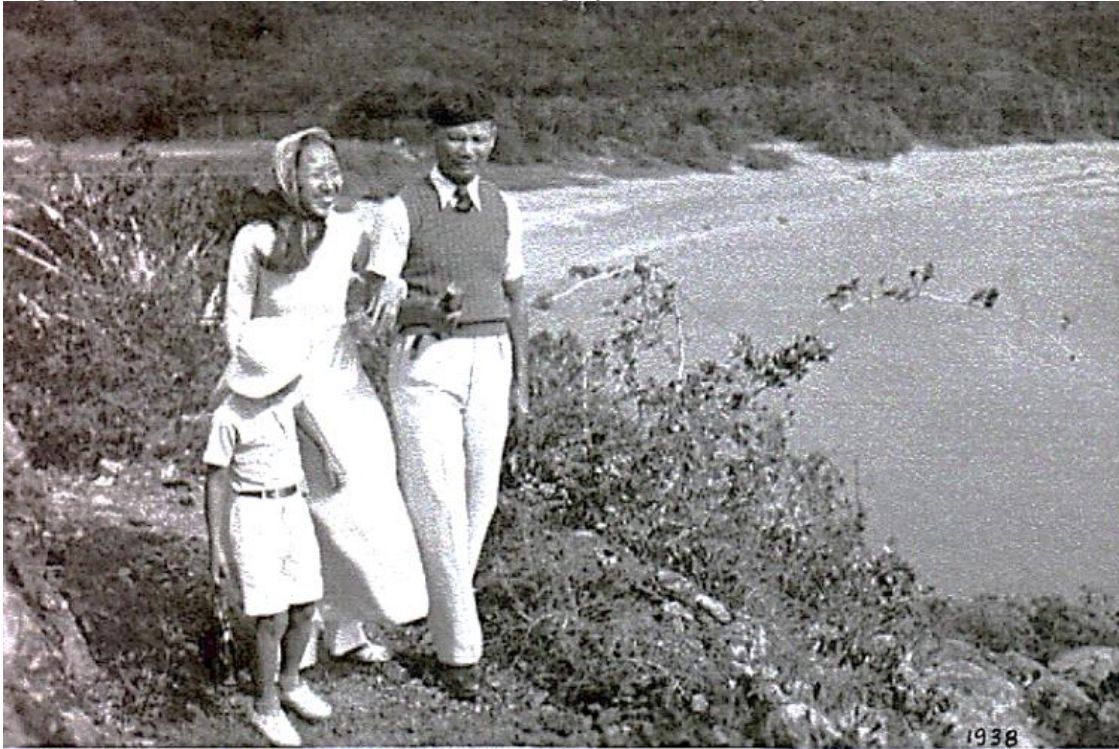
Nhưng sự rắc rối không phải chỉ dừng nơi đây. Hai gia đình đều không muốn cho tôi biết tôi là con nuôi. Mặc dầu tôi ra đời ở Bệnh Viện Sản Khoa tỉnh Mỹ Tho, nhưng trong giấy khai sanh thì nơi sanh, ngày sanh, và tên cha mẹ của hai anh em song sanh chúng tôi thì lại khác nhau.

Khương Hữu Điều
Sanh ngày 7 tháng 10, 1931
tại Làng Thiềng Đức

Khương Hữu Quí
Sanh ngày 19 tháng 9, 1931
tại Làng Điều Hòa

Tỉnh Vĩnh Long
Cha: Khương Hữu Bảy
Mẹ: Nguyễn thị Nhị

Tỉnh Mỹ Tho
Cha: Khương Hữu Lân
Mẹ: Nguyễn thị Vàng



visit of Nhatrang with parents 1940 hai hoc vien

*Ba má nuôi của tôi (Chú Thím Bảy mà tôi gọi là Ba Má)
Chuyến đi Nha Trang với ba má năm 1940*



*Bà nội và ba má ruột của tôi
(mà tôi phải gọi là Bác Năm)*



Ba má ruột của tôi



*Hình đại gia đình chụp nhân dịp Tết tại vườn sân thượng,
nhà số 59 Quai Gallieni, Mytho, 1944*

Từ trái qua phải:

Ba tôi, Má tôi, chị Sáu, Bác Năm, Chị Hai, Anh chị Năm, Hồ con gái chị Hai, chị Bảy



Ba Má tôi

Ba tôi, đường Hàng dương Mỹ Tho

Việc gia đình xếp đặt để tách rời lý lịch hai anh em sanh đôi chúng tôi trong giấy khai sanh đã tỏ ra rất hiệu nghiệm vì ngày nay, ngay ở tuổi 85, bây giờ tôi vẫn không thể gọi người cha ruột của tôi là “ba” và người chú tôi là “chú”.

Nhớ lại lúc tôi lên năm, các chị tôi tìm cách dụ tôi kêu mẹ ruột của tôi bằng "má" nhưng tôi không sao làm được. Mấy chị tôi cuối cùng phải "hối lộ" tôi bằng những thanh sô cô la hay các vật hấp dẫn khác mỗi khi các chị muốn nghe tôi gọi như vậy.

Trong những năm đầu, bởi lẽ hai anh em song sanh chúng tôi giống nhau như khuôn đúc, để khỏi kêu lầm, gia đình ghép hai tên anh em chúng tôi lại và gọi hai đứa chúng tôi bằng tên chung là "Quý-Điều". Cho tới lúc tôi đủ trí khôn để hiểu những lời đồn đại, tôi mới khám phá ra sự thực về lý lịch của mình và về việc gia đình sửa đổi khai sanh. Ba và chú tôi sống và làm việc với nhau như cặp bài trùng do đó tôi cũng sống rất gần với các anh chị em của tôi. Quả thật cách hành xử của phương Đông thật là huyền diệu.

Mỗi năm vào dịp Tết, ba má ruột tôi mặc quần áo cổ truyền để chụp hình chung với con cháu.



*Từ trái qua phải:
Đứng hàng sau: chị Bảy, tôi, Ba tôi, chị Sáu, chị Tư, người anh song sanh với tôi,
và Má tôi. Những trẻ em ở hàng trước là con chị Hai và chị Sáu.
Hình được chụp tại nhà máy xay lúa Khương-Hữu và vườn trồng cây ăn trái của ba tôi.
Mỹ Tho 1948.*

Trong gia đình người Việt xưa, con cái các người vai em chịu địa vị thấp hơn con cái của những người vai cao hơn. Đó là số phận kém may mắn, nỗi thua thiệt đầu tiên tôi phải cam chịu. Ngoài ra, con của cha mẹ giàu cũng có thanh thế hơn. Bác Năm (tức cha ruột tôi), là nhà kinh doanh giỏi và giàu có nhất trong họ. Bác có đủ tiền để cưới mang các em trai bị sa

cơ thất thế, kể luôn cả ba tôi.

Sanh ra trong thập niên 1930, thế hệ của tôi đã phải sống dưới ách cai trị của ngoại bang. Kể từ lúc sơ sanh cho đến 44 năm sau, suốt quá nửa đời người, tôi đã là chứng nhân của một chuỗi dài những chế độ đô hộ hay sự can thiệp của nước ngoài như: ách cai trị hà khắc của thực dân Pháp, cuộc xâm lăng của quân phiệt Nhật, Pháp tái chiếm Việt Nam với viện trợ của Mỹ, rồi sau cùng sự can thiệp trực tiếp hao tổn của Mỹ theo chủ thuyết "Domino."



Hình thật xưa tại tiệm vàng Khương-Hữu có anh Năm, chị Sáu, chị Bảy và các con của chị Hai, chị Ba, anh Năm

Cũng cần nói thêm là chính Tổng Thống Eisenhower đã sử dụng danh từ này trong cuộc họp báo ngày 7 tháng 4, 1954. Ông giải thích là nếu con cờ domino đầu tiên là Việt Nam bị đánh ngã thì những con cờ sau như Lào, Cao Miên, Thái lan, Mã Lai, Phi luật Tân, Nam Dương, Miến Điện cũng sẽ ngã theo.

Tuy là một thiếu niên sống trong một quốc gia thuộc địa, nhưng tôi thực sự không hiểu rõ người Pháp có mặt tại xứ tôi ra sao. Các thông tin hay sách giáo khoa đã bị ngoại bang và cộng sản cố ý sửa đổi nhằm phục vụ cho quyền lợi của họ, tẩy não dân bản xứ và lừa gạt nhân dân. Giờ sử học tôi được dạy trả bài thuộc lòng rằng "tổ tiên chúng ta là người Gaulois có tóc màu vàng kim!" Hôm nay, ngồi viết hồi ký trong thời đại tin học tại Mỹ, tôi thấy như mình đang lạc lõng trong một khu rừng tin tức và tài liệu. Nhờ vào "IT, Information Technology's Google," tôi tìm được nhiều dữ kiện về lịch sử của quê hương tôi từ nhiều nguồn độc lập khác nhau mà không khó

nhọc chi. Tôi thấy say mê khi tra cứu lịch sử của nước nhà mà những trang sau là đôi dòng tóm tắt lịch sử cận đại của đất nước tôi.

Người Pháp đến Việt Nam

Người Pháp bắt đầu để ý tới Việt Nam từ năm 1658 qua hoạt động của *Les Missions Étrangères de Paris* (M.E.P), nay đổi tên thành *Séminaires des Missions Étrangères*. Tổ chức này được thành lập bởi cơ quan *Sacred Congregation for the Propagation of the Faith* (Thánh Bộ Truyền bá Đức tin) ở La Mã trong năm 1658 theo sự vận động của linh mục Dòng tên Alexandre de Rhodes. Tổ chức này không phải là một dòng tu nhưng là một sự tập hợp của những linh mục triều và giáo dân muốn cổ vũ công trình truyền giáo xứ người.

Những linh mục được gởi qua Việt Nam với mục đích rõ rệt là truyền đạo để người Việt đón

nhận niềm tin Công giáo. Khi đã đặt chân tới Việt Nam, các nhà truyền giáo ấy cố thích nghi với phong tục của Việt Nam và lập ra hàng tu sĩ người Việt trong khi vẫn duy trì liên lạc mật thiết với tòa thánh Vatican.

Lợi dụng sự kiện Triều Đình Huế đã bức hại các nhà truyền giáo thuộc Les Missions Étrangères de Paris vào giữa thế kỷ XIX, chánh phủ Pháp có cơ để can thiệp quân sự vào Việt Nam. Trong cuộc xâm chiếm Việt Nam do Napoléon III chủ xướng, Pháp còn có sự trợ giúp của Tây ban Nha bởi lẽ hoàng hậu Eugénie là người Tây ban Nha rất mộ đạo và rất ảnh hưởng đến quyết định của Napoléon, nhứt là sau khi giám mục người Tây Ban Nha là Diaz Sanjurjo bị xử trảm tại Nam Định vào tháng 4 năm 1857.

Ngày 1 tháng 9 năm 1858, Liên quân Pháp-Tây Ban Nha do phó đô đốc Rigault de Genouilly chỉ huy với sự trợ giúp của đại tá người Tây Ban Nha Bernard Ruis Lanzarote tấn công Đà Nẵng, tuy có chiếm được một phần, nhưng bị quân Việt anh dũng chặn lại. Không làm chủ được Đà Nẵng, Rigault de Genouilly kéo quân vào Nam, đánh chiếm Gia Định (Sài Gòn) ngày 18 tháng 2 năm 1859, mở đầu cho cuộc xâm chiếm Nam kỳ (Cochinchine) gồm 3 tỉnh miền Đông là Biên Hòa, Gia Định, Định Tường (sinh quán của tôi) và 3 tỉnh miền Tây là Vĩnh Long (quê nội của tôi), An Giang và Hà Tiên.

Hơn một thế kỷ sau, vào ngày 19 tháng 6 năm 1988, Đức Giáo Hoàng John-Paul II phong thánh cho 117 vị tử vì đạo ở Việt Nam trong đó có linh mục thuộc M.E.P, 11 linh mục dòng Dominican, 37 linh mục Việt và 59 giáo dân.

Thành lập Liên Bang Đông Dương

Sau khi đánh bại Trung hoa trong cuộc chiến Trung-Pháp (Sino-French War 1884–1885) và chiếm được Bắc kỳ cũng như dẹp yên các cuộc nổi dậy, Pháp thành lập Liên Bang Đông Dương theo nghị định ngày 17-10-1887 của tổng thống Pháp là Jules Ferry. Lúc đầu chỉ gồm Trung kỳ, Bắc kỳ và Nam kỳ xem như 3 đơn vị ngang hàng trong Liên Bang Đông Dương, Pháp còn chiếm thêm hai vương quốc Cao Miên và Lào làm thuộc địa. Sau cuộc chiến Pháp-Xiêm (Franco-Siamese War), vương quốc Lào và Cao Miên cũng bị sát nhập vào Liên Bang Đông Dương. Người Pháp giữ vua của các nước đó tại vị nhưng trên thực tế chỉ là hư vị bởi tất cả quyền hành đều nằm trong tay thực dân Pháp.



Bản đồ Liên Bang Đông Dương trong Thế Chiến Thứ Hai

Đứng đầu Liên Bang Đông Dương là viên Toàn Quyền (Gouverneur général) do Tổng Thống Pháp bổ nhiệm, phủ Toàn Quyền đặt tại Sài Gòn (dinh Norodom, tức Dinh Độc Lập sau này.)

Nam kỳ gọi là Cochinchine từ phía dưới Bình Thuận tới Cà Mau là đất thuộc địa, đứng đầu là Thống Đốc (Gouverneur), do người Pháp trực tiếp cai trị, tổ chức hành chánh tại Nam Kỳ giống như tổ chức hành chánh của Pháp. Trung Kỳ gọi là Annam, từ Thanh Hóa vào tới Bình Thuận. Trên nguyên tắc là lãnh thổ do Triều đình nhà Nguyễn cai trị, nhưng trong thực tế, quyền hành vẫn nằm trong tay Viên Khâm Sứ.

Bắc Kỳ gọi là Tonkin, từ Thanh Hóa trở ra, gọi là xứ bảo hộ, đứng đầu do Thống Sứ cai trị. Hai chức danh Khâm Sứ và Thống Sứ tuy có khác nhau trong tiếng Việt nhưng giống nhau trong tiếng Pháp (Résident Supérieur), quyền hành cũng giống nhau và đều trực thuộc viên Toàn Quyền Đông Dương. Nói tóm lại, người Pháp trực trị Nam kỳ, bảo hộ trực tiếp ở Bắc kỳ và bảo hộ gián tiếp ở Trung kỳ (vì gần với Triều Đình Huế).



*Lính Pháp diễn binh
ngày 14 Juillet ở Sài Gòn*

Sống trong thời thuộc địa, việc học hành của tôi hoàn toàn lệ thuộc vào hệ thống giáo dục của Pháp. Hậu quả là tôi thuộc sử ký và địa dư Pháp hơn là người Pháp bình thường, nhưng không biết gì về chính xứ sở của tôi. Tôi chỉ biết sơ qua về chiều dài 4.909 cây số của con sông Mekong chảy từ Cao nguyên Tây Tạng qua tỉnh Vân Nam bên Tàu, Miến Điện, Lào, Thái Lan, Cao Miên, và Việt Nam. Ngược lại, tôi có thể vẽ thuộc lòng những chi tiết của sông Loire dài 1.000 cây số và nhớ gần hết tên các lâu đài nằm ven sông. Đương nhiên, kỷ niệm tức cười và khó quên nhứt thời thơ ấu của tôi vẫn là đọc câu tôi học thuộc lòng trong lớp lịch sử: "Nos ancêtres les Gaulois ont des cheveux blonds" nghĩa là "tổ tiên chúng ta người Gaulois có tóc màu vàng kim!"



Lính Lê dương Pháp và lính người Sénégalais – diễn binh 14 Juillet ở Sài Gòn

Để phô trương sức mạnh quân sự của mình cũng như "hù dọa" dân bản xứ, mỗi năm người Pháp tổ chức một cuộc diễn hành ngoạn mục. Tôi luôn trông chờ cuộc duyệt binh ngày 14 Juillet mà người Pháp gọi là "Jour de la Bastille" để được xem những loại khí giới tối tân nhứt và lính Lê dương nổi tiếng đi diễn hành. Không gì thích bằng được thấy họ đi đều bước và nhịp nhàng. Đó cũng là dịp đầu tiên tôi nhìn thấy người lính Sénégalais mặt gạch của quân đội thực dân Pháp. Súng đại bác loại 75 ly cùng với chiến xa và xe lội nước luôn luôn là những đơn vị đi bọc đuôi đoàn diễn binh.

Việt Nam trong Thế Chiến Thứ Hai

Ngày 3 tháng 9 năm 1939, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Thế Chiến thứ hai bùng nổ giữa phe Đồng Minh và phe Trục (gồm Đức, Ý và Nhật). Tuy biến cố trọng đại này xảy ra lúc ban đầu bên trời Tây, nhưng cũng ảnh hưởng nhiều đến Việt Nam. Bởi lẽ Pháp yếu thế, phải ký hòa ước đình chiến với Đức sau 9 tháng chiến đấu, bị Đức chiếm đóng đến 3/5 lãnh thổ (miền Tây Bắc) và chánh phủ Pháp do Thống chế Pétain lãnh đạo phải dời về đóng đô ở Vichy (miền Nam nước Pháp), trong khi thiếu tướng Charles de Gaulle chạy qua London lên đài phát thanh hô hào dân thuộc địa tiếp tục chiến đấu. Để có thể duy trì quyền cai trị ở Đông Dương, chánh phủ Pétain (còn gọi là chánh phủ Vichy) phải ký với Nhật hòa ước ngày 30 tháng 8 năm 1940 theo đó Nhật nhận chủ quyền của Pháp tại Đông Dương nhưng ngược lại Pháp phải chấp nhận nhiều đặc quyền quân sự cho Nhật tại Bắc kỳ như cho quân Nhật sử dụng các phi trường, cho quân Nhật có thể đi ngang qua Bắc kỳ để tiếp tế cho quân Nhật đóng ở Hoa Nam. Năm 1941, Pháp lại ký hiệp định kinh tế với Nhật theo đó Pháp phải cung cấp cho Nhật 700 000 tấn gạo và cao su phần lớn sản xuất ở Việt Nam. Từ đây, nước Việt Nam phải bị một cổ hai tròng: vừa bị Pháp bóc lột và vừa bị Nhật áp bức.

1 Une flamme sacrée
Monte du sol natal,
Et la France enivrée
Te salue, Maréchal !
Tous tes enfants qui t'aiment
Et vénèrent tes ans,
A ton appel suprême
Ont répondu : Présent.

2 Tu as lutté sans cesse
Pour le salut commun ;
On parle avec tendresse
Du héros de Verdun..
En nous donnant ta vie,
Ton génie et ta foi,
Tu sauves la patrie
Une seconde fois.

3 Quand ta voix nous répète,
Afin de nous unir :
"Français, levons la tête,
Regardons l'avenir !"
Nous brandissant la toile
Du drapeau immortel,
Dans l'or de tes étoiles,
Nous voyons luire un ciel.

4 La guerre est inhumaine,
Quel triste épouvantail !
N'écoutons plus la haine,
Exaltons le travail,
Et gardons confiance
Dans un nouveau destin,
Car Pétain, c'est la France !
La France, c'est Pétain !!

R Maréchal, nous voilà !
E Devant toi, le sauveur de la France,
F Nous jurons, nous tes gars,
R De servir et de suivre tes pas,
A Maréchal, nous voilà !
I Tu nous a redonné l'espérance,
N La Patrie renaîtra Maréchal, Maréchal,
N Nous voilà !
R
E
F
R
A
I
N

Bài hát, 'Maréchal, nous voilà!' đã thay thế bài 'Marseillaise' làm quốc ca Pháp.

"Thống chế ơi, chúng tôi đây! Đằng sau ông, người cứu nguy nước Pháp. Chúng tôi nguyện thề, chúng tôi những con cái ông, chúng tôi sẽ phục vụ và đi theo bước chân ông. Đất nước sẽ hồi sinh. Thống chế ơi, thống chế ơi, chúng tôi đây!"

Trong hoàn cảnh ấy, việc học của tôi bị xáo trộn bởi những biến động chánh trị đã làm cho hệ thống giáo dục bị các giới cầm quyền thay phiên nhau sửa đổi. Từ hệ thống giáo dục Pháp dùng mẫu tự La tinh, tôi phải quay sang chương trình giáo dục của Nhật dùng chữ Kanji pha chữ nho. Sau ngày Nhật bại trận tôi lại trở về hệ thống thực dân Pháp như trước đó. Sinh ngữ phụ tôi chọn là tiếng Việt, chuyển qua tiếng Nhật rồi lại quay về tiếng Việt. Từ năm 1940 tới 1944, mỗi sáng, tôi phải hát bài quốc ca Pháp La Marseillaise và cùng lúc chào kính lá cờ Pháp treo ngay giữa sân của trường tiểu học công lập tại Mỹ Tho. Sau bốn năm chào cờ như vậy ở buổi thiếu thời, cho đến nay, tôi vẫn còn thuộc nằm lòng bài hát đó.

Hôm nay sinh sống trên "đất nước của con người tự do và quê hương của con người oai hùng (the land of the free and the home of the brave) tôi thấy mắc cỡ vì không nhớ được tất cả lời ca của bài "the Star Spangled Banner."

Lúc Thế Chiến mới bùng nổ, Hoa kỳ tuyên bố đứng trung lập, nhưng sau khi bị Nhật tấn công Trân Châu Cảng (Pearl Harbor, Honolulu), Hoa Kỳ tuyên chiến với Nhật ngày 8-12-1941.

Trong bối cảnh ấy, Tổng thống Roosevelt muốn thay đổi lịch sử Việt Nam với chánh sách trả lại độc lập cho tất cả các thuộc địa trên thế giới. Ngày 14 tháng 8 năm 1941, ông cùng với Thủ Tướng Anh Winston S. Churchill ký bản Tuyên Ngôn Hiến Chương Đại Tây Dương theo đó Anh và Mỹ cam kết tôn trọng quyền tự quyết chánh trị của các dân tộc và mong muốn các đế quốc trao trả độc lập cho các thuộc địa.



Tổng thống Roosevelt



*Ngày 12 tháng Giêng, 1945,
US Task Force 38 dội bom Sài Gòn*

Tháng giêng năm 1944, trong lá thư ông viết cho Ngoại Trưởng Cordell Hull ông phát biểu: *"Nước Pháp đã làm chủ xứ này trong gần một trăm năm, và dân tộc đó đã bị khốn khổ hơn sau ngày người Pháp tới... Pháp đã vắt chanh nước này trong gần một trăm năm. Dân chúng ở Đông Dương xứng đáng được hưởng cái gì tốt đẹp hơn. Chiến*

thắng của Đồng Minh sẽ đem lại sự tan rã của Đế Quốc Pháp. (Franklin Roosevelt Conversation with Charles Taussig on French Rule in Indochina, March 15, 1945, from *Major Problems in American Foreign Policy, Volume II: Since 1914*, 4th edition, edited by Thomas G. Paterson and Dennis Merrill (Lexington, MA: D.C. Heath and Company, 1995, p. 190.) Nhưng đó chỉ là sự lừa dối hào nhoáng. Mặc dầu Roosevelt đã nhắc đi nhắc lại chính sách ngoại giao này tại các buổi họp quốc tế, nhưng trong thực tế, ông vẫn duy trì mối giao hảo với các đồng minh như đã hợp tác với Anh và Pháp trong các cuộc can thiệp quân sự và kinh tế ở vùng Đông Nam Á.



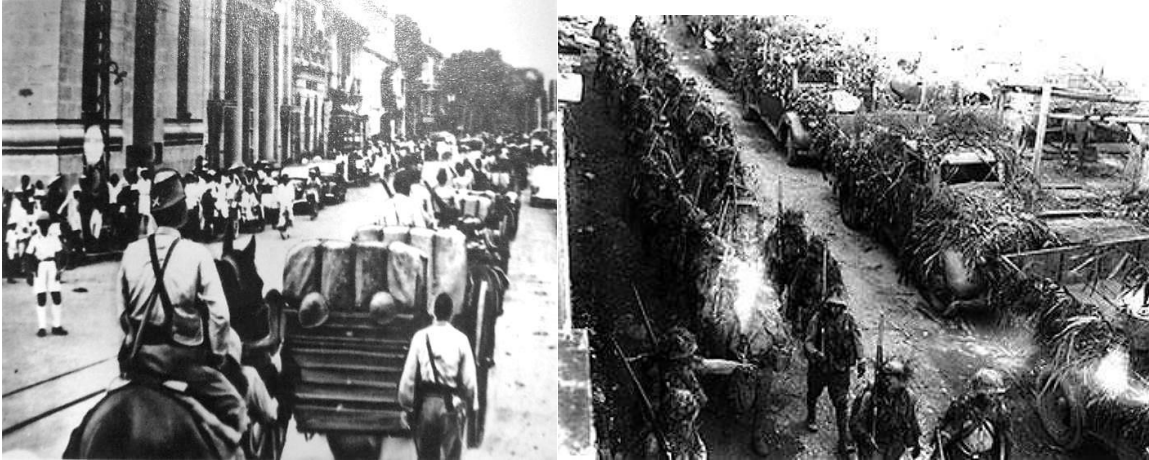
Đế quốc Nhật 1942 màu đỏ

Để ngăn chặn chính sách bành trướng lãnh thổ của Nhật với chính sách Đại Đông Á, Mỹ gia tăng áp lực chính trị và quân sự để Nhật càng ngày càng lo sợ thêm. Lúc đó Việt Nam đã nằm gọn trong tầm oanh kích của chiến đấu và oanh tạc cơ Mỹ cất cánh từ Hạm Đội Thứ Bảy do Phó Đề Đốc William F. "Bull" Halsey chỉ huy và sau này phi cơ B-24s và B-25s đến từ Clark Air Field bên Phi-luật-Tân. Ngày 12 tháng giêng, năm 1945, Halsey ra lệnh oanh tạc

Sài Gòn. Năm trăm chiến đấu và oanh tạc cơ dội bom xuống thành phố này đánh chìm bốn chiếc tàu chở hàng và hai chiếc chở dầu. Các bồn chứa dầu nằm dọc bờ sông nổ tung. Những cột khói đen cao cả dậm bay lên trên trời. Tổng cộng có 14 chiến hạm Nhật và 35 tàu dân sự bị phá hủy. Đây là số tàu cao nhất bị Hải Quân Hoa Kỳ đánh chìm nội một ngày trong cả thế chiến.

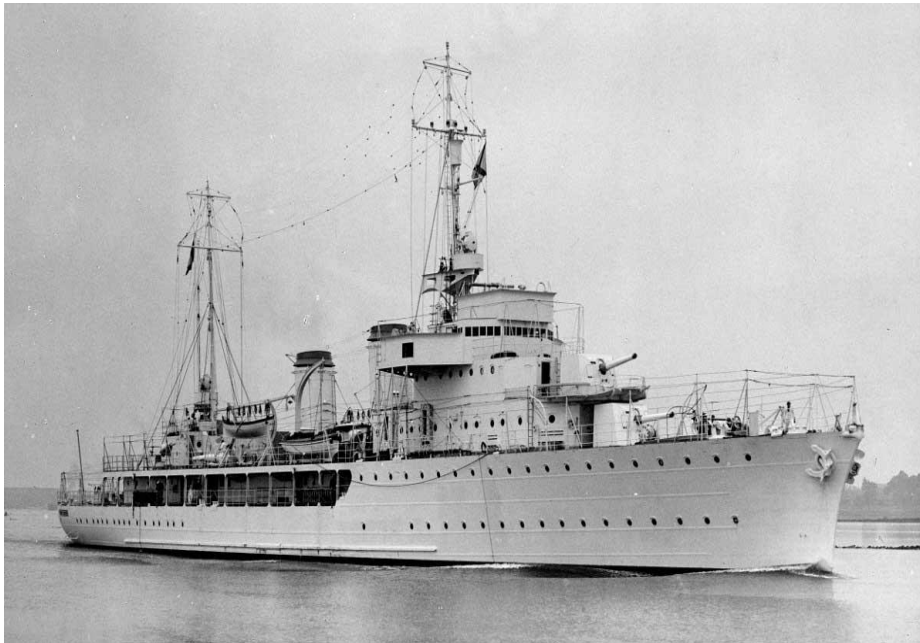
Ngày 9 tháng 3, 1945, Nhật chấm dứt nền cai trị kéo dài gần một trăm năm của Pháp tại Đông Dương.

Gần nửa đêm ngày 9 tháng 3, lính Nhật đột nhập dinh toàn quyền và bắt Phó Đề Đốc Pháp Decoux. Cùng thời điểm đó, Nhật đột kích một số nơi khác nên kiểm soát được nhiều cơ sở hành chánh quan trọng, các nhà máy điện nước, và đài phát thanh. Toàn thể lính Pháp trong thành phố Hà Nội bị tấn công bất ngờ nên không kịp trở tay. Nhiều trung đoàn đầu hàng một lúc mà không chống cự gì cả. Ngược lại có nhiều đơn vị chiến đấu một cách anh dũng mặc dầu bị bao vây bởi số lính Nhật đông đảo hơn. Cả ngàn người Pháp bị bắt làm tù



Lính Nhật tiến vào Sài Gòn trong Thế Chiến Thứ Hai

binh. Tôi bị một cú sốc mãnh liệt khi lần đầu tiên trong đời chứng kiến cảnh người Nhật kiểm soát một thuộc địa của Pháp. Tại Mỹ Tho, tôi thấy một người lính Pháp bị hiến binh Nhật cưỡi trần rồi trói vào một cái cột dưới bầu trời nắng cháy miền nhiệt đới. Đây đúng là một màn chiến tranh tâm lý do người Nhật dàn dựng để cho ai nấy đều thấy là chế độ cai trị của người da trắng ở Á châu đã hết thời.



Chiến thuyền Amiral Charner bị phi cơ Nhật đánh chìm ở Mỹ Tho ngày 10 tháng ba 1945

Tôi lấy làm khoái chí nhìn phi cơ Nhật lao xuống và oanh tạc chiếc tàu chiến này giữa ban ngày trên sông Mekong. Không khác gì như trong một cuốn phim.

Cùng lúc đó, để đóng trọn vai trò của kẻ đi giải phóng, người Nhật củng cố quyền lực của mình ở Việt Nam nên cho thành lập một chánh phủ gọi là “độc lập”. Ngày 19 tháng ba, 1945. Bảo Đại tuyên bố sẽ đích thân cầm quyền theo tinh thần «Dân vi

Quý». Ông chọn Ngô Đình Diệm làm thủ tướng nhưng bị người Nhật chống đối. Sau cùng, giáo sư (sử gia) **Trần Trọng Kim được ủy nhiệm thành lập chánh phủ ngày 17/04/1945** gồm các trí thức và chuyên gia tân học với thành phần như sau :

Thủ Tướng : Trần Trọng Kim (giáo sư)

- Bộ Trưởng Ngoại Giao : Trần Văn Chương (luật sư)
- Bộ Trưởng Nội Vụ : Trần Đình Nam (bác sĩ)
- Bộ Trưởng Kinh Tế : Hồ Tá Khanh (bác sĩ)
- Bộ Trưởng Tài Chánh : Vũ Văn Hiền (luật sư)
- Bộ Trưởng Tiếp Tế : Nguyễn Hữu Thí (bác sĩ)
- Bộ Trưởng G. Dục và Mỹ Thuật : Hoàng Xuân Hãn (kỹ sư)
- Bộ Trưởng Tư Pháp : Trịnh Đình Thảo (luật sư)
- Bộ Trưởng Thanh Niên : Phan Anh (luật sư)
- Bộ Trưởng Giao Thông Công Chánh : Lưu Văn Lang (kỹ sư)
- Bộ Trưởng Y Tế Cứu Tế : Vũ Ngọc Anh (bác sĩ)

Đây là chánh phủ đầu tiên của Việt Nam tổ chức theo cơ cấu của Tây Phương, mỗi vị bộ trưởng trách nhiệm mỗi bộ chuyên ngành. Và khi bắt đầu hoạt động ngày 4 tháng 5, 1945, việc đầu tiên là chánh phủ đổi quốc hiệu mới là **Việt Nam**, không dùng các danh xưng cũ như An nam, Đại Nam, Đại Việt, chọn quốc kỳ Việt Nam là nền vàng, ba sọc đỏ theo hình quẻ ly. Tuy ngắn ngủi (chỉ hơn 3 tháng từ 17 tháng tư đến 23 tháng 8), nhưng chánh phủ Trần Trọng Kim đã phải tổ chức nạn cứu đói năm Ất Dậu, và đặt nền tảng cho chánh sách giáo dục theo tân học, chú tâm khoa học kỹ thuật, dùng chữ quốc ngữ thay cho chữ Pháp và áp dụng chương trình Trung Tiểu học tiếng Việt (còn gọi là chương trình Hoàng Xuân Hãn). Điểm tiêu cực là chánh phủ này không có Bộ Quốc Phòng vì Nhật muốn kiểm soát lực lượng quân sự của Việt Nam, sợ chánh phủ này theo Đồng Minh tấn công Nhật. Đó là điều thất thế của Việt Nam vì sau khi Nhật đầu hàng, đất nước không có lực lượng để phòng thủ, bảo vệ an ninh quốc gia và là cơ hội để đảng Cộng Sản Việt Nam dễ dàng khuynh đảo, khủng bố những thành phần không theo cộng sản. Những hình ảnh giết người dã man như mổ bụng rồi đồn trâu thả xuống sông là hình ảnh kinh hoàng của dân Miền Nam trong thời kỳ Việt Minh nổi dậy.

Nhưng tình hình chánh trị và quân sự cũng biến chuyển nhanh chóng tại Việt Nam sau khi Paris được giải phóng. Mỹ dội hai trái bom nguyên tử ở Hiroshima và Nagasaki, Hoàng đế Hirohito phải tuyên bố Nhật đầu hàng ngày 15 tháng 8, 1945, quân đội Nhật tại Đông Dương buông súng. Ngày 28 tháng 8 vị Chỉ Huy Tối Cao Quân Đội Đồng Minh (Supreme Commander of the Allied Powers) đảm nhận trách nhiệm cai trị nước Nhật. Lễ đầu hàng diễn ra ngày 2 tháng 9 năm 1945 trên chiến hạm Missouri của Mỹ.

Thành lập Chánh Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền tại Hà Nội và sau đó kêu gọi dân chúng Tổng khởi nghĩa, yêu cầu Bảo Đại thoái vị. Ngày 25 tháng 8 năm 1945, Bảo Đại thoái vị, trao ấn kiếm cho Trần Huy Liệu, đại diện cho Việt Minh để trở về là một công dân.

Ngày 2 tháng 9, 1945, trong khi Nhật ký kết văn kiện đầu hàng thì tại bãi Cột Cờ (Rond point

Puginier, vừa được đổi tên là Công Viên Ba Đình), Hồ Chí Minh đọc bản «Tuyên Ngôn Độc Lập» có đoạn mở đầu như sau :*" Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".*



Hoàng đế Bảo Đại



Hoàng hậu Nam Phương

Bản chất gian dối đạo văn của Hồ Chí Minh đã hiện rõ bởi lẽ câu nói bất hủ ấy đã được ghi trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Sau đó, Hồ Chí Minh công bố danh sách chánh phủ Cộng Sản đầu tiên như sau:

- Chủ tịch kiêm Bộ Trưởng Ngoại Giao : Hồ Chí Minh
- Bộ Trưởng Nội Vụ : Võ Nguyên Giáp
- Bộ Trưởng Tuyên Truyền : Trần Huy Liệu
- Bộ Trưởng Quốc Phòng : Chu Văn Tấn
- Bộ Trưởng Thanh Niên : Dương Đức Hiền
- Bộ Trưởng Kinh Tế : Nguyễn Mạnh Hà
- Bộ Trưởng Cứu Tế Xã Hội : Nguyễn Văn Tố
- Bộ Trưởng Tư Pháp : Vũ Trọng Khánh
- Bộ Trưởng Công Chánh Giao Thông : Đào Trọng Kim
- Bộ Trưởng Lao Động : Lê Văn Hiến
- Bộ Trưởng Y Tế Vệ Sinh : Phạm Ngọc Thạch
- Bộ Trưởng Tài Chánh : Phạm Văn Đồng
- Bộ Trưởng Giáo Dục : Vũ Đình Hòe
- Bộ Trưởng không bộ nào : Cù Huy Cận, Nguyễn Văn Xuân.

Chánh phủ này đa số là đảng viên Cộng Sản. Để xoa dịu dân chúng, Hồ Chí Minh bổ nhiệm Bảo Đại là cố vấn, một chức vị bù nhìn.

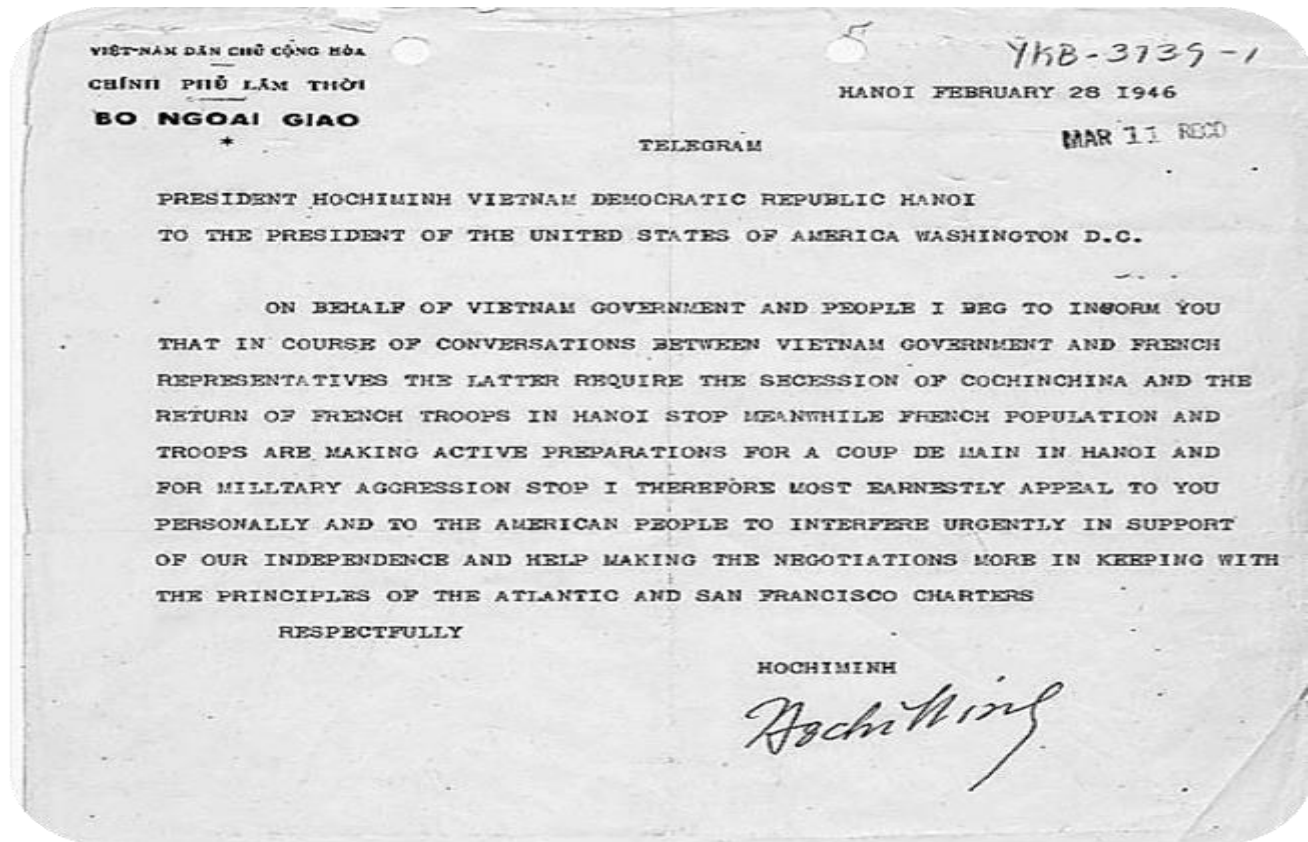
Ngày 28 tháng 2, 1946, Hồ Chí Minh gởi cho Truman bức điện tín yêu cầu nước Mỹ ủng hộ Việt Nam trong cố gắng giành độc lập, nhưng bức điện tín không hề được hồi âm.

Mở đầu bức điện tín Hồ Chí Minh gửi Tổng Thống Truman ghi như sau:

"Do đó, tôi khẩn khoản gửi lời kêu gọi tới cá nhân ngài và tới dân chúng Mỹ can thiệp một cách cấp bách để ủng hộ nền độc lập của chúng tôi và giúp việc thương lượng được theo đúng Nguyên Tắc Đại Tây Dương và Hiến Chương San Francisco hơn."

Trước đó, vào ngày 16 tháng 2, 1945, Hồ Chí Minh đã viết một lá thư cho Tổng Thống Truman yêu cầu Mỹ giúp đỡ Việt Nam lấy lại nền độc lập. Đoạn kết lá thư ghi: "We ask what has been graciously granted to the Philippines. Like the Philippines our goal is full independence and full cooperation with the UNITED STATES. We will do our best to make this independence and cooperation profitable to the whole world."

I am dear Mr. PRESIDENT,
Respectfully Yours,



Ho Chi Minh" *"Chúng tôi mong muốn nhận được những gì Phi-luật-Tân đã được may mắn hưởng. Cũng giống như Phi-luật-Tân mục đích của chúng tôi là lấy lại nền độc lập và cộng tác toàn diện với HỢP CHÚNG QUỐC. Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức mình để nền độc lập và sự cộng tác này đem lại lợi ích cho toàn cầu. "Tôi kính chào ngài".*

Hồ Chí Minh" [Lá thư này mãi tới 1972 mới được giải mật.]



*Hồ Chí Minh, và Võ Nguyên Giáp (áo complet trắng)
với nhân viên Mỹ thuộc Office of Strategic Services*



Hitler vô Paris



Pháp khóc



Pháp vô Việt Nam



Việt Nam khóc



Pháp tái chiếm Việt Nam với khí giới do Mỹ cung cấp từ xe tank tới lương thực

Pháp trở lại Việt Nam

Sau khi Tổng Thống Roosevelt qua đời, Truman thay thế. Tổng thống Truman không tiếp tục chính sách trao trả chủ quyền cho các thuộc địa của Roosevelt và bị De Gaulle thách thức: "Hãy giúp tôi chiếm lại Việt Nam và tôi sẽ giúp ông cầm chân Cộng sản ở Châu Âu." Một lần nữa Việt Nam lại chịu số phận con cờ thí trên bàn cờ tướng giữa Pháp và Mỹ. Quân Pháp đã sửa soạn sẵn để nối gót quân Anh trở lại thuộc địa cũ khi lính Anh rút khỏi miền Nam. Người Pháp bỏ ra một năm thương lượng với Việt Nam để xếp đặt mối liên hệ mới giữa hai nước. Nhưng mọi việc đã an bài. Với sự lãnh đạo của Charles de Gaulle, nước Pháp quyết tâm không chịu bỏ mất viên "bảo ngọc" của đế quốc mình.

Sau khi Đức chiếm Pháp, Tướng Charles De Gaulle lưu vong qua Anh rồi qua Algérie thành lập Ủy Ban Giải Phóng Quốc Gia Pháp (Comité français de la Libération nationale) lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Đức và cả Pétain. Tháng 8 năm 1944, khi tướng Leclerc giải phóng Paris khỏi tay Đức, chế độ Pétain sụp đổ, De Gaulle về Pháp lập chính phủ lâm thời.



Lính Pháp ở Việt Nam, 1946

Sau khi Nhật đầu hàng và bị giải giới tại Việt Nam, ngày 15 tháng 8, De Gaulle cử Leclerc làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, được hỗ trợ bởi Lực lượng CEFEQ, (Corps Expéditionnaire Français en Extrême-Orient) được thành lập năm 1945 để cứu nguy đội quân Pháp ở Đông Dương khi chiến đấu chống lính Nhật. Lực lượng CEFEQ được bổ xung bằng

quân lính lấy từ đội quân Forces Françaises Libres thời Thế Chiến Thứ Hai và từ các nước thuộc địa trong Liên Hiệp Pháp (Union Française) và đoàn lính Lê dương. Toàn thể cấp chỉ huy lấy từ mẫu quốc hay là lính tình nguyện thuộc các đơn vị nhảy dù. Người Pháp đã sẵn sàng trở lại Việt Nam theo sát gót đoàn quân chiếm đóng Anh.

Nhờ Anh và Mỹ trợ giúp, Leclerc tuyên bố trong buổi họp báo tại Sài Gòn ngày 5 tháng 2 năm 1946 là đã hoàn tất việc tái chiếm Nam Kỳ và miền nam của Trung Kỳ.

Sau khi làm chủ trở lại đất Nam kỳ, ngày 4 tháng 2 năm 1946, Cao ủy Pháp tại Đông Dương là đô đốc d'Argenlieu thành lập Hội đồng Tư vấn Nam kỳ (Conseil Consultatif de Cochinchine) gồm bốn thân hào Pháp, tám thân hào Việt Nam để giúp Pháp trong công cuộc cai trị cùng với một chánh phủ gọi là **Cộng Hòa Nam Kỳ** do bác sĩ Nguyễn Văn Thinh làm Thủ tướng. Chính phủ ra mắt dân chúng vào sáng ngày 2 tháng 6 năm 1946 trước Nhà Thờ Đức Bà Sài Gòn với thành phần như sau:

- Thủ tướng kiêm Nội vụ: Bác sĩ Nguyễn Văn Thinh
- Phó thủ tướng kiêm Quốc Phòng : Đại tá Nguyễn Văn Xuân
- Tổng trưởng Tư pháp: Trần Văn Tỷ
- Tổng trưởng Vận Tải: Lưu Văn Lang (không nhận) thay thế bởi Lương Văn Mỹ (ông ngoại của Marie)
- Tổng trưởng Y Tế, Lao Động và Xã hội : Bác sĩ Khương Hữu Long (Bác Tư của tôi)
- Tổng trưởng Tài chánh: Nguyễn Thành Lập
- Tổng trưởng Canh Nông, Thương Mại và Kỹ Nghệ : Ung Bảo Toàn
- Tổng trưởng Giáo dục: Nguyễn Thành Giung
- Thứ trưởng An ninh toàn quốc : Nguyễn Văn Tâm
- Thứ trưởng An Ninh Sài Gòn - Chợ Lớn: Nguyễn Tấn Cường.

Hội Đồng Tư Vấn Nam Kỳ gồm có:

- Joseph Béziat (luật sư)
- William Bazé (chủ đồn điền)
- Clogne (dược sĩ)
- Gressier (chủ đồn điền)
- Nguyễn Văn Thinh (bác sĩ)
- Trần Văn Phát (y sĩ)
- Trần Thiện Vàng (nghiep chủ)
- Lê Văn Định (điền chủ)
- Nguyễn Thành Lập (Chủ tịch Việt Nam Ngân Hàng)
- Nguyễn Tấn Cường (nghiep chủ)
- Nguyễn Văn Thạch (dược sĩ)
- Hồ Văn Trung (Hồ Biểu Chánh) đốc phủ sứ

Trong khi đó những người bảo hoàng cố thương lượng với Pháp về chủ quyền đất nước. Theo **Thỏa ước Vịnh Hạ Long** ngày 5 tháng 6 năm 1948 ký kết giữa Cao ủy Bollaert và Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân thì Pháp thừa nhận nước Việt Nam độc lập nhưng có điều

kiện hạn chế về ngoại giao, văn hóa, quân sự, tài chính và kỹ thuật. Điểm đặc biệt là thỏa ước công nhận ba khu vực Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ từ nay đặt dưới quyền điều hành của một chánh phủ trung ương. Để xúc tiến việc trao trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam, trước đó, ngày 26 Tháng Ba, 1948, Bảo Đại tuyên bố thành lập **chính phủ trung ương của Quốc gia Việt Nam**. Năm người được đề cử làm thủ tướng lúc bấy giờ là Ngô Đình Diệm, Lê Văn Hoạch, Trần Văn Hữu, Khương Hữu Long, và Nguyễn Văn Xuân nhưng Ngô Đình Diệm, Khương Hữu Long, và Lê Văn Hoạch khước từ vì không tán thành nghị định thư của Thỏa ước Vịnh Hạ Long. Bác Sĩ Khương Hữu Long đề nghị với Bảo Đại và toàn quyền Pháp cho Trần Văn Hữu, nhưng sau cùng Bảo Đại ủy nhiệm ông Nguyễn Văn Xuân thành lập tân chánh phủ.

Ngày 01 tháng 06 năm 1948, ông Nguyễn Văn Xuân công bố danh sách Chính Phủ Quốc Gia Lâm Thời Việt Nam như sau:

- Chủ tịch Hội Đồng kiêm Tổng Trưởng Quốc phòng: Nguyễn Văn Xuân
- Quốc vụ khanh, phó Chủ tịch Tổng trấn Nam Việt: Trần Văn Hữu
- Quốc vụ khanh, Tổng trấn Trung Việt: Phan Văn Giáo
- Quốc vụ khanh, Tổng trấn Bắc Việt: Nghiêm Xuân Thiện
- Quốc vụ khanh, tòng Bộ Quốc phòng: Trần Quang Vinh
- Tổng trưởng Lễ Nghi, Quốc Gia Giáo dục: Nguyễn Khoa Toàn
- Tổng Trưởng Nội Vụ: Nguyễn Hữu Trí (không nhận)
- Tổng trưởng Tư Pháp: Nguyễn Khắc Vê
- Tổng trưởng Kinh tế, Tài chánh: Nguyễn Trung Vinh
- Tổng trưởng Công chánh & Kế hoạch: Nguyễn Văn Tỵ
- Tổng trưởng Thông Tin, Báo chí và Tuyên truyền: Phan Huy Đán
- Tổng trưởng Canh nông: Trần Thiện Vàng
- Thứ trưởng tòng Dinh Chủ tịch: Đinh Xuân Quảng
- Thứ trưởng tòng Bộ Giáo dục: Hà Xuân Tế
- Thứ trưởng Nội Vụ: Đỗ Quang Giai
- Thứ trưởng Bộ Lao động: Ngô Quốc Còn
- Thứ trưởng Nội An: Lê Công Bộ

Hôm sau, Thủ tướng ban hành «Pháp quy lâm thời» (Statut provisoire) theo đó quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ ở giữa, và quốc ca là «Tiếng gọi thanh niên » của Lưu Hữu Phước, Việt Nam chia làm 3 phần gọi là Nam Việt, Trung Việt, Bắc Việt, mỗi phần do một Tổng trấn đứng đầu.

Một tuần lễ sau khi chánh phủ Nguyễn Văn Xuân được thành lập, Hồ Chí Minh tuyên bố phản đối chánh phủ Nguyễn Văn Xuân là bù nhìn.

Trong khi tại Sài Gòn, từ 1948 đến 1954, các chánh phủ «quốc gia» thân Pháp dưới sự lãnh đạo của Bảo Đại (hoàng đế rồi trở thành quốc trưởng từ 1950) lần lượt thay đổi, như các chánh phủ điều khiển bởi các thủ tướng Nguyễn Phan Long, Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Bửu Lộc, thì Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản leo thang chiến tranh chống Pháp và phe

quốc gia dưới danh nghĩa Việt Minh. Từ 1950 đến 1954, với sự trợ giúp khổng lồ của Trung Cộng và khối Liên xô, quân đội Cộng Sản Việt Minh đã thắng Pháp nhiều trận đánh lớn mà Điện Biên Phủ là chiến thắng oanh liệt của Việt Minh đã khiến Pháp phải buông súng, chấm dứt chính sách đô hộ Pháp tại Việt Nam gần 100 năm (1862-1954)



Hàng Không mẫu Hạm USS Belleau Wood



Quân lính thuộc Liên Hiệp Pháp chuyển cho Pháp 1953.

Tưởng cũng cần nói thêm là người Mỹ đã giúp cho Pháp, không phải chỉ trong giai đoạn tái chiếm Việt Nam năm 1946 mà cả trong giai đoạn chiến tranh chống Việt Minh từ 1950. Quân cụ Mỹ tới Việt Nam lần đầu vào ngày 30 tháng 6, 1950. Tổng Thống Truman gửi đoàn cố vấn quân sự Mỹ (Military Assistance Advisory Group (MAAG) đến Sài gòn để hỗ trợ người Pháp vào tháng 9.



Phi cơ USAF C-119 mang dấu hiệu của Pháp và do phi công của CIA lái trên không phận Điện Biên Phủ 1954.



Sư Đoàn 2 Thiết Giáp Pháp

Trong trận đánh Điện Biên Phủ có hai phi công Mỹ đã thiệt mạng. Những thông tin này được giải mật và công bố hơn 50 năm sau ngày biến cố xảy ra trong dịp ngày lễ ông Đại sứ Pháp truy tặng huân chương Légion d'honneur tại Hoa Thịnh Đốn năm 2005.

Sau cuộc chiến tám năm (1946-1954) thường được gọi là *Chiến Tranh Đông Dương I* với phí tổn viện trợ Mỹ lên tới 2,5 tỷ Mỹ kim [tiền năm 1954] người Pháp đã bại trận ở Điện Biên Phủ và mất luôn thuộc địa của họ ở Á Châu. Liên Bang Đông Dương đã tan rã.

Sau cuộc chiến, ***Hiệp định Genève*** ký ngày 20 tháng 7, 1954, tạm thời chia đôi Việt Nam ở vĩ tuyến 17 để tránh không cho Hồ Chí Minh chiếm cả nước. Miền Bắc trao cho Việt Minh với tên nước là Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Miền Nam có Hoàng Đế Bảo Đại đứng đầu với tên nước là Quốc Gia Việt Nam.

Một năm sau, Bảo Đại bị Thủ tướng Ngô Đình Diệm truất phế và Việt Nam Cộng Hòa ra đời. Việc ông Diệm từ chối không thương lượng với miền Bắc để tổ chức bầu cử vào năm 1956 như Hội Nghị Genève ấn định đã khởi đầu cho cuộc chiến mà cộng sản gọi là Chiến tranh chống Mỹ Ngụy, miền Nam gọi là Chiến tranh xâm lược của Cộng Sản và Tây phương gọi là *Chiến tranh Đông Dương II (1960-1975)*

Trong những năm thơ ấu, tôi đã sống qua những cơn lốc chánh trị ở Đông Dương thời thuộc Pháp. Khởi đầu là cuộc khủng hoảng tài chánh 1929-39. Sau đó tôi luôn sống trong sự kinh hoàng của Thế Chiến Thứ Hai khi Hitler xâm lăng Pháp. Từ 1952 tới 1958, tôi rời Việt Nam du học ở Hoa Kỳ.

Suy gẫm lại, tôi đã nhận ra rằng người Mỹ vào Việt Nam vì quyền lợi riêng của họ nhiều hơn là để truyền bá dân chủ tại Việt Nam. Họ muốn cầm chân Trung Cộng. Bây giờ tôi hiểu tại sao, trong cuộc chiến du kích, họ lại xây căn cứ khổng lồ ở vịnh Cam Ranh với sân bay đủ lớn cho các máy bay B-52 và Boeing 747 đáp trong những năm đầu của thập niên 1960. Như đã nói trước đây, thật là bất hạnh cho cả Mỹ lẫn Việt Nam là sau khi Tổng Thống Roosevelt qua đời, Tổng Thống Truman đã quyết định chi hàng tỷ Mỹ kim để giúp Pháp lấy lại Đông Dương theo chủ thuyết Domino. Hậu quả là Hoa Kỳ đã phải trả giá: 58,209 tử vong, 153,303 thương binh cùng với hàng tỷ Mỹ kim tiền thuế của người dân để chi cho chiến tranh trong ba thập niên.

Phần đầu của cuộc hành trình 85 năm khi "Đông gặp Tây" của tôi từ Đồng Bằng Sông Cửu Long tới vùng vịnh San Francisco quả là chuỗi dài một thế kỷ lịch sử cận đại của Việt Nam với quá nhiều biến cố trọng đại mà tôi cố tóm lược trong vài mươi trang như trên. Tôi xin phép sẽ trở lại các thập niên 1930 và 1940 thuộc tuổi xấp xỉ 20 của tôi.

Chương 2

Thuở Thanh Bình Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long

Êm êm và thơ mộng



Ngôi làng nhỏ bên bờ sông Cửu Long



Cảnh an nhàn nơi Đồng Bằng sông Cửu Long

Con người là tổng hợp các kinh nghiệm mình đã trải qua trong cuộc đời. Riêng với tôi, dù những biến cố sóng gió của lịch sử đã gây đau thương tang tóc trên đất nước, nhưng khi bạo động qua rồi, tuổi trẻ của tôi có những giai đoạn sống an bình và vui tươi tại Đồng Bằng Sông Cửu Long và đã để lại nơi tôi nhiều dấu ấn tốt. Trong chương này, tôi xin kể lại những sinh hoạt của tôi trong buổi thiếu thời để cùng các bạn có một khái niệm về cuộc sống và dân cư ở vùng đất này trong thập niên 1930-1940.

Cuộc Nam Tiến

Miền Nam là đất cộng cư của nhiều dân tộc đã sinh sống trong vùng Đông Nam Á từ thời cổ.

Để hiểu rõ bản chất dân tộc Việt Nam và cách sinh sống của cư dân vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, tôi xin mượn đoạn kết của *Léonard Aourousseau*, giáo sư Trường Viễn Đông Bác Cổ trong bài nghiên cứu về tiến trình cuộc di dân vĩ đại của người Việt từ sông Dương Tử đến Vịnh Xiêm La:

«Những yếu tố, những sức mạnh có thể tiêu diệt được một nước mới thành lập đều vô hiệu trước sức sống mãnh liệt của người Việt.»

Dân tộc Việt chiếm các đồng bằng Bắc Việt ngay từ cuối thế kỷ thứ III trước Công Nguyên. Xã hội Việt Nam trở nên thịnh vượng tại đây. Lần lần các làn sóng di dân tiếp tục tràn lan mãi xuống phía Nam để tới một địa điểm xa nhất trên đường bành trướng mà người Bách Việt khởi từ thế kỷ IV trước Công Nguyên. Người Việt tới Trung Việt ngay cuối thế kỷ sau; ở đây dân tộc Chiêm Thành chặn họ lại một thời gian khá lâu. Nhưng người Việt vẫn giữ được một đà bành trướng như một sức mạnh âm ỉ và sau nhiều năm chinh chiến, họ đã thắng được đối phương Chiêm tộc vào năm 1471 để tiến mãi về phía Nam, tới Qui Nhơn vào cuối thế kỷ XV, tới Sông Cầu 1611, Phan Rang 1653, Phan Thiết 1697, tới Sài Gòn 1698, tới Hà Tiên 1714. Cuối cùng trong nửa đầu thế kỷ XVIII, người Việt đã hoàn thành cuộc bành trướng của dân tộc và chiếm trọn đất Nam Kỳ hiện thời.» (Nam Tiến VN/Nguyễn Đăng Thục trong *Dòng Sử Việt*, số 17 (2005) tr.70 in lại từ *Tập San Sử Địa*, số 19-20, (1970).

Trong công cuộc Nam Tiến, cuộc đấu tranh giữa Việt Nam với Chiêm Thành thật lâu dài và gay go hơn cả. Nước này xưa kia tên là Lâm Ấp, đến thế kỷ thứ IX, thì đổi tên là Chiêm Thành là vùng duyên hải miền Trung Việt Nam bây giờ. Chiêm Thành thường mang quân đánh phá người Việt, nhưng mỗi lần thua trận, hay cầu hôn, Chiêm Thành phải cắt đất dâng cho triều đình Việt Nam (như trường hợp Chế Mân phải dâng Châu Ô, Châu Lý tức vùng Quảng Trị, Thừa Thiên ngày nay) để xin cưới Huyền Trân Công Chúa. Năm 1697, chúa Nguyễn lấy đất Phan Rí, Phan Rang lập thành phủ Bình Thuận, từ đó nước Chiêm Thành biến mất.

Đối với Cao Miên, công cuộc Nam Tiến dễ dàng hơn vì nội chiến làm vương quốc Chân Lạp suy yếu, thường bị Xiêm (đến 1939 mới đổi là Thái Lan) đánh chiếm đất nên vua Chân Lạp chạy sang cầu cứu Việt Nam và cắt đất dâng cho Việt Nam. Tưởng cũng nên biết là Cao Miên được thành lập vào thế kỷ thứ VI khi Vương quốc Phù Nam tan rã (bao gồm vùng đất bao la trải dài từ lưu vực sông Cửu Long đến sông Ménam, xuống tận các hải đảo Mã Lai). Từ thế kỷ thứ IX, nền văn hóa Khờ-Me lầy lừng thế giới với các công trình Angkor, chế ngự vùng Đông Nam Á.

Cuộc di dân người Việt từ miền Thuận Quảng vào miền Nam bắt đầu từ năm 1620 khi vua Miên là Chei Chetta II cầu hôn với Công Chúa Ngọc Vạn, con của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên. Chúa Nguyễn lợi dụng cơ hội này đưa quân lên Chân Lạp để mang về những tiếp liệu cần thiết (trâu bò, voi, lúa gạo) và đưa người Việt vào lập nghiệp tại miền lưu vực sông Cửu Long, trên danh nghĩa là đất của Miên, nhưng thực tế xem như vô chủ bởi lẽ từ nhiều thế kỷ, vì sự suy yếu nội bộ, vì chiến tranh liên miên với Xiêm, vùng đất này hoàn toàn hoang vu không có guồng máy cai trị của Chân Lạp.

Sau những đợt di dân tự nguyện và cưỡng bách của người Việt, vào năm 1679 có 3000 binh sĩ người Trung Hoa (người Minh, chống đối nhà Mãn Thanh), di cư sang Việt Nam. Chúa Nguyễn cho đi khai khẩn đất ở vùng Cù lao Phố (Biên Hòa) và Cao Lãnh. Sau đó, năm 1681 Mạc Cửu cũng người Minh đến vùng Hà Tiên.

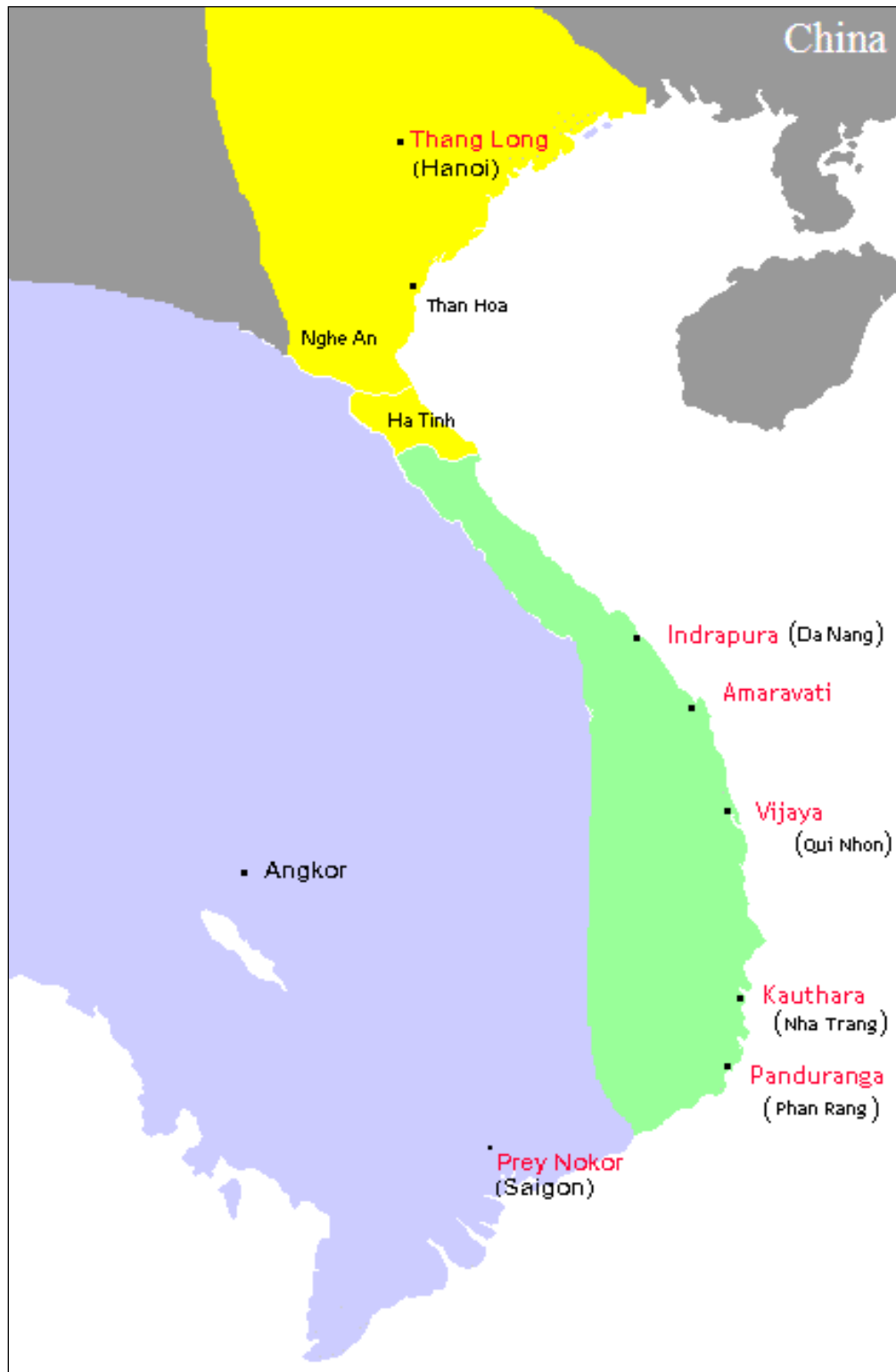
Ròng rã suốt gần 700 năm, lãnh thổ nước Việt đã mở rộng thêm gấp ba lần tính từ địa bàn trung tâm Đồng Bằng Sông Hồng cho tới biên cương ngày hôm nay.

Như vậy, sự thành lập miền Nam là do sự cộng cư của người Việt từ vùng Thuận Quảng di cư vào Nam lập nghiệp cùng với người Trung Hoa (đa số là người Triều châu) và người bản địa là dân Mélanésien, Polynésien của vương quốc Phù Nam cũ.

Cuộc Nam Tiến của người Việt Nam có thể được so sánh với cuộc Tây Tiến của người Mỹ đi sang miền bờ biển Thái Bình Dương.

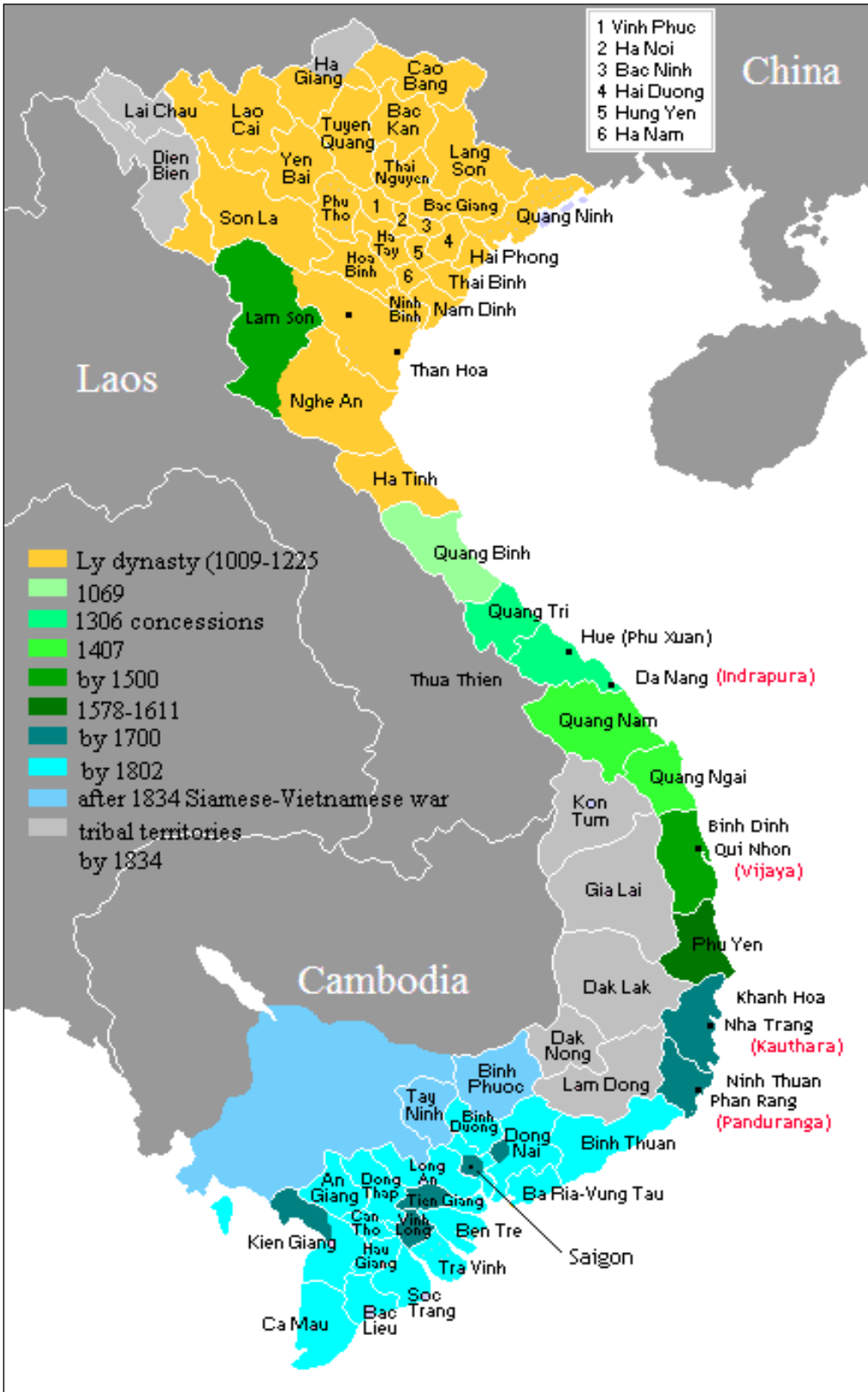
Đối với người Mỹ, câu «Go West, young man» (Các bạn trẻ, hãy đi về miền Tây) được coi là lời kêu gọi dân Mỹ di dân về miền Tây của nước họ với ước mong tìm được những vùng đất màu mỡ để lập nghiệp và thoát ly nếp sống cực nhọc và nghèo khổ hiện tại của mình. Ngoài ra, cuộc di cư này biểu tỏ bản chất đặc thù của người Mỹ là óc phiêu lưu, tìm tòi vĩ đại, quyền thế. Tương tự như vậy, một trong những động lực chánh của cuộc Nam Tiến là những vụ nước lụt thường xuyên và bất trị do sông Hồng ở miền Bắc gây ra. Thêm vào đó, những cuộc tranh chấp và bất ổn chánh trị trong nước cũng thúc đẩy người dân đi tìm một cuộc sống tốt đẹp hơn tại miền Nam. Cuộc Nam Tiến cũng chứng tỏ bản chất hào hùng, không bị đồng hóa khi gặp một văn hóa mới và đặc biệt đã tạo cho người dân Việt một ý chí kiên cường, chấp nhận gian khổ đi tìm đất mới khi bị áp bức như hai cuộc di cư 1954 và 1975.

Bản đồ diễn tiến cuộc Nam Tiến từ Bắc xuống Nam, 1069-1757



Đại Việt màu vàng, Champa màu xanh và Khmer màu tím

Ch.2 - Thuở Thanh Bình Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long



Cuộc di dân tuần tự xuống miền Nam đưa tới việc hòa hợp giữa các nền văn hóa, chủng tộc và nhân sinh quan. Điều này cũng đem lại sự biến đổi trong lối nhìn và sắc thái của người dân miền Nam. Một cách tổng quát, người Nam cởi mở, thoải mái và phóng khoáng hơn dân miền Bắc. Nói cho cùng, khi vào Nam, người ta phải đón nhận cách suy nghĩ cũng như phong tục mới để có thể hòa mình với dân địa phương. Ngược lại, qua ngàn năm Bắc thuộc, người Bắc đã phải tranh đấu để bảo tồn lối suy tư của mình. Họ quen che giấu cảm nghĩ của mình để có thể sống còn. Do đó họ trở nên kín đáo và hướng nội hơn.

Cũng như đa số trường hợp các nền văn hóa pha giống, tư tưởng và ưu điểm của mỗi dân tộc ở miền Nam được pha trộn với nhau để đem lại lợi ích chung cho mọi người. Thí dụ người Triều châu (người Tiều) nổi tiếng về tài canh nông, đã dùng khả năng chuyên môn này của mình để giúp sản xuất một số lượng thực phẩm dồi dào tại vùng đất đai phì nhiêu của đồng bằng. Nhờ vậy dân miền Nam hưởng được một cuộc sống sung túc hơn so với đồng hương của mình ở miền Bắc và Trung. Đó chính là lý do cuộc sống tại miền Nam được an bình và nhàn hạ.

Cuộc sống ở Miền Nam thuở thanh bình

Cuộc sống ở Miền Nam vào thời 1930 đến khi Việt Minh nổi dậy thật thanh bình, từ thành thị đến thôn quê. Người ta có thể lái xe hơi hay đi xe lửa từ Sài Gòn tới Mỹ Tho, cửa ngõ của Đồng Bằng Sông Cửu Long. Từ đó dùng ghe di chuyển trên vô số sông rạch đến thăm các vườn trái cây nhiệt đới, ngắm nhà nông dân xây trên các cù lao hay chiêm ngưỡng những cánh đồng bát ngát, thẳng cánh cò bay. Cũng như mọi người sanh ra tại Đồng Bằng Sông Cửu Long, tôi được nuôi nấng sát bên bờ sông nước. Ngôi nhà nơi tôi lớn lên nằm trong làng Tân-Thạch (Rạch Miễu) ngăn cách với thị xã Mỹ Tho bởi dòng sông Cửu Long có chiều rộng khoảng gần hai cây số hay một dặm Anh. Ba tôi cho xây một ngôi nhà chiều dài 20 thước và chiều ngang 10 thước ngay cạnh bến đò. Nơi đây cũng là nhà máy xay lúa gạo Khương-Hữu. Như nhiều nhà trong vùng, nhà của chúng tôi được xây một nửa trên đất liền, một nửa trên mặt nước được chống đỡ bởi các cột bê tông. Mái nhà lợp lá dừa nước, giống như mái tranh, nhờ vậy căn nhà được mát quanh năm.

Vào thời đó, không ai bị căng thẳng tinh thần cả. Không ai thấy phải vội vàng, hấp tấp. Với những chiếc xuồng nhỏ lơ lững trôi trên dòng sông chẳng ai biết giờ cao điểm là gì. Dân chúng không tiếp cận và bị thu hút bởi hàng hóa tiêu dùng bởi lẽ các nhu cầu căn bản như cơm ăn, áo mặc và nhà ở đã được đất đai trù phú và khí hậu ôn hòa quanh năm nơi đồng bằng lo toan. Khác hẳn với các thành phố lớn bên Mỹ mà sau này tôi tới sinh sống, Đồng Bằng Sông Cửu Long hoàn toàn không có ô nhiễm về tiếng động, bụi và khói xe.

Để băng qua hăng hà sa số những dòng nước trong vùng, người ta bắc những cây cầu khi gặp ghềnh mà chẳng phải tiêu pha chi thêm ngoài những thân tre mọc khắp nơi trong làng. Có thể khi chọn cái tên "cầu khi" người dân suy đoán là để băng qua cầu một cách dễ dàng, ai nấy đều cần nhanh nhẹn như khi cả. Có nhiều cây cầu còn không có thành nữa.

Cảnh đồng quê với nhiều “cầu khi” thơ mộng





"Cầu Khỉ"

Mặc dầu được xem là vùng nông thôn, Đồng Bằng Sông Cửu Long là một trong những nơi có tỉ lệ dân số trù phú và diện tích trồng trọt cao nhất nước. Ngoài lúa, nơi đây còn sản xuất nhiều dừa, mía, trái cây nhiệt đới, bông hoa và tôm cá.

Ch.2 - Thuở Thanh Bình Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long



Công việc đồng áng



Trẻ mục đồng chăn trâu của gia đình



Nuôi vịt lấy trứng



Lùa vịt



Ghe, thuyền, tam bản, đò



Ghe, thuyền

Nơi nào cũng thấy có chợ nổi. Chợ nổi gắn liền với đời sống hàng ngày và với văn minh Miệt vườn. Những buổi họp chợ luôn luôn náo nhiệt, và đông đúc cho ta cảm tưởng như đang thấy trước mắt một thành phố nổi. Ở nơi này, đủ thứ hàng hóa được mua bán, trao tay. Len lỏi trong số những ghe buôn còn có các xuồng nhỏ bán nước giải khát hay thức ăn để cả du khách lẫn người buôn kẻ bán có thể ngồi trong thuyền của họ mà thưởng thức một tô hủ tiếu nóng hổi hay một tách cà-phê thơm ngọt trong khi mua bán.

Gia đình tôi thường đi viếng chợ nổi Cái Bè, gần thành phố Mỹ Tho, được xem là trung tâm phân phối hàng hóa trong nước. Tại Cái Bè hoặc các chợ nổi khác, người bán không gân cổ rao hàng. Thay vào đó, họ dùng dây treo món hàng lủng lẳng trên cao để thu hút sự chú ý của người mua. Những chợ nổi lớn họp suốt ngày không ngưng nghỉ. Khi hoàng hôn xuống, đèn đuốc từ các ghe xuồng được thắp sáng rực để dân chúng tiếp tục mua bán tới hừng sáng.

Miền Nam phải nhập cảng một lượng lớn cá tươi từ Biển Hồ bên Cao Miên. Cá được chở xuôi dòng tới đây bởi những ghe chài lớn bằng gỗ. Hai bên thành ghe làm bằng lưới kim loại có hai phao thật to ở hai đầu ghe. Tất cả các ghe cá này đều cặp bến tại Mỹ Tho để đổ hàng lên những xe vận tải đưa cá tới Sài Gòn, chợ Cầu Ông Lãnh từ lúc tờ mờ sáng.





Chợ nổi



Đò máy chở khách đường xa



Chợ nổi



Ghe chở hàng



Các loại ghe, thuyền, tam bản



Đò

Ch.2 - Thuở Thanh Bình Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long



Phà



Tam bản địa phương



Khung cảnh tiêu biểu một đường phố ở đồng bằng với bến nước



Bản đồ Đồng Bằng Sông Cửu Long với tên các tỉnh



Ngôi nhà của nông dân



Hái hoa sen và hột sen

Đồng Bằng Sông Cửu Long nổi tiếng về trái cây vùng nhiệt đới và bông hoa. Tại tỉnh Bến Tre, các vườn dừa và vườn cây ăn trái rậm rạp tới mức ánh sáng mặt trời cũng khó soi tới mặt đất được. Vì vậy những cô gái lớn lên trong vùng này có làn da trắng muốt. Thời đó, người con gái Việt làm mọi thứ để tránh cho da khỏi bị sạm nắng. Nhiều cô còn che kín thân từ đầu xuống tới chân. Nhìn đâu cũng thấy nước, nhà nổi mọc mọi nơi, và người dân nông thôn được hưởng một cuộc sống tương đối dễ chịu. Họ dùng lá dừa nước mọc dọc theo các kinh rạch để lợp nhà rồi trồng rau hay cây ăn trái ngoài vườn. Lúa gạo đầy đồng và rẻ, còn tôm cá lúc nhúc dưới các sông rạch. Mỗi gia đình có thể nuôi gà, vịt hay một hai con heo. Dân chúng ăn mặc giản dị trong ngày thường: áo sơ mi, quần ngắn thích nghi với khí hậu mát mẻ quanh năm.

Du khách viếng nơi đây có thể ngồi trên mũi của một chiếc ghe lúc hoàng hôn để ngắm những hàng dừa dài vô tận, những ngọn đèn dầu leo lét khắp đó đây và cùng lúc nghe tiếng hò hoặc tiếng ca vọng cổ miệt vườn hòa lẫn với tiếng hót của chim ăn đêm, dế mèn, cóc nhái, và tiếng chó sủa inh ỏi.

Ch.2 - Thuở Thanh Bình Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long



Ngôi nhà lá



Con kinh giữa hai hàng dừa nước



Ngôi nhà lá



Khu nhà trong làng



Đánh cá



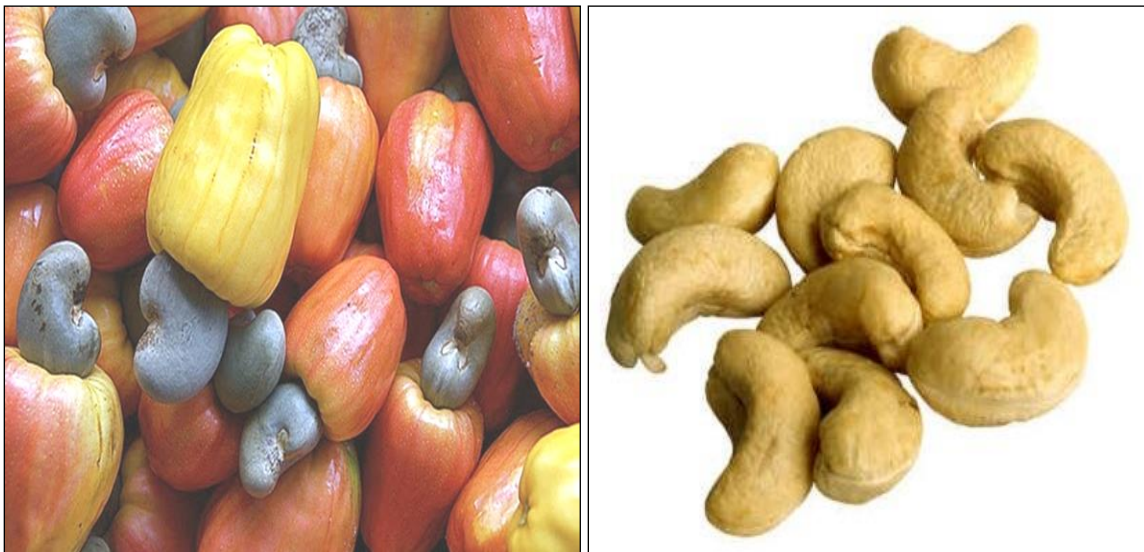
Nhà nổi tại Đồng Bằng Sông Cửu Long



Trái cây vùng nhiệt đới trên đường tới chợ



Mãng Cụt



Hột điều (nằm bên trong hột màu đen nơi đầu trái)



Trái Mít



Trái Thanh Long



Trái Me

Bắp Chuối màu tím

Trái Đu Đủ



Trái Sầu Riêng



Trái vú sữa



Trái khế



Trái cóc



Mãng Cầu Ta



Trái Lecuma



Trái thơm



Trái xoài



Trái vải



Trái Chùm ruột



Trái Chamoya (Mãng Cầu Xiêm)



Trái Chôm chôm



Sa pô chê



Trái Mận



Trái mận



Xe trái cây trong làng

Chỉ một lượng nhỏ trái cây được bán tại chợ làng mà thôi. Phần lớn trái cây trồng tại Đồng Bằng Sông Cửu Long được tiêu thụ ở những nơi khác trong nước. Người ta dùng ghe chở trái cây tới các chợ bán sỉ để rồi đưa lên thủ đô Sài Gòn trên các xe vận tải hay bằng đường xe lửa Mỹ Tho-Sài Gòn.



Đồng ruộng mênh mông

Đồng bằng được tạo bởi những lớp phù sa ở các vùng đất thấp gần cửa sông Mekong dài 4.500 cây số. Với ba mùa lúa trong năm, nơi đây là vựa lúa của nước nhà. Trong thời thơ ấu của tôi, lúa được gặt bằng tay và phơi khô dưới ánh nắng mặt trời. Người nông dân dùng những máy quạt bằng gỗ quay tay để thổi đi cát, bụi và rơm. Trước Thế Chiến Thứ Hai, Việt Nam dẫn đầu các quốc gia xuất cảng gạo.

Ch.2 - Thuở Thanh Bình Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long



Mùa gặt



Máy quặt lúa



Phơi lúa

Trong hai thập niên 1930 và 1940, Trung Quốc còn nghèo và kém mở mang nên thiếu phương tiện để xây những đập nơi thượng lưu sông Mekong. Do đó, đất phù sa từ cao nguyên Tây Tạng và vùng thượng lưu dài cả ngàn dặm Anh có thể chảy xuống tới Việt Nam và đem chất phân thiên nhiên đến cả vùng. Sau này, khi Trung Quốc xây nhiều con đập nơi thượng lưu làm cho dòng sông Mekong bị giảm sút trầm trọng gây nên sự hoảng hốt của dân chúng cuối nguồn vì nạn nước mặn xâm nhập. Kết quả là nguồn cung cấp gạo, cá, trái cây bị tổn hại nhiều.

Vùng đồng bằng không phải là bãi chiến trường chính trong chiến tranh Việt Nam. Nhưng sau khi người cộng sản chiến thắng, họ áp đặt một chánh sách cai trị khắc nghiệt trên toàn quốc đem lại nhiều lầm than khổ cực, kể cả nạn thiếu ăn trầm trọng. Phải đợi tới năm 1985 khi giới lãnh đạo Hà Nội đưa ra phong trào Võ văn Kiệt "đổi mới" thì tình trạng này mới bắt đầu được cải thiện. Lúc đó, nông dân miền Đồng Bằng Sông Cửu Long mới cày cấy trở lại những mảnh đất phì nhiêu của họ và biến vùng này thành vựa lúa trong nước như xưa. Năm 2015, Việt Nam sản xuất được 45 triệu tấn gạo, xuất cảng 8 triệu tấn, đứng hạng ba thế giới sau Ấn độ và Thái Lan (theo Trần Văn Đạt. *Sản xuất và thương mại lúa gạo VN và thế giới 2015-16*), trong đó vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long chiếm 75% số xuất cảng (6 triệu tấn).

Không phải chỉ ở thôn quê mà cuộc sống nơi thành thị khi tôi còn thơ ấu cũng thanh bình. Nhiều nhà cửa tại Mỹ Tho được xây theo lối kiến trúc của người Pháp. Tòa nhà lớn nhất nơi đây là dinh tỉnh trưởng.



Dinh Tỉnh trưởng

Tòa nhà nhìn ra đại lộ Bourdais (sau được đổi tên là Đại lộ Hùng Vương) con đường lớn nhất của thị xã, được xem như "Champs Elysées" của thành phố, nơi tổ chức cuộc diễu binh hàng năm vào ngày 14 tháng 7 được gọi là "Jour de la Bastille." Những tòa nhà khác do

người Pháp xây gồm nhà thờ Công Giáo nguy nga, tòa án, tòa hành chánh, trại lính, nhà hộ sanh, và sân vận động. Cần kể thêm một bồn nước cao dùng trọng lực để phân phối nước cho cả thành phố. Ngoài ra còn có một câu lạc bộ khá tráng lệ nằm bên sông Mekong là nơi uống rượu của quan chức người Pháp.

Trong thời Pháp thuộc, hệ thống cảnh sát đầy quyền uy của Pháp thi hành chánh sách kiểm soát khí giới và cai trị dân Việt thật khắt khe. Tôi còn nhớ rất rõ hình ảnh viên cảnh sát trưởng người Pháp đạp chiếc xe máy đi thanh tra trong châu thành Mỹ Tho. Ông ta thật oai phong trong bộ đồng phục vải khaki và đeo bên hông một khẩu súng lục to tướng đựng trong bao da bóng loáng.

Sự thực vào thời đó, dân chúng toàn quốc có thể sống cuộc đời an bình ngày cũng như đêm. Tỉ như ba tôi, tuy là một thương gia có tiếng trong tỉnh, cũng chỉ xin được giấy phép mua một khẩu súng hơi để săn chim mà thôi. Với một chế độ kiểm soát nghiêm ngặt như vậy, gần như trong cả tỉnh lỵ không kiếm đâu ra được một khẩu súng. Nạn du đảng hay băng đảng cũng không có đất sống. Trong suốt 50 năm, tiệm vàng Khương-Hữu của gia đình tôi không hề gặp trộm cướp và cũng không cần mướn nhân viên bảo vệ nào cả.

Mỗi tuần ba tôi đi xe lửa lên Sài Gòn đem theo cặp da trong đựng một thoi vàng nặng vài ký. Ông đem vàng tới Ngân Hàng Đông Dương để thử độ vàng rồi đổi ra tiền mặt. Vàng này mua từ nữ trang khách hàng trong toàn tỉnh đem đến bán cho tiệm. Trong nhiều năm ba tôi di chuyển như vậy một mình mà không chút sợ sệt, lo lắng. Thật là cả một thời an bình đã qua.

Ba tôi đôi khi cho tôi chút tiền túi để thưởng công cho tôi vì đã giúp ông nấu những nữ trang mua lại. Chúng tôi dùng một lò nấu với than đước và nhiệm vụ của tôi là quạt máy quạt gió nhằm giữ cho nhiệt độ trong lò đủ nóng để làm chảy vàng. Vàng chảy trong một cái giót trước khi được đổ vào cái khuôn bằng thép.



Cái giót



Khuôn đổ vàng bằng thép.

Cuối cùng chúng tôi có được một thoi vàng hình giống như một viên gạch để ba tôi đem lên Sài Gòn mỗi tuần. Tôi nhớ ba tôi thường đi chuyến xe lửa rất sớm. Tôi được đi theo ba tôi tới nhà ga xe lửa. Cha con chúng tôi thường ghé vào một quán gần đó để ăn điểm tâm. Tôi hay gọi hai món tôi ưa thích nhất là café sữa và hủ tiếu Mỹ Tho, món ăn nổi tiếng cả xứ Nam kỳ và trong cộng đồng người Việt ngày nay ở Mỹ nữa. Ăn xong điểm tâm tôi trở về đi học. Sáu giờ chiều cùng ngày, tôi đi bộ lại nhà ga để đón ba tôi.

Đôi khi, để thưởng cho tôi, ăn tối xong ba tôi dẫn tôi trở lại nhà ga để đón một chuyến xe lửa đặc biệt. Số là khi xe ngừng ở Mỹ Tho mà nhà ga không có đủ chỗ quay đầu trở lại để đi chuyển về Sài Gòn, do đó chiếc xe phải chạy thụt lùi tới một vùng ngoại ô thành phố (Vòng Nhỏ) mới có thể quay đầu 180 độ. Rồi chiếc xe lại chạy thụt lùi trở về nhà ga để sẵn sàng cho chuyến đi Sài Gòn vào sáng sớm hôm sau. Đối với tôi, chuyến đi ngắn ngủi đó luôn đem lại cho tôi nhiều hứng thú.



Xe lửa Mỹ Tho - Sài Gòn 1938



Xe lửa Mỹ Tho - Sài Gòn 1938

Tôi sẽ tiếp tục kể chuyện những thú vui và phong cảnh vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long trong chương sau.

Chương 3

Những Thú Vui Tại Đồng Bằng Sông Cửu Long

Đồng Bằng Sông Cửu Long, còn gọi là Miền Tây, nhìn từ không ảnh là một vùng đất bằng phẳng như tờ giấy với những đồng ruộng thấp và ngập nước gồm Tây Đô (Cần Thơ) và 12 tỉnh là Long An (gồm 2 tỉnh Tân An và Kiến Tường cũ), Tiền Giang (Mỹ Tho và Gò Công cũ), Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang (tỉnh Cần Thơ cũ), Đồng Tháp (Sa Đéc và Kiến Phong cũ), An Giang (Long Xuyên cũ), Kiên Giang (Rạch Giá cũ), Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau. Bốn tỉnh nằm ở tả ngạn Sông Tiền gọi là Vùng Tiền Giang và các tỉnh hai bên bờ Sông Hậu gọi là Vùng Hậu Giang.



*Một không ảnh của Đồng Bằng Sông Cửu Long
với 9 cửa biển*



*Bản đồ Đồng Bằng Sông Cửu Long
với tên các tỉnh thành*

Những hồi ức về Đồng Bằng Sông Cửu Long vẫn còn sống động trong tim óc tôi dù đã bao năm tôi đã xa cách quê hương. Tôi còn nhớ rõ cuộc sống đơn sơ và bản chất mộc mạc của dân cư nơi đó. Họ là nông dân, ngư dân, thợ thủ công sống tụ tập bên bờ sông hay kinh rạch trong những căn nhà xây thật sơ sài với bất cứ vật liệu gì có sẵn.



Đường làng ở đồng bằng với đủ loại cây cỏ



Những ngôi nhà tiêu biểu ở Đồng Bằng

Đa số những ngôi nhà tại đây có mái lợp lá dừa nước và có chỗ cho ghe thuyền cặp bến. Những “garage” này bằng gỗ xây cất lộ thiên hay có mái lợp lá nằm dài theo bờ sông che



Ngôi nhà xây một nửa trên đất liền một nửa trên mặt sông

mưa nắng cho ghe đậu. Nhiều ngôi nhà được xây một nửa trên đất liền, một nửa trên mặt sông giúp cho căn nhà được mát quanh năm. Nhờ đó còn bảo đảm có nước “trời ban” để tắm rửa và dùng cho các việc nội trợ khác.

Tôi còn giữ được nhiều kỷ niệm về những thú vui thời thơ ấu tôi chia sẻ cùng với ba tôi tại vùng đất này. Tôi may mắn có được người cha thích sống ngoài trời và thương yêu thiên nhiên. Gần như mỗi cuối tuần, ba tôi đưa tôi đến thăm đồng ruộng, vườn cây nhiều màu sắc hay những sông rạch hiền hòa. Các hình ảnh sau đây ghi lại cuộc sống hiền hòa của đồng quê miền Nam nơi đó tôi đã có những kỷ niệm không quên.

Các cơ sở kỹ nghệ và thủ công nghệ

- Nhà máy xay lúa

Một trong những doanh nghiệp của gia đình tôi là nhà máy xay lúa “Khương-Hữu” một năm ở ngoại ô thành phố Mỹ Tho và một gần bến “bac” Rạch Miễu (Bến Tre). Tính tò mò về kỹ thuật nảy sinh trong tôi khi tôi quan sát dàn máy đặt nơi đây biến lúa thành gạo lứt để sau đó được cối xay có gắn cao su mài ra thành gạo trắng. Sản phẩm phụ là cám được dùng để nuôi heo. Tôi còn nhớ ba tôi biểu chị Tư tôi lấy *cám số một* nấu với sôcôla để ăn tráng miệng “rất bổ”. Nhiều năm sau, bên Tây phương người ta mới bắt đầu quảng cáo cám như là một thức ăn chứa nhiều chất bổ dưỡng để bày bán tại các siêu thị.



Nhà máy kỹ nghệ xay lúa gạo



Nhà máy xay lúa gạo nhỏ trong làng

Thêm nữa, tôi khám phá ra khi xay lúa còn được trấu dùng để nấu cơm, hay đốt các lò đun kỹ nghệ. Nhà nông còn dùng trấu thay phân bón cho vườn tược của họ.

- Lò gạch

Ba tôi đưa tôi đi xem nhiều loại nhà máy để giúp tôi chọn một hướng đi cho tương lai, đặc biệt cho ngành kỹ sư về sau này. Tôi thường đi đến lò gạch cách nhà máy xay lúa gạo của gia đình không xa. Đi thăm lò gạch thú vị hơn cả vì tôi có thể mang về nhiều đất sét tốt để làm thành đồ chơi như xe hơi, xe gắn máy, nhà tí hon, dụng cụ nấu ăn, hộp nuôi dế mèn...



Lò gạch



Ghe chở đầy trấu tới lò gạch



Công nhân gánh trấu tới lò gạch để đun lò

Nơi đây tôi cũng học được từ các người thợ cách dùng đất sét và khuôn gỗ để làm gạch, ngói bằng tay thật lẹ. Gạch, ngói ướt được phơi khô ngoài trời rồi cho vào lò hầm hình nón cối, xây bằng gạch đỏ như ở các hình chụp phía trên. Người ta dùng củi hay trấu lấy từ các nhà máy xay lúa gạo kế cận để đốt lò.

Ngoài ra, ba tôi cũng muốn cho tôi biết các sinh hoạt kinh tế và các ngành nghề trong làng nên cho tôi đi viếng nơi sản xuất “cái” dừa khô và nước mắm. Nước mắm đối với người Việt là món ăn quốc hồn quốc túy tương tự như xì dầu với người Hoa, Nhật bản và Đại hàn. Tôi xin phép lưu ý bạn đọc là trong gần 200 quốc gia trên thế giới chỉ có bốn nước này dùng dừa để ăn mà thôi. Phần còn lại dùng muông nia hoặc ăn bốc.

- Hăng làm nước mắm

Nước mắm là một loại nước chấm màu hổ phách lấy từ cá trộn với muối. Muốn làm nước mắm, người ta lần lượt xếp một lớp cá rồi một lớp muối trong một thùng cây hình ống trụ như trong hình dưới đây. Vì đảo Phú Quốc và tỉnh Phan Thiết có loại cá cơm (anchovies) ngon nên nước mắm sản xuất ở hai vùng này nổi tiếng nhất. Ở Đồng Bằng Sông Cửu Long có cá linh, loại cá nước ngọt có thể dùng để làm nước mắm nhưng phẩm chất không bằng cá cơm nước mặn. Trước đây nước mắm được đựng trong các tìn làm bằng đất sét nung nhưng sau này được thay thế bằng chai làm bằng thủy tinh hay nhựa.





Nước mắm được chứa trong những thùng gỗ hình ống trụ và những tin

- Xưởng làm bánh tráng

Nguyên liệu dùng làm bánh tráng là gạo. Gạo đã ngâm nước được xay cùng với nước trong một máy đơn giản như dưới đây. Người nông dân dùng một cối xay tay bằng đá hình tròn để làm bột gạo, và dùng bột gạo để làm bánh tráng.



Công nhân làm bánh tráng



Cối xay gạo

Để làm những miếng bánh tráng thật mỏng, người công nhân ngồi trên một chiếc ghế thấp để trải nước bột gạo lên một miếng vải được căng thẳng trên miệng nồi nước đang sôi. Khi tráng xong một lớp bột gạo mỏng, người này đẩy nắp lại rồi hấp như vậy trong vòng 30 tới 45 giây.

Miếng bánh tráng hình tròn sau đó được trải trên vỉ tre rồi đem đi phơi nắng trong vòng một ngày. Khi xong, miếng bánh tráng trông tựa như một miếng giấy màu trong đục.

Phơi bánh tráng: Bánh tráng có khi có ẩn hình lá dừa hoặc lá tre là khi đặt bánh tráng ướt trên các vỉ có hình này chuyển qua mặt bánh tráng khiến cho chúng có hình dạng đặc trưng cho mỗi nhà sản xuất.



Bánh tráng được phơi dưới ánh nắng mặt trời trên những vỉ tre.

Những miếng bánh tráng đã khô được hợp lại thành từng xấp, vô bao nylon để đem ra chợ bán.

Người Việt dùng bánh tráng gói thức ăn, tương tự loại bánh tortillas đã được dùng như loại thức ăn chính tại Mỹ Tây Cơ. Nhiều bộ lạc người da đỏ ở miền Tây Nam Hoa Kỳ cũng ăn tortillas nữa.

Bánh tráng được dùng để gói chả giò hay gói cuốn (Xin xem hình)



Gỏi cuốn



Chả Giò

- Xưởng làm "cái" dừa khô (copra)

Cái dừa khô được dùng để ép biến chế ra dầu dừa. Phần xác dừa khô còn lại dùng làm thức ăn cho súc vật dưới hình thức là bánh xác dừa. Đồng Bằng Sông Cửu Long là đất của cây dừa. Nhìn đâu cũng thấy dừa và cư dân hoàn toàn tùy thuộc vào dừa. Dừa được dùng để đun, làm kẹo, nấu rượu, lợp mái nhà, làm túi xách, điêu khắc để làm vật kỷ niệm rẻ tiền, làm chổi, bàn chải... Bất cứ bạn nghĩ tới vật dụng gì thì người nông dân và thợ thủ công nghệ đều có thể tìm ra được cách dùng các bộ phận của trái dừa và cây dừa để chế biến ra vật dụng bạn muốn.

Thông thường, người nông dân chở dừa tới xưởng làm cái dừa khô bằng ghe vì đây là phương tiện chuyên chở hữu hiệu và rẻ nhất.



Xưởng làm "cái" dừa khô (copra)



Chở dừa tới xưởng biến chế

Người công nhân sử dụng một dụng cụ thô sơ bằng kim loại để tách dừa ra khỏi thành gáo dừa hình bầu. Cái dừa màu trắng dính chặt vào thành gáo dừa. Sau khi đã lấy ra được cái dừa trắng thì đem đi sấy khô để có cái dừa khô (copra). Có nhiều cách làm khô như hun khói, phơi nắng, sấy trong lò. Phơi nắng thật đơn giản chẳng cần gì hơn là mấy cái vỉ và mặt trời đủ nắng. Lấy hết nước xong, chỉ việc đem từng nửa trái dừa ra phơi nắng hướng về phía mặt trời. Nếu dừa được đem hun hay sấy thì cơm dừa sẽ tóp lại rồi tự tách ra khỏi gáo dừa và đổi sang màu đậm hơn.



Công nhân tách "cái" dừa



"Cái" dừa tươi trắng còn nằm trong gáo



"Cái" dừa khô màu nâu

Khi bổ trái dừa làm hai, nước dừa được hứng lại để đem đun trong những chảo lớn cho tới khi sệt lại thành nước màu dùng khi nấu nướng. "Gáo" dừa cứng được dùng trong kỹ nghệ để sản xuất than hoạt tính. Trong thời Pháp thuộc, Việt Nam xuất cảng "cái" dừa khô (copra) sang Marseille để làm loại xà bông nổi tiếng 72% phần dầu.

- Lò đường thủ công nghệ

Mía là nguyên liệu dùng làm đường.



Đốn mía tại vườn trồng mía



Xe chở mía tới nhà máy đường



*Ghe chở mía trên kênh rạch thẳng tiến
đến nhà máy đường*

Lò làm đường thủ công nghệ có máy ép mía được quay tay hay nếu quy mô hơn thì dùng bò, trâu hay động cơ nhỏ kéo. Nước mía được đun cho bay hơi để thành đường lỏng rồi đổ ra chiếc đệm bằng phẳng. Khi nguội, nước đường đông cứng lại, cắt ra thành đường thẻ.



Một nhà máy làm đường thuộc loại nhỏ

Những thú vui theo sở thích của tôi

Tất cả những thú vui tôi vừa kể đều bắt nguồn từ mục đích hướng nghiệp của ba tôi, muốn đưa tôi tới những cơ xưởng để tôi làm quen với những hoạt động sản xuất ở trong làng, biết được giá trị sức cần lao và tạo cho tôi một sở thích để chọn nghề sau này. Tuy lâu dần thành quen thuộc, nhưng tôi cũng có những thú vui riêng của trẻ thơ giống như những đứa trẻ đồng tuổi trong làng. Sau đây là vài thú vui do chính tôi chọn lựa theo sở thích.

- Đá Dế

Đi lùng bắt dế mèn (dế than, dế lửa) ở đồng ruộng về nuôi để chọn các con đồng cỡ cho đá nhau chí tử cũng là một thú vui khác của tôi. Bọn trẻ trong xóm đem dế mèn của mình đến nơi tụ tập rồi tổ chức những cuộc đá khá ngoạn mục. Điều quan trọng là biết chọn những con đồng lứa và bằng sức để cho đấu với nhau.



Cặp võ sĩ đồng cỡ



Tô thủy tinh dùng làm võ đài



Dế đá nhau trong võ đài làm bằng thủy tinh

Tôi không bao giờ quên cho những con đẽ đực nhảy mái trước khi đá vì tôi tin làm vậy chúng sẽ được thư giãn hơn. Mỗi ngày khi cho chúng ăn xong tôi bỏ thật nhiều thì giờ quan sát màu sắc của chúng, lắng nghe tiếng chúng gáy và để ý cách chúng di chuyển để chọn những con lợi hại nhất. Hai ông bầu của cuộc đấu dùng một sợi tóc để kích thích bộ râu của đẽ mèn cho tới lúc chúng bị bức bối và trở nên hiếu chiến đưa hai răng nhìn như hai cái móc. Khi cả hai con đã háu đá, miếng ván nhỏ ngăn đôi chúng được rút lên và cuộc đấu quyết liệt bắt đầu. Cuộc so tài thật ngắn ngủi chỉ kéo dài trong vòng vài giây mà thôi. Thắng bại được quyết định tùy theo con nào bỏ chạy trước hay ngưng gáy. Khi cuộc đấu đã bắt đầu và con đẽ cọ hai cánh vào với nhau để cử bài quân ca thách thức đối thủ thì tôi cũng tưởng như chính mình đang bước lên võ đài vậy.

- Đá Cá Lia Thia



Cá đẽ được nuôi dưỡng để phát triển bản chất hiếu chiến của chúng

Chơi đá cá lia thia là thú tiêu khiển thanh lịch của người dân quê và của trẻ con thích cách chơi không ồn ào hiếu động. Ở nhà quê hoặc ở vùng nửa quê nửa tỉnh người ta mới chơi đá cá lia thia vì phải ở gần ao, đầm, rạch mới có cá lia thia để người ta đi xúc bắt. Muốn xúc bắt cá lia thia phải đi tìm kiếm những chỗ nước ngập ít, "xâm xấp", những cái bọ trắng cá lia thia làm dưới những bụi cỏ. Hễ thấy có bọ cá trắng nổi lên chắc chắn nơi đó có cá lia thia. Cá lia thia đem về nuôi trong những cái keo thường để trên một cái kệ dài sát tường nhà, giữa hai cái keo "cách ly" bằng một miếng giấy để chúng không nhìn thấy nhau. Nếu chúng thấy nhau thì chúng phùng mang, vươn kỳ vi lên trông rất dữ tợn và cứ nhắm con cá đối phương ở bên lọ khác mà chỏ mỏ cắn, tấn công. Chỉ khi nào muốn quan sát xem coi trình độ cá như thế nào, người ta mới lấy miếng giấy cách ly đó ra. Nếu để chúng đá bóng nhiều lần như vậy, chúng cứ tấn công vào vách lọ hoài thì sẽ tà mỗ, bị thương tích không thể nào lâm chiến, thắng trận được.

- Đá Gà



Thú vui của trẻ em trong làng. So gà đá loại nhỏ cho xứng đôi trước khi đá

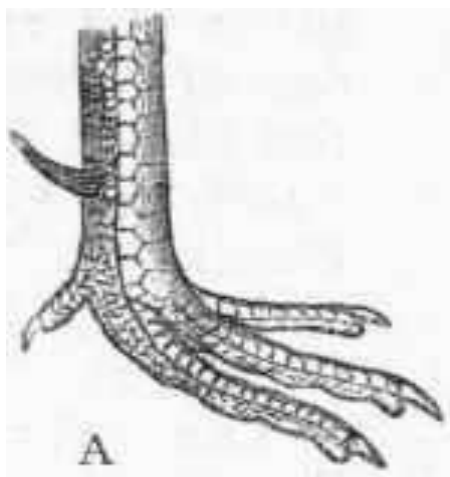
Tôi đã cư ngụ tại Mỹ gần nửa thế kỷ nên tôi hiểu bên Tây phương đá gà bị coi là thú tiêu khiển bất hợp pháp và độc ác. Cái phong tục lâu đời đó của xứ tôi có thể khiến người ngoại quốc coi tôi như một đứa trẻ quái gở nếu trong cuốn hồi ký này tôi nói đá gà là một thú vui của tuổi trẻ. Người nước tôi có nói "Đất nào, tục lệ đó" còn Rudyard Kipling đã viết: " East is East and West is West, and never the twin shall meet/ Đông là Đông, Tây là Tây, Đông và Tây không bao giờ gặp gỡ."

Bên phương Tây, trẻ em có nhiều đồ chơi. Lớn lên ở một đất thuộc địa của Pháp trong vùng Đông Nam Á của thập niên 1930, đồ chơi của tôi thật là thô sơ. Đó chỉ là những con dế, cá đá hay gà đá. Những món đồ chơi khác thì làm bằng đất sét. Cũng nên nói là dế, cá, và gà tự chúng cũng đấu đá nhau trong thiên nhiên mà không cần ai xúi giục hay bắt buộc cả. Trong trang giấy này, tôi chỉ có ý kể ra những thú vui của tôi trong thời niên thiếu ở Đồng Bằng Sông Cửu Long mà không muốn đề cập gì đến vấn đề độc ác với súc vật. Thực lòng mà nói, tôi cảm thấy kinh hãi mỗi khi thấy ở trên màn ảnh truyền hình bên Mỹ cảnh đấu quyền Anh hay đô vật đấm máu giữa con người với nhau. Nhiều người Mỹ rất thích những thú vui đấm máu như vậy mà vẫn cho đá gà là tàn nhẫn và bất hợp pháp! Kipling nói thật đúng: "Đông là Đông, Tây là Tây, Đông và Tây không bao giờ gặp gỡ."

Tôi cũng khám phá ra rằng đá gà không chỉ thịnh hành trên toàn cõi Việt Nam mà còn được ưa chuộng trong khắp vùng Đông Nam Á. Tụi trẻ thích có gà độ của riêng mình để chăm sóc. Gà độ khi còn non dùng cựa nhỏ. Khi lớn đủ tháng tuổi chúng mới thực sự dùng cựa cứng và nhọn của riêng mình để đá nhau. (Xin coi hình gà đang đá nhau)



Cựa gà có thể trở thành loại khí giới độc hại. Cách tôi nuôi gà độ bắt đầu từ khi nó còn trong trứng rồi nở thành gà con. Sau đó tôi lựa những con nào có lông màu đẹp nhứt để nuôi. Trước khi đưa gà lên võ đài, tôi dùng dao thật bén để gọt cựa của chúng cho thật sắc.



Cựa của gà độ

- *Bắn chim*



cây ná

Đi bắn chim phải cần ***cây ná*** là dụng cụ làm bằng sợi dây cao su để bắn đến mục tiêu bằng những viên đạn làm bằng đất sét ướt từ lò gạch (hay kiếm ngoài ruộng còn ướt) vo tròn, đem nướng trong bếp than cho cứng lại.

Đây là một trò chơi thích thú vì nó cho phép tôi đi săn bắn chim với các bạn cùng lứa tuổi với mình. Chúng tôi săn chim bồ câu nhà hay chim bồ câu rừng cũng như bao loại chim hoang khác của vùng nhiệt đới như traو trảo, se sẻ, sáo, bìm bịp, cưỡng... tôi cũng có thể bắn rớt các trái me dốt, me ngọt, xoài từ những cây mọc dọc theo đường phố tại tỉnh nhà. Không phải cây nào trái cũng ngọt và đây chính là cả một sự thử thách cho tôi khi phải chọn lựa cho đúng.

Một thú vui khác là đi bắn chim với ba tôi. Trong mùa gặt, ba và tôi săn chim bồ câu rừng khi chúng đi kiếm ăn trong ruộng lúa. Tuy nhiên, ba và tôi thích săn chim ưng nhút. Bắn được chúng rất khó vì chúng luôn đậu trên đỉnh những cây cao nhất trong vùng. Dưới thời Pháp thuộc, ba tôi chỉ được phép có khẩu súng hơi Đức hiệu HAENEL dùng một viên đạn chì duy nhất mà thôi. Thật khó mà



bắn được chim ưng với một khẩu súng hơi yếu như vậy. Ông ngoại tôi dùng lông cánh thật dài của chim ưng để làm những cái quạt tay rất đẹp. Sau giờ săn chim buổi sáng, ba và tôi thường ăn bánh canh cá lóc thơm ngon ngoài đồng. Ở đồng bằng, cá lóc được ưa chuộng vì thịt nó mềm và ngọt. Ăn trưa xong, nhiều khi ba tôi cắt vài lá chuối to để cho tôi dùng làm chiếu ngủ trưa trong đình làng rồi ba tôi tiếp tục đi bắn chim.



German Air gun HAENEL .22 cal

- Đi tát đìa, bắt cá

Tôi có một kỷ niệm độc đáo và khó quên khi đi thăm cánh đồng ruộng của người anh họ Khương Hữu Gương, con của bác Ba Khương Hữu Phi tại Vĩnh Long. Anh làm chủ một thửa ruộng rộng 50 mẫu tây được chăm sóc kỹ càng. Chung quanh miếng đất đắp thành bờ bao để kiểm soát mức nước trong mùa cấy. Vào mùa nước nổi cá lóc, cá rô, cá sặc... và tôm càng lội vào ruộng được nhưng không sao ra được vì bị cái "valve" một chiều chặn lại. Chúng sinh sống như vậy trong cánh đồng suốt năm nhờ một mạng lưới đường nước nhỏ chạy chằng chịt trong thửa ruộng. Mỗi năm, vào ngày lễ "Chắt đập", các tá điền (người làm ruộng thuê) của anh họp lại để ra công bắt cá tôm ăn mừng.



Thửa ruộng rộng 50 mẫu tây có chằng chịt những con rạch thủy lợi



Chỉ còn một con rạch sâu duy nhất giữ cá lại trong cánh đồng rộng mênh mông

Qua hai tấm hình trên, bạn có thể tưởng tượng khi nước ở trong tất cả các con rạch nhỏ bị rút cạn thì người ta mặc sức bắt cá và tôm càng bị dồn vào con rạch đầy bùn duy nhất còn lại. Nước ở trong con rạch này sau đó được tháo ra ngoài sông qua một đường nước có lưới chặn. Điều thích thú cho chúng tôi là làm sao gạt hết bùn trên mặt rạch chỉ còn thân cá và tôm càng nằm trơ trên cạn! Giải pháp thật đơn giản. Chúng tôi chế biến ra một cuộn rơm có chiều rộng khoảng một thước tây và chiều dài bằng bề ngang con rạch. Năm đứa trẻ trong bọn đứng sau và đẩy cuộn rơm về phía trước để quét bùn đi.



Cá lóc



Cá rô



Tôm càng xanh nước ngọt ở Đồng Bằng Sông Cửu Long

Ngay dưới lớp bùn bạn có thể thấy toàn cá và tôm càng. Bây giờ phải làm gì với chiến lợi phẩm tươi ngon này đây? Cách làm lẹ và hay nhất là xếp những con cá lóc và tôm càng này trên mặt đất, phủ rơm lên khá cao để nướng cho tới khi tôm càng màu xanh đổi ra màu đỏ là bữa ăn đã dọn xong. Phần cá lóc chỉ cần bỏ lớp da cháy bên ngoài là có lớp thịt thật trắng và ngọt. Đây quả là một bữa tiệc ngon lành giữa đồng ruộng trong thời niên thiếu của tôi tại Đồng Bằng Sông Cửu Long. Vì không có phương tiện ướp lạnh, các tá điền nhanh tay làm và rửa cá cho sạch, ướp với muối trong những lu đất nung thật lớn để làm mắm. Tôm càng quý hơn không làm mắm, mà chỉ kho gạch hay kho tàu để chia ra ăn.

Buồn thay, cuộc sống trù phú và tươi đẹp ở Đồng Bằng Sông Cửu Long như tôi đã trải qua thời thơ ấu đã dậy lên binh lửa bởi cộng sản, nhân danh độc lập tự do để gây ra cuộc nội chiến Nam-Bắc tương tàn mà hậu quả là áp đặt chế độ độc tài đảng trị trên cả nước, đẩy một triệu người Việt vào tù ngục để trả thù và một số may mắn thoát đi được phải sống đời tị nạn trên khắp thế giới trong đó có tôi.

Phần 2

Hội Nhập Văn Hóa Pháp

Chương 4

Nấm Mùi Tranh Đua Tại Trường Le Myre de Vilers



Cổng trường Collège Le Myre de Vilers Mỹ tho 1944

Tôi có nhiều bà con sống bên Pháp và là công dân Pháp nên tôi muốn tránh hiểu lầm. Khi tôi viết về chánh sách thuộc địa Pháp đối xử không tốt với người Việt, tôi chỉ nhắc lại một sự thực lịch sử vì tôi đã sống vào thời kỳ người Âu châu bóc lột người Á châu trong thế kỷ 20. Và lại, đa số dân Pháp cũng không phải luôn luôn tán thành chánh sách thuộc địa của chánh phủ của họ.

Thời Đế quốc Pháp còn thịnh hành có hai chủ trương được triệt để áp dụng : Chia để trị và Ngu dân. Về chủ trương thứ nhứt, họ chia Việt Nam ra làm 3 xứ : Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc

Kỳ và về chủ trương thứ hai, họ biến dân bản xứ càng ngu dốt để việc cai trị của họ được càng dễ dàng. Về đại học, xứ Nam Kỳ và Trung Kỳ không có trường đại học nào cả! Thời xưa, người Nam, les Cochinchinois hay Annamites theo tiếng Pháp, muốn theo đại học phải ra Hà nội, cách xa 1,072 dặm Anh (1,726 km) để học tại *Đại học Hà nội*, đại học duy nhất ở Đông Dương. Trường này chủ ý không lập phân khoa kỹ thuật (engineering) để người Pháp được độc quyền xuất cảng sản phẩm kỹ nghệ qua thuộc địa của họ.

Thời tôi học Trung học, trong toàn cõi Nam kỳ, về giáo dục chỉ có hai trường trung học đệ nhất cấp - "collège" theo tiếng Pháp - đặt ở hai tỉnh Cần thơ và Mỹ tho nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long và bốn trường trung học đệ nhị cấp - "Lycée" theo tiếng Pháp - là Pétrus Ký, Trường Áo Tím (Gia Long), Chasseloup Laubat và Marie Curie ở Sài gòn, thủ đô của xứ Nam kỳ. Trường Trung học Đệ Nhất cấp tôi học ở Mỹ Tho là Collège Le Myre de Vilers, tên của viên Thống đốc Nam Kỳ, đến năm 1953 được đổi lại là Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu, tên của một văn hào nổi tiếng của Miền Nam với tác phẩm *Lục Vân Tiên*.



Bức tượng cụ Nguyễn Đình Chiểu đặt ở sân trường

Collège Le Myre de Vilers nơi tôi học bậc trung học đệ nhứt cấp là trường Trung học công lập đầu tiên được Pháp thành lập ở Nam Kỳ vào ngày 17 tháng 3 năm 1879, lúc ấy mang tên là Collège de Mytho.



Lễ kỷ niệm 130 năm ngày thành lập 17/3/1879--17/3/2009, Collège Le Myre de Vilers, được đổi tên là Trung học Nguyễn Đình Chiểu năm 1953

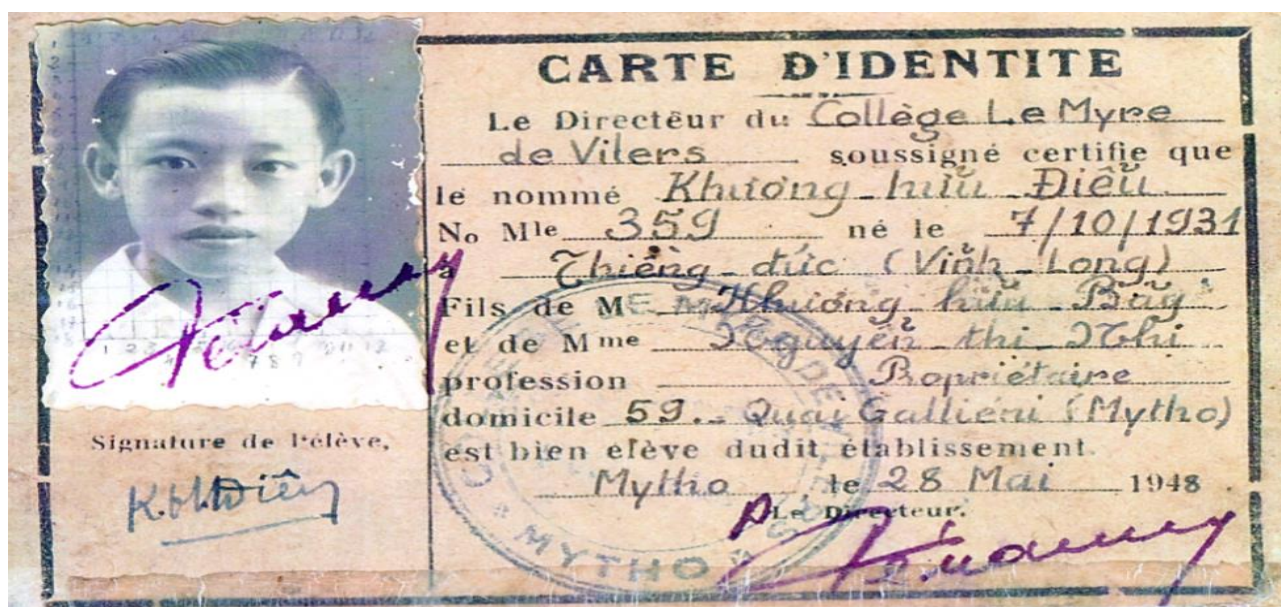
«Nếu không kể những trường trung học được thành lập trước đó như Collège d'Adran được thành lập năm 1861 là trường thông ngôn, Collège des interprètes cũng là trường thông ngôn thành lập năm 1864, trường hậu bổ École des Stagiaires thành lập năm 1873 để đào tạo cán bộ hành chánh và Collège Chasseloup Laubat thành lập năm 1875 cho trẻ con người Pháp hay quốc tịch Pháp, thì trường Collège de Mytho thành lập năm 1879 là trường trung học công lập đầu tiên tại Nam Kỳ. Những trường trung học khác ở các thành phố lớn cũng được thành lập sau Collège de Mytho như trường Quốc Học Huế thành lập năm 1896, trường Nữ Trung Học Áo Tím năm 1922 lúc ấy mang tên là Collège des jeunes filles indigènes, trường Trung Học Cần Thơ thành lập năm 1926 (sau là Trung Học Phan Thanh Giản), Trường Pétrus Ký khai giảng năm 1927 với tên là Collège de Cochinchine trước khi đổi tên là Collège Pétrus Ký năm sau ... Collège de Mytho được đổi tên thành Collège Le Myre de Vilers năm 1942 và Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu năm 1953 . Từ lúc thành lập cho đến 1945, trường Collège de Mytho thu nhận các học sinh các tỉnh ở Nam Kỳ và sau 1945, khi trường

Trung học Cần Thơ phát triển, học sinh ở các tỉnh lân cận với Mỹ Tho như Gò Công, Tân An, Bến Tre, Trà Vinh mới được thi tuyển vào Collège de Mytho» (Lâm Văn Bé. Từ Collège de Mytho đến trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu; Kỹ yếu Mỹ Tho-Định Tường/ Hội Đồng Hương Mỹ Tho-Định Tường; Hội Ái Hữu CHS Nguyễn Đình Chiểu - Lê Ngọc Hân. California, 2010, trang 192, 199, 201)



Muốn được vào học 1^{ère} année (sau này là 6^e moderne rồi sau nữa là Đệ Thất) tại một trường trung học đệ nhứt cấp, học sinh đầu bằng tiểu học, tiếng Pháp gọi là "CEPCI" "Certificat d'Études Primaires Complémentaires Indochinoises." phải qua một kỳ thi tuyển (concours) rất gắt gao. Thật là cả một tiến trình chọn lọc cam go đối với một học trò nhỏ tuổi như tôi. Tất cả chỉ vì có quá nhiều người muốn vào học trong khi nhà trường lại không có đủ chỗ cho họ, tỉ lệ trúng tuyển thường khoảng 10-15%.

Tôi rất căng thẳng và lo sợ vì nếu thi rớt tôi sẽ không còn được học ở tỉnh nhà mà sẽ phải lên thủ đô Sài gòn ghi tên vào học tại một trong những trường tư thục như Chấn Thanh, Lê Bá Cang, Nguyễn Văn Khuê, Huỳnh Khương Ninh...



*Hình chụp phải nộp khi đi thi bằng tiểu học, 1943
Thẻ học sinh đệ nhứt cấp của tôi bằng tiếng Pháp (1944-48)*

Vào tuổi 13, viễn ảnh phải đi học xa nhà không lấy gì làm hấp dẫn lắm. May mắn thay tôi đã qua được cái ải đó một cách tốt đẹp. Đây là lần đầu tiên tôi nếm mùi thi đua gay go nơi lớp học và cũng mở màn cho một hành trình dài đằng đẵng đầy thử thách cho tới ngày tôi rời ghế đại học ở Mỹ. Mọi sự bắt đầu từ trường trung học đệ nhứt cấp Mỹ tho, chuyển qua trường Lycée Yersin nổi tiếng của Pháp ở Đà Lạt, tiếp nối tại Lafayette College trong tiểu bang Pennsylvania để rồi chấm dứt ở trường MIT, Cambridge, Massachusetts.



Học sinh trong bộ đồng phục áo trắng quần đen trước cửa chính của trường (thập niên 1940)



Nữ sinh trong đồng phục áo dài trắng (thập niên 1960)



Ngôi trường cũ và khu vườn

Ngoài việc phải đi thi bằng tiểu học vào năm cuối, tôi thấy mấy năm tiểu học rất vui nhờ kỷ luật lỏng lẻo lúc đó. Nếu thi rớt thì không được tiếp tục việc học vì trong tỉnh không còn trường nào khác. Bắt đầu cấp trung học, tôi phải đối diện với nhiều kỷ luật mới như:

1. Đồng phục, *kiểu Việt*, áo bà ba trắng không cổ, nón cối trắng kiểu Tây thuộc địa và guốc gỗ,
2. Đồng phục, *kiểu Pháp*, áo sơ-mi trắng và quần short, vớ trắng, giày tennis trắng, hiệu Bata (thương hiệu của Pháp) và nón trắng theo kiểu Tây thuộc địa.



Nón cối kiểu thuộc địa màu trắng, 1944

3. Mỗi ngày trong tuần, tôi có hai lần học «études» (học bài, làm bài dưới sự kiểm soát của giám thị trong khuôn viên nhà trường): lần études sáng sớm (7 giờ) và lần vào buổi tối (7 giờ chiều).

Mỗi buổi sáng, học sinh phải dự lễ chào cờ tam sắc của Pháp trước khi vào lớp. Vào dịp đặc biệt, chúng tôi phải gắn thêm huy hiệu màu đen với hàng chữ "CMV - chữ tắt của Collège Le Myre de Vilers" thêu chỉ vàng nơi cổ áo sơ mi đồng phục. Cuối tuần, các học sinh nội trú ở trong ký túc xá diện bộ đồng phục trắng để đi dạo phố dưới sự hướng dẫn cẩn thận của nhân viên nhà trường. Là một học sinh ngoại trú, tôi cũng phải mặc bộ đồng phục trắng đó trong những dịp lễ đặc biệt của trường.

Trong hình (1947) tôi mặc bộ đồng phục kiểu Tây phương, chỉ thiếu có nón cối kiểu thuộc địa với giày Bata và vớ trắng.

Tôi là học sinh ngoại trú vì sống ở nhà với ba má. Tuy nhiên, tôi vẫn phải mặc bộ đồng phục đến trường và đứng 7 giờ sáng thì vào lớp làm bài trong khoảng một tiếng rưỡi cùng các học sinh nội trú. Sau cơm tối, tôi cũng phải trở lại trường để làm bài thêm một tiếng rưỡi nữa. Vào những giờ làm bài đó, tuyệt đối không ai được nói chuyện hay làm rộn. Kỷ luật lúc đó thật là nghiêm khắc so với những gì tôi quan sát thấy tại các trường bên Mỹ bây giờ.

Vào những năm đó không có nhà hàng bán thức ăn nhanh (fast food). Gần cửa trường, một vài người bán hàng rong quay quẩn bên cột đèn đường để bán thức ăn điểm tâm cho các học sinh ngoại trú. Tôi thường mua những món như xôi dừa nạo trắng, đường cát mịn và mè rang hay là bánh canh cá lóc. Không sao có được giấy lau tay và cũng không có muỗng nĩa làm bằng nhựa. Đồ ăn được gói thật khéo trong lá chuối xanh. Điểm tâm lối Tây thì có bánh mì baguette, thịt ram hoặc pâté gan, pâté đầu heo với dưa chua do một người đàn ông dùng xe ba bánh bán hàng có gắn đèn măng-sông để soi sáng.





Bánh mì baguette



Pâté gan



Pâté đầu heo

Cho tới thập niên 30, đa số giáo sư là người Pháp. Bắt đầu từ thập niên 30 có một số giáo sư người Việt tốt nghiệp từ trường Đại học Hà Nội hay các đại học bên Pháp. Dù cho giáo sư là người Pháp hay người Việt, ngôn ngữ giảng dạy các môn học là Pháp ngữ, trừ môn Việt văn.

Về tổ chức, trong mỗi lớp, một học sinh viết chữ đẹp và rõ được chỉ định để giữ sổ điểm. Tôi còn nhớ, lớp tôi, có Phạm Thế Hùng cao lớn nhất lớp được chọn làm việc này. Chúng tôi trở nên bạn thân trong suốt bốn năm học ở trường và sau này nữa. Hùng lập gia đình với Đều, cô em họ tôi, do tôi làm mai khi tôi còn đang học ở Mỹ. Anh quê ở quận Chợ Gạo cách Mỹ Tho 30 cây số. Hùng sống trong một nhà trọ sát cạnh trường. Tôi thường tới đó học chung với Hùng vì nhà tôi ở tiệm vàng Khương Hữu có tới hơn chục người thợ kim hoàn làm việc nên khá ồn ào. Vào cuối tháng, mỗi lớp học đều có bảng xếp hạng điểm cao thấp. Điều này làm tôi bị căng thẳng vì tôi rất sợ hạng chót. Ba má tôi tuy không nói ra nhưng không muốn thấy tôi rơi vào tình trạng đó. Đây là thời điểm tôi nếm mùi tranh đua học hành lần đầu tiên trong đời mình. Ai cũng mong được đứng đầu lớp. Giờ đây mỗi khi nghĩ tới điều này tôi không khỏi mỉm cười vì nhớ tới câu “thuyền to sóng lớn.”

Tôi muốn đứng đầu lớp nên đã tập làm quen với sự cố gắng từ lúc nhỏ. Thực ra trên lý thuyết những điều cần làm để đạt được mục tiêu này cũng đơn giản thôi. Tuy vậy, trong thực tế lại rất khó làm. Một cách vắn tắt, đa số học sinh chỉ học những môn họ thích. Do đó tôi suy luận rằng nếu tôi chịu khó học những môn tôi thích cũng như không thích, vào cuối tháng, tôi sẽ được điểm trung bình cao nhất lớp. Để đứng đầu lớp tôi không cần phải là học sinh giỏi nhất mà chỉ cần là kẻ giỏi tranh đua nhất. Phương thức này chỉ đòi hỏi 10% hứng khởi và 90% mồ hôi. Tôi đã kiên trì thực thi phương châm đó và tôi tin chắc nó đã giúp tôi đạt được ý muốn trong suốt cuộc đời đi học từ trường trung học đệ nhất cấp ở Mỹ Tho qua Lycée Yersin trên Đà Lạt cho tới khi tôi học đại học bên Mỹ. Tôi luôn luôn phải làm việc siêng năng và gắng sao cho có một kiến thức tổng quát rộng mở. Ở những trường nổi tiếng, thường có rất nhiều người muốn làm kẻ đầu đàn và nhờ có sự cạnh tranh ráo riết đó nên sinh viên giỏi thêm.

Tiệm vàng Khương Hữu ở Mỹ Tho cũng là nơi tôi sống với gia đình. Có cả hơn chục thợ bạc (kim hoàn) làm việc tại đó trong tuần. Khi có việc cần làm gấp, một vài người phải đi làm cuối tuần nữa. Nơi này thật ồn ào và khó cho tôi tập trung để làm bài. Nhóm thợ ưa hát vọng cổ hay chơi tây ban cầm trong giờ nghỉ và ăn trưa. Tôi rất thích nghe họ nói tếu hoặc kể những chuyện hấp dẫn khác. Để giải quyết vấn đề, tôi thường tới nhà các bạn cùng lớp để học bài. Chúng tôi trở thành bạn thân và vào cuối tuần ưa hẹn gặp nhau tại vườn trái cây nơi nhà máy xay lúa gạo Khương Hữu của ba tôi hoặc tại công viên của tỉnh nằm dọc theo bờ sông Cửu Long.

Trong trường, bọn chúng tôi học theo phương pháp thuộc lòng. Tôi đặc biệt thích lớp “toán rợ” của giáo sư Phùng Văn Tài. Ông dạy cách tính rợ rất tài tình. Sau khi đã làm quen với phương thức giáo dục bên Mỹ, tôi chuộng nó và tin rằng nó mở cửa cho những cải tiến nhiều hơn là theo cách học thuộc lòng. Học theo lối cải tiến này có thể dùng kiến thức đã

thâu nhận được để áp dụng và giải quyết nhiều vấn đề nan giải một cách dễ dàng hơn. Người Việt và người Hoa coi trọng cách học thuộc lòng vì nó đã in sâu trong nền văn hóa của họ.

Trong chiều hướng bãi bỏ cách học từ chương, chánh phủ Singapore đã đem áp dụng chương trình có tên là "Integrated Program" với học sinh ưu tú xứ này. Trong nhiều môn học như toán và khoa học, người ta tự hỏi không hiểu việc nhớ thuộc lòng các dữ kiện như bản cửu chương hay nhiệt độ sôi của nước còn thiết thực không? Những cải cách cấp tiến tỉ dụ như chủ trương loại bỏ cách học từ chương để thay vào đó nhấn mạnh vào kiến thức. Kết quả thâu nhận được theo cách dạy mới đã gây nhiều tranh cãi trong hàng ngũ những nhà chủ trương phương cách học thuộc lòng. Trong vài sách giáo khoa Mỹ các mục như K-5 mathematics curriculum/chương trình giáo dục toán, tìm hiểu về số, dữ kiện, và không gian/investigations in Number, Data, and Space của cơ quan TERC [Technical Education Research Centers Inc.] đã dùng cách học dựa vào khái niệm/conceptual learning để thay thế cho phương pháp học theo lối thuộc lòng.

Tôi nhận thấy các học sinh, trong đó có tôi, ít khi đặt câu hỏi khó với giáo sư. Có thể điều đó là do cách dạy dỗ trẻ con theo lối Nho giáo xem trọng người lớn tuổi trong trường học cũng như trong gia đình. Theo tập tục, các thầy giáo ngang hàng với bậc thân sinh ra mình, do đó, trong lớp học, việc truyền bá kiến thức chỉ theo một chiều mà thôi. Không có việc tranh luận hay thách đố với thầy dạy của mình.



Lồng bồ câu

Tôi nhớ rõ nhất giáo sư toán và khoa học Lê Quan Nghĩa. Ông xuất thân từ trường Đại học Paris và rất tự tin khi giảng dạy môn toán của mình. Ông cũng biết làm cho lớp học được linh hoạt bằng cách đôi khi kể lại những mẩu chuyện vui. Có lẽ Ông thích ăn hủ tiếu Mỹ Tho nên Ông ưa bảo học trò kêu "Một tô hủ tiếu, hai tô nước lèo" vì nước lèo này rất ngon nên phải xin thêm. Ông có vô số những câu chuyện ngắn để kể về những ngày Ông du học ở Paris. Nhà Ông cách trường khoảng một dặm Anh và gần như mỗi bữa Ông đi bộ tới trường trong bộ complet và áo sơ mi trắng còn trên đầu thì đội nón cối kiểu thuộc địa trắng.

Một vị giáo sư khó quên khác là Ông Phùng Văn Tài dạy toán. Ông đến từ miền Bắc, nói tiếng Pháp với giọng đặc biệt, thật nặng và tức cười khiến cho các học trò trong lớp lấy đó làm đề tài để bàn tán rất vui.

Tôi thích nhất khi được vui đùa với vài bạn thân. Chúng tôi bơi lội trong con sông nhiều bùn; dùng rọ bắt tôm ẩn núp nơi những cây dừa nước mọc dọc theo hai bờ rạch. Gần như hầu hết các nhà máy xay lúa gạo đều có những

lồng nuôi bồ câu để chúng ăn những hạt lúa gạo rơi rớt từ những bao lúa gạo làm bằng sợi “bố” chất đầy chung quanh đó. Trong những dịp đặc biệt, bọn chúng tôi dùng thang leo lên bắt những bồ câu “ra ràn”. Chúng thực là món ăn được người Việt ưa chuộng.

Ngoài ra, đôi khi chúng tôi cũng rủ nhau ra ngồi ngoài bờ sông để hưởng gió mát và xem mặt trời lặn lúc hoàng hôn.

Ba niên học đầu trôi qua thật nhẹ nhàng so với năm cuối. Trong năm thứ tư, tôi phải vật lộn với đèn sách để đậu cho được bằng Trung học Đệ Nhứt Cấp DEPSI (Diplôme d'Études Primaires Supérieures Indochinoises) được coi quan trọng khắp đế quốc Pháp. Theo hệ thống giáo dục Pháp, những điểm học trong suốt bốn năm trước không được tính vào điểm đậu của bằng DEPSI.

Bất kể học giỏi đến đâu trong bốn năm trước đó, tôi phải đậu cuộc thi chung kết mới có được bằng này. Nhờ Trời, tôi thi đậu “hạng cao”(mention bien) và là người duy nhứt trong khoá tôi làm được như vậy. Tôi là người đậu đầu khóa, tiếng Pháp gọi là “Major de Promotion”. Đương nhiên tôi được cử lên trường Lycée Pháp ở Sài Gòn để dự thi thêm bằng Brevet Élémentaire. Không như bằng DEPSI, bằng này được coi tương đương với bằng cấp bên Pháp. Quả là bất ngờ khi tôi được biết mình phải thi luôn môn xướng âm mà trường Mỹ Tho không có dạy.

Tôi phải vừa ca một bài hát bằng tiếng Pháp vừa dùng ngón tay đánh nhịp theo. Tại các nước nói tiếng Anh, người ta dùng những mẫu tự A, B, C, D, E, F, G... để chỉ định những nốt la, si, do, ré, mi, fa, sol. Tôi vội vàng tìm tới thầy Ninh một giáo sư nhạc danh tiếng nhứt trong thành phố để học khóa cấp tốc.

Chuyến đi lên thành phố Sài Gòn để dự thi quả là đáng sợ với tôi. Gia đình tôi làm chủ công ty xe đò Khương Hữu chạy đường Mỹ Tho-Sài Gòn. Tôi đi chuyển xe chiều và ngủ ban đêm trên mui xe. Xe đậu trước cửa nhà chị Sáu tôi sau rạp hát Nguyễn văn Hào. Ban đêm người Việt dùng cái nóp bằng đệm giống như chiếu tatami của người Nhật để chống muỗi. Ăn điểm tâm với chị Sáu xong, tôi đi thẳng tới Lycée Marie Curie của Pháp để dự thi. Tôi không gặp khó khăn gì với những môn thi nhưng cảm thấy lo lắng về môn nhạc. Một bà giáo sư Pháp bảo tôi ca một bài hát tiếng Pháp và đánh nhịp cùng lúc. Sau đó bà ta hỏi tôi vài câu về đề tài xướng âm. Tim tôi đập mạnh nhưng rốt cuộc mọi việc cũng kết thúc tốt đẹp.

Không ai trong gia đình tôi ăn mừng thành quả thi đậu của tôi. Có lẽ không ai nghĩ rằng tôi sẽ thi rớt cả. Tuy nhiên ông hàng xóm và cũng là bạn của ba tôi là dược sĩ Trần Văn Khánh, người Bắc, có nhà thuốc Tây gần nhà tôi nhờ ba tôi lên Sài Gòn để chọn mua cho tôi một bộ đồ dùng trên bàn viết làm bên Pháp và tốt nhứt tại tiệm sách nổi tiếng Albert Portail trên đường Catinat. Đây là món quà thưởng tuyệt vời đối với tôi khi tôi thi đậu.

Theo thông lệ, vào mỗi cuối năm nhà trường tổ chức một buổi trình diễn văn nghệ quan trọng do các ca kịch sĩ cây nhà lá vườn cùng trình diễn. Chương trình gồm một bản kịch của

Pháp như Cendrillon/Cô Bé Lọ Lem hay "Barbe Bleu," nhảy tap, diễn viên hài, ca sĩ, hợp ca ... và kết thúc với bài tạm biệt "Choral des Adieux", bằng tiếng Pháp của bài *Auld Lang Syne*.

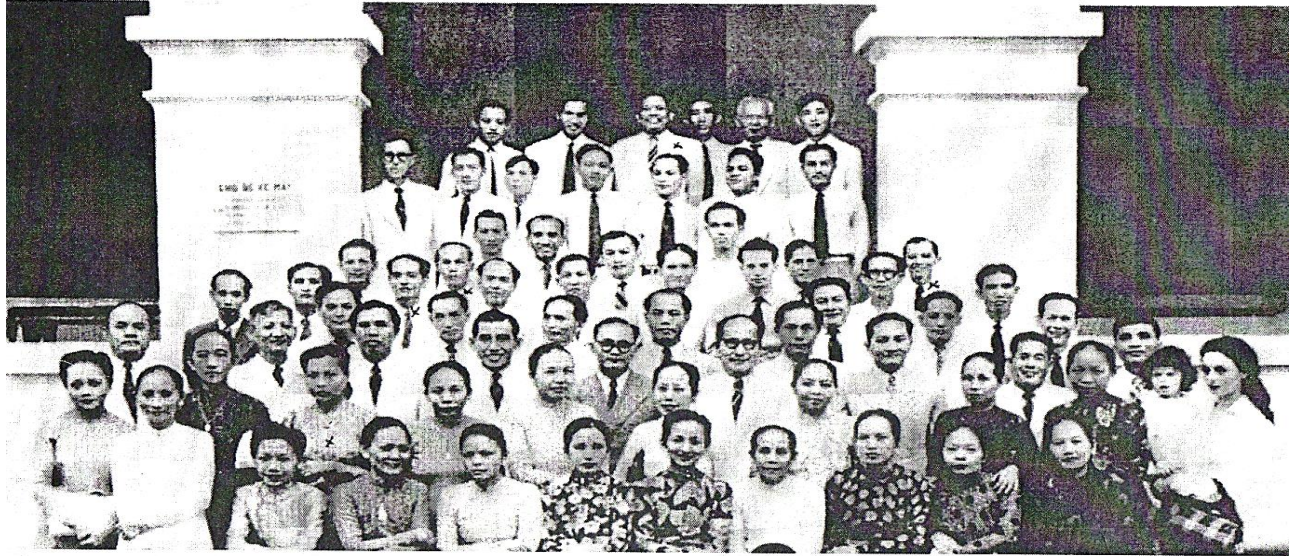
Ngẫm nghĩ lại, sau bốn năm đèn sách tại trường trung học đệ nhứt cấp Mỹ Tho, tôi đã khám phá được mấy điều căn bản đưa tới thành công nơi học đường: kỷ luật khi học hành, tranh đua thật quyết liệt và kiên trì giữa những bạn đồng khóa thông minh hơn mình. "Có công mài sắt có ngày nên kim." "Căn bản vẫn là: 10% hứng khởi, 90% mồ hôi." Ngoài ra tôi còn thấy được là bên cạnh những thành quả trong lãnh vực học vấn, các hoạt động xã hội cũng không kém phần quan trọng để giữ được sự thăng bằng trong đời sống.

Như đã nói, một thành phố lớn như Mỹ Tho vẫn không có được một trường trung học đệ nhị cấp. Đó là hậu quả tất nhiên của chánh sách ngu dân để dễ cai trị của nhà nước thuộc địa. Ngược lại, ở cấp đệ nhứt cấp, phẩm chất của việc giảng dạy vẫn được bảo toàn mặc dù về số trường ốc có phần bị hạn chế. Tôi phải thú nhận rằng nhà nước thực dân hết sức giữ gìn giá trị cao cho các bằng cấp của họ. Bằng chứng là với vốn kiến thức khiêm tốn tiếng Pháp học được ở Mỹ Tho, tôi vẫn có thể chuyển qua một trường Pháp nổi tiếng như Lycée Yersin ở Đà Lạt để tiếp tục học rồi sau đó tốt nghiệp bằng đại học ở MIT bên Mỹ. Cuộc đời học trò của tôi thực sự đã bắt đầu tại trường trung học đệ nhứt cấp Le Myre de Vilers tại tỉnh nhà Mỹ Tho. Tôi cũng hãnh diện học cùng lớp với hai bạn Bùi quang Triết, dân Bến Tre, là nhà văn Xuân Vũ, và Ngô quang Trưởng cũng dân Bến Tre sau này là một tướng lãnh xuất sắc của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Chúng tôi thường về nhà chung với bạn Trần Văn Tấn, Viện Trưởng Viện Đại Học Sài Gòn trước 1975, dân An Hóa, Bến Tre trên chiếc bắc Rạch Miễu, Mỹ Tho.

Một bất ngờ trọng đại trong đời học trò của tôi

Năm 1951, sau khi đậu Tú Tài II ở Lycée Yersin trên Đà Lạt, chiến tranh Việt Nam trở nên khốc liệt và tôi được chánh phủ cho hoãn dịch nếu nhận dạy cho trường cũ của tôi là Collège Le Myre de Vilers. Tôi đã gia nhập vào ban giảng huấn trẻ của ngôi trường mà nơi đó còn có các bậc thầy của tôi.

Trong lúc dạy học tại tỉnh nhà tôi có nộp đơn với Phòng Thông tin của Mỹ ở Sài Gòn xin học bổng đi Mỹ học ngành Engineering. Tôi cho đó là một phép lạ khi được cấp học bổng Fulbright, một bước đột phá lớn lao nhứt trong đời tôi. Tạm biệt Đồng Bằng Sông Cửu Long, Chào mừng Tân Thế Giới!



Ban Giảng Huấn và nhân viên 1950

Từ trên xuống, từ phải sang trái:

Hàng 1: K.H. Điều, Trần-V-Dinh, X, Phạm-V-Mân, Nguyễn-V-Tiểu (VP), Nguyễn Ngọc Quang

Hàng 2: Võ-V-Liêu, Phạm-V-Bảy (GT), Quán Cầu (Y tá), Bùi Hữu Kiến, Nguyễn-V-Quan, Nguyễn-V-Ánh, Trần Ngọc Tế

Hàng 3: Võ Ân Hồng (VP), Trần Văn Thăng (VP), Huỳnh Văn Sanh

Hàng 4: Bùi-V-Mùi (GT), X, X, Ng. Anh Bốn, Lê-V-Chí, Phạm Văn Lược, Ng-V-Kiệt, G.s Max, Trần-V-Ất, Nguyễn-V-Châu

Hàng 5: Nguyễn-V-Ninh, Võ Văn Đây, Dương Thanh Hoàng, Phạm-V-Bảy (GT), Dư-V-An, Đinh Cánh Nguyên, Dương-V-Thông (VP)

Trần Văn Dư, Nguyễn Văn Hóa, Phạm Văn Khánh (GT), Trần Văn Vạng (TGT)

Hàng 6: Nguyễn-V-Dậu, Ngô-V-Hoành (GT), Đinh-V-Của, Chung Tốt, Hồ-V-Trực (HT), Phạm Công Bình, Huỳnh Đình Trảng, Đỗ-V-Trần, Trương Công Sâm

Quý Bà đứng: B. Chung Tốt, X, X, X, Cô Hùng, B. Hồ Thị Chi, B. Dương Văn Cấp, X, B. Trảng, B. Trần, B. Max và con

Quý Bà ngồi: Cô My, B. Thông, B. Kiệt, B. Dư, B. Hồ-V-Trực, B. Đinh Cánh Nguyên, B. Phạm-V-Lược, B. Trần-V-Ất, B. Trần-V-Vạng

Tôi thuộc thành phần ban giảng huấn của trường cũ Mỹ tho năm 1950-1951 (Tôi là người đứng đầu tính từ trái qua - hàng trên cùng)

Chương 5

Đà Lạt Và Lycée Yersin

***Khi Đông và Tây gặp nhau lần đầu
10 phần trăm hứng khởi và 90 phần trăm mờ hôi
Mờ hôi và Nước mắt: Chuyến bay lần đầu của đại bàng***



Tại Việt Nam, đồng bào ở Đồng Bằng Cửu Long thường nhìn Đà Lạt như là thành phố đẹp nhất nước và là nơi lý tưởng để đi nghỉ mát.

Lúc mới 12 tuổi, tôi rất sung sướng được cùng ba má lên viếng Đà Lạt lần đầu. Hành trình dài 400 km thật ngoạn mục trên chiếc xe Citroen bốn cửa của Pháp. Đà Lạt nằm ở độ cao một dặm và được tặng một tên mỹ miều là Hòn Ngọc của Cao Nguyên. Chúng tôi đi qua hai con đèo Blao và Prenn khúc khuỷu và đẹp như tranh vẽ. Sanh trưởng tại vùng đồng bằng nóng cháy và bằng phẳng, tôi bàng hoàng trước phong cảnh núi đồi hùng vĩ bao phủ bởi những đồn điền được chăm sóc kỹ càng bên cạnh khu rừng thông xanh tươi rậm rạp. Độc đáo hơn cả là các đồn điền trà hay cà-phê bát ngát được cắt tía gọn ghẽ trong vùng cao nguyên Blao và Djiring.

Đây là lần đầu tiên trong đời tôi nhìn thấy những rừng thông như ở bên Âu châu và một số những vùng trồng bông, trái cây và rau củ mà người Việt gọi là sản phẩm của Tây như: trái dâu tây, prune, tỏi tây, khoai tây, laitue, chicoree, endive, artichaut, glaïeuls, mimosa, bông tulipe... các loại này trước đây không có ở đồng bằng nhiệt đới. Ngay cả các tên của ao hồ, đường phố, khách sạn, và quán ăn cũng y như bên Pháp: Au Sans Souci, La Savoisienne, Lang-Bian Palace, Rue des Glaïeuls, Rue des Roses... lac des Soupirs, lac St Benoit, lac des Cygnes...

Đông *gặp* Tây

Không khác gì phong cảnh nước Pháp thu nhỏ trong sách dạy địa dư của tôi. Trên đường phố, người ta xúng xính trong những chiếc áo khoác bằng len, nón len và đeo găng tay. Nhiều người còn mặc complet và thắt cà-vạt nữa. Sương mù ban mai dày đặc. Mọi thứ đối với tôi trông thật lạ mắt. Mùa xuân nơi đây đầy màu sắc sỡ như màu đỏ hồng của hoa anh đào.



Hoa anh đào màu hồng

Sau chuyến du lịch năm 12 tuổi, tôi lại có cơ may đến sống tại thành phố này sau khi tôi học hết bậc trung học Đệ Nhứt cấp ở trường Le Myre de Vilers tại quê tôi ở Mỹ Tho vào năm 98

1948. Bởi lẽ lúc đó, tại vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long không có một trường trung học đệ nhị cấp nào cả, tôi được gia đình cho tôi lên Đà Lạt để tiếp tục học bậc đệ nhị cấp ở Lycée Yersin. Sở dĩ ba má tôi chọn Lycée Yersin trên cao nguyên Đà Lạt cách nhà tới 400 cây số vì Lycée Yersin là một trong những trường tốt nhất và nằm trong thành phố đẹp nhất của miền Nam Việt Nam. Tưởng cũng nên biết là trong thời gian tôi học Trung học từ 1944-51, trong toàn cõi Liên Bang Đông Dương thuộc Pháp (Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ, Lào và Cao Miên) chỉ vồn vẹn có 8 trường trung học : ba ở Sài Gòn, hai tại Huế, thủ đô của Trung kỳ; và ba ở Hà Nội, thủ đô của Bắc kỳ. Ngoài Bắc chỉ có một đại học nhỏ ở Hà Nội. Ngay cả quốc vương tương lai của Cao Miên là hoàng tử Norodom Sihanouk cũng phải tới Sài Gòn để học tại trường trung học Lycée Chasseloup Laubat.

Đây là tình trạng có hậu ý của nhà cầm quyền Pháp: dân chúng địa phương càng ít học thì càng dễ cho đế quốc Pháp cai trị. Và tôi thuộc thành phần những người dân đó.



Bác Tư Khương Hữu Long ân nhân của tôi

Trong việc chuyển trường, tôi may mắn được sự giúp đỡ của bác Tư tôi là bác sĩ Khương Hữu Long, người có tầm nhìn xa liên quan đến tương lai của con cháu trong đại gia đình. Trong thập niên 1940, từ miền đồng bằng đi lên miền cao nguyên là một khoảng cách đi lại khá dài. May mắn thay, bác Tư có một biệt thự ở Đà Lạt, nhờ vậy tôi được ở đó để đi học với hai con của bác Tư là Khương Hữu Hội, hiện là một được sĩ đã về hưu và Khương Hữu thị Hiệp, vợ của bác sĩ Hồ Trung Dung, cựu giám đốc bệnh viện hộ sinh Từ Dũ ở Sài Gòn.

Bác Tư có thời làm Bộ Trưởng Y Tế đầu tiên của Việt Nam dưới thời Thủ Tướng Nguyễn Văn Thinh từ ngày 26 tháng 3, 1946 tới ngày 10 tháng 11, 1946. Bác Tư là ân nhân đầu tiên của tôi vì nếu không có bác, tôi sẽ phải bỏ học khi còn thật trẻ và như vậy sẽ không thể phát huy hoàn toàn năng khiếu học vấn của mình được. Nhân tiện đây, tôi cũng muốn nói là chính bác đã cho tôi biết Thủ Tướng Thinh đã phải tự vẫn lúc tại chức vì người Pháp đã cưỡng ép Ông làm trò hề cho họ.

Về phương diện giáo dục, người Pháp đã dùng ngôi trường uy tín Lycée Yersin để phổ trương hệ thống trường Đệ Nhị cấp của họ. Toàn thể ban giảng huấn là người Pháp được tuyển dụng thẳng từ Paris qua. Hai công dân da màu Pháp đến từ đảo Martinique thuộc Pháp dạy thể dục. Còn môn văn chương Việt và hội họa là do hai vị thầy người Việt phụ trách. Học sinh có quyền chọn tiếng Anh hay tiếng Việt làm sinh ngữ phụ.



Tòa nhà chính của trường Yersin

Lycée Yersin được người Pháp thành lập năm 1927, do kiến trúc sư Moncet thiết kế và chỉ đạo xây dựng. Dãy lớp học được xây hình vòng cung, gạch xây tường là gạch trần đỏ được chở từ châu Âu sang, mái được lợp bằng bảng đá sản xuất từ nước Pháp. Công trình này đã được Union Internationale des Architectes chọn là một trong 1.000 kiến trúc xuất sắc nhất của thế kỷ XX.

Lúc mới thành lập, đa số học sinh trong trường là người Pháp hay có quốc tịch Pháp, chỉ một số ít thuộc con em người Việt, người Miên và người Lào giàu có hay thế lực. Phần lớn chúng tôi nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp. Khuôn viên trường có nhiều tòa nhà xây theo kiến trúc tân thời trông rất đẹp (xin xem hình).

Tôi lớn lên ở Mỹ Tho, tỉnh lỵ nằm bên tả ngạn của sông Cửu Long. Đó là thành phố lớn thứ hai sau Cần Thơ, thủ đô của miền Tây. Tại Mỹ Tho có trường nổi tiếng Collège Le Myre de Vilers, là trường trung học Đệ Nhứt Cấp theo hệ thống giáo dục Pháp.

Tôi bắt buộc phải đi xa nhà để học hết trung học. Thực sự tôi không có lựa chọn nào khác vì chính sách giáo dục hết sức hạn chế của nhà nước thuộc địa. Chắc có người sẽ hỏi vì sao vậy? Câu trả lời rất đơn giản: Người Pháp áp dụng ba nguyên tắc căn bản để cai trị dân Việt:

- Nguyên tắc # 1: Dân bản xứ càng kém được mở mang trí tuệ thì việc cai trị sẽ càng dễ dàng hơn. Càng ít trường học ở thuộc địa thì guồng máy cai trị của thực dân sẽ càng yên ổn hơn. Không có đến một đại học dạy về kỹ thuật [engineering] trong toàn cõi Đông Dương vì người Pháp muốn giữ độc quyền về các hoạt động chế biến và kỹ nghệ cho xứ mình để còn xuất cảng hàng hóa ra nước ngoài.

- Nguyên tắc #2: Chia để trị: Việt Nam bị chia cắt ra thành Tonkin (Bắc kỳ), Annam (Trung kỳ) và Cochinchine (Nam kỳ).

- Nguyên tắc #3: Người Pháp là công dân hạng nhứt. Người bản xứ bị coi là công dân hạng hai. Trớ trêu thay, người Hoa ở Việt Nam được xếp vào loại cao hơn người Việt.

Từ thập niên 1940, học sinh người Việt đông hơn, nhưng không ít thì nhiều cũng thuộc thành phần ưu tú đến từ ba miền Bắc, Trung và Nam. Cuộc thi đua học hành tuy gay go nhưng lành mạnh. Đến từ một trường nói tiếng Việt để học tại một nơi nói tiếng Pháp, đương nhiên tôi cảm thấy yếu thế khi nói tiếng Tây với giọng Việt. Tuy nhiên tôi vẫn cố gắng để thích hợp với môi trường mới.

Mục tiêu dài hạn tôi nhắm tới là để sửa soạn cho việc xuất ngoại học ngành Engineering nên mối quan tâm chính của tôi là học thật giỏi các môn toán và khoa học để hội đủ điều kiện đạt được ý nguyện của mình. Tôi may mắn có một lợi điểm lúc đó, thay vì đi nghỉ hè năm 1948, tôi lên Sài Gòn ở với nhà chị Ba của tôi, vợ của chủ trường Lyceum Nguyễn văn Khuê, gần Cầu Ông Lãnh, để có thể học lớp toán với giáo sư nổi tiếng Vương Gia Cần. Mỗi bữa, tôi đạp xe máy cùng anh bạn thân tên Bùi Kiến Thành tới nhà thầy Cần ở Phú Lâm cách trung tâm thành phố 6 cây số. Anh Thành là con trai bác sĩ Bùi Kiến Tín nổi tiếng về *Dầu Khuyết Diệp Bác sĩ Tín*.

Vì Đà Lạt ở cao độ một dặm nên thời tiết nơi đây khá lạnh và cần mặc quần áo len cho đủ ấm. Sau này tôi khám phá ra là những bạn đồng khóa của tôi đến từ miền Bắc và Trung ăn

mặc hợp thời trang hơn các bạn đến từ đồng bằng như tôi vì quê họ là những vùng lạnh giá.

Cuộc sống của tôi thay đổi một cách toàn diện khi phải di chuyển từ Mỹ Tho có khí hậu nhiệt đới của vùng Đồng Bằng Cửu Long tới Đà Lạt trên một cao nguyên mát lạnh. Chính tại thành phố Đà Lạt tôi đã trải qua nhiều thay đổi. Trong thập niên 1930, người Pháp muốn biến Đà Lạt trở nên thành phố đẹp nhất trong toàn cõi Đông Dương - một nơi tiêu biểu làm rạng danh cho nền văn minh Pháp và là một nước Pháp thu nhỏ của Đế Quốc Pháp. Thực sự mà nói, nếu bạn nhìn vào việc quy hoạch thành phố, xếp đặt vườn hoa, công viên nhất là lối kiến trúc các tòa nhà nơi đây bạn sẽ thấy là người Pháp đã thành công mỹ mãn trong dự tính của họ.

Như thế, sao lại nói đến Mồ hôi và Nước mắt giữa một Thành Phố đẹp như mộng vậy? Lý do là vì tôi hãy còn quá trẻ để hiểu thấu cú "sốc" tâm lý do những phức tạp của cuộc sống mới đem lại cho mình. Theo luật thiên nhiên, khi bạn bứng một cây mọc ở vùng đất phì nhiêu miền nhiệt đới để đem trồng nơi đất cằn cỗi có khí hậu lạnh hơn như ở cao nguyên, cây đó khó mà tăng trưởng hay sống sót được. Tôi chính là cái cây đó. Một sớm một chiều, tôi đã bị cướp đi cuộc sống tuyệt vời đầy hứng thú vui chơi giữa thân nhân và bè bạn của mình. Lần đầu tiên trong suốt 17 năm cuộc đời, tôi đã bị bứng gốc từ Đồng Bằng Sông Cửu Long để phải di chuyển tới một môi trường hoàn toàn mới mẻ và lạnh giá. Đà Lạt khác hẳn Mỹ Tho. Mấy ngày đầu tôi không biết làm sao đối phó với nỗi nhớ nhà xâm chiếm lòng mình một cách đột ngột như vậy. Tôi chỉ biết khóc.

Nhớ nhà và cô đơn luôn hành hạ tôi. Riêng cái bệnh nhớ nhà thì đúng là vô phương cứu chữa. Nó hành hạ tôi tới mức chịu không nổi nữa.

Tôi cảm thấy mất đi những thói quen trước đó của tôi và luôn nhớ lại những giây phút quý báu ấy như các bữa ăn trưa và tối cùng gia đình gồm ba má, các anh, các chị và anh chị em họ, quây quần bên bàn tròn để dùng cơm chung với nhau. Đôi khi lại có những khách hay bạn vui tính đến thăm nhà.

Tôi nhớ đến những ngày tôi rong chơi với các bạn học, bạn cùng xóm hay xem những thợ kim hoàn làm việc trong tiệm vàng của ba má tôi. Bởi lẽ nơi họ làm việc được nối liền với nhà chúng tôi ở bằng một cầu thang ngắn, tôi thường tới chơi với họ và xem họ làm việc. Mỗi người thợ bạc là một nghệ sĩ có biệt tài riêng, khác hẳn với những người thợ làm theo kiểu sản xuất dây chuyền. Chẳng hạn người thợ kim hoàn có thể lấy một miếng vàng rồi biến nó thành những con vật truyền thống như con rồng, con sư tử, con rùa hay chim phượng (Long, Lân, Qui, Phụng), hoặc chế biến theo đề tài bốn mùa như Mai, Lan, Cúc, Trúc. Tôi say mê theo dõi người thợ kim hoàn khi họ làm xong món nữ trang từ một miếng vàng chỉ trong vòng vài tiếng đồng hồ. Tôi không thấy chán khi ngắm họ làm những vòng đeo tay, hoa tai, dây chuyền và đủ loại nữ trang cổ truyền Việt Nam. Họ đều là những người bạn tốt của tôi. Những người làm hột xoàn được kính nể nhất vì nếu người thợ làm vàng làm sai có thể sửa lại được, nhưng đối với người thợ làm hột xoàn thì phải làm đúng ngay

lần đầu. Sai sót một chút thôi, có thể làm bể hột xoàn và gây ra một tai họa đắt giá. Cũng vì cơ đó mà khách hàng luôn ngồi cạnh thợ kim hoàn khi người này gắn hột xoàn vào đồ nữ trang. Đây là một công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, cần cù, và an toàn.

Sáng sớm họ đi làm quần áo chỉnh tề đầu đội nón phớt. Vì trời nóng, có khi họ mặc áo thun và quần ngắn khi làm việc, có người chỉ mặc quần lót và ở trần. Tôi cũng thích thú nghe họ nói chuyện pha trò với nhau, nghe họ hát những bài dân ca, vọng cổ, trong khi họ làm việc hay trong giờ nghỉ trưa; người thì chơi cờ tướng hay đàn tây ban cầm, người khác lại đọc báo. Vào thời đó, chưa có truyền hình. Những ngày cuối tuần họ đưa tôi tới vận động trường của thành phố coi những trận đá banh liên tỉnh.

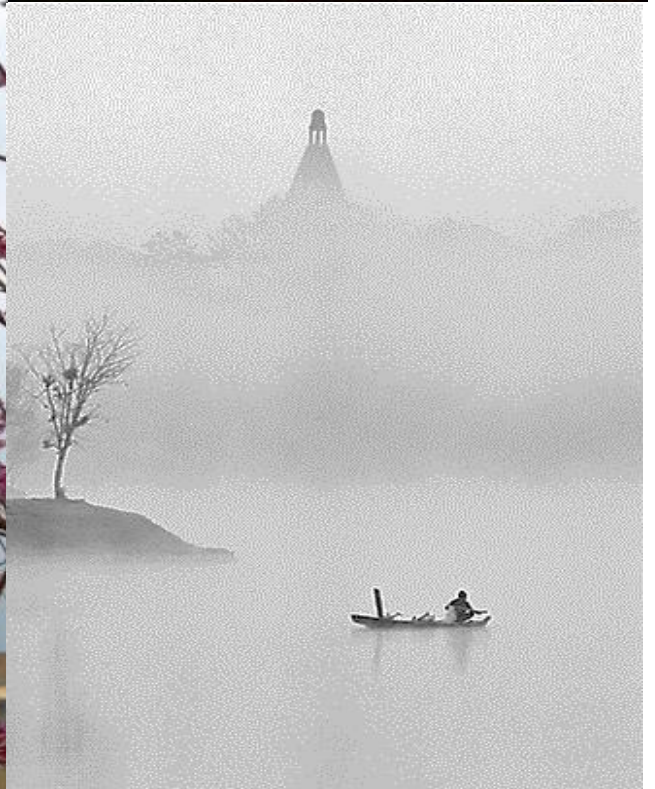
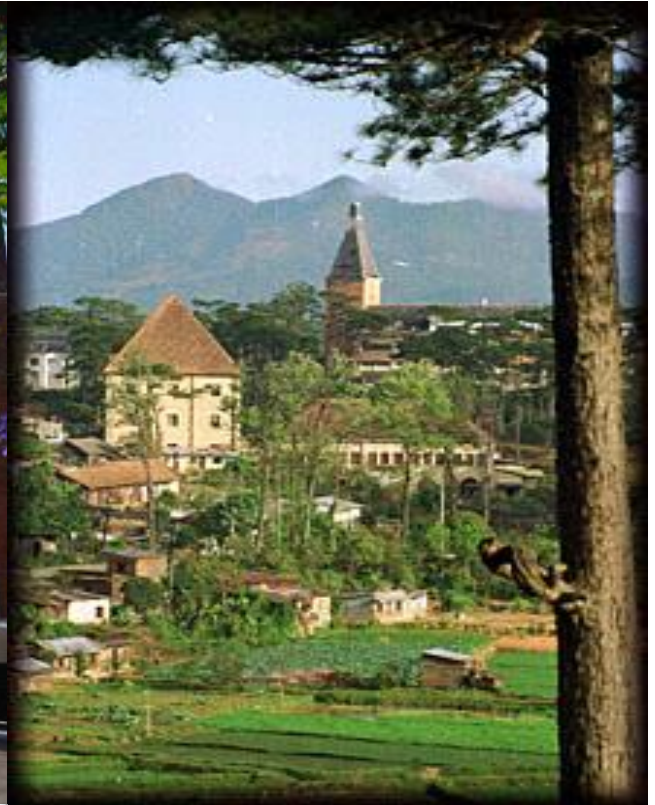
Vì ba má tôi cũng là chủ hãng xe đồ Khương Hữu chạy từ Mỹ Tho tới thủ đô Sài Gòn, đoạn đường dài 70 cây số, nên những tài xế cũng là bạn của tôi. Khi lên Đà Lạt, tôi nhớ quay quắt những người bạn và những sinh hoạt của những người bạn ấy.

Tôi cũng không sao quên được những cảnh sinh hoạt của thành phố Mỹ Tho. Như cảnh mỗi buổi sáng, các người buôn bán chuẩn bị gỏi rau tươi lên bán tại chợ Cầu Ông Lãnh-Sài Gòn. Khoảng 6 giờ sáng, họ tụ tập ở bến xe, chất những thùng rau và giỏ trái cây lên trên mui xe. Trong khi lơ xe bận rộn chất hàng thì tài xế nhón nha ăn điểm tâm. Tôi ưa uống cà-phê với anh tài xế "ruột" của tôi vì anh đã tình nguyện dạy tôi lái xe đồ. Chúng tôi chọn sáng tinh sương nghĩa là khoảng 5 giờ để làm việc này, bởi lẽ lúc đó không có xe hơi chạy trên đường phố. Các bạn có thể tưởng tượng được sự lý thú nhưng không kém phần nguy hiểm đến bậc nào khi học lái xe đồ như vậy và tôi đã lấy được bằng lái xe khi còn trẻ măng.

Ba má tôi còn có một nhà máy xay lúa Khương Hữu nằm giữa một vườn cây rộng vài mẫu tại ngoại ô của thành phố Mỹ Tho. Vào ngày lễ hay cuối tuần, tôi hay rủ bạn học tới vườn để hái trái cây miền nhiệt đới đã chín muồi trên cành. Sau đó cả bọn nháy xuống con sông trước nhà máy để đua nhau bơi lội. Chúng tôi mặc sức nô đùa suốt ngày! Những kỷ niệm về cuộc sống của tôi ở Mỹ Tho quá đặc biệt, làm sao tôi không khỏi thấy buồn nhớ khi phải buộc giã từ để lên đường tiếp tục việc học tại một nơi cách xa nhà tới 400 cây số!

Ngoài sự mất mát đột ngột những thú vui và cuộc sống thanh nhàn ở miền quê, tôi phải đối diện với sự va chạm sâu đậm và bất thành lình giữa nền văn hóa và phong tục Việt Nam quen thuộc với phong cách xử sự mới tôi cần phải học ở Lycée Yersin. Tôi phải thay đổi theo phong cách đối xử của người Pháp và văn hóa phương Tây. Cuộc gặp gỡ Đông Tây của tôi bắt đầu tại đây và từ đây.

Bây giờ ngẫm nghĩ lại, tôi thấy sự thành công hay thất bại của tôi trên đường học vấn đã tùy thuộc phần lớn vào cách thức tôi đối phó với nỗi nhớ nhà và khả năng tôi thích nghi với lối sống của người Pháp ở Đà Lạt, nhất là tại ngôi trường mới tên là Lycée Yersin.



Lycée Yersin 1944

*Ngôi nhà chánh trong khuôn viên trường
trong sương mù ban mai*



Nhà thờ Đà Lạt



Lac des Cygnes, trung tâm Đà Lạt





Lac des Cygnes với câu lạc bộ La Grenouillere



Các ngôi biệt thự



Sương mù ban mai



Nhà ga xe lửa Đà Lạt xây năm 1938, được vẽ theo kiểu Art Deco bởi hai kiến trúc sư lừng danh Pháp Moncet and Revero.



Trần Thanh Quan, bạn học của tôi năm 1948



Ga xe lửa Đà Lạt

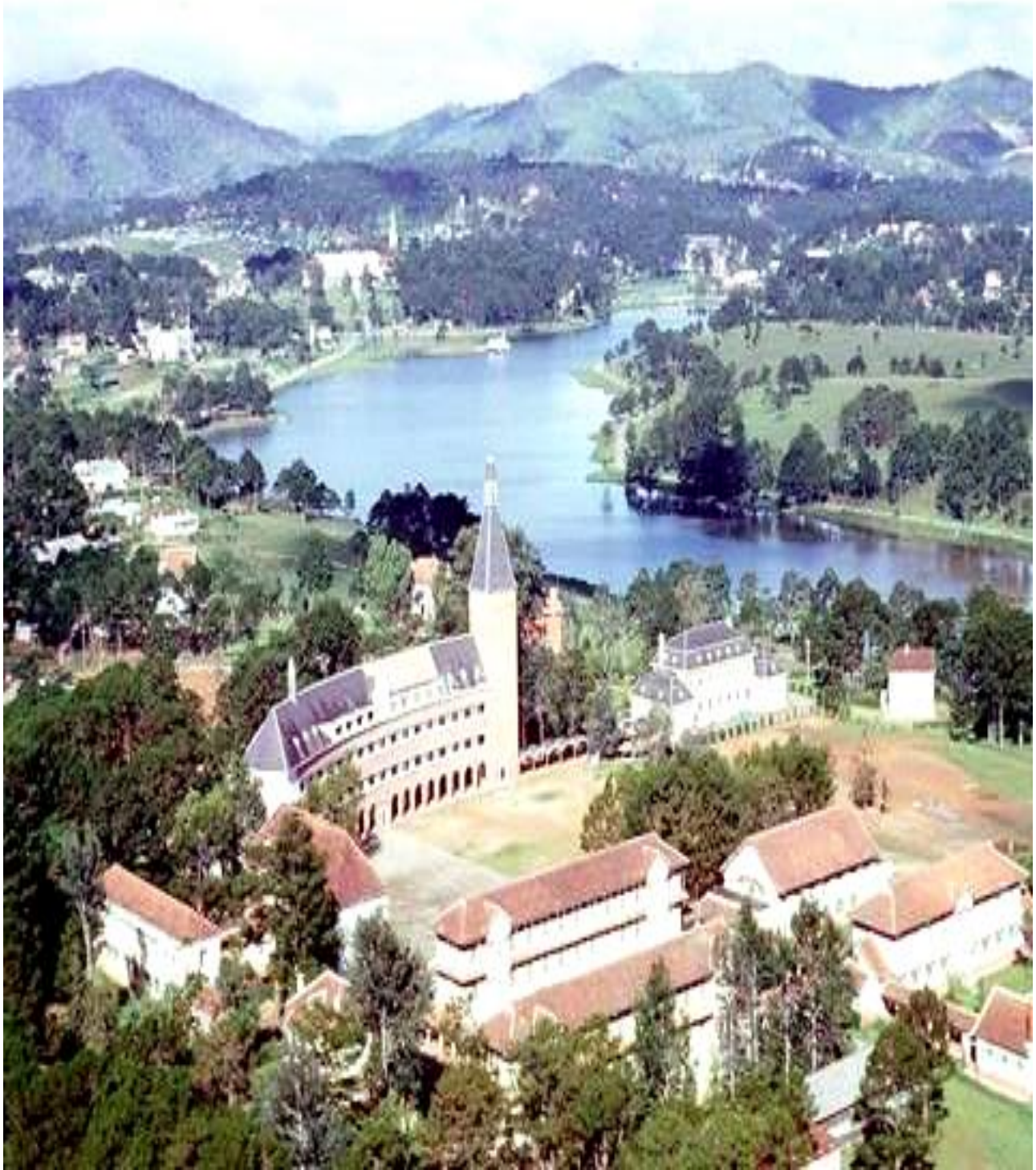
Đông gặp Tây



Swan Lake Khu trung tâm thành phố



Khách sạn Lang-Bian Palace, gần Swan Lake



Khuôn viên Lycée Yersin trên ngọn đồi nhìn xuống Swan Lake

Tòa nhà được lãnh giải thưởng nằm giữa tấm hình. Về sau tôi khám phá ra trường trung học này có một khuôn viên giống như một trường tiêu biểu ở Tân Thế Giới gồm đầy đủ khu nhà ngủ và sân vận động.

Cuộc sống trong trường

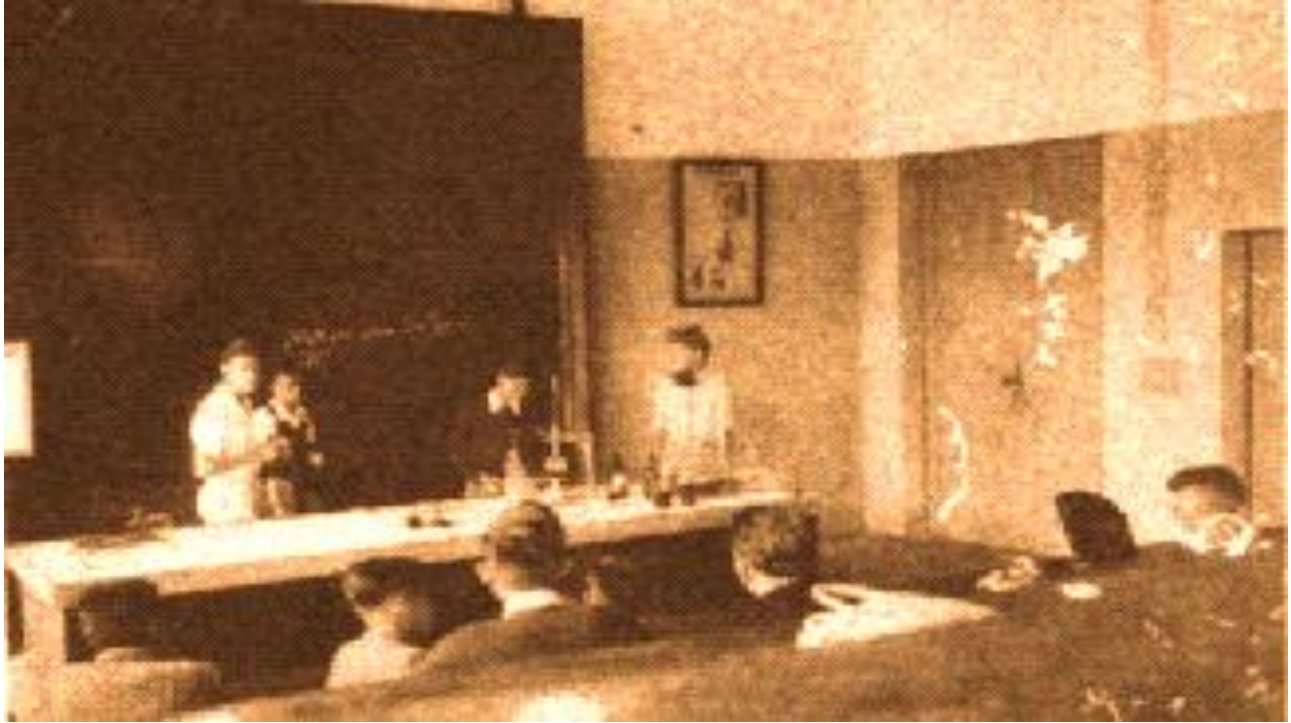
Tôi không sao quên được cảm tưởng đầu tiên của tôi về ngôi trường Lycée Yersin. Quảng đường đi từ nhà tới trường bằng xe máy là cả một phong cảnh hữu tình. Chiếc xe máy mới của tôi cũng khác xa với chiếc cũ. Vì trong tỉnh có nhiều đồi nên chiếc xe mới cần có thắng tốt và hệ thống hộp số. Tôi băng qua một khu rừng thông tươi đẹp để men theo một con đường chạy dọc theo hồ Swan Lake nơi có khách sạn Lang Bian thật tối tân. Cuối cùng tôi đạp xe leo một dốc cao để tới một tòa nhà xây bằng gạch đỏ đã đoạt giải thưởng về kiến trúc nằm trên đỉnh đồi. (xin xem hình)

Học sinh Yersin chia làm hai loại: nhóm gọi là "nội trú" ăn ngủ trong trường và nhóm "ngoại trú" về nhà sau giờ học. Những bạn cùng lớp người Việt với tôi có: Hoàng Cơ Lân, Tôn Thất Niệm, Vĩnh Mậu, Tạ Ngọc Châu, Yvonne Bửu, Simone Huê...

Tôi xin nói qua về các bạn này cùng lớp với tôi cách đây 6 thập niên tại Lycée Yersin ở Đà Lạt. Không giống như trường hợp của tôi, sau khi rời Yersin, họ tiếp tục đi theo hệ thống giáo dục Pháp. Tôi được biết nhiều bạn trong nhóm đã về hưu bên Pháp: Hoàng Cơ Lân, cựu Quân Y Trưởng đơn vị Nhảy Dù, sau đó làm Chỉ huy trưởng Trường Quân Y của Việt Nam Cộng Hòa ; Tạ Ngọc Châu, chuyên viên giáo dục thuộc UNESCO Paris ; Robert Vĩnh Mậu chuyên viên vật lý nguyên tử, giáo sư danh dự tại Université Pierre et Marie Curie ; Yvonne Bửu nhà toán học, giáo sư École Polytechnique Paris ; Tôn Thất Niệm, bác sĩ, cựu Bộ trưởng Y tế, về hưu tại California. Tôi không có tin tức gì về Simone Huê chủ nhân một viện bảo sanh ở Phú Nhuận, Sài Gòn trước 1975.



Giờ Khoa học với bà giáo sư Marty. Tôi còn nhận ra Phú, Vĩnh Mậu, Thông, tôi, Hoàng Cơ Lân, De Rougny, Du, Tạ Ngọc Châu, Simone Huê



Lycée Yersin 1950, Bà Marty, Lớp Vật Lý



Bà Marty và TNChâu, Lớp Vật Lý 1948-51

Về mỗi giao hảo với mọi người tại Lycée Yersin, tôi cảm nhận việc nếu tôi bị kỳ thị hay bị “coi nhẹ” là chuyện thường tình vì tôi đến từ một trường Việt bản xứ, xa lạ với văn hóa Tây Phương mà tôi phải cố gắng để thích nghi và dĩ nhiên không tránh khỏi những vụng về, thiếu sót. Tuy nhiên, sau những khó khăn hay ngỡ ngàng lúc ban đầu, tôi đã dễ dàng vượt qua vì ngành tôi học là toán và khoa học được coi là một thứ ngôn ngữ toàn cầu không phải là một trở ngại to tát đối với tôi. Tôi thật sự ngạc nhiên khi thấy các học sinh người Pháp luôn luôn kém điểm tôi. Điều này khiến tôi tự hỏi là tại sao mình thông minh hơn họ, mà họ lại đặt nền thống trị trên đầu người dân mình.



Toàn, Du và tôi: Bạn cùng lớp đi du ngoạn bằng xe máy cuối tuần 1948-51



Du, Lân và tôi: Bạn cùng lớp đi trèo đồi cuối tuần 1948-51



Ankroet Dam 1948-51



Cao-Điền, Thận, Kiệt, Điều

Tôi học hỏi được một số phong tục mới như ngay tại trường trung học, học sinh trẻ ở đây được cho uống rượu chát trong các bữa ăn vào cuối tuần. Một việc bị coi là bất hợp pháp và không thể tưởng tượng có thể xảy ra tại trường học bên Mỹ. Tôi biết được điều đó khi đi du học về sau này.

Ở từng một cửa tòa nhà chánh có đặt một vài bàn bóng bàn. Bất kể trời mưa hay nắng, các học sinh ngoại trú thích đến đây để tranh tài trước khi vào lớp học. Thể dục là môn bắt buộc. Có hai thầy người da đen đến từ đảo Martinique thuộc Pháp dạy môn này. Đối với tôi, năm đầu ở đây có hơi đặc biệt vì số đông học sinh trong trường nói tiếng Pháp. Lúc ban đầu, tôi không được thoải mái lắm vì tôi nói tiếng Pháp giọng bản xứ. Tuy nhiên, với ngày tháng, nói tiếng Pháp đã trở thành quen thuộc với tôi. Thêm nữa, mục tiêu của tôi lúc đó là "phải" đứng đầu môn toán, vật lý và hóa học để sửa soạn cho tôi đi học Engineering về sau. Đối với những môn khác tôi không ngại bị "lặn" trong đám đông. Trường học tôi có truyền thống mỗi năm cho in một "Sách Đỏ" liệt kê các học sinh đứng đầu mỗi môn học kèm theo các phần thưởng đến từ những nhân vật có tiếng. Giải thưởng "Prix d'Excellence" của trường Pháp có thể coi là tương đương với chức Valedictorian trong trường Mỹ.

Năm học đầu của tôi chỉ là thời gian "làm quen", "thử lửa" của một thư sinh chuyển từ một trường Việt qua trường Pháp. Hơn nữa, tôi bị trở ngại bởi nỗi nhớ nhà! Nhưng hai năm sau, việc học siêng năng của tôi bắt đầu kết trái. Tôi đã trải nghiệm và học được một bài học đắt giá. Đó là 10% kiến thức hứng khởi và 90% đổ mồ hôi. Cảm tạ Thượng Đế, tôi gặt hái được kết quả mỹ mãn. Trong hai năm liên tiếp 1950 và 1951 tôi được trao hai giải thưởng "Prix d'Excellence" của Lycée Yersin.

Trong năm cuối, tôi nhận được một bất ngờ lớn là giải thưởng của hoàng thân Norodom Sihanouk, Quốc vương Cao Miên, và sau đó là giải thưởng của Thị trưởng thành phố Đà Lạt cộng với giải thưởng từ Hội Phụ Huynh Học Sinh của ba trường Pháp tại Nam Việt Nam là Chasseloup Laubat, Marie Curie và Lycée Yersin.

Thành quả học vấn đáng kể nhất của tôi là đỗ bằng Tú Tài Pháp với hạng "mention bien" về ban toán. Đó là lần đầu tiên, trong sáu năm qua, một học sinh ở Lycée Yersin đã đậu được với hạng cao như vậy. Thêm nữa, một bất ngờ khác là tôi đoạt giải thể thao về môn Thể dục toàn môn từ hội OSSU của Pháp (Organisation Scolaire Sportive Universitaire). Tôi mang ơn ba tôi rất nhiều khi nhận được giải này, bởi lẽ từ thời thơ ấu, ông đã bắt các con thức dậy từ 6 giờ sáng mỗi ngày để đi bộ 20 phút tới "hồ bơi" của sông Cửu Long. Ông đã dùng cách đó để cho chúng tôi có sức khỏe và tiếp tục thói quen tập thể dục trong suốt đời còn lại của mình.

Bây giờ, mỗi khi nhớ lại những lời khuyên răn của ba tôi lòng tôi không khỏi bị xúc động. Tôi không thể nào quên trong năm cuối của tôi ở Lycée Yersin, ba tôi đã đặc biệt đi xe 400 cây số từ Mỹ tho đến Đà Lạt để ủng hộ tinh thần tôi trong kỳ thi ra trường đầy gay go của tôi năm 1951. Chắc hẳn ba tôi biết là tôi nhớ nhà mà nếu đi đôi với cô đơn nữa thì tôi sẽ

gặp khó khăn trong kỳ thi đầy cam go đó.

Lúc đó, đối với một cậu học sinh người Việt phải tranh đua cùng con cái của những gia đình giàu có và quyền thế trong hệ thống giáo dục Pháp thì đúng là một thử thách không nhỏ. Tôi không ngờ được là thành quả học vấn và những giải danh dự tôi đạt được ở trường Lycée Yersin nổi tiếng của Pháp đã dọn đường cho tôi tiến tới một định mệnh khó tin và đặc biệt về sau.

Ba tôi rất hãnh diện về những thành quả tôi gặt hái được nhưng trong gia đình không ai tổ chức ăn mừng gì cả. Theo truyền thống Khổng Mạnh ở Việt Nam, ba tôi không biểu lộ tình cảm của mình như các người cha Âu Mỹ. Có thể tính tình ba tôi hướng về nội tâm nhiều hơn tôi.

Cuộc sống ở Đà Lạt 1948-51

Bác Tư của tôi mở phòng mạch ở Vĩnh Long, cách Đà Lạt 460 cây số. Mỗi khi bác đi nghỉ mát ở Đà Lạt, tôi có dịp sống lại những ngày ở bên gia đình như trước khi lên đây học. Mỗi bữa, sau khi ăn tối, bác Tư kêu chúng tôi cùng đi bộ với bác khoảng hơn tiếng đồng hồ trong thành phố thanh bình này. Trong khi cùng đi, bác chia sẻ với chúng tôi những lời khuyên để thành công trong đời sống. Chúng tôi được thưởng thức những bữa ăn thịnh soạn vì đầu bếp sở một về các món Việt và Pháp là chị Ba Vú luôn trổ tài nấu nướng trong những lần bác đến. Tuy nhiên, bác tôi rất bận rộn với phòng khám bệnh ở Vĩnh Long nên ít khi tới. Trong những chuỗi ngày dài vắng mặt bác, tôi thường hay bị bệnh nhờ nhà hoành hành. May mắn thay, trong một giờ học về văn chương Pháp, Thượng Đế hình như muốn cứu vớt tôi và nhờ vậy tôi đã tìm được thần dược chữa bệnh trầm cảm do nỗi nhớ nhà gây nên. Vào ngày đó chúng tôi học về các nhà văn thuộc trường phái lãng mạn nổi tiếng của Pháp trong thế kỷ XIX như: Victor Hugo, Chateaubriand, Lamartine, Musset, Sand. Những bài thơ ca tụng thiên nhiên và mối liên cảm giữa ngoại cảnh với con người đã gây xúc động mạnh cho tôi. Qua bài thơ "Le Vallon" của Lamartine, vị giáo sư xuất sắc người Pháp đã thuyết phục tôi rằng thiên nhiên như một người mẹ luôn cho chúng ta nơi trú ẩn an toàn. Khi dùng những chữ như "toujours", "la même"... nhà thơ đã mô tả được tính cách trường tồn và bất di dịch của thiên nhiên. Tôi thuộc lòng đoạn sau của bài thơ *Méditations poétiques* (1820 « Le Vallon », extrait)

*Mais la Nature est là qui t'invite et qui t'aime;
Plonge-toi dans son sein qu'elle t'ouvre toujours.
Quand tout change pour toi, la nature est la même,
Et le même soleil se lève sur tes jours.»*

*« Nhưng thiên nhiên tại đó, kêu mời và triu mến;
Phóng vào đi – lòng nàng luôn mở đợi chờ người
Khi với người mọi vật đổi dời, nàng vẫn không hề đổi biến
Và vẫn một mặt trời đó, ló dạng mỗi ngày trước mắt người.»*

Bài thơ cho thấy sự đối chọi giữa tính chất trường tồn của thiên nhiên và vô thường của con người. Mỗi khi tôi thấy buồn nản vì nhớ nhà, tôi đạp xe máy đi thăm thiên nhiên tràn đầy vẻ đẹp ở mọi nơi trong thành phố Đà Lạt nổi tiếng vì những ngọn đồi thoai thoải, mặt hồ phẳng lặng, khu rừng tĩnh mịch... Vẻ dịu hiền của các ngọn đồi xanh ngắt vào mùa xuân và đầy màu sắc làm lòng tôi lắng đọng, chữa lành tôi bằng nhiều phương cách tôi không lường hay đoán trước được. Còn mặt trời trên những ngọn đồi đó – ôi mặt trời của tôi! Mặt tôi nhiều khi ứa lệ. Tôi rất cần sự hiện hữu trầm lặng của những ngọn đồi và mặt trời đó. Chúng là lời cầu xin và câu trả lời – cùng một lúc.

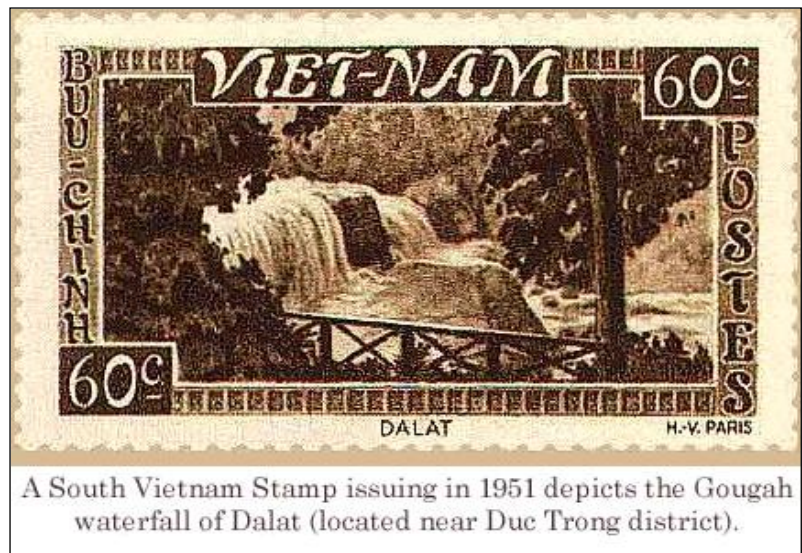
Vần thơ của Lamartine làm bừng sống trong tôi ý thức về cách trái đất này đã và đang chữa lành tôi. Mặt trời và bốn mùa trong thơ của Lamartine đã ban cho tôi niềm hy vọng và sự phước hạnh. Lamartine ca ngợi Thiên Nhiên được gắn liền với Thượng Đế. Sau này, tôi biết ở Californie John Muir cũng đã nhận xét là Thiên Nhiên có khả năng chữa lành cũng như bồi thêm sức cho thân thể và tâm hồn của ta.

Sau giờ học đặc biệt về “Lamartine”, không ai có thể cướp đi liều thuốc chữa bệnh nhớ nhà của tôi được. Điều diệu kỳ hơn cả là tình yêu Thiên Nhiên đã mở mắt cho tôi làm quen với nhiều chân trời mới lạ. Tôi bắt đầu thưởng thức nghệ thuật chiêm ngưỡng Thiên Nhiên của người Nhật khi họ đã biết sáng tạo một Thiên Nhiên thu gọn ở ngay trong ngôi nhà mình. Cây kiểng chính là hình thức thu gọn Thiên Nhiên. Ta có thể thấy một khu rừng tí hon hay một cây già cả thế kỷ được trưng bày trong phòng khách. Cũng vì lý do đó, ở trong nhà, tôi đã làm những mảnh vườn Á Đông nho nhỏ có những đồi phủ đá và hồ cá Koi xinh xắn điểm vài cụm bông súng.

Ngay cả lúc sống cuộc đời về hưu, tôi vui thú với thiên nhiên gần bờ biển, cồn cát và những đường mòn xinh đẹp của vùng Bay Area. Tôi tự nhủ mình thật có phước và may mắn được học ở trường Lycée Yersin về trường phái lãng mạn và bài thơ “Le Vallon” của Lamartine để từ đó biết yêu mến Thiên Nhiên mãi mãi. Sau ba năm sống ở Đà Lạt, tôi đã hiểu được nguồn an ủi đến từ thiên nhiên có thể huyền diệu đến mức nào. Nhờ đó, tôi hết bị buồn rầu và có thể trút hết tâm trí vào việc học hành.

Một bức tranh trị giá một ngàn chữ

Tôi chọn được mấy tấm hình sau đây để diễn tả cuộc sống ba năm của tôi tại Đà Lạt, Hòn ngọc của miền Cao Nguyên Việt Nam.



Suối Gougah gần Đà Lạt 1951



Cầu lạc bộ bên bờ hồ



Cầu lạc bộ Grenouillère của hội bơi lội



Couvent des Oiseaux: trường nữ nổi tiếng của Công giáo



Căn nhà giống như ở bên Pháp



Old Chateau tại trung tâm Đà Lạt



Chợ cũ Đà Lạt 1951

Chợ Đà Lạt, theo tôi nhận xét cũng giống nhiều chợ tại các thành phố khác ở Việt Nam, người Hoa vẫn làm chủ những ngành buôn bán quan trọng như : tiệm tạp hóa, nhà hàng và cửa hàng... chẳng thế mà họ được gọi là "Người Do thái của phương Đông."

Đông gặp Tây



Mộ của Nguyễn Hữu Hào, cha vợ Hoàng đế Bảo Đại



Hoàng hậu Nam Phương vợ vua Bảo Đại



Nam Phương Hoàng hậu



Thác Prenn



Đồng bào Thượng



Người thiểu số đi trên đường

Tôi hay đi thăm viếng các vùng trồng trọt ở ngoại ô Đà Lạt và quan sát những loại rau trái được coi là có nguồn gốc từ Tây phương. Rau trái thường được chở đi bán tại Sài Gòn và Đồng Bằng Sông Cửu Long là những nơi có khí hậu nóng không sản xuất được các loại rau trái loại này.



Hoa và củ cà-rốt sẵn sàng được chở đi Sài Gòn



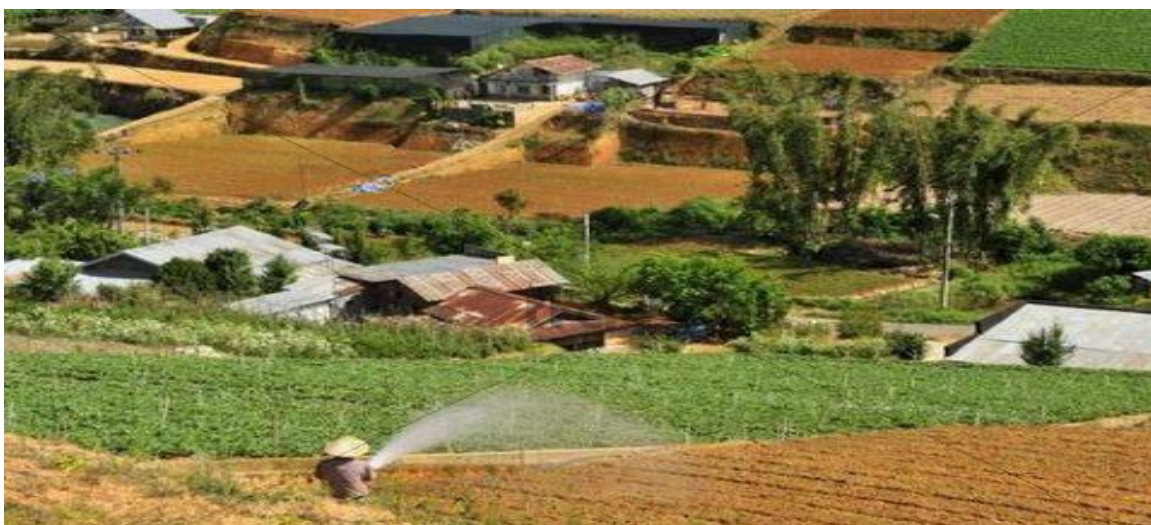
Trại trồng rau theo kiểu Tây phương



Khu trồng trọt với đồi sanh đồi Lang Bian ở phía sau



Rau Tây ở Đà Lạt



Làng trồng trọt



Đồng quê vùng Đà Lạt



Hồ Than Thở



Nhà thờ Tin Lành 1948



Hồ Saint Benoit



Thác Prenn



Thác Gougah Đà Lạt



Phụ nữ người Thượng Đà Lạt

Cuộc đời sau khi rời khỏi Lycée Yersin: Số mạng và định mạng

Vào lúc tôi học xong ở Lycée Yersin Đà Lạt năm 1951, tình hình chánh trị trong nước rất rối ren. Chánh phủ đã ngưng cấp chiếu khán cho học sinh đi du học. Tin đồn cho biết có thể sẽ có lệnh tổng động viên vì nhu cầu chiến tranh. Vì bắt buộc đúng hơn là vì sở thích, tôi ghi danh vào học Trường Đại học Y khoa vì ở thời điểm đó chưa có trường dạy Engineering. Mãi tới năm 1957 Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ mới được thành lập với bốn trường phụ thuộc là Trường Cao đẳng Công chánh (có từ năm 1947), Trường Việt Nam Hàng hải (1948), Trường Quốc gia Kỹ sư Công nghệ (có từ 1956) Trường Cao đẳng Điện học (1957).

Tôi cũng được biết, vì nhu cầu phát triển giáo dục, chánh phủ đặc cách hoãn dịch cho các giáo sư bậc trung học. Trước tình thế đó, thay vì đi học Y Khoa, tôi xin đi dạy học. Nhờ đứng đầu lớp khi ra trường, tôi được nhận ngay vào dạy ở trường Le Myre de Vilers, trường trung học nơi tôi đã học bậc đệ nhất cấp tại tỉnh nhà Mỹ Tho.

Trong thời gian dạy ở Mỹ Tho, cách Sài Gòn 70 cây số, tôi được gia đình cho đặc ân dùng chiếc xe Peugeot 203 của Pháp "sản xuất" để lên thủ đô giải trí vào những ngày cuối tuần. Tại Sài Gòn, tôi hay viếng Phòng Thông tin USIS của Mỹ (United States Information Service), một cơ quan tuyên truyền của Hoa Kỳ. Nơi đây có một thư viện công cộng sáng sủa, sạch sẽ có nhiều sách báo hấp dẫn. Phòng đọc sách có điều hòa không khí và thoải mái, phản ánh mức độ sinh sống cao ở Hoa Kỳ: ghế "lazy boys" và ghế thường, đèn đọc sách tiện dụng, phiếu sách dễ dùng. Tôi thấy khâm phục tiêu chuẩn cao của Mỹ.

Trong một lần đến đọc sách, tôi nhìn thấy trên bảng thông báo tại USIS một thông tin về học bổng đi học đại học ở Mỹ. Tôi vô cùng vui mừng, tự nhủ đây đúng là một phép lạ, vì trong toàn Đông Dương (Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ, Lào và Cao Miên) người Pháp chỉ mở trường đại học duy nhất tại Hà Nội nhưng không có phân khoa Engineering. Trong khi đó ước mơ của tôi là học ngành kỹ sư tại Hoa Kỳ. Phải nói thêm rằng vào thập niên 1950, đi học Engineering ở Hoa Kỳ là cả một điều vinh dự của sinh viên Việt Nam.

Bà Bertha von Allmen làm việc tại USIS, Sài Gòn giúp tôi lo thủ tục làm đơn xin học bổng. Trở ngại lớn nhất đối với tôi là làm sao thuyết phục được bà chấp nhận đơn xin của tôi và học Mechanical Engineering được dù tôi chỉ biết tiếng Việt, tiếng Pháp và một "số" vốn tiếng Anh giới hạn khiêm nhường! Tôi trình bày cho bà thấy điểm học của tôi rất cao về những môn toán, vật lý, hoá học và vạn vật là những môn cần thiết trong học trình kỹ sư. Đó là những ngôn ngữ quốc tế được mọi người trên thế giới hiểu. Ngoài ra tôi nghĩ là tiếng Pháp cũng có ảnh hưởng đến tiếng Anh. Trong gần một thiên niên kỷ qua, tiếng Anh đã mượn và thu nhận rất nhiều từ ngữ Pháp mặc dầu những người nói tiếng Anh không nhận thức được điều đó. Còn nhớ trong thời người Norman chiếm đóng, khoảng 10.000 chữ Pháp đã pha trộn vào tiếng Anh. Ba phần tư các chữ đó hiện còn thông dụng trong mọi lãnh vực từ hành chánh, luật pháp tới nghệ thuật, văn chương, khoa học và kỹ thuật. Bà von Allmen tỏ vẻ tin vào lời giải thích này và chấp nhận đơn xin của tôi.

Tuy vậy, ngoài hồ sơ học bạ ra, còn có phần xét về lý lịch cá nhân cũng như ba lá thư giới thiệu của ba nhân vật khả tín. Tôi may mắn tìm được những người có hảo tâm sẵn lòng giúp. Tôi tìm tới được hai giáo sư cũ nổi tiếng là quý thầy Võ Thành Cứ (ba của nhà văn Tiểu Tử) và Lê Quan Nghĩa. Cả hai vị này đều biết tôi là học trò tốt trong nhiều năm. Họ vui vẻ nhận viết thư giới thiệu tôi với USIS ở Sài Gòn.

Còn lá thư thứ ba, tôi muốn được sự ủng hộ của một nhân vật uy tín đăng đơn xin của tôi được mạnh hơn. Người đó là đức cha Công Giáo Ngô Đình Thục. Trong thập niên 1930, ông là giáo sư và hiệu trưởng trường College de Providence ở Huế, thủ phủ miền trung Việt Nam. Sau này Giám mục được La Mã bổ nhiệm điều khiển tòa Apostolic Vicariat tại Vĩnh Long, quê của ba má tôi. Bác Tư tôi, bác sĩ Khương Hữu Long, là bạn của Giám mục. Con trai bác Tư học ở trường Providence nên bác Tư quen với Giám mục khá thân. Bác Tư bằng lòng nhờ Giám mục viết thư giới thiệu tôi. Nhờ may mắn, tôi nhận được những sự giúp đỡ tối cần. Sự cần cù chăm chỉ của tôi đang nở hoa kết trái và rốt cuộc tôi đã được cấp học bổng đi Mỹ. Đây là bước đột phá lớn lao và bất ngờ nhất đến với tôi đánh dấu một mốc quan trọng trong hành trình tiến tới của mình.



Giám Mục Ngô Đình Thục

Một phép lạ đã đến với tôi! Cũng cần nói thêm là gia đình tôi không đủ khả năng để cho tôi qua Mỹ học Engineering, nhất là sau Thế Chiến Thứ Hai, Hoa Kỳ có những trường dạy Engineering tốt nhất thế giới. Lúc đó, gần như toàn thể học sinh Việt Nam học xong đệ nhị cấp trường Pháp đều tiếp tục du học bên Pháp, đa số chọn qua Pháp học Engineering. Sở dĩ như vậy vì học trình Lycée Pháp ở Việt Nam được hệ thống giáo dục bên Pháp công nhận và vấn đề ngôn ngữ học tập không gặp khó khăn như trường hợp của tôi du học ở Mỹ.

Mọi việc hầu như đang tiến triển tốt đẹp cho chuyến đi Mỹ của tôi, nhưng lại bị một trở ngại bất ngờ làm như ngưng trệ mọi việc. Tôi vẫn tin là nếu tôi may mắn có được một học bổng của USIS thì chánh phủ Việt Nam sẽ cấp cho tôi chiếu khán để xuất ngoại. Nhưng điều khó

tin mà có thực đã xảy ra là Bộ Nội Vụ quyết định đã bác đơn xin chiếu khán của tôi. Tôi thấy ngượng ngùng khi viết ra đây phần còn lại của câu chuyện tôi xin chiếu khán xuất ngoại năm 1951. Nó làm tôi buồn và làm tổn thương đến thanh danh dân tộc và xứ sở tôi. Đây là trường hợp điển hình của tham nhũng đã làm tôi bị xúc động mạnh lúc đó. Lý do là ông Đồng Lý văn phòng bộ Nội Vụ muốn tôi phải trả tiền hồi lộ cho ông trước khi ông đặt bút ký chiếu khán! Ông là một trong những giáo sư được nhiều người biết đến tại trường Trung học Đệ Nhứt cấp cũ của tôi và cũng được xem như là bạn của ba tôi. Tôi có nghe về tham nhũng trong chánh phủ nhưng chưa bao giờ nghĩ là tôi lại có thể trở thành nạn nhân. Tôi đứng trước một chọn lựa tối quan trọng: hoặc tôi trả tiền hồi lộ để được du học, hoặc tôi từ chối thì mất học bổng đi Mỹ. Dĩ nhiên, tôi phải chọn lựa đưa hồi lộ để không bị mất một dịp may hiếm có, nhưng tôi thấy khó chịu khi phải làm việc này một cách quá trắng trợn như vậy. Một ân nhân đã xuất hiện để cứu tôi. Người hàng xóm sát nhà ba tôi tên “Thầy Bảy” quen ông công chức này. Thầy Bảy tình nguyện giải quyết giúp tôi.

Vấn đề là làm sao tôi kiếm được đủ tiền để trả đây? Tôi đã đi dạy ở trường trung học đệ nhất cấp cũ trong 12 tháng qua và tôi phải chờ đến cả năm trời mới lãnh được số tiền lương 26.000 đồng, tương đương với 715 Mỹ kim thời đó. Tôi quyết định hy sinh cả năm lương này cho tương lai của mình. Tôi còn nhớ rõ ngày đi xe đò cùng Thầy Bảy từ Mỹ tho lên Sài Gòn rồi lấy taxi tới nhà thờ Tân Định gần nhà ông công chức tham nhũng đó. Tôi cảm thấy xấu hổ khi phải nhúng tay vào một việc hạ cấp như vậy. Thành thật mà nói và cũng đội ơn Thượng Đế tôi chỉ phải làm như thế chỉ một lần duy nhất trong đời mà thôi.

Là một tín đồ Phật Giáo, tôi tin ở luật nhân quả. Nhiều năm sau, vào năm 1972, chính con người thiếu nhân cách đó đến gặp tôi tại văn phòng của tôi ở Sài Gòn để xin một việc làm vì ông ta đang thất nghiệp. Một lần nữa ông ta gây xúc động cho tôi vì đã có can đảm tới gặp tôi như vậy. Tôi lễ phép nói với ông tôi không có việc làm cho ông.

Đó là tất cả những gì tôi còn nhớ được về thời kỳ sống ở Đà Lạt và Lycée Yersin. Đó là những tháng ngày đầy thử thách cho một cậu học trò nhỏ xấp xỉ tuổi đôi mươi đã bị búng gốc trong tuổi thơ để phải xa lìa mái ấm gia đình ở Đồng Bằng Sông Cửu Long bằng phẳng và ấm áp của vùng nhiệt đới để rồi bị đưa tới một thành phố nghỉ mát của người Pháp nằm trên đồi núi cao với rừng thông và khí hậu lạnh của vùng Cao nguyên.

Đà Lạt và Lycée Yersin đã giúp tôi làm quen với nền văn hóa Tây Phương, những ý niệm đầu tiên về sự gặp gỡ của Đông Tây.

Đà Lạt và Lycée Yersin là dàn phóng hay bàn đạp giúp tôi lấy đà bắt đầu “chuyến bay của đại bàng” đi tới đất tiền định của mình là Tân Thế Giới.

Bây giờ tôi xin trở lại câu chuyện của tôi, năm 1952. Mỹ quốc ơi, tôi sắp tới đây!

Phần 3

Hội Nhập Văn Hóa Mỹ

Chương 6

Hạ Lặn Ở Lafayette College, Easton, Pennsylvania, USA

Chuyến Bay Đầu Tiên Qua Thái Bình Dương, 1952



Saigon-Manila-Guam-Wake-Midway-Honolulu-San Francisco



Qua Thái Bình Dương bằng máy bay DC-6B

Cuộc hành trình của tôi tới trường đại học Mỹ, nơi Đông và Tây trực diện, quả là thật dài. Tôi không chủ động trong việc chọn đi học ở Lafayette College vì lý do dễ hiểu tôi không biết chút gì về hệ thống đại học bên Mỹ cả. Gần như toàn thể các du học sinh Việt đều qua Pháp để tiếp tục việc học bởi lẽ từ nhỏ họ được đào tạo trong nền giáo dục thuộc địa với tiếng Pháp. Về phần tôi, tôi chưa hề học một lớp Anh ngữ nào vì trong trường trung học đệ nhứt cấp của tôi không có dạy sinh ngữ này. Do đó tôi lấy tiếng Pháp làm sinh ngữ chánh còn tiếng Việt làm sinh ngữ phụ.

Cơ quan thông tin Mỹ USIS (United States Information Service) ở Sài Gòn xét đơn xin học bổng của tôi đi học môn Mechanical Engineering tại Hoa Kỳ. Bà Bertha von Allman phỏng vấn tôi tại văn phòng của bà trên đường Hai Bà Trưng, gần bệnh viện Grall nổi tiếng của Pháp. Dù điểm học của tôi rất cao nhưng vì kém Anh ngữ nên tôi hơi lo. Tôi giải thích với bà các môn toán và khoa học dùng ngôn ngữ quốc tế được mọi người trên thế giới hiểu. Như vậy, dựa vào điểm cao của tôi về các môn toán và khoa học cũng như bằng Tú tài Pháp ban Toán hạng "mention Bien" của tôi thì tôi sẽ không gặp trở ngại gì để theo học các lớp Engineering. Ngoài ra, từ thời dân Norman đến sống bên Anh tới nay thì 30% tiếng Anh đã có gốc tiếng Pháp rồi. Tôi còn hứa với bà là sẽ học tiếng Anh ngày đêm cho tới ngày đi Mỹ nữa. Rốt cuộc, phép lạ đã xảy ra và tôi được cấp học bổng Fulbright để đi học Lafayette College tại Easton, Pennsylvania do cơ quan USIS chọn. Thượng Đế đã thương nên gởi tôi đến một trường tương đối nhỏ với khoảng 2,000 thay vì một nơi có tới cả chục ngàn sinh viên. Nhờ vậy, tôi không bị lạc lõng trong một rừng người.

Để đối phó với vấn đề Anh ngữ, tôi tức khắc đi mua một máy hát 78 RPM "La Voix de Son Maître" và bộ đĩa nhựa Assimil với cả sách học đi kèm. Suốt ngày tôi đọc "My taylor is rich, my teacher is poor...", mỗi khi học xong một mặt đĩa tôi lại thay kim thép và quay dây thiều của máy hát. Hôm nay nghĩ lại, tôi phải thú nhận khả năng Anh ngữ của tôi lúc đó chắc chỉ tạm đủ cho mức khách đi du lịch dùng chớ không sao cho sinh viên năm thứ nhứt ngành Engineering của bất cứ trường đại học Mỹ nào. Trong đầu tôi, tôi nghĩ mình sẽ cần hụp lặn trong chương trình học tiếng Anh khi vào đại học bên Mỹ mà không ngờ trước được cái giá tôi phải trả cho nó sẽ cực nhọc tới chừng nào.



Châu, bạn cùng lớp, và tôi đi mua sắm trên Sài Gòn để chuẩn bị cho chuyến đi vượt đại dương

Để chuẩn bị cho chuyến đi đến Tân Thế Giới, tôi mua những đồ vật thật tốt để đem theo trong va li. Vào năm 1952, nhà buôn Grand Magasin Charner, GMC, của Pháp là thương xá tốt và lớn nhất thành phố Sài Gòn. Nơi đó, tôi tìm được cái va li nhẹ và tân tiến nhất sản xuất bên Pháp. Lúc đó, mỗi hành khách đi máy bay chỉ được đem theo tối đa 20 kí lô hành lý thay vì 50 cân Anh như ngày nay. Tôi được tặng chiếc máy chụp hình hảo hạng hiệu Rolleiflex và một đồng hồ đeo tay Omega của gia đình.

Bộ com lê và áo choàng làm bằng len của Anh nhập cảng từ Hồng Kông được tiệm Hanoi Taylor nổi tiếng nhất tỉnh Mỹ Tho may. Để giúp tôi đối phó được với những khó khăn bất ngờ khi sống lẻ loi nơi quê người, má tôi tặng cho tôi một chiếc nhẫn hột xoàn vài ca ra và một dây chuyền đeo cổ bằng vàng y 24 ca ra khá nặng. Đương nhiên tôi rất thận trọng đối với những báu vật đó nên có thuê một hộp an toàn tại ngân hàng địa phương để cất chúng vào đó.

Thân quyến và bạn bè đặc biệt đi từ Mỹ Tho lên phi trường Sài Gòn để tiễn tôi đi Mỹ. Như thường lệ, anh Năm luôn tỏ ra là con người tốt và cho tôi mượn chiếc xe Renault 4 CV nhỏ của anh để tôi tới thăm người bạn học thân ở Lycée Yersin đang sống trên đường Laregnere. Đậu xe xong, tôi quên tắt đèn! Khi đến lúc phải về nhà gấp để lên đường ra phi trường thì bình ắc-quy của chiếc xe 4 CV bị hết điện. Ai cũng hoảng hồn! May thay xe này cũng nhẹ thôi. Người bạn và tôi cùng đẩy chiếc xe rồi tôi nhảy vào trong dùng "embrayage" để cho máy nổ. Nhờ ơn Thượng Đế, chiếc xe nổ máy và tôi không bị lỡ chuyến bay tới quan trọng đó. Gia đình không ai biết chi về chuyện trắc trở nguy hiểm này. Quả là một hoạn nạn cho tôi và gia đình nếu tôi bị kẹt ở Sài Gòn vì chiếc xe 4 CV hết điện. Sau này tôi được biết người bạn học ở Yersin đó trở thành giáo sư toán ở trường École Polytechnique lừng danh của Pháp và nay đã về hưu ở đường Rue Xaintrilles tại Paris.

Tôi trả lại chiếc xe 4 CV cho anh Năm mà tim hầy còn đập mạnh. Nhiều người có mặt để chia tay với tôi tại phi trường. Trước đây, khi rời nhà lên học ở Đà Lạt chỉ cách Mỹ Tho 400 cây số tôi đã nhiều lần nếm mùi chia ly, nhớ nhà, và cô đơn dù biết rõ rằng tôi chỉ phải xa nhà trong vòng 10 tháng mà thôi. Lần này, tôi sẽ phải xa cách gia đình 14 000 cây số trong vòng ít nhất 4 năm. Một ý nghĩ không làm tôi thoải mái! Có thể nào học bổng đi Mỹ đặc biệt đủ sức làm dịu phần nào nỗi đau lòng lúc đó chăng? Người ta chẳng khuyên: hãy sống ngày nào hay ngày nấy và "Que sera, sera" đó sao? Tôi gắng hết sức để không nhỏ lệ trước mặt ba má và họ hàng. Tôi tự nhủ là "nỗi buồn của buổi chia tay chỉ dành cho những ai còn ở lại mà thôi." Đây đúng ra chỉ là một cách tự an ủi mình. Cuộc đời đâu đơn giản như vậy được!

Phi trường quốc tế Tân Sơn Nhất ở Sài Gòn nhỏ đến độ chỉ có một tòa nhà hai tầng xinh xắn. Cái hay của nó là trên mái nhà có một bar bán cà phê và rượu cho khách viếng thăm. Họ có thể vừa ngồi uống vừa vẫy khăn chào đón hay tạm biệt bạn bè hoặc bà con của mình chỉ đứng cách họ hơn chục thước. Vào thời buổi an bình đó không ai phải quan tâm đến quân khủng bố cả.

Một thanh niên của Đồng Bằng Sông Cửu Long như tôi trong lòng thấy nôn nao phải đến

tận Tân Thế Giới nằm bên kia bờ Thái Bình Dương. Đây là lần đầu tiên tôi đi máy bay. Trong thập niên 1950, máy bay cánh quạt không thể đi một mạch tới Mỹ được. Đường bay trực tiếp nhất thời đó là: Sài Gòn tới Manila, Guam, Wake, Midway, Honolulu, San Francisco, Pittsburgh, Harrisburg, và sau cùng đáp xuống phi trường địa phương nhỏ Allentown-Bethlehem-Easton, Pennsylvania.



Phi trường Tân Sơn Nhứt Sài Gòn 1952



Tiếp đãi viên Pan Am



Lần đầu chúng tôi nghỉ ở khách sạn danh tiếng Manila Hotel, do Pan Am đưa tới vì gặp bão ở Thái Bình Dương



Tại khách sạn Manila Hotel

Tác động do biến cố “Đông gặp Tây” trong tôi khởi đầu tại Đà Lạt nay trở thành dồn dập hơn với một môi trường và trạng thái hoàn toàn khác lạ.

Sau “Chuyến bay đầu tiên của chim ưng” từ Đồng Bằng Sông Cửu Long tới vùng vịnh San Francisco, cuộc đời tôi bị đảo lộn một cách quyết liệt. Tôi giả từ đất thuộc địa Đông Dương kém mở mang của Pháp, bay ngang Thái Bình Dương để học Engineering tại một quốc gia tân tiến nhứt thế giới sau Thế Chiến Thứ Hai. Đúng là một chuyến đi ngàn dặm đối với một thanh niên non trẻ như tôi. Tôi ráng mở lớn đôi mắt để theo dõi những diễn tiến bí ẩn đang nằm trong “Pandora’s Box.”

Những năm sống tại Yersin đã dạy tôi cách xã giao tốt đẹp của người Pháp. Nay, tôi sẽ làm quen với lối sống của người Mỹ.

Cuộc hành trình xuyên đại dương của tôi, dài 8,880 dặm Anh (14,200 km) từ Đông sang Tây được đánh dấu bằng một cơn bão lớn trên Thái Bình Dương. Các máy bay DC-6B và Constellation thời đó không thể bay trong thời tiết xấu như những phi cơ phản lực ngày nay được. Vì thế, hãng máy bay phải sắp xếp cho chúng tôi tạm nghỉ tại khách sạn nổi tiếng Manila Hotel ở Phi Luật Tân trong cơn bão. Nơi này được nhiều người biết đến nhờ trước đó dùng làm đại bản doanh của đại tướng MacArthur trong Thế Chiến Thứ Hai.

Chuyến bay của tôi khá độc đáo vì các đường bay thương mại xuyên Thái Bình Dương lúc đó chưa được hoàn chỉnh lắm. Ở nhiều chặng, máy bay phải đáp xuống để đổ xăng tại những căn cứ Hải quân Hoa kỳ như Wake và đảo Midway vì chưa có phi trường dân sự. Quân nhân Mỹ phụ trách việc đổ xăng cho máy bay của chúng tôi trong khi hành khách vô nhà ăn tập thể của Hải quân để dùng bữa. Tôi thích thú học hỏi được phần nào cách sống trong Hải quân Mỹ. Cuộc phiêu lưu của tôi đã bắt đầu như vậy.

Dưới mắt tôi, trong những năm đầu của thập niên 1950, đi phi cơ những đường bay quốc tế được coi như những chuyến đi du lịch cho người nhà giàu. Hành khách thường ăn mặc đàng hoàng. Ghế ngồi trên máy bay rộng rãi và thoải mái hơn bây giờ nhiều. Chén đĩa bằng

sứ và muống nĩa xi bạc được dùng trong các bữa ăn. Hoàn toàn không có khăn và ly giấy hoặc muống nĩa bằng nhựa. Ngay cả đi hạng bình dân cũng rất thoải mái. Không có cảnh bị kiểm soát an ninh rườm rà hay khám mình trần/strip search như trong thế kỷ 21 này. Cũng không phải cởi giày để khám nữa! Đi máy bay thời đó là cả một kinh nghiệm sang trọng, thích thú và lịch thiệp.

Một bất ngờ khác đã xảy ra trong đời tôi: trong một tuần đó, Trời cho tôi được sống hai ngày Thứ Năm vì máy bay đã băng qua đường đổi ngày quốc tế. Chúng tôi được các tiếp đãi viên phát cho chứng thư kỷ niệm ngày đặc biệt này. Trong nhiều giờ tôi chỉ nhìn thấy một cách nhàm chán những đám mây trắng trôi lơ lửng trên đại dương. Cuối cùng, chiếc máy bay đáp xuống phi trường Honolulu trên lãnh thổ Hoa Kỳ. Lần đầu tiên tôi được xem cảnh ngoạn mục của các vũ nữ người Hạ Uy Di nhảy điệu Hula mặc váy sắc sỡ đan bằng cỏ và những bó đuốc sáng rực.



Điệu Múa Hawaii Hula



Điệu múa Hawaii Hula



Điệu Múa Lửa



Điệu múa Hawaii Hula



Điệu Múa Lửa

Một thử thách mới lại đến với tôi: tôi phải điền những giấy tờ của Sở Di Trú Mỹ trước khi tiếp tục bay đến đất liền nhưng tôi không biết điền các mẫu đơn bằng tiếng Anh. May mắn cho tôi là có anh bạn cùng trường ở Yersin tên là TN Châu đi cùng chuyến bay giúp tôi làm việc này. Cuối cùng tôi cũng nhận ra được hình dáng cầu Golden Gate Bridge nổi tiếng thế giới hiện ra nơi chân trời. Tôi đã tới Tân Thế Giới. Lúc đó tôi đâu ngờ rằng 23 năm sau cây cầu này và Vùng Vịnh San Francisco chính là nơi tôi định cư lâu dài với quốc tịch Mỹ.



Cầu Golden Gate



Khúc "Hot Dog" đầu tiên

Đặt chơ tới phi trường San Francisco, tháng 9, 1952

Học bổng dự trù cho tôi dự thính một khóa hướng dẫn vài ngày tại San Francisco để giúp tôi làm quen với nếp sống mới bên Mỹ. Đó là những giây phút quan trọng trong đời tôi khi mà "Đông Tây gặp nhau" với một cường độ mạnh mẽ hơn nhiều so với lần tôi trải qua đầu tiên ở thành phố Đà Lạt nhỏ bé. Một hành trình mới vừa dài vừa đầy thử thách đã bắt đầu. Ở San Francisco, một hướng dẫn viên vui tính người Mỹ tên Frank giúp cho tôi biết cuộc sống của một cư dân mới tại Vùng Vịnh sẽ như thế nào.

Ngắm cầu Golden Gate xong, tôi viếng thăm nhà hàng và tiệm bán đồ kỷ niệm Cliff House. Tôi bị một cú sốc nhẹ khi Frank mời tôi ăn "Hot Dog." Đối với tôi, khi thấy dân làng bên nhà ăn thịt chó thì cũng là chuyện bình thường. Nhưng tôi không thể tưởng tượng được rằng ở Hoa Kỳ người ta cũng ăn vậy nữa! "Không phải vậy đâu", Frank trấn an tôi, "xúc xích được làm bằng thịt bò và heo đó."

Sau đó tôi khám phá ra trước đây lâu lắm rồi, dân Đức cũng có ăn thịt chó nữa. Như vậy việc người ta nghi ngờ là xúc xích đôi khi cũng có thịt chó trong đó không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Bên xứ đó, hot dog còn được gọi bằng nhiều tên khác như frankfurter, frank, wiener, and weenie. Vào cuối thế kỷ 19, một số sinh viên tinh nghịch của đại học Yale ở New Haven, Connecticut, bắt đầu kêu xúc xích là "dogs." Một xe bán thức ăn tại nơi đó ban đêm có tên là "The Kennel Club/Hội quán chú cầy" chuyên bán loại xúc xích này kẹp trong bánh có trét "mu-tạc." Do đó bánh được gọi là Hot Dog. Chữ "dog" đã được dùng đồng nghĩa với chữ sausage từ năm 1884 và lời đồn đại là người ta có trộn thịt chó vào đó sớm nhất cũng xuất phát từ năm 1845. Frank giải thích cho tôi nghe như vậy để thuyết phục tôi rằng không có thịt chó trong hot dog bán ở Mỹ.



Nhà hàng Cliff House, nổi tiếng vì những hòn đá có hải cẩu nằm



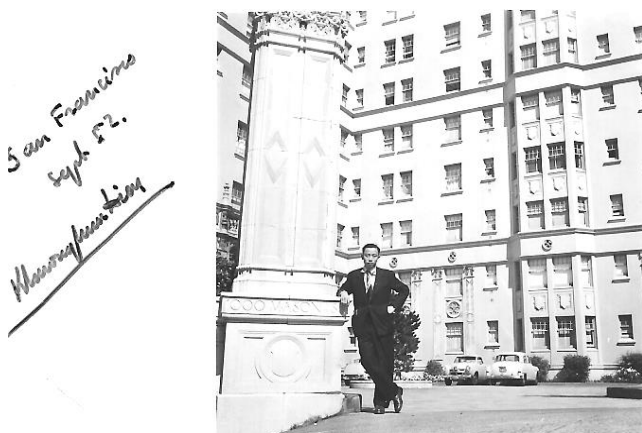
Xe Cable car



Cổng vào Chinatown nơi có dân số người Hoa sinh sống đông nhất sau Trung Quốc và Đài Loan



*Union Square ở trung tâm thành phố và khách sạn nổi tiếng Saint Francis.
Khách sạn St. Francis là nơi các tổng thống đảng Cộng Hòa cư ngụ khi
tới San Francisco.*



Khách sạn cổ kính Fairmont

Trong khi đó các tổng thống đảng Dân Chủ thường chọn khách sạn Fairmont để ở. Vào năm 1945, khách sạn Fairmont đón tiếp các thủ lĩnh trên thế giới tới họp để thành lập tổ chức Liên Hiệp Quốc. Hiến Chương của tổ chức này được soạn thảo tại phòng Garden Room trong khách sạn. Biến cố lịch sử đó được ghi nhớ lại bởi một tấm bản đặt tại khách sạn.



*Chiếc máy bay Constellation của TWA,
bay chuyển San Francisco-Pittsburgh-Harrisburg, Pennsylvania*

Mấy ngày vui vẻ ở San Francisco trôi qua thật lẹ. Chẳng bao lâu sau, tôi lại một mình lên phi cơ tiếp tục cuộc hành trình tới Lafayette College ở Easton, Pennsylvania. Tôi có ghé lại Pittsburgh, Harrisburg, và cuối cùng lên máy bay nhỏ đến phi trường Allentown-Bethlehem-Easton. Không có chuyến bay đi thẳng tới thành phố nhỏ bé Easton này. Chuyển đi tới khuôn viên trường Lafayette College nhiều hứng thú. Lần này tôi đi một mình, không có sự giúp đỡ của anh bạn TN Châu giỏi tiếng Anh cùng đi! Tôi chọn ngồi chiếc ghế gần cửa sổ để dễ quan sát Tân Thế Giới. Khi máy bay xà thấp trên mặt đất trước khi hạ cánh, quang cảnh cả triệu con gà trắng chạy lung tung trong các căn trại xanh tươi làm tôi ngạc nhiên. Ở Việt Nam không có những trang trại rộng lớn như vậy để nuôi gà và lấy trứng. Ngoài ra tôi còn nhận thấy những cây liễu tươi tốt khổng lồ mọc trong các trại đó; trái với bên Việt Nam, cây liễu biểu tượng cho hình dáng mảnh mai, tha thướt, nhỏ bé và yếu điệu của người phụ nữ. Lại một sự khác biệt nữa giữa Đông và Tây sau câu chuyện về "hot dog" ở San Francisco.

Lòng tôi thấy nhẹ nhõm khi được ông Lee, vị giám đốc giúp sinh viên ngoại quốc ở Lafayette, tới phi trường Easton giúp tôi lấy hành lý và đưa tôi tới khuôn viên nhà trường. Chúng tôi ghé Pardee Hall (xin xem hình) để hoàn tất thủ tục ghi danh vào năm thứ nhất về môn Engineering và lấy một phòng trọ cho tôi ở ký túc xá Easton Hall.



Ghi danh tại Pardee Hall, Lafayette College

Cho tới thời điểm đó, hành trình một tuần của tôi được tạm coi như một chuyến du ngoạn. Bây giờ mới là khởi điểm của thời kỳ đèn sách và giai đoạn Hụp lặn/*Immersion experience* đầy cam go thử thách.



Campus Lafayette College ngày xưa

Trước đây tôi có nếm mùi ngụp lặn với tiếng Anh trên chuyến bay tới khuôn viên trường ở Pennsylvania nhưng bây giờ tôi bỗng nhiên bị “đưa vào biển cả để học lội.” Không có thấy một ai nói tiếng Việt, ngay cả tiếng Pháp, do đó tôi không còn chọn lựa nào hơn là phải dùng tiếng Anh với những người chung quanh mình. Tình trạng này không khác gì khi ba tôi đưa tôi vào dòng sông Cửu Long để dạy tôi lội. Tôi bị sặc và nghẹt thở mấy lần trong nước đục của con sông. Ngày nay, có nhiều phương pháp nhân đạo hơn để dạy bơi lội. Tuy vậy lúc đó cũng như bây giờ tôi rất sợ chết nên phải làm mọi cách để khỏi bị chết chìm.



*Easton Hall, ký túc xá của tôi, xây năm 1926.
Phòng tôi ở từng một; phía sau, nhìn vào một khu rừng xanh nhỏ.*



Easton Hall Gate dẫn về hướng trung tâm thành phố Easton



Khuôn viên Lafayette College



Khuôn viên Lafayette College vào mùa thu



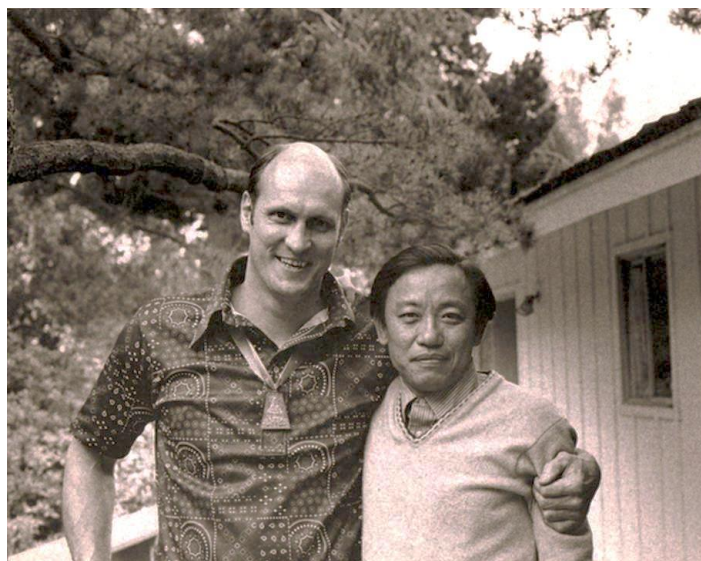
Khuôn viên nhà trường vào mùa thu

Tôi sẽ không bao giờ quên những ngày đầu tiên ở Lafayette. Sinh ra trong một nước bị chiến tranh, tôi ngạc nhiên hết sức khi nhìn thấy nhiều ngôi nhà cổ kính cả trăm năm trong khuôn viên nhà trường chứng tỏ nước Mỹ đã hưởng thanh bình một thời gian dài trong lịch sử. Ở miền Nam Việt Nam không sao kiếm được những công trình xây cất lịch sử như vậy vì bị sự tàn phá của năm mươi năm chinh chiến và gần một thế kỷ sống dưới ách cai trị của thực dân Pháp.

Cuộc phiêu lưu của tôi khi nhập học tại trường đại học Mỹ khởi đầu bằng việc tìm hiểu các bạn sinh viên đồng khóa với tôi ở Easton Hall. Họ hỏi tôi từ đâu tới. Khi tôi trả lời là Việt Nam thì họ không biết xứ Việt Nam ở đâu cả! Tôi buộc lòng phải giải thích Việt Nam trước đây được gọi là Đông Dương thuộc Pháp "French Indochina" thì lúc đó hình như họ mới hiểu là Việt Nam nằm đâu đó bên Á Châu. Hình như người Mỹ không biết địa dư thế giới nhiều. Sau đó, ngay cả khi tôi được mời đi nói chuyện về Việt Nam với những "clubs" như Kiwanis và Rotary, người ta cũng hay hỏi tôi những câu tương tự. Có lần, nhân viên đài truyền hình Wilkes-Barres, Pennsylvania đưa cho tôi hình chụp đồng bào Thượng gần như khỏa thân và cho đó là dân Việt Nam. Tôi giải thích là Việt Nam cũng có người dân thiểu số như "dân da đỏ" tại Mỹ.

Một sự ngạc nhiên nữa đối với tôi là phòng tắm chỉ là một phòng thật lớn có gắn sáu hoa sen. Không có gì là riêng tư cả. Mọi người đều trần truồng tắm chung như vậy. Tôi cảm thấy lại bị cú sốc mới. Được dạy dỗ theo nề nếp Việt Nam, tôi không thể tưởng tượng được rằng việc tắm rửa lại có thể là một hoạt động tập thể như vậy tại ngôi trường mới của tôi. Đầu tôi tích cực hội nhập vào cách sống của Mỹ, tôi chưa sẵn sàng trần truồng trước công chúng và chịu mất sự riêng tư. Nhiều năm sau, tôi lại trải qua kinh nghiệm tương tự ở trại tị nạn Camp Pendleton. Tôi phải chọn giải pháp là mặc quần tắm để đi tắm.

Người bạn sống trong căn phòng kế cận của tôi là Don Sayenga, sinh viên năm thứ nhứt đến từ Pittsburgh, Pennsylvania. Anh cao hơn một thước tám và thuộc loại nặng cân. Ngược lại, tôi chỉ cao một thước sáu và nhẹ hơn anh ta nhiều. Don chơi cho đội "football" Mỹ với trái banh bầu dục và đội đồ vật của trường. Anh hết sức cởi mở và tánh tình rất tốt. Anh không ỷ vào vóc dáng cao lớn và sức mạnh của mình để hù dọa hay bắt nạt tôi. Ngược lại, anh muốn che chở tôi trong những tình huống bất lợi trong tầng nhà chúng tôi ở. Chúng tôi trở nên bạn tâm giao và tình bạn của chúng tôi đã tồn tại tới ngày hôm nay. Với sự giúp đỡ của Don, tôi đối đầu được với nhiều sự bất ngờ cũng như tìm được cách thích nghi và hòa đồng với bối cảnh sống mới.



Don Sayenga tới thăm tôi ở California sau ngày tôi rời trại tị nạn Pendleton, 1975.

Một trong những việc mới lạ đối với tôi là vấn đề ăn uống. Nó hoàn toàn khác nhiều đối với tôi. Ngày đầu đặt chân lên đất Hoa Kỳ, tôi phải chuyển qua dùng dao nĩa thay vì đũa cũng như ăn ngũ cốc và bánh mì thay cho cơm, và uống sữa tươi như thế cho nước. Vì bên Việt Nam không có kỹ nghệ sản xuất và chế biến sữa tươi nên tôi ít có dịp uống sữa. Tôi chỉ dùng sữa đặc có đường nhập cảng đắt tiền để pha với cà-phê đen. Ngoài ra, với dáng người nhỏ thó của một thanh niên Á-châu, nói tiếng Anh không rành, tôi không giống ai trên "campus" trong những bộ quần áo do thợ bên nhà may. Tôi nhanh chóng chuyển qua mặc quần jeans, áo thun, và một áo khoác ngoài để cho giống mọi người.

Tôi theo học các lớp toán, hóa học, và vật lý một cách dễ dàng. Nhưng tôi phải bỏ lớp địa hình vì viên đại tá dạy môn đó nói tiếng Anh với giọng miền Nam rất nặng của tiểu bang Alabama khiến tôi không hiểu gì cả. Ngược lại tôi ghi danh theo học lớp dạy đọc với tốc độ nhanh và tiếng Anh cho sinh viên ngoại quốc. Những tuần đầu ở trường căng thẳng tới độ tôi không còn biết ngày tháng là gì nữa, đầu óc tôi bận bịu khiến tôi không còn thời giờ để cảm thấy nhớ nhà và lẻ loi gì cả. Rồi đột nhiên tôi nhận được tin như sét đánh từ cơ quan quản trị học bổng là Institute of International Education ở New York báo cho biết học bổng của tôi chỉ kéo dài trong một năm và không thể gia hạn được. Tôi thực sự bị bàng hoàng! Ba má tôi không sao lo đủ Mỹ kim để trang trải cho ba năm học đại học còn lại cho tôi và tôi không thể chấp nhận ý tưởng về nước mà không có một bằng cấp kỹ sư. Tôi không hiểu vì cơ chi văn phòng USIS tại Sài Gòn không cho tôi biết trước gì cả. Đây có phải là số phận hay vận mạng của tôi chăng? Nếu biết trước có lẽ tôi đã từ bỏ giấc mộng đi học bên Mỹ của tôi rồi.

Tôi đọc kỹ lại bức thư và thử tìm một lối thoát. Tôi được cho biết cơ quan này sẽ giúp tôi gia hạn chiếu khán sinh viên nếu tôi chứng minh là tôi có thể tự trang trải chi phí sinh sống của mình trong năm tới. Sau khi bàn luận với các bạn, tôi đi tới một giải pháp. Tôi sẽ tiết kiệm tối đa số tiền học bổng của tôi cho năm đầu đồng thời kiếm mọi cách để đi làm lấy tiền trả cho tiền ăn. Tôi vững tin sẽ làm được điều này nếu tôi giới hạn việc chi tiêu xuống mức tối thiểu. Thử thách này rèn luyện tánh tình của tôi, giúp "đứa trẻ" trong tôi trưởng thành. Suy xét lại, nỗi sợ bị thất bại to tát tới độ nó khiến mọi hy sinh dù khổ cực đến đâu cũng trở thành nhỏ nhoi. Thời gian tranh đấu sống còn vô tiền khoáng hậu này đã ảnh hưởng trực tiếp tới những thành quả tôi gặt hái được sau đó cũng như sự thành công của tôi trong đời. Nói cách khác, tôi đã qua được thời gian thử lửa ngay trong trường lúc đó.

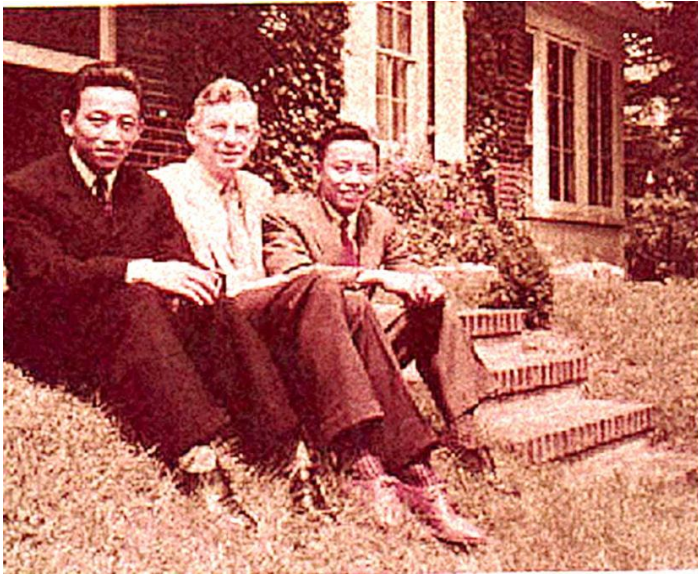
Ông Frank R. Hunt, Khoa trưởng sinh viên vụ, trở thành vị ân nhân người Mỹ đầu tiên của tôi. Ông bà Hunt sống trong ngôi biệt thự xinh xắn số 3 West Campus ngay trong khuôn viên nhà trường. Ông cho tôi cư ngụ miễn phí trong một phòng nhỏ gần căn bếp trong nhà nhằm giúp tôi có thể tiếp tục đi học. Để đền bù lại, tôi phải làm những việc lặt vặt trong nhà như rửa xe, cắt cỏ và quét lá rụng ở trong sân.



*Ngôi nhà của Khoa Trưởng Hunt
nơi tôi sống từ năm 1953 tới 1956*



Nhà của Khoa Trưởng Hunt



*Hình chụp tại sân cỏ trước nhà của Khoa Trưởng Hunt
với anh song sanh của tôi đến từ Ba lê, ngày ra trường tháng Năm 1956*



Tôi còn kiếm được việc làm rửa chén và đôi khi hầu bàn tại Watson Hall, một nhà cho sinh viên ở có luôn chỗ ăn uống cho họ. Việc quản trị căn nhà và sinh viên sống trong đó do chính nhóm họ đảm nhiệm với sự trợ giúp của người quản lý sống luôn tại đó. Trong trường hợp này, Tiến sĩ Saalfrank, Khoa trưởng Khoa Toán học làm quản lý. Người làm việc toàn giờ duy nhất mượn từ bên ngoài trường đại học vào là người nấu bếp chuyên nghiệp.

Nhờ mỗi ngày làm hai tiếng nơi đó tôi được ăn ba bữa: điểm tâm, trưa và tối miễn phí. Đối với một thanh niên xuất thân từ gia đình trung lưu khá giả bên Việt Nam mà phải đi hầu bàn và rửa chén thật khó mà mừng tượng được. Người Á châu coi việc làm chân tay không được trọng vọng. Dưới mắt tôi, đó lại là điều "đắt nào thối đó." Hiển nhiên là con trai thống đốc tiểu bang Pennsylvania cũng làm lao công trong nhiều dự án xây xa lộ trong mùa hè. Tôi còn nhớ tôi cảm thấy e ngại mặc lên bộ đồng phục



*Watson Hall Student Residence
do IBM tài trợ xây cất*

trắng để hầu bàn cho sinh viên nam nữ tại phòng ăn của Watson Hall. Nhưng mọi việc đã an bài. Vào ngày đầu đi làm, mấy bạn đồng nghiệp cùng nhau mở rộng hai cánh cửa của nhà bếp để đưa tôi ra phòng ăn như làm lễ phóng phi thuyền vậy! Tôi tiếp tục làm công việc đó trong ba năm kế để lo xong vấn đề ăn uống của mình.

Đương nhiên không ai được cho tiền "tip" khi làm ở đó. Đôi khi tôi được mời tới bàn ăn của những sinh viên học tiếng Pháp để giúp họ thực tập. Trong những dịp đó tôi không phải hầu bàn hay rửa chén. Thực ra việc rửa chén bằng máy cũng dễ dàng thôi. Dàn máy tự động rửa, tráng, và sấy khô chén đĩa. Nhiệm vụ của tôi là sắp chén đĩa vào máy để dàn máy rửa xong là tôi lấy ra khi đã sạch.

Tôi còn có thêm một việc hầu bàn ở Hogg Hall Cafeteria trong khuôn viên nhà trường. Tại đây, ngoài công việc hầu bàn là chánh tôi còn học cách chiên hamburger và hot dog nữa. Tôi được trả một Mỹ kim một giờ cộng với tiền "tip." Tuy vậy, sinh viên không cho tiền "tip" nhiều. Trong suốt thời gian từ 1952 đến 1956, tôi chưa hề nhận được tiền tip nào trên 25 xu cả. Ngày nay tôi luôn rộng rãi trong việc để lại tiền tip cho người hầu bàn vì tôi thông cảm với họ.

Trong trường đại học, nhiều giáo sư muốn sinh viên dọn dẹp nhà cửa cho họ. Giáo sư Pascal dạy tiếng Pháp trả tiền cho tôi để xúc than đá vào máy sưởi trong nhà ông. Trong thập niên 1950, nhiều villas ở Pennsylvania dùng lò sưởi đốt bằng than đá đặt ở từng dưới. Xe giao than đá từ bên ngoài qua một ống lớn chạy vào quặng than ở từng dưới. Trách nhiệm của tôi là đi xuống từng hầm lạnh buốt và tối tăm trong nhà để lùa than đá vào cái quặng ở đó. Tôi còn nhớ trước khi xuống tôi dùng chiếc khăn tay màu trắng thịnh hành thời đó để bịt mũi lại. Xúc than xong thì phần khăn nơi che mũi trở nên đen xì. Tôi cũng chỉ được trả một Mỹ kim một giờ cho công việc cực nhọc này. Mặc nhiên, trị giá đích thực của những đồng lương đó là đã giúp tôi rèn luyện tánh tình. Suy gẫm lại, tôi sẽ lường lự nếu phải sống lại các kinh nghiệm đó. Tuy nhiên không phải mọi công việc tôi làm thời đó đều cực nhọc và lem luốc cả. Tỉ dụ như, cứ vài tuần, các giáo sư toán của tôi đã muốn tôi thể họ chấm điểm những bài thi của sinh viên.

Vào cuối tuần, một vài giáo sư thuê sinh viên thuê thập kết quả của những thí nghiệm trong phòng thử nghiệm dùng cho những nghiên cứu của họ. Tôi nhanh chóng nhận ra được nhiều sinh viên Mỹ cần đi làm mới có thể đi học được. Đây là việc bình thường và đáng trọng chứ không có gì đáng lấy làm hổ thẹn như thường nghĩ bên phương Đông. Nan giải chính cho tôi là vấn đề thời gian. Tôi luôn bị giằng co giữa việc học và việc làm. Hai niên học đầu là cả một thử thách đối với tôi. Tôi phải bỏ ra nhiều thời giờ học thêm Anh văn, làm bài cho các lớp Engineering trong khi cần đi làm kiếm đủ tiền để có thể gia hạn chiếu khán sinh viên cho năm kế tiếp.

Nói về những thử thách trong lớp học, tôi thấy riêng đối với tôi, các thực tập trong phòng thí nghiệm tỏ ra khó khăn hơn là đối với những bạn đồng lớp người Mỹ. Nguyên nhân có thể họ đã sanh trưởng trong một xã hội máy móc nhiều hơn chăng? Ở Hoa Kỳ, những thanh

thiếu niên dưới hai mươi đã quen việc lái và bảo trì xe hơi của họ rồi. Bên Việt Nam, chuyện này hiếm hoi hơn. Cũng trong trạng thái ấy, nhiều sinh viên sống gần gũi với máy móc và dụng cụ dùng trong các trang trại. Rõ ràng đời sống hàng ngày đã cho họ lợi thế trong phòng thí nghiệm. Để trừ bì tối đa sự khác biệt này giữa tôi và các bạn cùng lớp, tôi rán đi thăm càng nhiều hãng xưởng càng tốt.

Hôm nay, tôi không khỏi thấy ngỡ ngàng và thán phục trước các bước tiến về khoa học và kỹ thuật của thế giới trong quá nửa thế kỷ qua. Vào những thập niên 1950, các sinh viên Engineering dùng những thước tính toán "slide-rule" làm bằng tre và plastic. Thời tôi không có computer, máy tính bỏ túi, iPads, hay tablets như bây giờ. Thước slide-rule dùng trong các toán nhơn hay chia, hàm số như căn số, logarithms và lượng giác học. Mỗi ngày, tôi di chuyển từ lớp này qua lớp khác bên hông đeo lưng lủng lẳng một bao da đựng thước slide rule dài khoảng 25 cm trông như những khí giới vậy. Dụng cụ này còn được sử dụng trong hai thập niên 1950 và 1960 cho tới khi máy tính bỏ túi ra đời khiến các slide rule trở thành lỗi thời trong thập niên 1970.



Thước slide rule dài 25 cm với bao da



Preston và tôi đang làm bài, Easton Hall 1953

Việc có tiền để trang trải tiền học cho năm tới không phải là động lực duy nhất khiến tôi nộp đơn xin học bổng. Tôi cũng cần có điểm cao. Ngoài việc có điểm đầu cho các lớp tiếng Anh, tôi còn cần lấy điểm cao cho các môn toán, hóa học và vật lý nữa. Hệ thống giáo dục bên Hoa Kỳ hoàn toàn khác lạ với những gì tôi quen biết trước đó nhưng tôi càng ngày càng nhận thấy được những ưu điểm của nó. Trước hết, mối quan hệ giữa giáo sư và sinh viên cởi mở nên có được sự trao đổi ý kiến liên tục và dễ dàng giữa đôi bên. Thêm nữa, thay vì chỉ thi vào cuối năm như ở bên Việt Nam, sinh viên bên này thi nhiều lần quanh năm. Tôi thích cách thi này vì nó cho phép tôi chia đều thời gian học ra trong cả niên học chứ không phải học thi rút vào cuối năm. Ngoài ra, tôi cũng thích cách trường đại học tôn trọng nhân phẩm của sinh viên trong lúc đối xử với họ. Người Mỹ gọi cái đó là "honor system." Nhờ đó người sinh viên học được đức tính tự mình lãnh nhận trách nhiệm cho việc mình làm chứ không bị ai ép buộc cả.

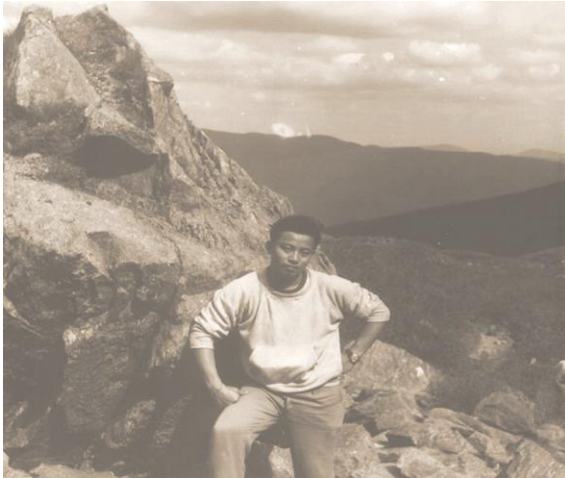
Những ngày đầu của tôi tại Lafayette gặp nhiều chông gai. Tuy vậy như một miếng thép được rèn thành cây bảo kiếm, tôi trở thành con người cương nghị và sắc bén hơn khi đối phó với thử thách. Đương nhiên, nhiều lúc tâm tư tôi cũng bị dẫn dắt bởi nỗi nhớ nhà, nhớ gia đình thân yêu. Tôi có cảm tưởng như họ xa cách tôi cả triệu dặm vậy! Tôi sao quên được những đêm mưa ngồi nhìn qua cửa sổ của căn phòng ở Easton Hall để rồi nhỏ lệ trong âm thầm. Nhưng sau đó tôi lại tự nhủ là mình cần sẵn sàng trả giá đắt đỏ để đạt được sự đầy đủ tài chánh và tránh bị thất bại. Tôi nhận ra được là không có gì hèn hạ trong công việc tay chân hay hầu bàn cả. Mỗi khi có ai để lại cho tôi đồng "dime" hay "quarter," hai mươi lăm xu, tôi thấy đó là cách thưởng xứng đáng cho công việc tôi làm chứ không phải là một bố thí từ các bạn sinh viên của tôi tại trường Lafayette. Tôi đã học được giá trị của đồng tiền đến từ mồ hôi nước mắt của mình. Đó là một bài học đáng nhớ về sự độc lập tài chánh và lối sống "liệu cơm gắp mắm" rất hữu ích cho tôi nhất là khi đã ra đời và đang về hưu.

Trong những năm học ở Lafayette, tôi còn khám phá ra một điều đáng quý khác, đó là khả năng làm lắng dịu tinh thần của nhạc cổ điển. Ở trung học, tôi học được từ nhà thơ Lamartine quyền năng an ủi con người của Thiên Nhiên. Bây giờ tôi biết được nhạc cổ điển cũng có tác dụng như vậy. Trong những năm cắp sách đến trường ở bên nhà, tôi chưa bao giờ làm quen với nhạc của Beethoven, Mozart, Dvořák, Tchaikovsky, và các nhạc sĩ khác. Lúc này, tôi bước chân vào thế giới âm nhạc cổ điển. Nhờ vậy tôi tìm được nguồn an ủi và cảm hứng cho tâm hồn. Khi về nước, tôi đem theo mấy trăm đĩa hát và một dàn máy hi-fi thật tốt. Đó là kỷ niệm quý nhất của tôi từ Mỹ quốc.

Việc làm mùa hè

Tôi ưa thích công việc làm hướng đạo và dạy bơi lội cho các trẻ em tại trại hè ở Naples, Maine và đi viếng thăm rừng núi ở New Hampshire.

Một việc làm mùa hè trong phòng thử nghiệm của nhà trường là sản xuất khuôn cát cho việc nghiên cứu của giáo sư William Childs về lò đúc.



Làm hướng dẫn viên ở New Hampshire



Dạy bơi ở Naples, Maine 1953

Đời sống xã hội

Trong đại học có nhiều tín đồ của các tổ chức nhà thờ sẵn lòng đỡ đầu các sinh viên ngoại quốc và giúp họ làm quen với lối sống bên Mỹ để họ đỡ cảm thấy cô đơn lạc lõng nơi xứ người. Trong năm 1953, tôi may mắn được nhà thờ Presbyterian ở dưới phố giới thiệu tới gia đình Miller. Tôi đã là thành viên vĩnh viễn của gia đình này. Vào những dịp lễ, họ đưa tôi đi thăm nhiều nơi trong nước như Hershey's Chocolate World ở Hershey, PA, một khu giải trí có luôn công viên Hersheypark. Chúng tôi còn đi viếng bờ biển tiểu bang New Jersey, núi Pocono Mountains, khu giải trí Delaware Water Gap National Recreation Area, và luôn cả thành phố Nữ Ước chỉ cách trường độ 70 dặm Anh.



Cuối tuần tại nhà của Miller 1953



Cuối tuần tại nhà của Joan Flagler



Chuyến đi Florida với bạn bè có Dean và bà Hunt Đi thăm Nữ Ước với bạn học



Chuyến đi Florida với Dean và bà Hunt



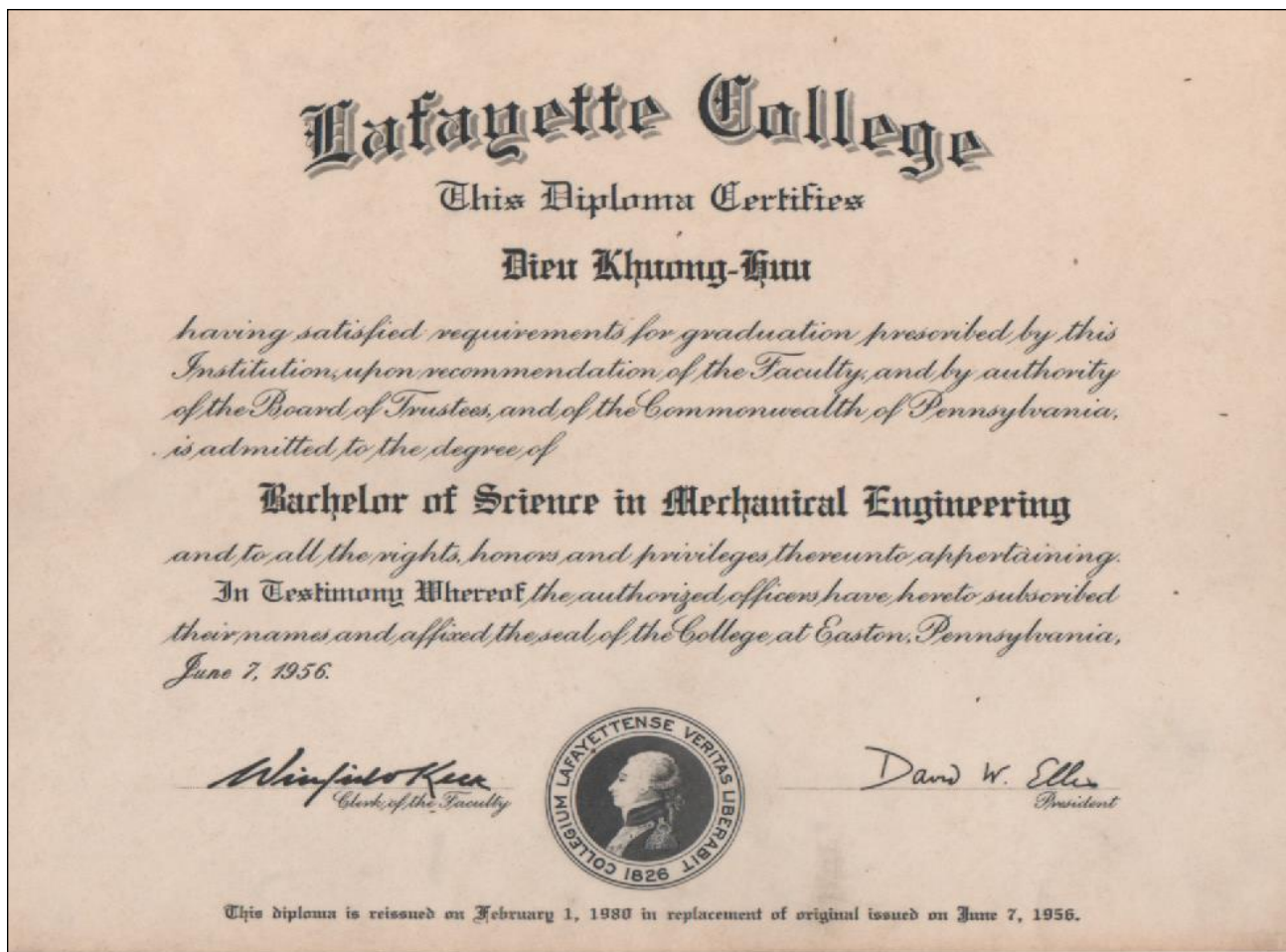
Đời sống xã hội tại Rutgers University 1956



Giáng Sinh 1953, Rockefeller Plaza ở New York City: anh Chấn và anh Mô

Tôi có gặp hai bạn mới đến từ bên nhà là anh Chấn làm việc cho đài VOA ở New York và anh Mô, Tổng Giám đốc Bưu Điện Sài Gòn đi công tác bên Mỹ.

Nếu đem so sánh thì biến cố “Đông gặp Tây” của tôi ở Lycée Yersin không sao quyết liệt bằng lúc tôi học ở Lafayette College. Khi tôi tập cách xã giao của Pháp tại Lycée Yersin, tôi vẫn còn sống bên nhà trong một bối cảnh quen thuộc với những phong tục và lễ lối cổ truyền. Tôi còn là một thanh niên trẻ thuộc một gia đình khá giả, sống cuộc sống thoải mái rồi thỉnh thoảng còn được dịp về thăm gia đình và họ hàng. Ngược lại, ở Lafayette College, tôi bị ngụp lặn trong cách sống Mỹ và phải làm hầu bàn hay các việc lật vật nhằm trả tiền ăn ở để học cho xong. Chính tại Lafayette College tôi gặp trận chiến đầu tiên của mình khi “Đông gặp Tây” trên đất Mỹ và đây mới chỉ là khởi đầu mà thôi. Nhiều trận chiến khác với nhiều thử thách lớn hơn đang chờ tôi tại trường MIT nổi tiếng ở Boston, Massachusetts ...



Chương 7

Thử Lửa Ở MIT

Sự Sống Còn Của Kẻ Mạnh



Mùa hè 1956 đánh dấu một điểm mốc tràn đầy thử thách trong cuộc đời khoa bảng của tôi. Vào năm thứ tư cũng là năm cuối ở Lafayette College tiểu bang Pennsylvania, tôi nộp đơn xin học bổng tại các trường *Ivy League*, tức là các trường đại học cổ kính và uy tín của Mỹ. Ngoài ra tôi cũng có tham dự cuộc thi tuyển để nhận học bổng của Tau Beta Pi (Engineering Honorary Society). Đầu đề bài thi là "The role of Union and Management in a Corporation/Vai trò của nghiệp đoàn và ban quản trị trong một công ty." Kết quả bất ngờ của cuộc thi được đăng trong tờ The New York Times ấn bản Chủ Nhật ngày 3 tháng 6 năm 1956 (xin xem tài liệu phía dưới) cho biết tôi là một trong năm người được nhận học bổng của Tau Beta Pi để tiếp tục học bằng Master về Kỹ thuật cơ khí tại MIT.

Tau Beta Pi

"Tau Beta Pi was founded in 1885 to mark in a fitting manner those who have conferred honor upon their alma mater by distinguished scholarship and exemplary character as undergraduates in the field of Engineering, or by their attainments as alumni in the field of Engineering, and to foster a spirit of liberal culture in the Engineering colleges."

"Tau Beta Pi được thành lập năm 1885 để vinh danh một cách thích đáng những ai đã đem vinh dự cho trường học của mình qua thành quả học vấn và đức hạnh cá nhân trong chương trình học bằng cử nhân môn Engineering/Kỹ Sư, hoặc qua những thành quả gặt hái được sau khi ra trường trong lãnh vực Engineering/Kỹ Sư, cũng như phát huy tinh thần cấp tiến, cởi mở trong phân khoa Engineering/Kỹ Sư tại cấp đại học."

The New York Times

Chủ nhật, ngày 3 tháng 6, 1956

SUNDAY, JUNE 3, 1956
**Vietnam Student Here
Wins M. I. T. Fellowship**



Dieu Khuong-Huu

Special to The New York Times.

EASTON, Pa., June 2—A Vietnamese student at Lafayette College has won a fellowship to Massachusetts Institute of Technology, the college said this week. He is Dieu Khuong-Huu, a senior. He ranks first in his field of study, although he has had to work his way through college.

He will receive a Bachelor of Science degree in mechanical engineering at Lafayette's commencement Thursday. He won one of the five Tau Beta Pi Association fellowships. This will enable him to study at M. I. T. for a master's degree in mechanical engineering. After that he plans to return to Vietnam to work there.

Trích dịch Báo Easton Express, ngày 2 tháng 6, 1956

Sinh Viên Á Châu Nhận Học Bổng Để Học Cao Học

"Một sinh viên người Việt đứng đầu trong ngành học tại Lafayette College, đã được cấp học bổng của trường Massachusetts Institute of Technology, Giáo sư Frank R. Hunt, khoa trưởng sinh viên vụ tại Lafayette đã thông báo như vậy ngày hôm nay."

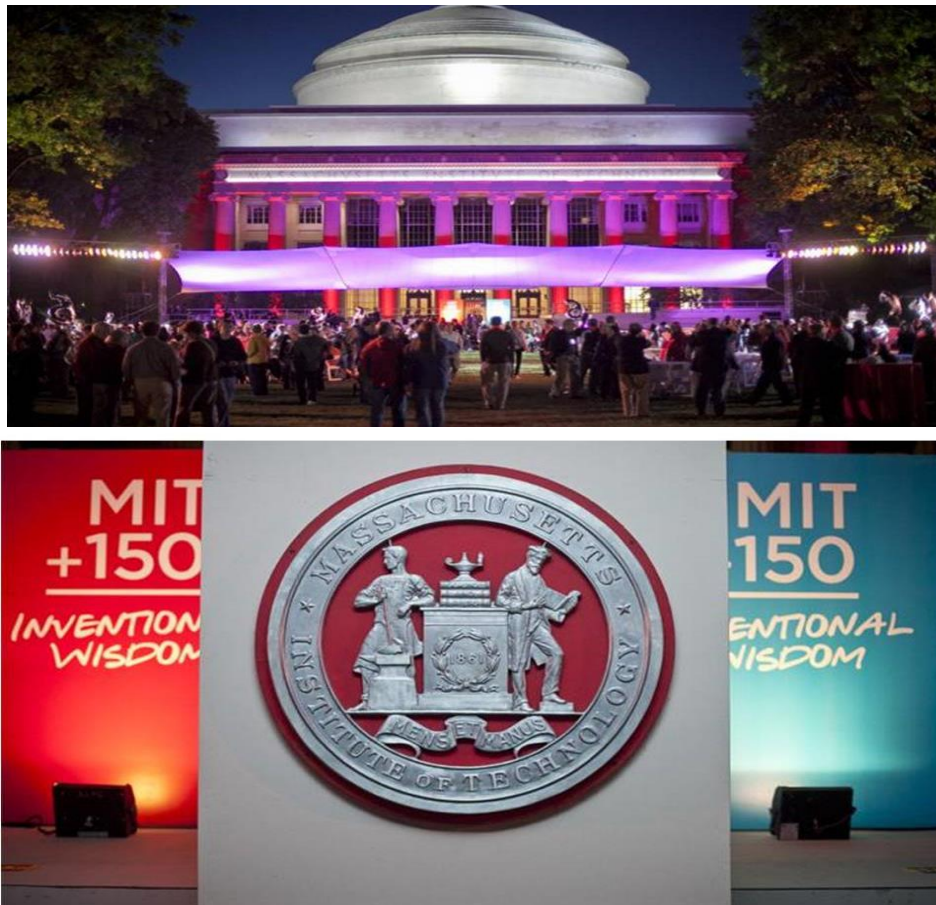
Người sinh viên được lãnh học bổng tên là Khuông Hữu Điều bắt đầu học tại Lafayette năm 1952. Anh sẽ nhận lãnh bằng Bachelor of Science môn Kỹ thuật cơ khí trong buổi lễ ra trường ngày 7 tháng sáu. Sinh viên này sẽ ra trường với hạng danh dự và sẽ tiếp tục học tại MIT để lấy bằng Master of Science ngành Kỹ thuật cơ khí. Anh Điều là một trong năm sinh viên trong nước Mỹ được lãnh học bổng như vậy."

Sinh viên Điều đã sửa soạn lên đại học khi còn học tại trường Lycée Yersin, ở Đà Lạt bên Việt Nam và qua Mỹ năm 1952 theo bộ luật số 402. Anh nhận sự trợ giúp trong năm đầu từ cơ quan U.S. Office of Information and Educational Exchange, còn chi phí di chuyển được đài thọ bởi quỹ học bổng Fulbright.

Vì sự trợ giúp của chính phủ chấm dứt vào cuối năm đầu ở đại học nên anh Điều đã phải tự lo liệu trong những năm sau đó bằng cách đi làm trong mùa nghỉ hè và làm bán thời gian trong niên học thường. Anh cũng nhận được sự trợ giúp tài chánh từ trường của mình. Khi ra trường, sinh viên này nằm trong số 8% sinh viên đỗ đầu trong khóa của mình. Ngoài ra anh cũng là thủ khoa của nhóm sinh viên ra trường với chuyên khoa về kỹ thuật cơ khí.

Mặc dầu việc học và đi làm chiếm nhiều thì giờ, sinh viên Điều vẫn rất hăng hái tham gia vào các hoạt động khác ở trong trường. Anh là hội viên của Cosmopolitan Club, International Affairs Association và chi nhánh sinh viên của American Society of Mechanical Engineering. Ngoài ra, anh Điều còn tham dự những thi đấu của các đội thể thao trong trường (intra mural sports). Anh cũng được bầu vào Tau Beta Pi, một hội danh dự về Engineering.

Trong thời gian ở Easton, Anh có đi nói chuyện với nhiều tổ chức trong vùng về những khó khăn của người Việt Nam. Sau khi đậu bằng Master, anh Điều dự tính sẽ về làm việc và đi dạy môn Engineering tại quê hương miền Nam Việt Nam."



2011, MIT 150th anniversary

Cùng lúc đó tôi nhận được những đề nghị cấp học bổng từ các trường đại học như Cornell, Columbia, Yale, Michigan State và Princeton đang tiếp tục học cao học. Để được công bằng với những sinh viên đã nộp đơn trước đó, tôi tức khắc gửi điện tín để cảm tạ họ và tỏ ý tiếc không thể nhận lời được.

Đây là một trong những lúc vui tươi nhất trong đời tôi vì trước đó không lâu, tôi đã gặp bao gian nan khi bắt đầu học chương trình cử nhân và phải vùi đầu trong những lớp học Anh văn cấp tốc ở tiểu bang Pennsylvania. Đi học bên Mỹ với vốn liếng chỉ vồn vẹn có hai sinh ngữ Việt và Pháp đúng là một kinh nghiệm kinh hoàng. Ngược lại, phần thưởng của tôi là đứng đầu lớp nhóm chuyên khoa về Kỹ thuật cơ khí và sau đó lại được học bổng đi học tiếp ở MIT. Quả thực nước Mỹ là đất của cơ hội. Bước đường cam go của chương trình cử nhân đối với tôi đã lui vào dĩ vãng. Cảm tạ Thượng Đế, với một học bổng toàn phần tôi hết còn nhu cầu đi làm nữa mà có thể dốc toàn tâm trí vào việc đèn sách.

Ngay sau khi nhận miếng "da trều" [Vào thời đó, người ta dùng miếng da trều để làm bằng cấp chứ không phải in trên giấy như bây giờ] từ tay Phó Tổng thống Richard Nixon khi ông này được mời đọc bài diễn văn ra trường tại Lafayette College, tôi đáp chuyến xe lửa của Pennsylvania Railroad để dọn về khuôn viên trường MIT ở thành phố Cambridge. Tôi không muốn lãng phí thì giờ khi tiến bước trên hành trình dẫn tới mục tiêu của mình. Với một tinh thần tràn đầy phấn khởi tôi quyết tâm lấy được tấm bằng Master trong thời gian cơ quan cấp học bổng ấn định. Giải pháp thực tiễn và hữu hiệu nhất là ghi danh tại Graduate House của MIT. Không thể bỏ phí giây phút nào để tìm ngay một căn phòng tạm được trong thành phố xa lạ này. Tôi ở chung một căn phòng với hai sinh viên cao học tên Bauer và Wilson. Tình bè bạn là viên thuốc trấn an nhiệm màu chống bệnh cô đơn.

Câu hỏi đầu tiên nảy ra trong đầu tôi là tại sao người ta lại gặp khó khăn và vất vả như vậy để được nhận vào học tại trường này? Câu trả lời là những sinh viên tốt nghiệp từ MIT thường được trả lương cao nhất so với các trường đại học khác dạy môn Engineering. Tôi thật sự lo lắng và cảm thấy bị khớp bởi danh tiếng của trường. Một trạng huống thiếu tự tin và mặc cảm tự ti bắt đầu xâm nhập tiềm thức tôi. Điều gì sẽ xảy đến nếu tôi không học được? Nếu tôi không học xong trong thời gian hạn định thì sao? Nỗi hoảng sợ vì thất bại khiến cho những hy sinh tôi cần làm trong những ngày sắp tới trở nên dễ chịu hơn. Tôi phải thu ngắn thời gian để làm quen và thích nghi với đời sống đại học nơi đây và rón học hỏi từ những bạn sinh viên tới trước.

Cảm tưởng đầu tiên của tôi khi tiếp xúc nhà trường thật là thoải mái. Nhìn qua cửa sổ của căn phòng tôi ở tại Graduate House,



*"The Graduate House."
Căn phòng tôi ở nằm trên lầu ba của ngôi nhà này*

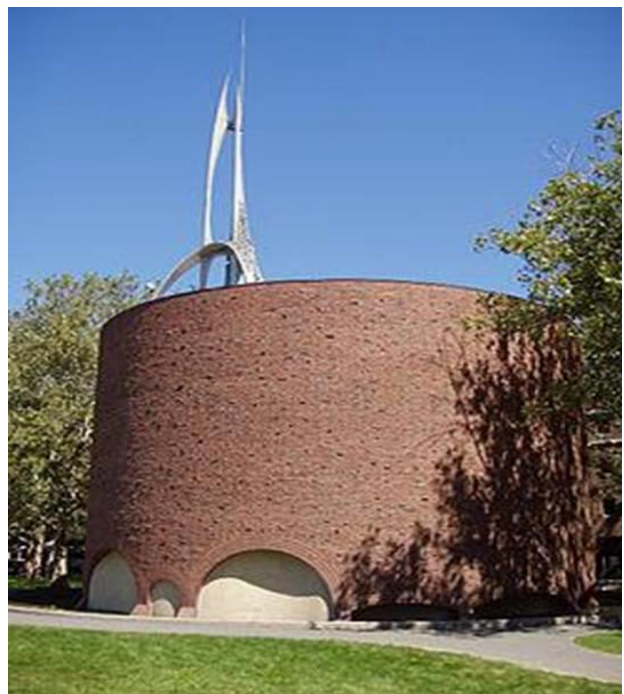
(xin xem hình) tôi thấy có hai tòa nhà phía bên kia đường: The Kresge Auditorium và MIT Chapel.



The Kresge Auditorium

Tòa nhà trông thật đặc biệt có hình thù 1/8 trái bầu bằng xi-măng cốt sắt xây với kỹ thuật tường mỏng (thin shell structure). Mái nhà chỉ chạm mặt đất tại ba nơi với tường bằng kính trong. Kỹ thuật dùng tường mỏng thật mới mẻ vào thời kỳ đó. Nó được thiết kế bởi kiến trúc sư nổi danh người Phần Lan Eero Saarinen và được khánh thành vào năm 1955. Ông Saarinen vẽ tòa nhà này cùng lúc với MIT Chapel. Một bãi cỏ xanh nằm giữa hai tòa nhà và thường được sinh viên gọi là "Kresge Oval."

Bàn thờ bằng đá cẩm thạch trắng được thiết kế để thích hợp cho việc hành lễ của nhiều tôn giáo khác nhau. Nó có thể được hạ thấp, tái phối trí và bày biện cho buổi lễ kế tiếp. Toàn thể kiến trúc này được xem là một thí dụ tiêu biểu cho nền kiến trúc thuộc loại tân thời vào giữa thế kỷ (mid-Century modern) của Hoa Kỳ.



Nhà thờ trường MIT



MIT Chapel được dùng làm nơi thờ phượng cho nhiều tôn giáo



Stata Building



Simmons Hall

Một số tòa nhà khác thật tuyệt vời như ngôi nhà Dome rất nguy nga trong một ngày đẹp trời khi nhìn từ phía Memorial Drive, một số building khác lạ mắt như Simmons, Stata, (Xin xem hình phía trên.)

Việc Giảng Dạy Tại MIT Ra Sao?

Điều độc đáo nhất của MIT có lẽ ở lãnh vực giáo dục. Chương trình dạy học nơi đây được coi như là một trong những chương trình gay go nhưng cũng có hiệu quả nhất trên thế giới. Tất cả những học trình tại đây đều rất khó và hoàn toàn mới mẻ với các sinh viên. Họ có thể đã nhận toàn điểm A tại trường cũ nhưng ở MIT làm được điều này không phải là dễ. Thường là điểm họ nhận được sẽ thấp hơn trước trong 50% lần thi. Cũng như mọi người,

tôi cố gắng thích nghi với tiêu chuẩn mới ở MIT và sự đòi hỏi khắt khe từ các giáo sư. Điều này đã khiến tôi phải cố gắng để phát triển khả năng của mình nhiều hơn. Mọi người đều thông minh và cách nói đùa của họ đòi hỏi người nghe phải có một trình độ kiến thức nào đó để hiểu được. Nhưng chính đây cũng lại là điều thú vị nữa. Sinh viên than phiền nhiều nhất là bị thiếu ngủ vì phải thức thâu đêm để làm bạn với đèn sách. Ở MIT có thể có nhiều thần đồng nhưng đa số sinh viên thuộc loại thông minh và chăm học. Đương nhiên bạn cần phải thuộc loại học giỏi mới được vào học ở MIT nhưng bạn không cần phải là những bậc siêu nhân gì cả.

Khi còn ở Việt Nam, cái hoài bão của tôi là được học tại các trường nổi tiếng/ Grandes Écoles tại Paris như École Polytechnique, École Centrale, Supélec, HEC (Hautes Études Commerciales), ENA (École Nationale d'Administration), ENS (École Normale Supérieure), Écoles des Mines. Những sinh viên tốt nghiệp các trường này sau đó đều nắm giữ những địa vị quan trọng trong chính phủ Pháp và hầu hết trong các đại công ty Pháp cũng như Việt Nam. Tại những trường Grandes Écoles này của Pháp, thông thường chỉ có những sinh viên Pháp hay từ thuộc địa cũ của Pháp tranh đua với nhau mà thôi.

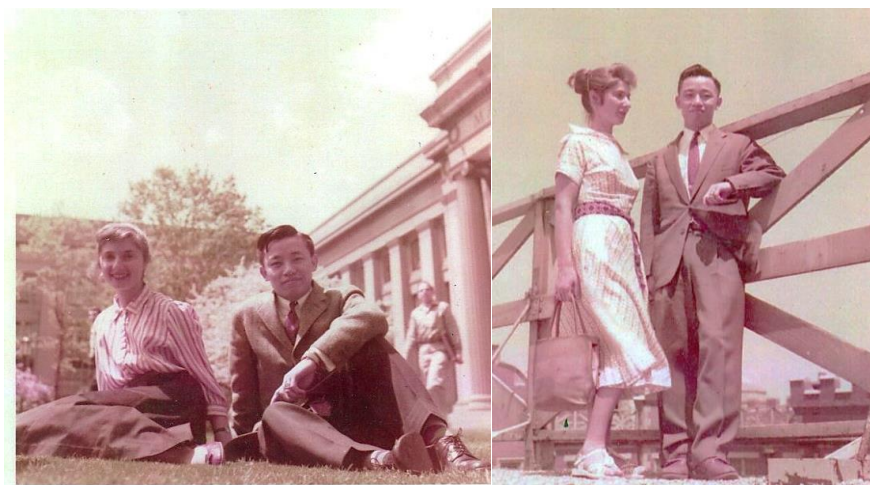
MIT là một tổ chức tầm vóc quốc tế. Tôi phải thi đua với các sinh viên xuất sắc nhất trên toàn cầu. Ý tưởng này ám ảnh tôi không nguôi. Nó khiến tôi phải dốc lòng phấn đấu để có thể hiện diện. Nói cách khác, tôi tự đặt mình vào tâm trạng của các lực sĩ thi Thế Vận Hội trong suốt những năm bút nghiên ở MIT. Cảm tạ Thượng Đế, nhờ được học bổng toàn phần tôi khỏi cần phải làm gì ngoài việc học cả. Một lần nữa, tôi lúc đó tự ví mình như một cầu thủ quần vợt cấp địa phương đi đấu tại US Open vậy! Tiếp xúc chính thức đầu tiên của tôi với MIT là khi đi chọn lớp và ghi danh đi học tại phân khoa kỹ thuật cơ khí được gọi là Course 2. Các sinh viên MIT gọi chuyên khoa và lớp học của họ bằng con số hay tên tắt mà thôi. Các phân khoa và những ngành chuyên khoa được cho những con số dựa theo thứ tự ngày tháng được thành lập. Chẳng hạn như Civil and Environmental Engineering có tên là Course I, trong khi Nuclear Science & Engineering được kêu là Course XXII. Những sinh viên chuyên môn về Electrical Engineering và Computer Science, phân khoa đông người học nhất, được gọi chung là "Course VI." Các sinh viên thường ghép con số của môn học trong phân khoa của họ với con số dành cho lớp học để chỉ định ngành học. Môn học mà nhiều đại học bên Mỹ gọi là "Physics 101" thì được gọi đơn giản là "8.01" tại MIT.

Đối với tôi, điều quan trọng là tìm những môn học thích ứng với nhu cầu ở bên nhà lúc bấy giờ, chẳng hạn như các môn Ventilating và Air Conditioning, Refrigeration, Internal Combustion Engines, Foundry, ... Tôi hết sức ngỡ ngàng khi được cho biết các môn đó không còn được dạy ở MIT nữa. Phòng thí nghiệm đã tháo gỡ và mang đi các dụng cụ máy móc liên quan tới những môn này để thay thế vào đó bằng những máy móc cực tối tân như high tech supersonic wind tunnel, shock tubes, etc... Như vậy tôi chỉ còn cách ghi danh vào những môn học tân tiến thay vì cổ lỗ như tôi muốn. Tôi tự hỏi làm sao có thể ra trường đúng hạn kỳ đây?

Về môn kỹ thuật cơ khí, thật là một vinh dự cho tôi khi được học lớp Advanced Thermo-

dynamics với giáo sư Joseph H. Keenan, một người đã nổi danh thế giới về những sách giáo khoa về Thermodynamics, Gas and Steam Tables. Các tác phẩm này thông thường được áp dụng rộng rãi trong việc thiết kế và trong các công trình engineering liên quan tới máy phản lực và rocket propulsion cũng như gas turbines. Ông là một giáo sư rất được ưa thích. Lớp học của chúng tôi còn may mắn được mời tới thăm nhà ông ở nữa. Bàn làm việc tại nhà ông nằm giữa bốn bức tường sơn trắng với vô số những kệ sách bao quanh. Tôi rất ngạc nhiên khi biết ông chỉ có bằng cử nhân về Naval Architecture và Marine Engineering do Massachusetts Institute of Technology cấp vào năm 1922. Đại đa số các khoa trường đều có bằng Ph. D. hay Sc. D. Trường hợp ngoại lệ chỉ áp dụng với các vĩ nhân mà thôi. Môn học kế tiếp của tôi là Advanced Refrigeration, Cryogenics với giáo sư Samuel C. Collins. Ông này được cả thế giới biết tới như là cha đẻ của máy Practical Helium Liquefiers và là người sáng lập ra Cryogenic Engineering Laboratory tại MIT. Trong Thế Chiến Thứ Hai giáo sư Collins chế ra máy phát dưỡng khí tinh khiết trên không cho các pháo đài bay. Ông còn được biết là người đã cộng tác với một bác sĩ giải phẫu của Veterans Hospital tại West Roxbury, ở ngoại ô Boston - để sáng chế ra một máy hô hấp thu gọn. Máy này được làm xong năm 1964, đủ nhỏ để chở trong thùng sau một chiếc xe hơi.

Cố vấn học vụ của tôi giúp tôi chọn xong các môn học cần thiết cho bằng Master như Turbo Machinery, Advanced Metallurgy, Hydro Power, và Pumped Storage. Tôi chọn viết luận án ra trường với đề tài Flame Stability at Supersonic Speed. Khi chương trình học cho Course 2 đã được chấp thuận, việc làm kế tiếp của tôi thật đơn giản. *Một lần nữa đó là 10% hứng khởi và 90% đổ mồ hôi.* Tôi đã trải qua kinh nghiệm này trước đó tại Pennsylvania với phương cách "ngụp lặn" (immersion). Lần này đây, tôi cũng tin là với sự chăm chỉ đi kèm với lòng nồng nhiệt, kiên trì, và nhẫn nại tôi sẽ vượt qua những ngày đầy thử thách sắp tới. Các bạn trong lớp tôi dùng máy đánh chữ để làm bài. Trong suốt cuộc đời sinh viên của tôi, tôi chỉ biết viết tay mà thôi. Và các sinh viên ở Việt Nam cũng làm tương tự như vậy. Về việc đánh máy luận án, Phân Khoa của tôi đã nhờ một cô thư ký rất giỏi tên Loulou Bernier làm dùm. Một đôi khi hai đứa chúng tôi cũng có những giây phút thoải mái bàn luận về luận án của tôi tại nhà hàng Du Barry French restaurant ở bên kia bờ Charles River.



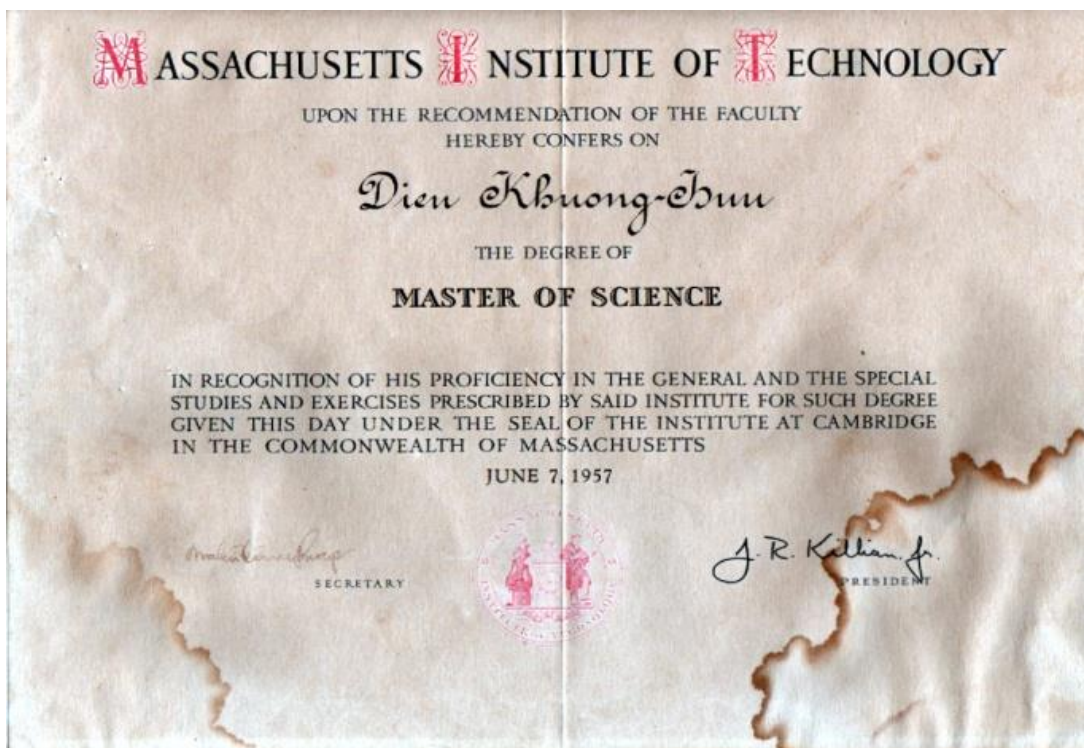
Ảnh chụp với cô bạn Loulou Bernier, MIT 1957

Những ngày căng thẳng trong kỳ thi ra trường chấm dứt khi luận án bằng Master của tôi được giáo sư White, người đỡ đầu dự án, chấp thuận. Department 2 cho tôi biết tôi đã hội đủ điều kiện để ra trường. Tôi có thể thở nhẹ nhõm và bây giờ chỉ còn chờ ngày trọng đại đó mà thôi. Đoạn đường khoa bảng kéo dài trong 17 năm đầy mồ hôi, nước mắt, và vui tươi đã chấm dứt.

Nỗi Cô Đơn Trong Ngày Ra Trường



Ngày ra trường trên sân cỏ trước MIT Dome



Thông thường, ngày ra trường phải là ngày vui tươi ăn mừng. Đáng buồn thay ngày đó lại là ngày cô đơn nhứt trong suốt 7 năm xa nhà của tôi. Giữa một rừng sinh viên mặc áo choàng đen trong buổi lễ ra trường, tôi ngồi cô quạnh một mình dưới bầu trời xanh trước tòa nhà Killian Court Dome. Tôi không có được một người thân thuộc hay một bạn cố tri để đến dự ngày trọng đại nhứt trong cuộc đời đi học của mình. Cả ngàn sinh viên đi đứng lằng xằng, la hò và cười nói bao vây quanh tôi. Chỉ mình tôi là buồn, thực sự buồn mà thôi. Với nỗi buồn đè nặng trong lòng giữa một buổi lễ đặc biệt như vậy, tôi không thấy có gì đáng hân hoan cả. Tôi ngồi một mình giữa đám đông và nôn nao chờ đến lượt mình lên lãnh bằng. Sau đó tôi trở về phòng không phải để đi dự một party vui nhộn nào mà để sửa soạn hành trang lên đường đi New York nhận việc làm mới.

Tuy nhiên nhờ bản chất luôn lạc quan, tôi không phí phạm thì giờ để khóc lóc, than thân trách phận trong ngày đặc biệt này. Trong nháy mắt tôi đã chuyển ý nghĩ từ u buồn sang tươi vui! Lúc còn học tại Lycée Yersin ở Đà Lạt, tôi luôn ước mơ sẽ có ngày được xuất thân từ trường nổi tiếng nhứt của Pháp là École Polytechnique de Paris. Bây giờ, may mắn thay giấc mơ ấy đã thành tựu nhưng còn tốt đẹp hơn thế nữa. Trong một thông tin mới đây của trường École Polytechnique thì trường này xếp hạng thứ **53** trên thế giới trong khi MIT đứng đầu danh sách. Ngoài ra, sau Thế Chiến Thứ Hai, Anh Ngữ từ từ đã trở thành ngôn ngữ quốc tế trong thế giới càng ngày càng cạnh tranh này. Thêm vào đó, ngoài việc học Kỹ thuật cơ khí tại Lafayette College và MIT, tôi còn vững vàng được Anh ngữ nữa. Nếu học ở Polytechnique de Paris thì tiếng Pháp sẽ không tiện dụng cho tôi trong sinh hoạt nghề nghiệp cũng như là thăng tiến ở Việt Nam hay trên 40 năm sau này sinh sống tại Hoa Kỳ.

QS World University Rankings- Top 10

Bảng xếp hạng QS 10 đại học đứng đầu thế giới

Bảng xếp hạng sau đây cho thấy từ 5 năm qua, MIT luôn đứng đầu danh sách các đại học trên thế giới. Ngoài ra, theo bảng xếp hạng 2016, trong danh sách «top 10» của thế giới thì có 5 đại học Mỹ, 4 đại học Anh và 1 đại học Thụy Sĩ. Nước Pháp, tuy có truyền thống nổi tiếng với những «grandes écoles», nhưng cũng chỉ chiếm vị trí khiêm tốn (33: École normale supérieure; 53 : École Polytechnique de Paris)

<i>Institution</i>	2012	2013	2014	2015	2016
 <i>Massachusetts Institute of Technology</i>	1	1	1	1	1
 <i>Harvard University</i>	3	2	4	2	3
 <i>Stanford University</i>	15	7	7	3	2
 <i>University of Cambridge</i>	2	3	2	3	4

<i>Institution</i>	2012	2013	2014	2015	2016
 <i>California Institute of Technology</i>	10	10	8	5	5
 <i>University of Oxford</i>	5	6	5	6	6
 <i>University College London</i>	4	4	5	7	7
 <i>Imperial College London</i>	6	5	2	8	9
 <i>Swiss Federal Institute of Technology in Zurich</i>	13	12	12	9	8
 <i>University of Chicago</i>	8	9	11	10	10

 <i>Ecole Normale Supérieure</i>	34	28	24	23	33
 <i>Ecole Polytechnique Paris</i>	41	41	35	40	53

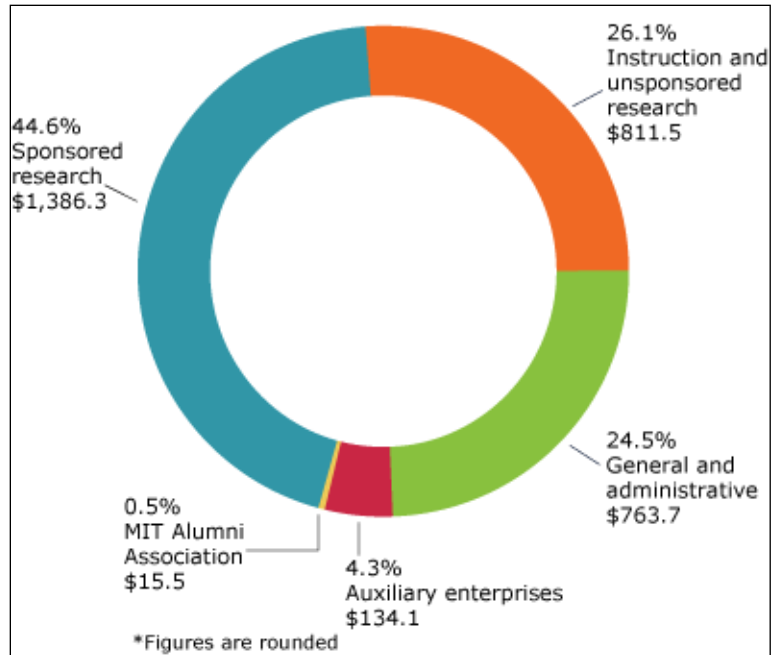
- Theo *Wikipedia* (List of Nobel Laureates by University Affiliation), **MIT đứng hạng 5 trong số các đại học trên thế giới được Giải Nobel (2015)**

- 1- Harvard University : 157
- 2- Columbia University : 104
- 3- University of Cambridge , UK : 91
- 4- University of Chicago : 91
- 5- MIT : 85
- 6- University of California, Berkeley : 72
- 7- University of Oxford , UK : 64
- 8- Stanford University : 60
- 9- Yale University : 52
- 10- Université de Paris : 51

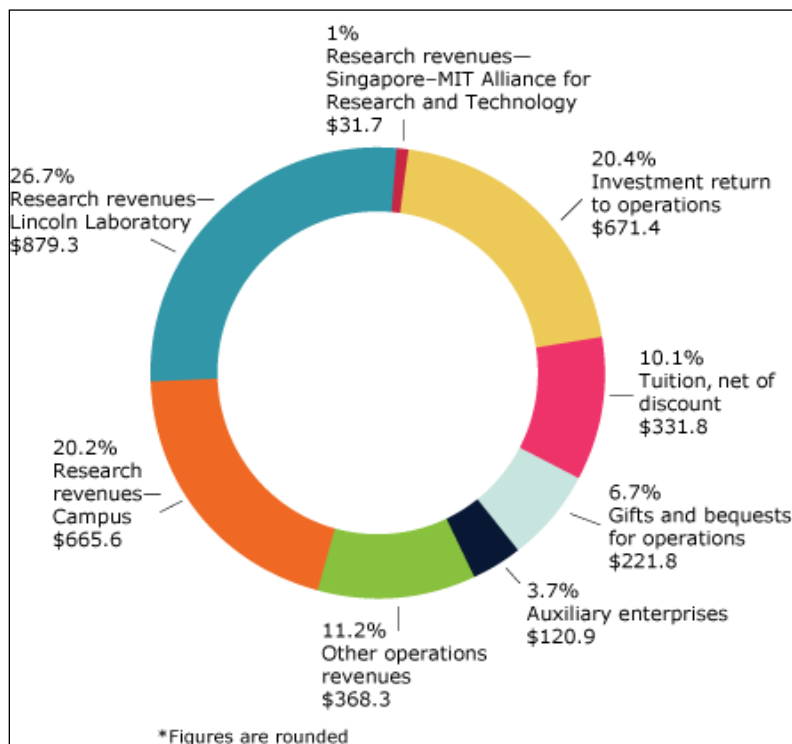
- Theo *World Atlas* (2015), 10 quốc gia đứng đầu có giải Nobel như sau :
 Hoa Kỳ : 353 ; Anh : 125 ; Đức : 105 ; Pháp : 61 ; Thụy Điển : 30
 Thụy Sĩ : 25 ; Nhật : 24 ; Canada : 23; Nga : 23; Áo : 21

Tại Sao Trường MIT Xuất Sắc Như Vậy?

- **Một Ngân Sách Hùng Mạnh "Operating Expenditures "**
 * **Fiscal Year 2015 (in million)**



- **Tiền làm "research" trên 2 tỉ dollars mỗi năm!**
Operating Revenues
(in Millions)* Fiscal Year 2015
Total: \$3,290.8



Hồi tưởng lại trường MIT cách đây sáu thập niên tôi muốn tìm hiểu lý do nào đã khiến trường cũ của tôi trở thành đại học đứng đầu thế giới như vậy. Trong hiện tại, có hơn 700 xí nghiệp cộng tác với ban giảng huấn và sinh viên của trường trong các chương trình quy mô hay giới hạn hơn. Trong số các xí nghiệp này có những tổ chức đứng đầu với tầm cỡ quốc tế như BAE, BP, Du Pont, ENI, Ford Motor, Google, Intel, Lockheed Martin, Novartis, Quanta Computer, Raytheon, Samsung, Sanofi, Shell, Siemens, Total, ... Công cuộc nghiên cứu được hỗ trợ bởi các ngành kỹ nghệ lên tới 133 triệu Mỹ kim trong tài khóa 2012 và tương đương với 20% ngân sách nghiên cứu 665 triệu của MIT. Theo tài liệu của National Science Foundation, MIT đứng đầu về hoạt động nghiên cứu và phát triển được tài trợ bởi kỹ nghệ cũng như về chi phí phát triển trong các đại học. Một trường có tên tuổi và chịu chi nhiều nhứt cho việc nghiên cứu và phát triển như vậy đương nhiên sẽ thu hút được những tài năng ưu hạng của thế giới. Kê giàu càng giàu thêm, kê mạnh càng mạnh thêm là như vậy. Tôi rất hân hoan thấy được trong đời tôi nhiều cựu đồng môn lỗi lạc như Kofi Annan, Benjamin Netanyahu, Ben Barnake, Alfred Sloan, Paul Krugman, Joseph Stiglitz, George Shultz, Mario Draghi, Nicholas Negroponte, IM Pei, Lawrence Summers, John Sununu, ...

Tóm Lược Cuộc Hành Trình Đời Sinh Viên Của Tôi

MIT trường “engineering” cao nhứt thế giới đã đóng vai trò quan trọng trong đời tôi. Việc học xong bằng Master về Kỹ sư Cơ Khí tại trường này đã đánh dấu ngày kết thúc cuộc đời sinh viên cũng như đoạn đường khoa bảng của tôi. Ôn nhớ lại từ thuở là học sinh bậc trung học đệ nhứt cấp ở Collège Le Myre de Vilers Mỹ Tho cho đến khi tốt nghiệp MIT, tôi đã gặp nhiều gian nan và mỗi lần như vậy, tôi đã dùng nghị lực và tâm trí “10% inspiration and 90% perspiration” để vượt qua và cũng nhờ vậy, tôi đã đạt được những thành quả đáng kể.

Trước hết văn bằng đầu tiên trong đời tôi, bằng Thành Chung, tiếng Pháp là “Diplôme d’Études Primaires Supérieures Indochinoises (DEPSI)” là bằng Trung học đệ nhứt cấp, tôi đã đậu thủ khoa với «Mention Bien», điều hiếm có trong hệ thống thi cử dưới thời Pháp thuộc. Khi học bậc đệ nhị cấp ở Lycée Yersin Dalat hai năm cuối tôi đã đạt được phần thưởng ưu tú (Prix d’Excellence) của trường và đậu Tú Tài II Ban Toán thủ khoa cũng với «Mention Bien», điều mà trong suốt 6 năm trước đó, không một thí sinh nào đạt được. Tại Lafayette College, Pennsylvania, mặc dù bắt đầu với khả năng Anh ngữ hạn chế và phải đi làm ngoài giờ học, tôi cũng đã đậu thủ khoa ngành Kỹ Sư Cơ Khí và nhờ vậy tôi được dự kỳ thi tuyển học bổng của “Tau Beta Pi Honorary Society” để tiếp tục học Master ở MIT. Tau Beta Pi có học bổng cao quý trong ngành kỹ sư dành cho những sinh viên ưu tú, chọn qua một kỳ thi tuyển và tôi là một trong 5 thí sinh trúng tuyển trên toàn quốc Hoa Kỳ. Thành tích này đã được đăng trong báo New York Times ngày 3/6/1956.

Đêm hôm sau ngày lễ ra trường, tôi ngồi một mình trong căn phòng ôn lại những điều gì đã xảy ra cho mình. Bao nhiêu kỷ niệm sống lại trong ký ức của tôi. Trước tiên tôi nghĩ tới hai bậc sinh thành khả kính của mình, các anh chị em, họ hàng thân thuộc và bạn bè ở Mỹ Tho, rồi đến thời thơ ấu ở Đồng Bằng Sông Cửu Long và cuộc hành trình dài đằng đẵng từ trường này sang trường khác để kết thúc vào ngày lãnh bằng Master ở MIT.

Nhiều người nói với tôi là những ngày cắp sách tới trường là quãng đời đẹp nhất của họ. Dưới khía cạnh nào đó thì cũng đúng với tôi, một đứa trẻ sống tại Đồng Bằng Sông Cửu Long và lớn lên dưới thời Pháp thuộc nhưng lại may mắn sinh ra trong gia đình khá giả với hai bậc sinh thành làm việc cần cù để gây dựng được những doanh nghiệp phát đạt. Ba má tôi cố gắng hết mức để đem lại cho tôi sự giáo huấn tốt đẹp ở bậc tiểu và trung học tại tỉnh nhà Mỹ Tho rồi sau đó đưa tôi lên trường học nổi tiếng Lycée Yersin ở Đà Lạt.

Một lần nữa, do “số mạng và định mạng” và cũng nhờ cơ quan USIS, tôi mọc được đôi cánh để thực hiện chuyến bay của đại bàng từ Đồng Bằng Sông Cửu Long tới Massachusetts, Hoa Kỳ. Tóm lại, tôi đã trải qua những kinh nghiệm sống ngoài sự mơ ước của một cậu bé người Việt đồng tuổi với tôi vào thập niên 1950!

Trước khi nhập cuộc vào thế giới đi làm đầy khó khăn và vô cảm mà có người ví von “thương trường là chiến trường” ở New York, tôi muốn quay nhìn lại toàn diện về hành trình đầy cam go thử thách của tôi để tiếp tục ngày mai trèo lên cái đỉnh của ngọn núi cao. Ngoài những nỗ lực không ngừng và các phiền muộn của tôi, đôi khi còn xảy đến những biến cố bất ngờ mà chỉ có thể dựa vào số mạng hay định mạng để hiểu được mà thôi. Tôi luôn luôn bắt đầu với sự bất lợi, thua kém trong bốn chặng của cuộc chạy đua marathon: tiểu học, trung học đệ nhất cấp, trung học đệ nhị cấp, và đại học. Cuộc đời học trò của tôi bắt đầu tại một ngôi trường trong một làng thật nhỏ có tên là Rạch Miếu nằm phía bờ bên kia của Sông Cửu Long gần bến “bac” Mỹ Tho. Đó là một ngôi nhà mái tranh vách gỗ xây trên nền đất nện. Ba má tôi thấy tôi không thể có tương lai tươi sáng khi ở lại nơi tiêu tụy này nên đã chuyển tôi lên trường tiểu học công lập ở thành phố Mỹ Tho. Tôi học xong ở đây trong âm thầm và quên lãng. Sau đó tôi phải thi tuyển để vào trường trung học đệ nhất cấp ở Mỹ Tho. Tôi đi thi với tâm trạng bồi hồi lo sợ vì nếu thi rớt thì tôi sẽ không thể tiếp tục học tại một trường tư thục ở tỉnh nhà được. Ba má tôi đã thành công trong việc thuyết phục tôi là nếu không rán học, tôi sẽ phải đón nhận một tương lai u tối. Ở Việt Nam, người có học được xếp hạng đầu trong xã hội, kể đến là nhà nông, rồi tới người sống về thủ công, sau chót là thương gia.

Nhiều bạn bè và họ hàng thân thuộc muốn tìm hiểu về việc học vấn của anh em song sanh vì họ biết tôi có một người anh sanh đôi. Một cách tóm tắt, tôi có thể nói cả hai chúng tôi đều bắt đầu đi học trong một hệ thống giáo dục thời Pháp thuộc. Như mọi đứa trẻ khác, chúng tôi hay quậy phá và



*Quý, người song sanh của tôi
trước MIT Chapel tháng sáu, 1956.*

thường đánh lộn với những trẻ đồng lứa. Khi lâm trận tại trường học, hai đứa chúng tôi tự động đứng về một phe để hạ địch thủ chung. Nhờ chúng tôi luôn nằm phần thắng nên sau đó ít kẻ nào còn dám thách thức chúng tôi nữa. Tại trường trung học đệ nhứt cấp ở Mỹ Tho, tôi bắt đầu ý thức được sự cần thiết học sao cho được thật xuất sắc. Và cũng chính ý nghĩ này khiến tôi băn khoăn suy nghĩ không hiểu vì sao một số người đã tỏ ra thiếu hiểu biết hay có ác tâm khi đem khoa học tâm lý áp dụng vào vấn đề tranh đua giữa các trẻ em ở thời buổi đó. Thấy chúng tôi là anh em sanh đôi nhiều người nói: "Vì sao hai đứa cùng cha cùng mẹ mà đứa học giỏi đứa học dở vậy?" Những lời nói đó đã khiến tôi để ý và nghĩ ngợi nhiều hơn về việc tranh đua hay bắt chước.

Nhờ vào tiền tiết kiệm, tôi đã mời người anh sanh đôi với tôi đáp chiếc tàu của hãng Holland America Line sang thăm MIT.

Ngồi một mình trong căn phòng sau lễ ra trường ở MIT và suy gẫm về những thăng trầm trong suốt thời gian đi học của mình, tôi phải công nhận rằng số mạng và định mạng đã giúp tôi may mắn đậu được bằng Tú Tài Pháp với hạng "bình" đúng lúc để mở đường cho tôi gặp cơ hội "chấp cánh đại bàng" bay qua Mỹ. Thật là một điều khó tin thấy một cậu bé sanh ra tại Đồng Bằng Sông Cửu Long đậu được bằng Master về kỹ thuật cơ khí tại một trường danh tiếng như MIT. Đây quả thật là một phép lạ nhiệm mầu đi đôi với mồ hôi và nước mắt!

Trên trang giấy này, tôi cũng phải bày tỏ lòng cảm ơn của tôi đối với người anh song sanh với tôi bởi lẽ sự tranh đua giữa hai anh em chúng tôi là một yếu tố tích cực giúp tôi vươn lên và vượt qua mọi trở ngại, thử thách.

Tuy nhiên, tôi luôn cố gắng làm hơn anh tôi. Tôi rất phấn khởi khi học ở bậc trung học đệ nhứt cấp, anh song sanh của tôi chỉ đậu hạng "thứ" trong khi tôi lại đứng đầu lớp và đậu hạng "ưu". Tuy anh không đậu Tú Tài Pháp ở Đà Lạt nhưng được gởi qua Paris học xong trung học, rồi anh cũng trở thành dược sĩ và có thêm bằng thạc sĩ. Sau này, anh tôi làm giám đốc nghiên cứu ở CNRS (Centre National de Recherche Scientifique).

Tôi thú nhận tôi cũng có ý ganh với anh khi anh có cuộc sống sung sướng hơn ở Paris vì anh là con của ba má giàu, trong khi ba má nuôi của tôi không sao có tiền gởi tôi qua Pháp học, nói chi việc cho tôi đi Mỹ. Những người như anh được gọi là "để bọc điều" trong khi số tôi không biết bọc điều là gì cả. Vì vậy, tôi



Cặp sanh đôi tại phi trường Paris 1976

phải học cách «cày sâu cuốc bẫm» để vươn lên. Anh đã sống bên Pháp trên 60 năm, đã trở thành một “Parisien” thực thụ và do đó, không ít thì nhiều, chắc trong thâm tâm anh cũng nhìn tôi với cặp mắt “Parisien” của anh, bởi lẽ có một số người Việt sống lâu ở Pháp tự mãn hay cao ngạo cho rằng đã may mắn được hấp thụ nền giáo dục văn hóa Pháp «cao sang». Nhưng nghĩ cho cùng thì sống đâu quen đó, tôi rất sung sướng, bằng lòng với cuộc sống của tôi tại vùng vịnh San Francisco trên 4 thập niên qua và không mảy may muốn dọn đi nơi nào khác cả. Tôi cũng không nghi ngờ gì là anh tôi cũng nghĩ là cuộc sống ở Paris thật tuyệt hảo vì thành phố này quá tuyệt vời với những tượng đài thật đẹp.

Quay trở về căn phòng ở MIT, tôi cố gắng nhắm mắt ngủ để được khỏe khoắn cho chuyến đi New York, “the Big Apple,” nhận việc làm mới.

Chương 8

Chim Đại Bàng Hạ Cánh Ở “Big Apple”

Đi làm và vui chơi ở thành phố Nữ Ước



Nữ Ước theo dòng thời gian



“Chim Đại bàng đã hạ cánh” không phải trên mặt trăng mà tại thành phố Nữ Ước sau trạm dừng chân năm năm ở Lafayette College và MIT. Giờ đây, “Đông gặp Tây” tại ngay tâm điểm của Tân Thế Giới. Quả là một cơ may lớn lao trong đời tôi. Từ ngày còn học trung học dưới thời Pháp thuộc, tôi đã từng mơ ước sẽ trở thành kỹ sư rồi làm việc bên Mỹ để thâm nhập được nhiều kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn quý báu trước khi trở về phục vụ nước nhà. Giấc mơ của tôi đã toại nguyện. Đúng là ngày tôi mong ước khi tôi nhận việc tại Nữ Ước.



Thành phố Nữ Ước với công viên Central Park



Lower Manhattan và phà đi Staten Island, Ellis Island và Tượng Nữ Thần Tự Do

Khi đáp chuyến bay đầu tiên qua Thái Bình Dương vào năm 1952, tôi không lường tượng được rằng năm năm sau đó, tôi lại được đặt chân đến một thành phố huyền ảo và lớn nhất thế giới là Nữ Ước. Thật là một sự thay đổi toàn diện so với đời sống êm đềm của tôi tại trường Lafayette College ở Pennsylvania và đời sinh viên bận rộn tại trường MIT ở thành phố Cambridge, Massachusetts. Nếu phải so sánh thêm cái khuôn viên xinh đẹp và trầm lặng của Lycée Yersin tại Đà Lạt năm xưa với cảnh những nhà cao chọc trời và những đoàn người, đoàn xe di chuyển tấp nập tại thành phố được mang tên là “Big Apple” này thì quả tình là tôi đã đi qua những chặng đường dài và trải qua nhiều trạng huống khác biệt. Tôi đang đối diện với một sự thay đổi to lớn. Tuy Nữ Ước nổi tiếng với tòa nhà trụ sở của Liên Hiệp Quốc, khu đầu não tài chính của Wall Street, những cơ sở quan trọng về ngoại giao và thương mại thế giới, nhưng tôi lại có cái cảm nhận đầu tiên Nữ Ước là một thành phố vô cảm.

Làm sao tôi có được việc làm đầu tiên ở Nữ Ước?

Hai tháng trước ngày ra trường ở MIT, vào tháng Sáu năm 1957, tôi nhận được bức thư của công ty EBASCO (Electric Bond And Share Company) mời tôi đi phỏng vấn ở Nữ Ước. Công ty này thiết kế và sản xuất nhà máy điện nổi tiếng trên toàn cầu. Trong thập niên 1950, các kỹ sư ở Mỹ có giá nhứt sau khi Liên bang Xô Viết lần đầu phóng được vệ tinh Sputnik lên không gian.

Tôi rất quan tâm muốn gây ấn tượng ban đầu tốt trong buổi phỏng vấn này. Làm sao tôi có thể trả lời những câu hỏi của người nói chuyện với tôi đây? Sau khi đã duyệt lại những kiến thức căn bản về kỹ thuật của nhà máy điện, tôi mặc bộ com-lê xanh đậm thật đẹp, áo sơ mi trắng, cà vạt lụa đỏ và mang đôi giày đánh thật bóng rồi đáp chuyến xe lửa từ Boston đi Penn Station ở Nữ Ước.

EBASCO đã giữ cho tôi một phòng trong khách sạn trên đường Broadway không xa trụ sở công ty lắm. Khi gặp ông Metzger, “boss” tương lai, tôi vô cùng ngạc nhiên không thấy ông hỏi gì về kiến thức chuyên môn hay về khả năng làm việc của tôi, mà ông chỉ nói về cách làm việc để có thể thăng tiến trong công ty và chỗ làm của tôi với họ được bảo đảm. Ông cũng cho biết trong những năm tới, công ty sẽ rất bận rộn nhờ nhu cầu về điện trên thế giới còn tiếp tục gia tăng. Sau này tôi mới biết ông Metzger cũng xuất thân từ MIT nên tin tưởng vào sự huấn luyện của trường cũ mà không cần kiểm chứng khả năng chuyên môn của tôi nữa. Đây là sự may mắn đầu tiên trong con đường sự nghiệp của tôi.



Manhattan



Không ảnh của thành phố Nữ ước

Sau cuộc phỏng vấn, mối ưu tư của tôi là tìm cho được một chỗ ở tại thành phố xa lạ này. Lo sao cho được an cư tại thành phố Big Apple mà tôi tới lần đầu này không phải là chuyện dễ. Tôi đã ghi chú những tiêu chuẩn cần có cho nơi cư ngụ mới của mình:

1. Tiện đi tới sở gần City Hall và Broadway.
2. Khu an toàn.
3. Gần trường đại học Columbia University để đi học buổi tối.
4. Gần đường xe điện ngầm để tiện đi làm hàng ngày.
5. Chót hết nhưng không kém quan trọng là gần nhà hàng Á đông.

Không lâu, tôi đã tìm được một căn phòng/studio, góc đường Cathedral Parkway và 110th Street gần Broadway. Bà chủ nhà là người Do Thái tị nạn Đức Quốc Xã thời Thế Chiến Thứ Hai. Tôi cũng đã ăn thử tiệm Á đông tên là New Asia gần đó. Tiền thuê nhà là 100 Mỹ kim trong khi lương tôi lên tới 600 Mỹ kim hàng tháng. Không có chi đáng lo ngại. Nơi này tuy nhỏ nhắn nhưng đủ tiện nghi và tiện lợi cho lúc ban đầu, nhưng tôi cảm thấy trong trường hợp khẩn cấp sống nơi đây không an toàn chút nào so với khi còn ở trường cũ.

Sống trong một căn phòng của một tòa nhà chọc trời giữa cả ngàn các tòa nhà chọc trời khác không phải là cách sống tôi ưa thích. Tôi có cảm tưởng như mình bị tù túng trong một lồng chim chật chội và bị đe dọa bởi thứ hội chứng như bị ngộp thở. Nhìn qua cửa sổ căn phòng tôi thấy một cửa sổ khác trên một bức tường cao đối diện chẳng khác chi những phòng giam tân tiến tôi thấy trên Tivi. Có phải đây là cách sống của hàng triệu người dân Nữ Ước không? Những điều tôi nhìn thấy không giống chút nào với hình ảnh tôi có trước đây về đời sống trong một nước mở mang cao. Tôi không lấy gì làm thích thú với nơi ở mới này vì như thiếu tình người.



Trong năm năm qua, mỗi ngày và ở khắp nơi tôi gặp những bạn ở cùng phòng, giáo sư, bạn làm việc rửa chén hay hầu bàn và ngay cả người bếp nơi nhà anh ta. Tại Nữ Ớc, mỗi ngày và ở khắp mọi nơi tôi gặp toàn người xa lạ mà thôi. Tôi còn nhớ lần tôi bị cúm khi còn ngụ trong căn phòng ở tầng thứ 10 của căn cao ốc, tôi bị xâm chiếm bởi một tâm trạng khổ khổ và bất an. Tôi có thể qua đời mà cả tuần sau người ta mới khám phá ra cái thi thể của tôi.

Để đỡ cô đơn, tôi tìm những bạn đang sống ở Nữ Ớc hay làm quen với những bạn mới. Trong bốn năm đi học ở Lafayette, Pennsylvania, chỉ cách thành phố tôi đang sống 70 dặm Anh, tôi có ba người bạn người Việt làm việc cho *Voice of America* (VOA) tên Chấn, Quan và Văn. Gần đây, còn có Bùi kiến Thành, bạn học lớp toán của tôi vào năm 1948 ở Sài Gòn. Lúc này anh làm việc rất quan trọng cho *Quý đầu tư ngoại tệ sở hữu* của chánh phủ Việt Nam ở Wall Street. Từ chỗ tôi làm có thể đi bộ tới văn phòng thật đẹp của anh. Buổi trưa, chúng tôi thường đi ăn điểm sấm ở phố Tàu trên đường Mott Street. Thỉnh thoảng anh có khách từ bên Việt Nam qua, anh mời tôi tới cùng dùng cơm với họ. Một trong những nhân vật ấy là anh Huỳnh Văn Lang, Giám Đốc Viện Hồi Đoái. Sau này tôi được biết anh Lang là cánh tay mặt của ông Ngô Đình Nhu, vị lãnh tụ đảng Cần Lao đầy quyền uy và là em của Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Điều quan trọng đối với tôi là sẵn sàng đi làm càng sớm càng tốt. Trong tuần, tôi đi bộ tới trạm xe điện ngầm tại Cathedral Parkway và Broadway để tới trạm ở Chambers Street, nơi trung tâm thành phố, rất gần với sở làm. Chiếc xe chạy rất nhanh nhưng ồn ào. Trong giờ cao điểm, các toa xe chật ních người và chỉ cần xem ai gấp đôi tờ báo *New York Times* đọc thì biết người đó đúng là dân sống ở Nữ Ớc.

Để đi lại nơi này cần hiểu rõ bản đồ xe buýt và xe điện ngầm của khu Manhattan. Bữa đó, sau khi tan sở, trong chuyến xe điện ngầm về nhà, tôi xuống trạm 125th Street để đến lớp học tối tại trường Columbia. Tôi xuống nhầm phía nên đi lạc vào Harlem, khu người Mỹ da đen. Trong đêm khuya, tôi thấy kinh hoàng và vội vã quay trở lại trạm xe điện ngầm để đi ra đường 125th Street bằng cửa khác. Đây là một bài học cho tôi biết phân biệt giữa khu tốt và xấu, an ninh và kém an ninh của thành phố. Từ bữa đó trở đi, tôi học thuộc lòng bản đồ của cả hai hệ thống chuyên chở công cộng để đi cho đúng. Tôi không hề có ý định mua xe để lái tại đây khi nghĩ tới sự khó khăn kiếm được chỗ đậu xe và lưu lượng xe quá đông đảo trên đường phố.

Nói tóm lại, khi còn học ở Lafayette College, tôi ước mong được thăm Nữ Ớc để xem những danh lam thắng cảnh, nhưng khi đã cư ngụ tại đây, tôi không còn tha thiết nữa. Tôi đoán là cũng giống như Ba Lê, Nữ Ớc chỉ là thành phố để thăm viếng chứ không để ở.

Duyên may tôi có việc làm tốt tại Công ty EBASCO sau khi ra trường. Sau này tôi mới biết đây là việc làm ôn hòa nhứt đời tôi.

Tại sở làm, tôi được chỉ định phụ trách phần nghiên cứu và phát triển các dự án của Nam

Mỹ. Đó là phần căn bản, như thiết kế, mua sắm vật liệu, xây cất và khóa cạnh turn-key của nhà máy điện.



Toà nhà "Transportation Building" trên Broadway: văn phòng của tôi ở lầu thứ 17

Công ty EBASCO đã thực hiện những dự án như vậy trong nhiều năm trên toàn thế giới. Tôi còn nhớ đã thấy tại sở làm dự án xây nhà máy phát điện đầu tiên cho Tokyo Electric. Sau đó công ty Nhật Bản này đã sao chép lại để thiết lập các nhà máy số 2, 3, và 4. Tôi đã dùng những mẫu thiết kế và đặc điểm kỹ thuật có sẵn để áp dụng vào những dự án do tôi phụ trách tại những địa điểm mới. Tôi đã đảm nhiệm việc xây 2 nhà máy phát điện có công suất 10,000 KW, một ở Guayaquil, Ecuador và hai ở Matanzas, Cuba. Vào năm 1957, Fidel Castro còn là nhân vật vô danh.

Phần thưởng cho những ngày làm việc cực nhọc của tôi ở Nữ Ớc là tôi cảm thấy tinh thần nhẹ nhõm và phấn khởi với niềm tin là mình đã có được một công việc tốt. Ngẫm nghĩ lại, sau bốn thập niên làm việc tận tụy, tôi có thể xác nhận nhờ may mắn, số phận, hay định mạng, tôi thấy thỏa mãn nhứt với việc làm của tôi ở Nữ Ớc. Tôi nói được câu: "Thật là vui khi được đi làm như vậy!" Tại sao vậy? Có hai yếu tố tối quan trọng giải thích cảm nhận này: kiến thức chuyên môn của tôi được gia tăng nhanh chóng và mối giao hảo với các bạn đồng nghiệp của tôi thật tốt đẹp. Ngoài ra phải kể đến yếu tố lương bổng cao cũng quan trọng nhưng nếu phải chịu bớt lương để được làm việc nơi đây hầu có cơ hội học hỏi thêm, tôi cũng sẵn lòng chấp nhận. Tôi đã may mắn tìm được nhiều điều tốt đẹp hạnh phúc trong bước đầu đi làm việc của tôi ở New York.

Thượng cấp tôi là Ông Mortimer Metzger, lúc đó khoảng 50 tuổi. Ông là người kỹ sư bậc thệp, rất giỏi và tốt nghiệp từ MIT. Dưới quyền Ông có giám đốc dự án tên là Jack Rubinstein. Tôi làm phụ tá cho Jack. Hai nhân viên vẽ sơ đồ thiết kế còn lại trong nhóm là Mario Vitelly, người Mỹ gốc Ý, và George Sikorsky, gốc Nga di dân qua Mỹ trong Thế Chiến Thứ Hai. Thợ ký là cô Olga Berkov đến từ Ukraine. Họ là một trong những nhóm người làm việc tốt nhứt mà tôi có cơ may cộng tác. Chúng tôi chưa hề gặp cảnh tranh giành quyền lợi hay xích mích về tánh tình bao giờ cả. Chúng tôi làm việc hăng hái và vui vẻ với nhau. Thật là may mắn khi mình có thể vui hưởng cuộc đời trong khi đi làm.

Liên hệ nghề nghiệp giữa Jack và tôi thật đặc biệt. Tôi tình nguyện làm những bài tính khó khăn, tỉ mỉ cho dự án vì tôi muốn thâm thập được nhiều kinh nghiệm chuyên môn. Ngược lại, Jack tính tình thoải mái, kiểm soát lại việc tôi làm rồi chúng tôi đồng ký tên để chứng nhận kết quả. Mỗi người trong hai chúng tôi đều có cách riêng để tìm sự hứng thú trong công việc.

Vào giờ ăn trưa, để thưởng cho việc làm siêng năng của tôi, Jack xung phong kể cho tôi

nghe những câu chuyện vui nhộn luôn cả những chuyện tục "hấp dẫn" nữa. Sau bao nhiêu năm cực nhọc chỉ để thiết kế các nhà máy phát điện, Jack muốn làm việc «tà tà» hơn để xả hơi đôi chút. Nhiều điều dưới mắt Jack là thường tình, nhưng với tôi lại rất mới lạ. Ở chúng tôi có được một sự hợp tác trao đổi tuyệt vời. Tôi say mê làm những tính toán về cân bằng hơi nước/steam balances và nhiều thứ khác như máy bơm, ống nước/ống hơi, kiểm soát/controls, bộ trao đổi nhiệt/heat exchangers, tháp làm nguội/cooling towers, ... trong mỗi dự án nhà máy phát điện. Jack lại ưa phụ trách công việc kiểm soát và chấp thuận việc tôi làm.

Ông ta biết tôi sống một mình nên thường mời tôi về nhà ông ở New Jersey vào cuối tuần. Tôi cùng đi dự lễ tại nhà thờ Unitarian Church với ông và ăn trưa cùng gia đình ông. Tôi may mắn gặp được người bạn tốt. Ngoài công việc thích thú, chính tình đồng nghiệp tương thân tương ái vui tươi của tôi ở EBASCO là yếu tố giúp tôi đã vui đi nhiều trở ngại khi tôi phải sống trong một thành phố xa lạ như Нью Уорк và bắt đầu nghề kỹ sư tại một cường quốc kỹ nghệ như nước Mỹ.

Tôi còn học hỏi gì thêm tại công ty quốc tế EBASCO?

Ngoài yếu tố kỹ thuật, EBASCO còn giúp tôi những bài học về quản trị xí nghiệp.

Trong thập niên 1950, các công ty quốc tế Mỹ đã chiếm ngự lãnh vực điện lực tại Trung và Nam Mỹ. Công ty EBASCO đã ký giao kèo với *American and Foreign Power Company* để thiết kế, mua máy, xây cất và cuối cùng trao lại những nhà máy đã hoàn thành cho khách hàng của mình theo phương cách "turn-key." Kết quả là một sự hợp nhứt trọn vẹn đã thành hình trong lãnh vực này khi *American and Foreign Power* đã thành công trong sự điều hành và phân phối điện lực cho khách hàng địa phương. Đây quả thật là một mô hình về sự hợp nhứt và độc quyền tuyệt đối.

Công ty tôi làm chính là nơi lý tưởng để học được kinh nghiệm cần thiết như làm dự án, thành lập một nhóm chuyên viên và phác họa họa đồ tổ chức cho một công ty. Tôi đã thích thú thâm nhận được những kinh nghiệm quý giá ấy. Điều này khiến tôi nhớ lại câu châm ngôn tiếng Pháp: "Aimer ce qu'on fait et bien faire ce qu'on aime" có nghĩa là "Khi thích những gì mình làm thì làm khéo những gì mình thích."

Tôi còn học được cách thức giao tế tối cần thiết cho những công ty cung cấp dụng cụ máy móc cho dự án trong một thị trường nhiều cạnh tranh. Tỉ dụ như, trong giai đoạn thiết kế dự án, các đại diện kỹ thuật các công ty thường đến thăm viếng chúng tôi để giới thiệu những sản phẩm mới nhứt hoặc các máy móc hữu hiệu nhứt của họ. Vào giờ trưa, một trong những việc họ làm trong công tác khuyến mãi là mời chúng tôi đi ăn trưa ở trung tâm Manhattan.

Ôn lại quá trình sự nghiệp của mình trong bốn mươi năm qua, tôi có thể quả quyết rằng việc làm của tôi ở Нью Уорк đã đem lại cho tôi nhiều mãn nguyện và vui thú hơn cả. Không ganh đua, không tị hiềm, không ác cảm hay đối xử bất công. Khác hẳn với thời gian 17 năm

tôi làm việc trong chính phủ ở Việt Nam, mỗi khi có chính phủ mới là có cơ hội cho các chính trị gia thay đổi những người lãnh đạo các cơ quan cầm đầu trong công ty công vì quyền lợi của phe nhóm.

Mặc dù trong một bối cảnh bon chen, tranh quyền tranh chức như vậy trong guồng máy công quyền ở Việt Nam, nhứt là trong giai đoạn xáo trộn chính trị và chiến tranh ác liệt, tôi phải nói, với tất cả khiêm tốn, là trong 12 năm phục vụ liên tục cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, tôi đã đem kiến thức và tấm lòng để đóng góp tích cực và thành khẩn cho công cuộc phát triển kỹ nghệ và kinh tế của Miền Nam. Làm sao tôi có thể thực hiện được một công trình quan trọng trong một thời gian liên tục tương đối dài như vậy? Tôi sẽ xin trình bày với quý bạn trong Chương 13.

Bây giờ tôi xin để cập đến chuyện «rắc rối cuộc đời» của tôi ở thành phố Big Apple. Để tránh bị cô đơn với những đòi hỏi thường tình của một thanh niên sung sức ở tuổi 26 và trước những nàng con cháu của bà Eva vây quanh đầy hấp dẫn nhưng cũng không kém phần nguy hiểm, tôi thấy cần tìm một người bạn đời để lập gia đình. Tôi nghĩ là tôi hội đủ điều kiện lo được việc này vì tôi có một mức lương khá và việc làm ổn định tại một công ty quốc tế nổi tiếng. Có lẽ đó là nguyên nhân tại sao hai vấn đề phức tạp như tình dục và hôn nhân lại ám ảnh tâm trí tôi. Tôi đang phải đối diện với một bước ngoặt to lớn và phức tạp của đời người.

Tôi đã trải qua năm năm đầy căng thẳng dưới mái nhà trường để cố học hầu có điểm cao. Đối với người sinh viên du học nghèo, thử thách đó là tất nhiên và tôi đã vượt qua. Nhưng sang đến vấn đề tình dục và hôn nhân, tôi cảm thấy bối rối vì tôi như phiêu lưu vào một lãnh vực hoàn toàn mới lạ. Làm sao tìm được một người vợ hợp với mình ở Nữ Ước đây? Tôi còn chưa tìm được một cô gái người Việt để làm quen tại thành phố Big Apple này thì nói chi tới việc lập gia đình. Còn vấn đề hôn nhân dị chủng thì sao? Tôi thấy việc này đầy phức tạp và bất trắc. Tôi đã nhiều lần vò đầu bóp trán và nhớ lại hai trường hợp hôn nhân dị chủng trong đại gia đình tôi. May ra tôi có thể rút tía kinh nghiệm từ hai trường hợp này.

Năm 1945, người anh họ tôi tên là Nguyễn Trọng Danh qua Pháp tiếp tục học Nha khoa sau khi trường Đại học Hà Nội phải đóng cửa vì chiến tranh. Anh cần biết tiếng Anh để theo dõi các bài viết trên những tạp chí về nha khoa của Mỹ. Người giáo sư của anh lại là một phụ nữ Mỹ đến từ Chicago. Rồi cuộc họ đã thành vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc trên nửa thế kỷ. Họ an cư ở thành phố Revin, vùng Ardennes nước Pháp và có 4 người con nay đã thành đạt. Toàn thể gia đình này đã hội nhập tốt đẹp vào xã hội Pháp. Họ có thể được xem như một trường hợp hôn nhân dị chủng thành công.

Tôi còn có người anh họ khác tên Khương Hữu Hồ rời quê hương qua Bordeaux, Pháp, vào những năm đầu của thập niên 1940. Học xong y khoa, anh mở phòng thử nghiệm ở Villeneuve-sur-Lot và trở nên người giàu có nhứt tỉnh. Anh kết hôn với một phụ nữ Pháp đẹp và họ có hai người con. Cuối cùng họ ly dị nhau không phải vì lý do chủng tộc mà vì tính tình hai bên không hợp nhau. Đây là một trường hợp đáng buồn. Cả hai cặp đó đều

sống ở Pháp, một nước có một xã hội cởi mở và cấp tiến. Nếu họ sống trong một xã hội Khổng Mạnh bảo thủ bên Việt Nam chắc hẳn họ còn gặp nhiều vấn đề hơn nữa.



Anh chú-bác của tôi Dr. Khương Hữu Hồ và gia đình tại Villeneuve-sur-Lot gần Bordeaux

Sống một mình ở Nữu Ước, tôi đã phải suy gẫm rất nhiều và nghiêm túc về vấn đề gai góc này. Theo tôi, chuyện hôn nhân tự nó đã là một nan đề cho cuộc sống rồi. Chắc chắn đó là cái nan đề lớn nhứt, nói chi đến hôn nhân dị chủng. Tốt hơn hết, ta nên cố tránh gây thêm phiền phức cho mình càng nhiều càng tốt.

Ngoài những trắc trở do xã hội gây nên, còn có những dị biệt do hai người phối ngẫu mang đến cho hôn nhân nữa. Người Việt có câu: "dò sông dò biển dễ dò, nào ai có thước để đo lòng người." Đem lòng yêu thương người dị chủng có thể là rất thơ mộng và hấp dẫn nhưng sự quyến rũ đó đôi khi không đủ mạnh để khuất phục được những trở ngại do cuộc đời đem đến cho cặp uyên ương. Chẳng hạn như trong cuộc hôn nhân dị chủng người ta sẽ phải đối đầu với những khác biệt văn hoá, tôn giáo, ăn uống, ngừa thai, dạy bảo con cái, buồn nảo, tài chánh, tình dục, liên hệ với đại gia đình, vai trò giới tính, cách nói chuyện, phong tục và truyền thống. Cuộc hôn nhân dị chủng có thể đổ vỡ vì cặp vợ chồng không thể đối phó với các khác biệt ngăn cách họ hoặc không làm sao loại trừ được những căng thẳng và kỳ thị do người khác gây ra. Do đó, nguyên tắc chánh của tôi là không có chuyện hôn nhân khi tôi còn sống ở Nữu Ước. Một cảnh báo khác cho tôi là câu nói của Blaise Pascal mà nhiều người hay nhắc: "Le coeur a ses raisons que la raison ne connaît pas." hay là "Trái tim có những lý lẽ mà lý trí không biết." Tuy nhiên, tiếng sét ái tình vẫn có thể đánh vào tim ta. Tiếng Pháp gọi là "coup de foudre!" còn tiếng Anh có vẻ thơ mộng hơn gọi là "Love at first sight!" nghĩa là "Yêu từ cái liếc ban đầu." Như vậy tôi cần dè dặt và thận trọng hơn để tránh bị rơi vào cái bẫy mìn nguy hiểm đó.

Vui chơi tại thành phố Nữ Ước

Một trong những nơi tốt nhất ở Nữ Ước để giải trí và gặp bạn mới là International House, còn được gọi là I-House. Đây là một tổ chức tư nhân, vô vụ lợi cung cấp nơi ăn chốn ở cho sinh viên cao học, các học giả đang làm nghiên cứu, thực tập viên và thực tập nội trú. I-House's có 700 người cư trú. Họ theo học tại các trường chuyên môn hay đại học nằm rải rác khắp nơi trong thành phố Nữ Ước như Columbia University, Juilliard School, Actors' Studio Drama School, New York University, the Manhattan School of Music, the Union Theological Seminary in the City of New York, the Teachers College, the City University of New York, v.v... Khoảng hai phần ba là sinh viên ngoại quốc đến từ hơn 100 quốc gia, số còn lại là người Mỹ. Một trong những Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị là cựu Tổng thống Dwight Eisenhower. Thành lập từ năm 1924, I-House là nơi xuất phát và hội tụ của hơn 65.000 cựu sinh viên trong hơn 90 năm qua trong đó có nhiều nhân vật lỗi lạc được giải thưởng Nobel, nhiều chủ tịch hội đồng quản trị các hiệp hội, các lãnh đạo quốc gia và quốc tế.



Cửa vào International House

Nữ Ước là trung tâm văn hóa nghệ thuật thế giới. Mỗi năm, nhiều quốc gia trên thế giới đưa những chương trình văn hóa đặc sắc nhất của họ đến đây để trình diễn. Tuy ít có thời giờ rảnh rỗi, tôi cũng có tham dự một số trình diễn của các đoàn văn hóa kịch nghệ nổi tiếng và thăm viếng một số danh lam thắng cảnh như chương trình lễ Giáng Sinh ở Radio City Music Hall, đoàn vũ nhảy cao Moiseyev từ Mạc Tư Khoa đến, London Royal Ballet, Tokyo Taiko Drum Music, đoàn vũ dân tộc của Yugoslavia, Tristan and Isolde tại Metropolitan Opera House. Riêng về nhạc cổ điển, tôi có cơ may được nghe dàn nhạc New York Philharmonic hòa tấu với sự điều khiển của André Kostalanetz.



Times Square, một khu văn hoá chính trong thành phố

Về kiến trúc và phong thái, Nữ Ước là thành phố đa dạng, cái hiện đại pha lẫn với cái cổ đại, cái đẹp kề bên cái xấu, cái sang trọng lịch thiệp vẫn không che dấu được những nét tồi tàn, hạ cấp. Nhưng dù khen hay chê, Nữ Ước vẫn là trung tâm bậc nhất của Hoa Kỳ và thế giới về gần như tất cả mọi lĩnh vực và là một trong những thành phố du lịch được ưa chuộng nhất thế giới.

Cảm nhận ban đầu của tôi về Nữ Ước như vậy có thể sai lệch vì thành phố này quá lớn và nếu tôi chỉ rờ được phần đuôi của con voi thì chắc tôi không biết được phần đầu có bộ ngà voi ra sao cả.



Columbia University, nơi tôi học ba đêm mỗi tuần

Mặc dù việc làm và đời sống của tôi đã tương đối ổn định, nhưng tôi vẫn chưa ngưng nghỉ việc trao dồi kiến thức. Trong ý định ấy, tôi ghi danh đi học ba đêm mỗi tuần trong chương trình MBA ở Columbia vì tôi nghĩ học trình này sẽ giúp ích cho tôi trong công việc quản trị xí nghiệp sau này.

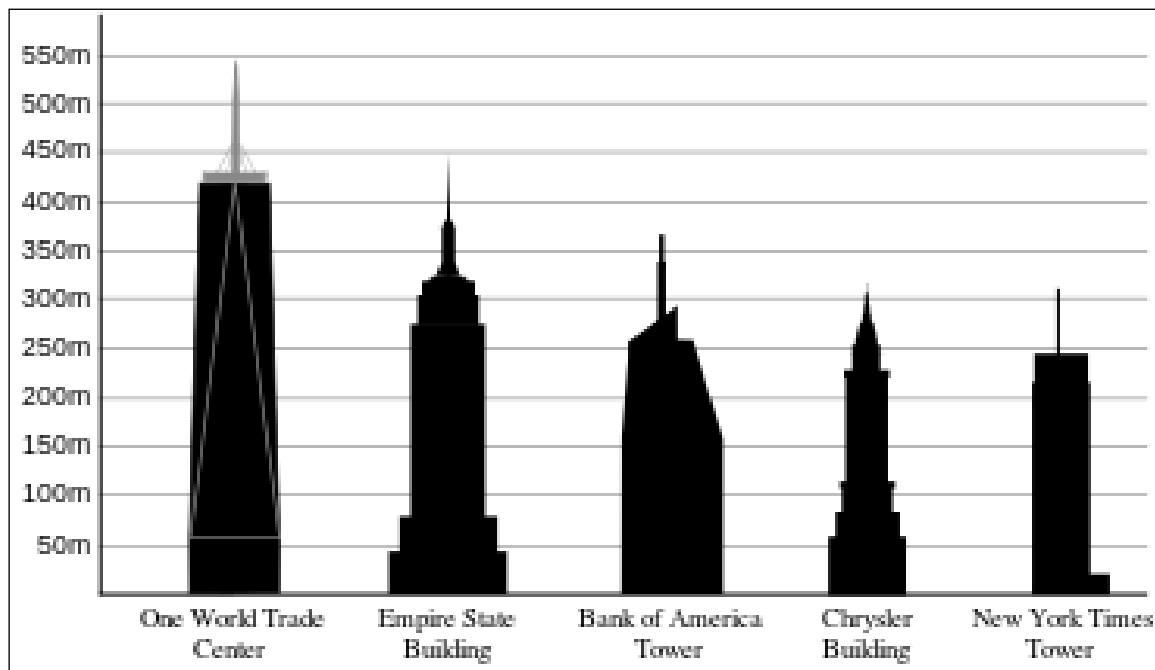


Cao ốc nhìn vào Central Park

Cảnh nhìn từ nóc nhà của Empire State Building không thể bỏ qua được. Central Park nằm đằng sau những tòa nhà chọc trời trong hình. Du khách đến Nữ Ước đều lên viếng nóc nhà của Empire State Building tựa như tới Tour Eiffel khi đến Paris vậy.



- 1-Empire State Building, tòa nhà cao nhất thế giới từ 1931 tới 1972
2- One World Trade Center cũng là Freedom Tower cao nhất tại Mỹ từ 2014





One World Trade Center cũ và mới cũng là Freedom Tower 2014



Giải US OPEN tại Forest Hills, Long Island, N.Y.

Trong năm 1958 tôi được cái may mắn hiếm có đi xem Poncho Gonzales đấu với Ken Rosewall trong giải US OPEN ở Forest Hills.



Tượng Nữ Thần Tự Do

Tôi đáp chuyển phà tại Battery Park để đi xem Tượng Nữ Thần Tự Do/Statue of Liberty. Vào cuối tuần, tôi thích đi dạo trong Central Park. Trước tiên là để tập thể dục nhưng cốt để quan sát các sinh hoạt của dân cư ở Nữ Ước. Dùng cơm trưa tại boathouse là một cách để làm việc này.



Nhà hàng trong Central Park

Đông gặp Tây



Bốn mùa trong Central Park

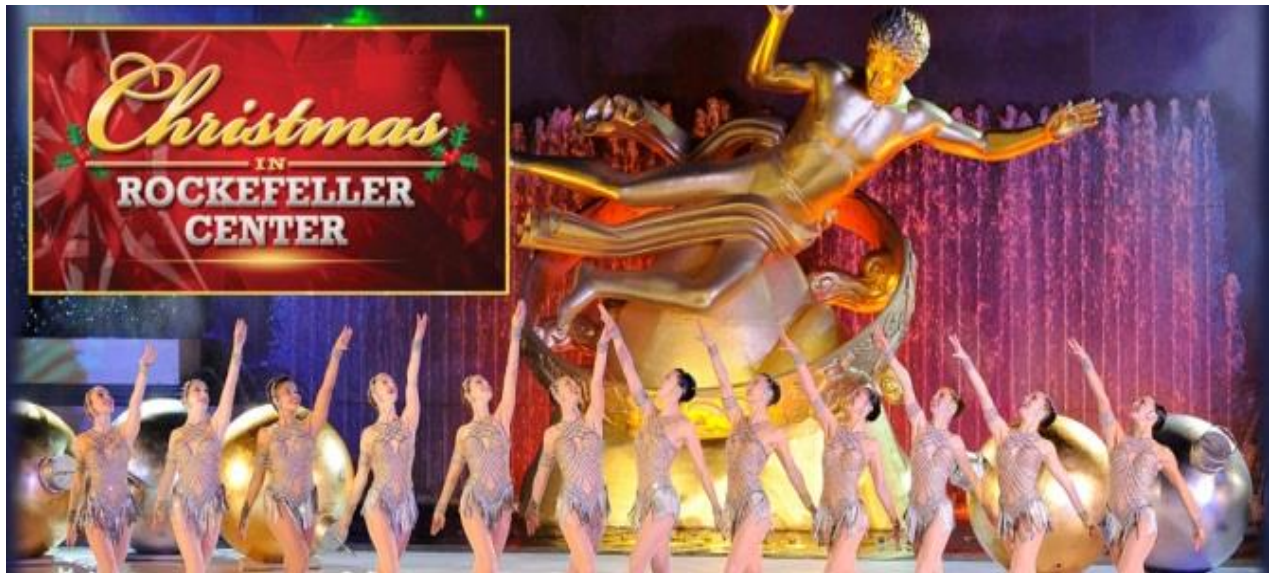


Central Park là nơi để thưởng thức cuộc sống ngoài trời và thức ăn ngon quanh năm.



Cuộc đua trượt băng nghệ thuật hàng năm, Wollman Rink Central Park

Trong mùa Giáng Sinh, Rockefeller Center là nơi công chúng thích viếng thăm. Không nơi nào có một cây Noel khổng lồ, trang hoàng lộng lẫy như ở Rockefeller Center.



Rockefeller Center



Rockefeller Center lúc NOEL



Radio City Music Hall



Đoàn Rockettes tại Radio City Music Hall



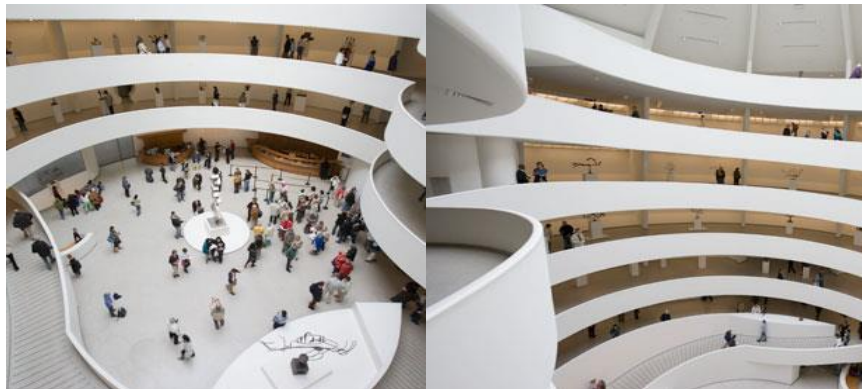
Radio City Music Hall: Đoàn vũ công nhảy cao của Moiseyev Dance Company đến từ Mạc tư Khoa



New York Natural History Museum



Bảo tàng viện Guggenheim



Bảo tàng viện Guggenheim Museum, một khái niệm tân thời về kiến trúc



Chinatown Manhattan nơi bạn có thể kêu các món ăn giống như ở Trung Hoa lục địa nếu biết cách gọi.

Nghệ thuật nấu ăn tại Nữ Ước

Vào thời đó không có Internet và Google để tìm kiếm nơi ăn ngon trong thành phố BIG APPLE. Tuy nhiên, tôi có thể dùng “Yellow Pages” để tìm được tất cả những nơi đó trong thành phố - từ những nhà hàng không sao tới ba sao kể cả hàng trăm loại thức ăn các nước trên thế giới. Tôi nhớ nhứt loại nhà hàng cổ điển bán steaks của Mỹ ít thấy ngoài Hoa Kỳ trong thập niên 1950. Đó là tiệm Red Coach trên đường Fifth Avenue sang trọng. Người quản gia đem xe có nắp bạc đến những ghế bọc da màu đỏ trong phòng ăn. Tại bàn, ông ta cắt một miếng thịt bò “Prime Rib au jus” còn hồng đặt lên đĩa nóng ấm của bạn. Miếng thịt to này choán gần hết mặt đĩa luôn. Thêm vào một củ khoai tây trét bơ đút lò và đĩa xà-lách trộn blue cheese là bạn có đủ phần ăn chánh. Để tráng miệng, bạn có bánh làm bằng pho mát/ cheese cake. Hôm sau có thể là món cá sống/ Sashimi của Nhật hay thịt bò đặc biệt/ short rib nướng của Đại Hàn...



Vào năm 1957, tôi rất tò mò khi nhìn thấy loại máy tự động bán thức ăn/Automat restaurant không có người nấu và hầu bàn này!

Hồi hương về Việt Nam: định mạng hay số mạng

Công ty EBASCO gởi tôi đi Nữ Ước dự một hội nghị quốc tế về *Nhu Cầu Năng Lượng Điện Trên Toàn Cầu* tại khách sạn Waldorf Astoria. Tình cờ tôi được ngồi bên cạnh ông George P. Case, Tổng Giám Đốc công ty Esso Việt Nam tại Sài Gòn. Vào lúc đó ông về Mỹ nghỉ hè tại White Plains, New York. Tôi nói với ông tôi sống ở Sài Gòn và đã xa nhà được bảy năm rồi vì tôi đi học và làm việc tại Mỹ. Nhắc tới cái tên Sài Gòn làm tôi nhớ nhà quá. Ông Case có nhã ý mời tôi đến nhà của ông để chúng tôi có dịp nói chuyện về những thay đổi ở bên nhà từ khi tôi xa lìa quê hương. Ông tỏ ra là một con người thực lòng, cởi mở và có tâm huyết. Ông tặng tôi một vé xe lửa khứ hồi và hứa sẽ đón tôi ở trạm White Plains. Bà Case nấu món cơm cà ri thật ngon vì ông Case trước đó làm Tổng Giám Đốc ở Ấn Độ trước khi chuyển qua Việt Nam. Khi thấy món ăn Á châu này, tôi lại bị cơn nhớ nhà trở lại và chỉ mong được gặp lại ba má tôi càng sớm càng tốt.

Sau lần gặp gỡ và nói chuyện về Việt Nam với ông Case, tôi được ông hứa cho một công việc với chức vụ là Phụ tá Giám đốc Điều Hành tại văn phòng của ông ở Sài Gòn. Lương tôi sẽ lãnh cao hơn lương một vị công chức cấp giám đốc của một bộ trong chánh phủ. Tôi

nhận lời trở về và làm việc ở bên nhà. Ông bà Case đưa cho tôi một bảng liệt kê những quần áo tốt và thích hợp với khí hậu ở Sài Gòn. Ông cũng báo trước cho tôi biết là một khi đã về nước rồi, tôi sẽ khó có thể xin một chiếu khán xuất ngoại trở lại vì chánh phủ muốn giữ thanh niên trong nước với luật động viên. Điều này có nghĩa là tôi nên đi du lịch càng nhiều càng tốt trước khi hồi hương và không nên tính tới chuyện xuất ngoại một khi đã về nước. Do đó, tôi đã nghiên cứu rất kỹ để làm sao có thể lợi dụng tối đa cơ hội đi thăm nhiều nơi trên thế giới trước khi rời Hoa Kỳ.

Chỉ trong vòng 24 tiếng sau khi lập xong chương trình đi vòng quanh thế giới trong 90 ngày bằng máy bay của hãng Pan American Airways, tôi đã quyết định từ bỏ công việc tốt của tôi ở EBASCO. Một khúc ngoặt mới trong đời tôi đã thành hình.

Phần 4

Lá Rụng Về Cội

Chương 9

Nữ Ước - Sài Gòn Trong 90 Ngày Với PAN AM



1958

***Du ngoạn Tây Âu 15.000 Km
Sau đó Bay từ Paris về Sài Gòn 15.000 Km***



Time Square Nữ Ước



Chợ Bến Thành



1958: Nữ Ước - Sài Gòn trong 90 ngày bằng PAN AM

Tại các quốc gia Âu Mỹ, du lịch là một thú vui giải trí được mọi người ưa thích và ao ước, nhưng là một thứ giải trí đắt tiền. Cách đi du lịch, địa điểm đi du lịch, số lần đi du lịch trong năm còn là một loại thước đo khả năng tài chánh, mức độ sang giàu của một người. Thông thường người dân phải làm việc nhiều năm, có khi suốt đời để dành tiền khi về hưu có thể đi du lịch bằng máy bay hay du thuyền vòng quanh thế giới. Trường hợp của tôi, ở tuổi 27, nhờ số tiền tiết kiệm khi làm việc ở Nữ Ớc, tôi muốn đi du lịch thế giới càng nhiều nơi và càng sớm trong tuổi thanh xuân để thỏa chí tang bồng, sưu tầm, mua sắm được những đồ vật quý tốt trước khi trở về Việt Nam. Ngoài ra, khi còn trẻ, tôi có dồi dào sức khỏe có thể chịu đựng được những mệt nhọc khi đi viếng nhiều nơi.

Trong chuyến du lịch, tôi chọn đi bằng hãng Pan American World Airways, công ty máy bay quốc tế lớn nhất thế giới vào thời đó. Người bạn tốt của tôi tên Lou Lou làm cho văn phòng Pan Am nằm trên đường 5th Avenue ở Nữ Ớc đã giúp tôi lập cuộc hành trình, lo liệu giữ phòng cho tôi. Tôi khởi sự từ phi trường Idlewild Airport rồi theo thứ tự phi cơ sẽ ghé lại Lisbon, Madrid, Nice, London, Paris, Milan, Athens, Cairo, Teheran, Bombay, New Deli, Calcutta, Rangoon, Bangkok, Phnom Penh để cuối cùng đến Sài Gòn. Còn nhớ năm 1952, khi tôi qua Mỹ, phi cơ đã dừng lại ở những trạm nghỉ Manila, Guam, Midway, Wake, Honolulu, San Francisco, Pittsburgh, Harrisburg, và Easton Pennsylvania. Năm 1956, tôi tới Boston để rồi dọn về Nữ Ớc vào một năm sau. Thật là may mắn, ở tuổi 27, tôi đã có thể đi nguyên một vòng quanh thế giới kể cả cuộc du hành bằng xe hơi dài 15.000 km bên Tây Âu. Tôi không thể viếng thăm Đông Âu lúc ấy vì cuộc chiến tranh lạnh và bức màn sắt.



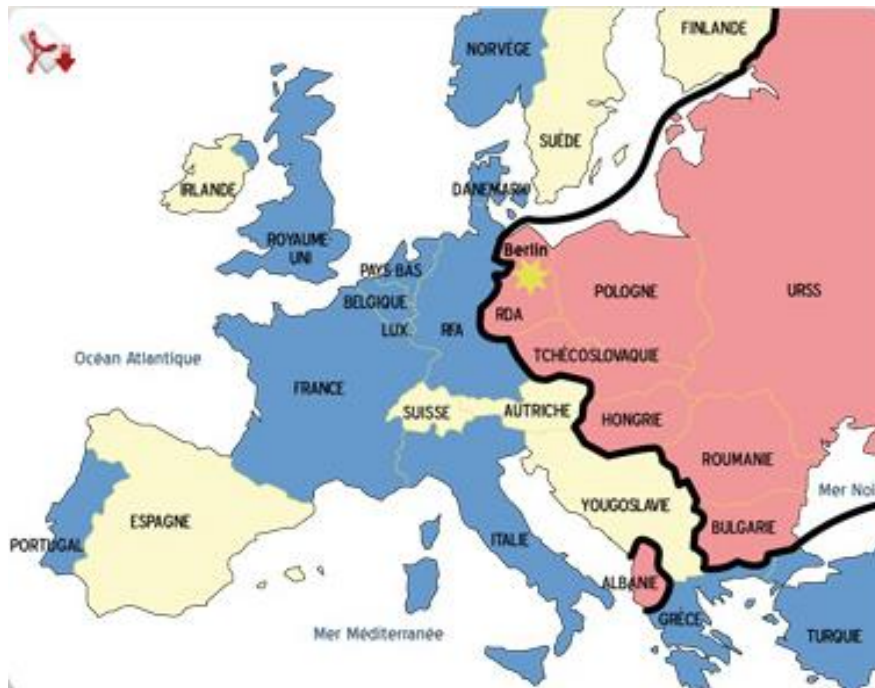
1952: Chuyến đi Saigon-Manilla-Guam-Wake-Midway-Honolulu-San Francisco bằng DC-6B

Trên đoạn đường từ Nữ Ớc qua Lisbon, Madrid, Nice, London tôi đi một mình, nhưng khi du ngoạn Tây Âu, tôi đi cắm trại và ở lại những nhà tư nhân hay khách sạn nhỏ có cho ăn điểm tâm (B&B), cùng với người anh sanh đôi tên Khương Hữu Quý đến từ Ba Lê và anh Năm Khương Hữu Cấn đến từ Sài Gòn. Trên đường tới Âu Châu tôi có đến thăm Chị Ba Khương Hữu Đáng và anh rể của tôi là anh Nguyễn Văn Khuê lúc đó đã về hưu tại Nice từ năm 1950.



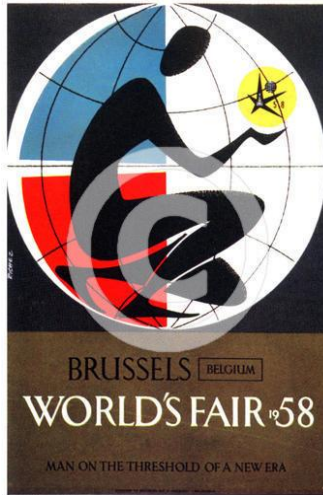
Quyển sách hướng dẫn du lịch của Michelin và Pan Am

Tôi đã dùng hai quyển sách này để hoạch định cuộc hành trình du lịch và hồi hương. Ngoài ra, trong thập niên 1950, Pan Am cũng có phát hành cuốn *The Encyclopedia of Travel*, dày 1.014 trang được xem như là cuốn cẩm nang của giới du khách.



Bản đồ Âu Châu với Bức Màn Sắt

Trước đó, tôi có hẹn gặp hai người anh của tôi tại Hội chợ Quốc tế ở Brussels vào 12 giờ trưa ngày 15 tháng 6 năm 1958 ngay tại building nổi tiếng Atomium (Xin coi hình của tòa nhà mang tính biểu tượng này). Chúng tôi muốn gặp nhau tại cuộc triển lãm lừng danh Brussels vì Hội chợ này mang một sắc thái đặc biệt liên quan đến sự kiện người Nga phóng vệ tinh nhân tạo lên không gian đầu tiên vào ngày 4 tháng 10 năm 1957 khởi đầu cho cuộc chạy đua chinh phục không gian, một phần quan trọng của Chiến Tranh Lạnh. Cả thế giới chú ý theo dõi cuộc thi đua giữa Liên Xô và Hoa Kỳ tại HỘI CHỢ THẾ GIỚI EXPO 58.



Hội Chợ Thế Giới Brussels 58 và building Atomium

Hai ông anh tôi lái chiếc xe Renault Dauphine bốn cửa từ Ba Lê lên đón tôi. Riêng tôi sẽ đi từ Luân Đôn qua mang theo dụng cụ cắm trại, một máy quay phim 3 ống kính Bell Howell 16 mm và vài ngàn dollars bằng checks du lịch.

Tôi từ giả Nữ Ước vào tháng Sáu 1958, vài tháng trước ngày Pan Am dùng phi cơ phản lực trong các chuyến bay. Công ty này lần đầu tiên dùng Boeing 707 Clipper America cho bay thẳng từ Idlewild qua Paris Le Bourget vào ngày 26 tháng 10, 1958. Đó là năm đánh dấu thời kỳ vàng son cho các chuyến bay thương mại quốc tế cung cấp các dịch vụ "thượng hạng" với những tiện nghi tuyệt hảo. Các máy bay cánh quạt thời đó là Lockheed Constellation và Douglas DC-7. Với các hành trình ngắn hơn thường dùng loại máy bay Turboprop (turbine-driven propellers) Viscounts. Tất cả các phi cơ kiểu đó đều không bay được khi có trời tiết xấu như máy bay phản lực.

Vào năm 1958, giá một vé máy bay đi vòng quanh thế giới chỉ dành cho một số người giàu có hay tài chánh thông thả. Ghế ngồi thoải mái, rộng 7.5 cm tới 15 cm hơn loại ghế du lịch hạng thường bây giờ. Ngoài ra còn có nhiều ghế trống để hành khách tự do dùng nữa. Số ghế bán được trên mỗi chuyến bay cũng thấp. Các công ty hàng không cạnh tranh với nhau dựa trên phẩm chất dịch vụ thay vì giá cả. Đây là thời kỳ "du khách" làm vua. Đa số hành khách thuộc giới khá giả hay trung lưu. Họ ăn mặc chỉnh tề. Thức ăn thuộc loại chọn lọc với những ly chén đẹp đẽ, bát đĩa trắng men, và dao nĩa xi bạc dọn trên bàn có trải khăn trắng hoàng. Tuyệt đối không có dao nĩa bằng nhựa! Các đồ dùng trên máy bay đẹp đến độ hành khách muốn mua về làm kỷ niệm.

Trong cuốn “ĐÔNG GẤP TÂY” này, tôi xin đưa ra nhiều nhận xét có thể là bình thường dưới mắt một người Mỹ hay Âu Châu nhưng lại là mới mẻ cho người Á Đông thời đó. Đối với người đã đi du lịch nhiều và quen thuộc với những nước tôi viếng thăm, tôi hy vọng khi đọc những trang sách này, các vị đó vẫn thấy thú vị khi hồi tưởng lại nhiều kỷ niệm tuyệt vời của mình!



Máy bay tốt nhất của PAN AM trong năm 1958: DC-7

Máy bay từ Nữ Ước qua Âu châu phải dừng để đổ xăng tại Gander (Newfoundland), Santa Maria (Azores Islands) trước khi đến Lisbon.

Lisbon

Nơi đầu tiên chiếc máy bay của tôi đáp xuống tại Cựu Thế Giới là thành phố Lisbon. Lúc tôi còn du học bên Mỹ, nhiều bạn cùng lớp thường kể cho nghe về “cố quốc” của họ vì đa số gia đình họ di dân từ Âu Châu qua. Nhờ vậy, tôi có một khái niệm tổng quát về nơi chôn nhau cắt rún của họ. Ấn tượng ban đầu của tôi là ở khắp mọi nơi, tôi đều thấy những lâu đài, tượng đài cổ kính, nguy nga, đồ sộ và oai nghi. Thật là khác xa với một quốc gia trẻ như Hoa Kỳ không đâu thấy được các lâu đài xưa, ngoại trừ một vài lâu đài được nhập cảng rồi ráp lại như Hearst Castle ở tiểu bang California!

Về ẩm thực, điều làm tôi ngạc nhiên là thói quen ăn uống tại lục địa này. Ở Mỹ, tôi thường dùng cơm tối vào 6 giờ chiều. Tại Lisbon người dân ăn trưa cả tiếng đồng hồ bắt đầu từ 1 tới 3 giờ chiều còn bữa cơm tối thì từ 8 - 9 giờ. Dân chúng quả thực dùng nhiều thời giờ để ăn uống. Cách thức người Bồ Đào Nha nấu nướng chịu nhiều ảnh hưởng của miền Địa Trung Hải: loại xúp cà chua tên *gazpacho* nấu với tỏi, dưa leo, hành tây, ớt và dấm được nhiều người ưa chuộng. Tôi có nếm món quốc hồn quốc túy *Bacalhau*, cá ướp muối, và trong năm có bao nhiêu ngày thì có ngần ấy cách nấu món này. Vào thời xa xưa, người Bồ Đào Nha hay đi bắt cá này tại Newfoundland bên Gia Nã Đại. Còn một món ngon khác nữa là xúc xích *chorizo*, và chắc hẳn không thể quên thưởng thức loại rượu thượng hạng Porto và Madeira của đất nước này. Tại chợ cá, lần đầu tiên tôi thấy dân buôn đội cá trên đầu đứng trong những mâm nhôm tròn. Vào năm 1958, thức ăn lẹ (fast food) như bên Mỹ chưa xuất hiện ở Âu Châu hay trên thế giới.

Đông gặp Tây

Khi đi bộ nơi trung tâm thành phố, tôi thấy những lâu đài và tượng đài ngoạn mục (xin coi hình bên dưới) biểu hiện cho quá khứ huy hoàng của xứ này. Tôi không tưởng tượng được một quốc gia nhỏ như Bồ Đào Nha đã có thể là một đế quốc lớn trên thế giới có nhiều thuộc địa ở Châu Phi, Ba Tây, Ma cao, Timor và một số lãnh địa khác bên Ấn Độ.



Tiệm bán gạch xanh đã 60 tuổi đời



Xe điện loại nhỏ



Ngon hải đăng Belem



Xe điện



Đài tưởng niệm thám hiểm



Lâu đài quốc gia Ajuda



Lâu đài ở Queluz



Đường nhỏ ở Lisbon



Bãi biển Estoril, cách Lisbon 15 km, nơi tản bộ và giải trí của giới quyền quý và giàu sang với sòng bài lớn nhất Âu Châu thời ấy.

Chuyến bay sau đó đưa tôi tới Madrid.

Madrid

Quốc kỳ vàng và đỏ của Tây Ban Nha được treo khắp nơi trong thành phố khiến tôi liên tưởng tới quốc kỳ VN tung bay trong dịp Tết bên nhà ngày xưa.



Quốc kỳ An Nam



Quốc kỳ Tây Ban Nha

Thủ đô Madrid có một số điểm tương tự với Lisbon: nhiều tượng đài, lâu đài vĩ đại và dùng cơm muộn. Ngoài ra còn có cả điệu múa flamenco đầy hấp dẫn và lôi cuốn.



Viện bảo tàng Museo del Prado



Plaza Mayor được xây bởi vua Philip III (1598–1621)



Loại "jambon Serrano" nổi tiếng thế giới



Điệu múa Flamenco



*Lâu đài Hoàng Gia,
công trường tại trung tâm thành phố, 1764*



Tòa thị chính

Tôi sẽ không sao quên được những gian hàng bán hải sản có món *paella*, *tapas* và những thức ăn đặc biệt như "*urchins*," con hào và ngao dừa.

Nice

Rời Madrid, tôi đáp chuyến bay PAN AM tới Nice thăm chị Ba của tôi đã về hưu sống tại nơi đó từ năm 1950. Chị ngạc nhiên khi biết tôi đang ở khách sạn sang trọng Negresco tại trung tâm thành phố. Thực ra, vì không biết gì nên tôi đã giao phó cho hãng hàng không giữ phòng khách sạn dùm tôi! Thành phố Nice của Pháp, nơi nghỉ mát tại bờ biển tuyệt đẹp với vô số du thuyền lộng lẫy của giới quyền quý đã gây ấn tượng sâu đậm trong tôi. Tuy vậy, bãi biển nơi đây có sóng lớn với đá sỏi nhỏ chớ không có cát trắng như ở Carmel, California. Đã đến lúc tôi phải thưởng thức những món ăn vùng Provence như: *Ratatouille*, *Petits Farcis* nhồi thịt bê và thịt bò băm nhỏ, cốm bánh mì, và rau, *Salade Niçoise* có cá cơm ngâm dầu ô liu, ớt, bông và trái zucchini, và hành tây.



Bãi biển Côte d'Azur



Khách Sạn Negresc

LUÂN ĐÔN



Big Ben



Bữa điểm tâm bên Anh

Tiếp tục cuộc hành trình tôi bay qua Luân Đôn. Điều làm tôi bất ngờ là bữa điểm tâm khác rất nhiều so với bên Mỹ. Thức ăn được dọn ra làm tôi choáng váng! Nào là *Bacon* và trứng hay là "*fry-up*" gồm những lát bacon mỏng, trứng chiên, xúc xích, đậu, khoai tây chiên, pudding, cà phê mát và nấm chiên với bánh mì nướng, và nước cam vắt. Ngoài ra cũng thường có thêm đủ loại gia vị như mùt và ketchup cùng trái cây tươi. Theo thói quen, người Anh còn uống nhiều ly trà hay cà phê đen với món "*fry up*" nữa. Thật là có quá nhiều chất béo và ngon miệng! Món ăn trưa "*fish and chips*" vừa rẻ, nấu đơn giản nhưng cũng không kém phần hấp dẫn.



Một con đường tiêu biểu của Luân Đôn với xe bus hai tầng và ca bin điện thoại



Tower Bridge



Lễ thay phiên gác ở Buckingham palace

Tôi còn nhớ có nhờ một người lính cảnh sát cho biết những nhà hàng ngon nhứt thì được ông ta chỉ tới những chỗ không bán thức ăn Anh. Tôi đoán vào năm 1958, Luân Đôn còn là thành phố mà người dân vẫn ưa "Thức ăn lược kiểu Anh." Tuy nhiên, qua thế kỷ 21, nhiều nhà hàng nổi tiếng nhứt thế giới lại tụ tập nơi đây!

BELGIUM



Cửa vào World's Fair

Đúng 12 giờ trưa ngày 15 tháng 6, 1958, tôi gặp hai anh tôi tại tòa nhà nổi tiếng Atomium của Hội Chợ Quốc Tế Brussels. Đã bảy năm rồi chúng tôi không được thấy mặt nhau. Trong niềm vui, chúng tôi ăn mừng buổi tái ngộ với bia nổi tiếng của Bỉ Quốc và những món ăn đặc biệt của xứ này.



Nhiều loại xúc xích "boudin", tôm ăn theo kiểu hàng rong



Cá Sole Meunière



Bít tết chua ngọt nấu với bia



Chem chép



Nói cho đúng, chính người Bỉ đã chế ra món khoai tây chiên từ năm 1781.

Cuộc họp mặt của ba anh em chúng tôi tại Bỉ năm 1958. Từ trái qua phải: Tôi, anh Năm Khương hữu Căn và người anh sanh đôi Khương hữu Quý.



Tòa nhà triển lãm của Nga



Tòa nhà triển lãm của Hoa Kỳ



Phía bên trong tòa nhà triển lãm của Nga



Hai tòa nhà này có thể được coi như là biểu tượng của chiến tranh lạnh giữa Nga và Mỹ hay ít ra cũng là của cuộc chạy đua trên không gian với một mô hình của vệ tinh Sputnik.



Thảm hoa ở Brussels vào mùa hè năm 1958



Pissing boy

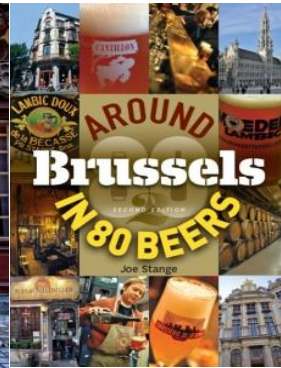
Theo huyền thoại, vào năm 1618, đứa bé tình giấc ngủ vì một đám cháy đã dùng nước tiểu của nó để dập tắt đám cháy đó. Nhờ vậy nó đã cứu cung điện của nhà vua khỏi bị thiêu rụi.



Cảnh đi dạo buổi tối để kiểm tiệm ăn tại Brussels



Bánh kẹp của Bỉ



Ai lại không muốn đặt chân tới một nơi mang tên là “Hành Tinh Của Bia/Beer Planet”? Tới đây tôi mới khám phá ra rằng ở xứ này có hai nhóm dân nói hai ngôn ngữ khác nhau: Dutch-Flemish và tiếng Pháp.

Hòa Lan



Cung điện nhà vua, Amsterdam



Cánh xay gió và phó mát tại Hòa Lan

Điều lôi cuốn du khách nhút trong thời điểm đó là những cánh xay gió từ thế kỷ 18 được bảo tồn toàn hảo. Nay được UNESCO xếp vào loại di sản thế giới. Kinderdijk có tới 19 cánh xay gió được xây từ năm 1722 tới 1761. Đây là nơi tập trung số cánh gió nhiều nhất bên Hòa Lan.



Có thể khẳng định mà không sợ bị sai lầm là mỗi năm có cả trăm ngàn du khách đổ dồn về xứ Hòa Lan để chiêm ngưỡng các cánh đồng với những thảm hoa sặc sỡ như trong hình trước khi chúng bị cắt đem bán cho các cửa hàng hoa hay siêu thị rải rác trên khắp thế giới.

Ngày đầu làm quen với Amsterdam và những kinh rạch tuyệt đẹp nơi đây khiến tôi có cảm nghĩ như mình đang ở Venice bên Ý Đại Lợi vậy. Bạn có thể đi tour hay taxi bằng thuyền để viếng thăm những nơi danh lam thắng cảnh kể luôn các viện bảo tàng hay phòng triển lãm nghệ thuật chính trong thành phố. Đôi khi chỉ thả bộ trên những đường nhỏ và yên tĩnh chạy dọc theo các kinh rạch tôi cũng đủ thấy hứng thú rồi. Điển hình là khu Grachtengordel với vô số những chiếc cầu xinh xắn và các ngôi nhà ngộ nghĩnh xây trong thế kỷ 17. Những đường phố cổ kính xây 400 năm về trước cho phép du khách như tôi khám phá vô vàn những kiến trúc tuyệt mỹ, các tiệm bán đồ xinh xắn, quán cà phê, khách sạn cũng như các khuôn viên đầy màu sắc.



*Viện bảo tàng The Rijksmuseum,
nơi trưng bày nhiều bảo vật*



Vườn "Garden of Europe"



Kinh rạch ở Amsterdam



Đê

Tưởng cũng nên nhắc lại là phần lớn diện tích của xứ Hòa Lan thấp hơn mực nước biển do đó phải nhờ đến những hệ thống đê điều để chống lụt. Tôi có dịp quan sát công trình xây cất đê điều đáng nể tên là "Delta Works." Dự án khổng lồ này được coi là một trong bảy Kỳ Quan của Thế Giới.



Chúng tôi cắm trại tại Groningen, Hoà Lan, 1958

Tôi mang theo lều cắm trại loại mới từ Nữ Ước qua. Tại vùng thấp như Hòa Lan đất thường bị ẩm ướt.

Đông gặp Tây

Nơi đây, tôi cũng học được cách ăn cá trích (herring) độc đáo của người dân Hòa Lan là ngửa đầu về phía sau rồi cầm con cá bằng đuôi để thả vào miệng. Nếu ăn cách này không hấp dẫn lắm thì cũng có thể ăn từng miếng cắt nhỏ hay làm sandwich có tên gọi là *broodje haring*.



Khi tới Amsterdam bạn còn thấy dân chúng ưa dùng xe máy (danh từ tại miền Nam thời của tôi, bây giờ gọi là xe đạp) để đi lại trong thành phố. Số lượng xe máy vượt quá mức tưởng tượng. Số xe máy nhiều hơn xe hơi (bây giờ gọi là xe ô tô) và còn nhiều hơn cả dân số trong thành phố nữa. Điều nổi bật, khác hẳn với đa số các thành phố bên Á Châu và Âu Châu, không ai nghĩ tới việc phải khóa xe cả.

Thực lòng mà nói tôi nghĩ nhiều du khách tò mò muốn nhìn trộm qua cửa sổ vào phòng khách trong nhà để biết cách dân bản xứ sinh sống ra sao. Bên Hòa Lan, tôi nhận thấy đa số các màn cửa được kéo sang hai bên nên người đi ngang qua chỉ cần thoải mái liếc mắt nhìn vào phía trong mà thôi.



Nông trại làm phó mát

Ba anh em chúng tôi viếng thăm một nông trại và được người làm việc nơi đó mặc quần áo cổ truyền đón tiếp nồng hậu và vén miếng vải che để lộ ra nhiều loại phở mát cho chúng tôi nếm thử.

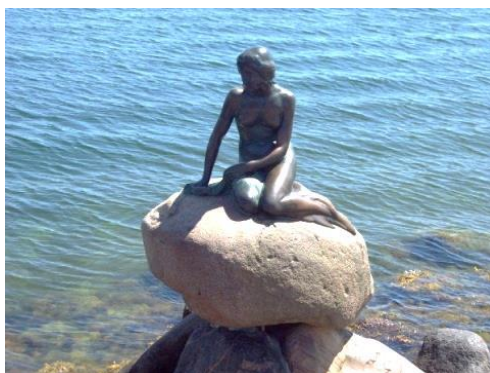
Khu “Bình Khang” tại đây, có đủ thứ liên quan tới tình dục như nhà điếm, tiệm bán dụng cụ sex, viện bảo tàng. Những gì tôi được nghe trước đây về khu phố này đều đúng. Các gái điếm thuộc mọi chủng tộc phô trương sự hấp dẫn của mình qua khung cửa kiếng có rèm đỏ. Tôi thấy hàng đoàn du khách người Nhật trong tay cầm máy chụp hình đồ bộ xuống từ các đoàn xe bus.



Khu Bình Khang

Đan Mạch

Gần đây, Đan Mạch được coi là quốc gia có cuộc sống vui vẻ nhất thế giới. Những điều tôi quan sát được thời đó đến nay vẫn còn đúng. Hoàng gia trị vì đất nước này thuộc một trong những dòng tộc xưa nhất. Mỗi bữa, có cảnh thay phiên gác diễn ra tại ngay khu chính của cung điện nhà vua ở. Bức tượng The Little Mermaid được tạc dựa theo một truyện thần thoại của Hans Christian Andersen đã trở thành biểu tượng được tôn kính nhất của thủ đô Copenhagen. Nó còn là bức tượng được nhiều người chụp hình nhất của Đan Mạch.



Little Mermaid



Cung điện



Cảnh thay phiên gác

Tôi có dịp tới xem cung điện Amalienborg Castle, nơi cư ngụ chính thức của hoàng gia. Nơi đây không có hàng rào hay tường ngăn để bảo vệ người thủ lĩnh quốc gia. Đúng là dấu hiệu của một xã hội dân chủ và văn minh. Khắp nơi tôi đều thấy các công trình kiến trúc và kỹ thuật đẹp, phải chăng đó là lý do tại sao Đan Mạch được coi là xứ sở của đồ chơi có các khối lắp ráp mang hiệu Lego



Kênh Nyhavn



Lâu đài Egeskov Castle nay là một công viên



Vườn Tivoli Gardens

Khu Tivoli Gardens lừng danh thế giới được xây năm 1843 nay đã trở thành một bảo vật quốc gia cũng như là một địa điểm thu hút du khách hoặc công viên giải trí tầm cỡ quốc tế. Có thể Tivoli Gardens được xếp hạng đứng đầu ở Âu Châu nhưng tôi nghĩ nó không thể so với **Disneyland** hay Orlando Theme Park được.



Tivoli Gardens



Tivoli Gardens ban đêm



Tòa đô chánh

Dân Đan Mạch rất tôn trọng đời sống riêng tư của nhau, nhất là tại các thành phố lớn như Copenhagen. Sau chuyến viếng thăm quốc gia này, tôi học hỏi được một điều là không dễ gì làm người bản xứ mất sự điềm tĩnh của họ. Khi có ai làm họ bức mình, họ sẽ nói cho người đó biết một cách bình tĩnh và điềm đạm. Nếu bạn nghe ai phát biểu ý kiến thẳng thắn, bạn không nên ngạc nhiên. Người dân ở đây không có thói quen nói ngọt để lấy lòng người khác. Ngược lại họ tin là sự thực lòng là thái độ tốt nhất. Nếu bạn hỏi ai câu gì thì bạn hãy chờ đón một câu trả lời thực tình.

Về ẩm thực, tôi được thưởng thức những món địa phương như *gravlax*, món ăn thông dụng của miền Scandinavia là cá hồi tươi ướp muối, thìa là và đường; món thịt viên ăn với cải bắp ngâm dấm, khoai tây và củ dền; bánh pancake viên kiểu Đan Mạch; dâu Nordic lagoonberries và cloudberries.

NA-UY

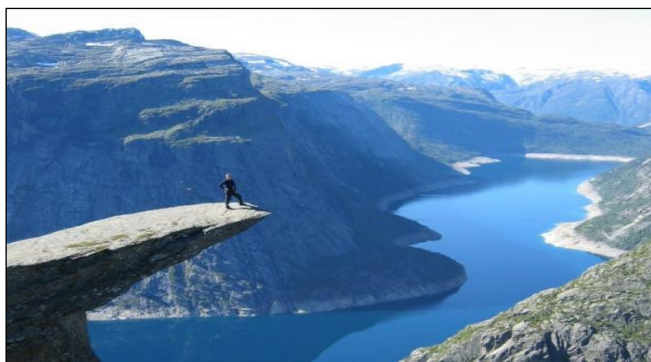
Từ Đan Mạch chúng tôi lái xe lên phà Frederikshavn để đi Oslo. Ở Na Uy, chúng tôi lái xe du ngoạn khứ hồi Oslo-Bergen. Dọc theo xa lộ đi giữa thiên nhiên để tới Đại Tây Dương, chúng tôi chiêm ngưỡng được häng hà sa số các con suối nằm bên núi, nhiều vịnh fjords và các nhà thờ Thiên chúa giáo xây bằng gỗ thuộc thời Trung cổ.



Tòa đô chánh và cửa biển ở Oslo



Trung tâm giải Nobel Hòa Bình



Fjord Trolltunga cách Bergen 190 cây số



Nhà thờ Heddal xây bằng gỗ thế kỷ 13 được tân trang



Con suối nằm bên núi



Nhà thờ Borgund Stavkirke bằng gỗ



Tørrfisk, cá tươi được phơi khô ngoài trời

Tôi nghĩ là nhiều điều tôi thấy được ở Na Uy 60 năm trước đến nay vẫn còn y như vậy. Nhà thờ Borgund Stavkirke tại Laerdal là nhà thờ duy nhất xây bằng gỗ năm 1150 vẫn còn giữ được nguyên vẹn từ thời Trung Cổ tới giờ.

Tại Na Uy, có một thức ăn bắt nguồn từ thế kỷ 12 và được nhiều người biết đến tên là *Tørrfisk*. Đó là món cá cod, haddock, pollack tươi được phơi khô ngoài trời. Còn thứ rượu *akevitt* (nước của sự sống) cũng rất thanh hành trong vùng Scandinavia.



Thành phố Bergen đã trở thành một di sản văn hóa của dân chúng Na Uy và đã được UNESCO ghi vào Danh Sách Di Sản Của Thế Giới.



Chợ cá ở Bergen



Cảnh chợ trời

Đông gặp Tây

Chợ cá ở Bergen là một trong những chợ ngoài trời được nhiều du khách tới thăm viếng nhiều nhất khi đặt chân tới Na Uy. Điều được người ta ưa chuộng mỗi khi tới đây là mua tôm luộc còn nóng hổi để ăn ngay tại sạp bán hàng bên cửa biển.

Thức ăn nổi tiếng được dân chúng ở Bergen ưa thích.



THỤY ĐIỂN

Giã từ Oslo, chúng tôi lên xe hướng về thành phố Stockholm. Việc đầu tiên chúng tôi phải làm khi qua biên giới vào Thụy Điển là thay đổi từ lái xe bên phải qua lái xe bên trái. Mãi đến ngày 3 tháng 9 năm 1967 Thụy Điển mới đổi qua lái xe bên phải.



Quang cảnh thành phố Stockholm



Tòa thị chánh Stockholm



Lâu đài Drottningholm, di sản thế giới của UNESCO

Tòa lâu đài xây trong thế kỷ 17 này nay được chọn làm nơi cư ngụ chánh thức của Hoàng Gia Thụy Điển.

Viện bảo tàng Vasa Museum là nơi chiếc tàu chiến Vasa được trưng bày. Chiếc tàu này được hạ thủy vào năm 1628 và được xem là niềm hãnh diện quốc gia mang ý nghĩa lịch sử của Hải Quân thuộc Đế Quốc Thụy Điển. Nó chìm trong chuyến hải trình đầu tiên nhưng được vớt lên sau đó. Dưới mắt dân chúng xứ này, đây là một kỳ công về kỹ thuật lớn lao nhất của nhân loại, hay ít ra là của thời Trung Cổ.



Viện bảo tàng Vasa Museum



Ngôi thánh đường xây năm 1080 của Thụy Điển được viếng thăm nhiều nhất

Trong chuyến viếng thăm Thụy Điển tôi học hỏi được vài điều thú vị. Khi ở đó ta không nên để ý đến đội hockey chơi trên băng của Phần Lan mà phải luôn luôn ủng hộ đội hockey của Thụy Điển. Đây là chọn lựa an toàn nhất trừ khi bạn muốn có một cuộc tranh cãi. Dân Phần Lan và Thụy Điển đã chia sẻ với nhau một mối liên hệ lịch sử lâu dài và phức tạp. Nếu là người ngoại quốc thì không nên đề cập tới điều tế nhị này. Người Thụy Điển ham vui nhưng không đi quá trớn đến nỗi làm phiền người khác. Ở xứ sở này bạn sẽ không bao giờ gặp loại người gây gổ la lối trong các quán nhậu.

Tôi còn học được rằng những biểu lộ mạnh bằng cử chỉ hay điệu bộ là cách dễ làm dân bản xứ bức bối nhất. Nếu bạn nói quá to để người ngồi bên cạnh nghe được, bạn có thể bị khiển trách một cách nhẹ nhàng.

Về ẩm thực, "*Smorgasbord*," có nghĩa là một hình thức ăn theo kiểu buffet của người Thụy Điển. Họ dọn ra đủ loại thức ăn khác nhau như hors d'oeuvre, thịt lạnh hay nóng, cá xông khói hay ngâm dấm, pho mát, xà lách, và gia vị. Món cá trích (*herring*) ngâm dấm được trưng bày ngay chính giữa. Tưởng cũng nên nói thêm loại tép đồng có càng to (*crayfish*), cá herring ngâm dấm, cá xông khói như cá thu, lươn và cá hồi là những thức ăn ưa chuộng của người Thụy Điển.



Smorgasbord



Thức ăn rất hôi, cá Surstromming

Thói quen ăn món cá *Surstromming* khởi sự vào thế kỷ 16. Món cá trích bắt từ Biển Baltic ngâm chua là một nghệ thuật ẩm thực làm người dân bản xứ lẫn du khách phải rùng mình— Đây là một lối ăn truyền thống không mấy thơm tho. Thường thì người ta ăn món này ngoài trời vì cái mùi vừa mạnh vừa khó ngửi giống như trứng thối hay nước ống cống. Tôi đã không dám mạo hiểm nếm thử món ăn này.

Trên chuyến phà đi tới Phần Lan, tôi gặp một vị giáo sư trung học người Mỹ đã dạy học ở đây hai năm và ông ta cho tôi biết là đa số dân nước này thuộc giai cấp thượng lưu, có một hệ thống an sinh xã hội đứng đầu thế giới. Nếu ai có ý định cai rượu thì nên đến thăm viếng quốc gia này, còn nếu uống rượu thì nên mua trữ thật nhiều rượu miễn thuế trên đường đi tới Thụy Điển. Các trạm bán xăng và tiệm bán hàng địa phương bị cấm không được bán rượu chất hay rượu mạnh. Nhằm mục đích kiểm soát việc uống rượu ở trong nước, chính phủ Thụy Điển đã thiết lập một hệ thống bán rượu đặt tên là *Systembolaget* vào năm 1955. Các cửa tiệm này được độc quyền bán rượu lẻ, đó là nơi duy nhất bạn có thể mua rượu chất, rượu mạnh hay bia có nồng độ trên 3.5 phần trăm.

Ở Thụy Điển không có việc tranh giành đứng trước người khác. Dù ở nhà bưu điện, tiệm bán thuốc tây, *Systembolaget* hay quầy bán phở mát trong siêu thị, ai ai cũng phải lấy một phiếu đợi, đứng xếp hàng để chờ tới phiên mình.

PHẦN LAN

Chúng tôi chọn đi chuyến phà 11 giờ đêm từ Stockholm để tới Turku của Phần Lan bên bờ biển Baltic. Chuyến đi khá thoải mái và nhiều tiện nghi.



Khu Chợ, Tòa Thị Chánh và nhà thờ chánh

Có người nói cho chúng tôi hay trong thời Thế Chiến Thứ Hai, vùng biển này rất nguy hiểm vì sự có mặt của các tàu ngầm loại U2 của Đức Quốc Xã. Trước đây Phần Lan thuộc về Thụy Điển trong gần 700 năm, từ 1150 tới Cuộc Chiến Phần Lan năm 1809. Sau đó, xứ này trở thành lãnh thổ tự trị của Nga với danh xưng là Grand Duchy of Finland. Từ ngày Phần Lan

dành lại độc lập năm 1917, hai nước Phần Lan và Nga đã duy trì một mối hợp tác song phương đặc biệt. Chúng ta không nên so sánh Phần Lan với những quốc gia khác nhứt là với Thụy Điển. Hơn nữa cũng nên tránh bắt chuyện với ai bằng những câu hỏi như trước kia Phần Lan có phải là một nước cộng sản như nước láng giềng Nga hay không? So sánh như vậy chẳng khác gì so sánh người công giáo với người tin lành. Mối liên hệ giữa Phần Lan và Thụy Điển trên đa số lãnh vực có phần đặc biệt hơn so với mối liên hệ ngoại giao của hai quốc gia này với những nước khác trên thế giới. Tiếng Thụy Điển giữ vị trí đặc biệt ở Phần Lan trong khi dân Phần Lan là nhóm thiểu số lớn nhứt tại Thụy Điển ước lượng khoảng 675.000 người.

Từ Thụy Điển đi vào lãnh thổ Phần Lan tôi lại phải đổi sang lái xe bên phải. Tôi cũng biết thêm là trong tiếng nói của dân Phần Lan, danh từ ***Suomi*** có nghĩa là Phần Lan. Có lẽ cũng vì thế mà nhiều đường phố ở Helsinki mang cả hai thứ tên Thụy Điển và Phần Lan. Đặc biệt hơn nữa, tôi còn nhìn thấy những tấm bảng đề chữ: “Trường học dành cho người Thụy Điển” vào năm 1958! Tinh thần dân tộc hay kỳ thị ?



Nhà thờ lớn Lutheran Tuomiokirkko 1852



Nhà thờ lớn Uspenski

Tôi có dịp viếng thăm ngôi nhà thờ lớn thật uy nghi Uspenski Eastern Orthodox Cathedral tại Helsinki xây cất để tưởng niệm Nga hoàng Alexander II cũng là hoàng đế của Phần Lan trong thế kỷ thứ 19. Đây là ngôi nhà thờ Chính Thống Giáo lớn nhứt tại Tây Âu. Những cơ sở kiến trúc ngoạn mục ở Helsinki còn làm tôi thán phục.

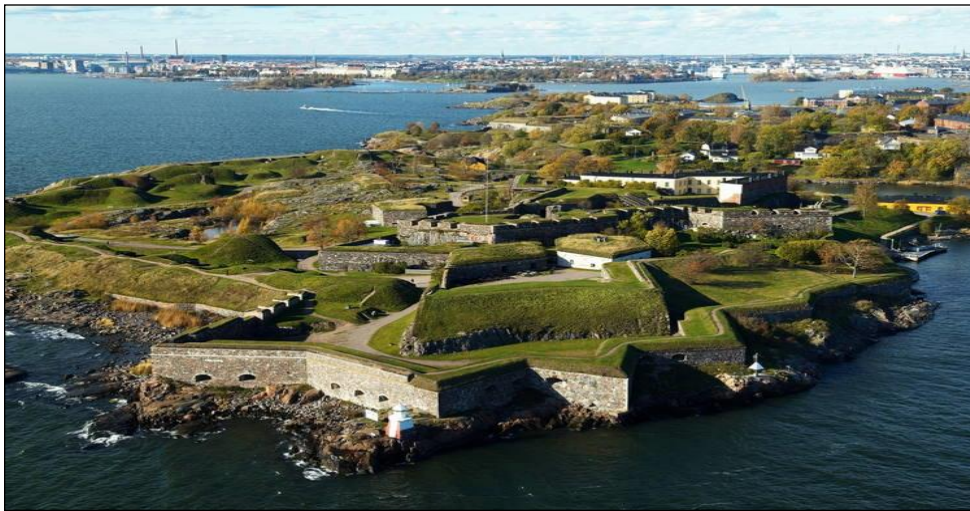


Sân vận động Olympic lâu đời và tráng lệ này được xây trong thập niên 1930 nhưng mãi đến thập niên 1950 mới được sử dụng để tổ chức Thế Vận Hội thời đó. Lối kiến trúc trông thật đơn giản nhưng lại hiện đại. Một phần cũng nhờ thiết kế kiểu art deco. Phần còn lại là nhờ việc sử dụng tối thiểu không gian và đường nét mà tòa nhà này có vẻ như vừa mới được xây xong. Nơi này được bảo trì hết sức chu đáo. Đây là chứng cứ hùng hồn cho thấy thái độ của người dân Phần Lan

Đông gặp Tây

muốn giữ gìn, duy trì những gì đẹp và hữu dụng. Ngọn tháp trước kia sáng rực nhờ ngọn lửa thiêng của Thế Vận Hội nay lại lôi cuốn dân chúng với nét trẻ trung vượt thời gian !

Khí hậu khắc nghiệt của đất nước khiến cho rau cải và trái cây không trồng được trong 9 tháng mỗi năm nên loại thực phẩm chính dân chúng dùng là củ rễ (mới đầu là củ cải rồi sau này là khoai tây) và bánh mì làm bằng lúa mạch màu sậm. Thực đơn của những nhà hàng ở Phần Lan thường có ghi loại smorgasbord của vùng Scandinavia. Điều khá ngộ nghĩnh là chính tại Helsinki mà người ta kiếm được những tiệm ăn Nga ngon nhất thế giới.

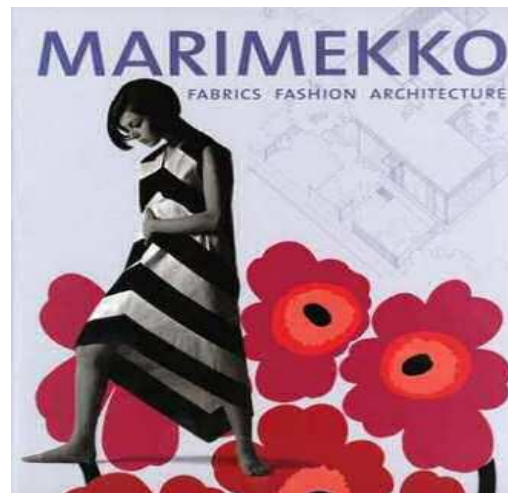


Pháo đài Suomenlinna

Pháo đài được người Thụy Điển xây trong hạ bán thế kỷ 18 trên một số hòn đảo nằm tại hải cảng của Helsinki, tiêu biểu cho lối kiến trúc quân sự của Âu Châu thời đó.



iittala Kiểu mẫu nĩa hiện đại của Phần Lan
marimekko® có nhiều đóng góp cho thời trang và kiến trúc



Công ty iittala nổi tiếng hoàn cầu khởi thủy là một xưởng làm kiếng vào năm 1881. Trong thời điểm sơ khai của phong trào hiện đại và thực dụng thuộc hai thập niên 1930 và 1940, công ty Phần Lan này bắt đầu phát triển, tiên phong trong ngành trang hoàng nhà cửa, vật dụng cho phòng ăn và nhà bếp. Những sản phẩm của họ đem lại vẻ mỹ thuật thực dụng cho cuộc sống hàng ngày qua những thiết kế vượt thời gian, tính chất hài hòa và phẩm chất thượng hạng trong sản phẩm của họ.

Ngày nay **marimekko®** và **iittala** là hai tên hiệu quen thuộc với quần chúng trên thế giới.

Khi còn ở Helsinki, tôi làm đơn xin visa đi viếng thăm Saint-Petersburg chỉ cách chỗ tôi ở 244 dặm Anh. Tuy nhiên, thủ tục phía chánh phủ Nga đòi hỏi bảy ngày mới làm xong. Tôi không biết làm gì trong suốt thời gian năm chờ ở Helsinki nên quyết định quay trở lại Đan Mạch để tiếp tục cuộc hành trình đi Đức Quốc.

NƯỚC ĐỨC

Vùng Bavaria có thành phố Munich nổi tiếng thế giới về nghệ thuật làm bia trong nhiều thế kỷ và về ngày lễ ăn mừng bia như Oktoberfest. Dân Đức mua bia từng lít một! Để bảo vệ cho sự tinh khiết của bia, luật lệ ban hành năm 1487 chỉ cho phép dùng ba nguyên liệu làm bia: nước, lúa mạch, và hột bố (houblon.)



Marienplatz ở Munich, Bavaria





Phụ nữ và tám ly cối chứa 1 lit bia mỗi ly (steins)



Bratwurst



Sauerkraut (Dưa bắp cải chua)



Pickled Eisbein với Sauerkraut

Không gì tiêu biểu cho món ăn thuần túy miền Nam Đức Quốc là một bánh *pretzel*/mềm còn nóng hổi vừa lấy ở lò nướng ra.



*Lentils und spätzle (món mì điển hình miền Nam nước Đức).
Pretzel Münchner Weißwurst, xúc xích miền Bavaria*



Ba anh em chúng tôi được thưởng thức những món trên tại một nhà hàng nổi trên dòng sông Rhine trong vùng Cologne, uống rượu chất trắng riesling tuyệt vời của Đức.



Quán bán bia Pschorr



Dòng sông Rhine



Dòng sông Rhine và Moselle gặp nhau ở Coblenz



Weisswurst (White German sausage) và Riesling trên mũi tàu



Đi tàu từ Coblenz-Cochem-Trier, uống Riesling, ăn Weisswurst trên mui tàu

Đứng ngắm nơi hợp lưu của hai dòng sông Rhine và Moselle tại Coblenz, tôi thấy không uống công đi tới đó. Ở mỗi khúc quanh của con sông Moselle tôi ngỡ ngàng thấy những lâu đài cổ kính không ngừng xuất hiện ra trước mắt mình.



Nhà thờ lớn ở Cologne

Thành phố này là nơi sản xuất “Eau de Cologne” có hương thơm đặc biệt lừng danh thế giới từ năm 1792.

ÁO QUỐC



Toàn cảnh thành phố Salzburg với pháo đài

Thành phố Salzburg nơi nhạc sĩ Amadeus Mozart ra đời trong thế kỷ 18 cũng là nơi nhiều lễ hội được tổ chức quanh năm để lôi cuốn du khách.



Căn nhà số Getreidegasse 9 nơi Mozart ra đời Nơi cư ngụ của gia đình Ông từ năm 1773



Nhà thờ lớn St Stephen



Tòa thị sảnh của Vienna hay còn gọi là Rathaus



Tòa lâu đài Hofburg là cung điện cũ của hoàng gia tại trung tâm Vienna

Tháng 9, 1958 một phần của lâu đài Hofburg được mở rộng để tổ chức các hội nghị cho công chúng tham dự.



*1. Goldenes Dachl - địa danh nổi tiếng ở Innsbruck 3. Nhà hát lớn ở Vienna
2. Công viên Mozartplatz với bức tượng của Mozart*



Bánh đặc biệt Apfelstrudel



Wiener schnitzel (món ăn đặc biệt thịt bò tơ chiên giòn)

Vienna có nhiều tượng đài và nổi tiếng về cà phê, bánh ngọt cũng như nhiều kiến trúc cổ kính. Mới đây, trong bốn năm liên tiếp, Vienna được bầu là thành phố có phẩm chất cuộc sống đứng đầu thế giới, vượt mặt các thành phố ở Thụy Sĩ, Đan Mạch, và Hoa Kỳ. Việc xếp hạng do công ty tham vấn Mercer thực hiện. Điều này làm tôi ngạc nhiên vì tôi đã sống trên 40 năm ở San Francisco. Vốn có sẵn “văn minh ăn đũa” trong máu, tôi thấy thành phố của tôi hấp dẫn hơn nhiều vì những lý do như khí hậu ôn hòa, không khí trong lành, nhà hàng cấp hạng quốc tế, viện bảo tàng, hội chợ cộng đồng, lễ hội âm nhạc, giới có học đông đảo, và một nền kinh tế có công nghệ cao với những đại công ty như Google, Yahoo, Facebook, HP, Intel, Cisco, eBay, Oracle, Netflix, Apple, ...

THỤY SĨ



Đối với tôi, khi mới đặt chân tới Thụy Sĩ, tôi có cảm tưởng như dân xứ này tính tình hiền lành nhưng có mặc cảm tự tôn. Trong hơn 675 năm, họ đã bảo toàn được nền độc lập của đất nước họ – một thành quả không dễ làm đối với một quốc gia nhỏ nằm giữa Châu Âu. Vào niên khóa 1948, khi còn học ở Lycée Yersin Đà Lạt, giáo sư địa dư người Pháp của tôi là ông Convert đã dạy tôi nhiều điều như sự khác biệt giữa lá cờ của Thụy Sĩ và của Hồng Thập Tự; việc dân chúng xứ này nói ba thứ tiếng Đức, Pháp và Ý; Sô cô la lừng danh của Thụy Sĩ; pho mát; đồng hồ; chuông đeo cho con bò; con dao canif nhiều lưỡi của quân đội; kèn alphorn... điều cuối nhưng không kém phần quan trọng là Giáo Hội Tin Lành ở Genève do một người Pháp tên Jean Calvin thành lập năm 1536.

Giờ đây, khi tới xứ này lần đầu, tôi được chiêm ngưỡng vòi nước nổi tiếng “Jet d’Eau” nằm giữa hồ Genève cao hơn 150 thước. Cái vòi nước cao đến nỗi trong chuyến Pan Am đi từ Ba lê qua Milan tôi nhìn thấy nó qua cửa sổ của máy bay. Trong dịp đi tour ở Lausanne tôi còn được nếm thử món fondue làm với pho mát Thụy Sĩ. Khi ăn món này ta ghim bánh mì được cắt thành những miếng nhỏ rồi nhúng vào một nồi tráng men có tên đặc biệt là “caquelot” chứa pho mát Gruyère và Emmenthaler đã được nấu chảy rồi đưa lên miệng.



Món fondue Thụy Sĩ



Vòi nước trên hồ Genève

Đông gập Tây

Lối sống ở Thụy Sĩ, cũng như pho mát của xứ này, chịu nhiều ảnh hưởng của các nước lân bang như Pháp, Đức, Áo, và Ý. Kết quả là các món đặc sản của các nước láng giềng đó đã bị pha chế cho hợp với khẩu vị của dân bản xứ. Với phong trào du lịch toàn cầu, người Thụy Sĩ đã dựa vào nghệ thuật nấu nướng của Tàu để chế biến ra những món ăn mới lạ nhưng ít dùng gia vị hơn.

Tôi nhận xét thấy sự phân chia giai cấp tại đây không rõ rệt lắm. Thành phần trung lưu đông đảo hơn cả và việc họ chuyển từ giai cấp này qua giai cấp khác không mấy khó khăn. Không giống như ở Nữu Ước, việc phô trương tiền của không được khuyến khích nhưng ngược lại dấu hiệu của sự nghèo khó lại bị coi là đáng hổ thẹn. Nhiều người hình như muốn che dấu tình trạng giàu nghèo của mình. Trong việc giao dịch, người dân tôn trọng sự nhân ái và lễ độ. Tại những tiệm bán hàng nhỏ, chủ và khách thường lập đi lập lại lời cảm ơn với nhau.



Kèn alphorn



Zurich



Nhà thờ lớn ở Lausanne



Sô cô la

Sô cô la được sản xuất ở Thụy Sĩ từ thế kỷ thứ 17. Người lính Thụy Sĩ được biết tới vì tinh thần kỷ luật và lòng trung thành của họ. Họ còn nổi tiếng về cách dùng những chiến thuật mới lạ như pike square là đội ngũ hình vuông của lính cầm giáo.



Đức Giáo Hoàng Pie XII và lính gác Thụy Sĩ

Thời nay, lính bảo vệ Đức Giáo Hoàng được gọi là Đội Cận Vệ Thụy Sĩ của Đức Giáo Hoàng. Họ trú đóng tại thành Vatican ở Rome và nhiệm vụ chính của họ là bảo vệ an ninh cho Đức Giáo Hoàng.

Ý ĐẠI LỢI

Từ xứ Thụy Sĩ trầm lặng tôi di chuyển qua một nước Ý Đại Lợi sống động. Dân chúng nơi đây nói chuyện bằng tay chân nhiều và cuộc sống của họ có vẻ như đượm chất cảm hứng. Thức ăn Ý dường như mời gọi nhiều hơn. Nói về an ninh thì không sao bằng ở những nước miền Bắc được. Chính tôi đã là nạn nhân điều này. Trong lúc chọn mua mấy đồ kỷ niệm, tôi khám phá mình đã bị lấy cắp hộp quà thật đẹp đựng mấy cái cà vạt lụa vừa mua ở tiệm bên cạnh. Khi đi bộ, tôi thường thấy những tấm bảng cảnh cáo “coi chừng kẻ móc túi”, một điều khó tưởng tượng có thể xảy ra ở những nước Bắc Âu. Đây đúng là sự khác biệt giữa tính tình dân Anglo-Saxon và người dân gốc Latin.



Colosseum ở Rome



Nhà thờ lớn ở Milan

Ý Đại Lợi là quốc gia có nhiều nơi được UNESCO liệt vào danh sách những di sản nhiều nhất thế giới. Chỗ nào cũng thấy tác phẩm nghệ thuật hay tượng đài mỹ lệ. Các thành phố như

Đông gặp Tây

Rome, Venice và Florence lừng danh thế giới về nghệ thuật. Rất tiếc vì thời giờ hạn hẹp, tôi chỉ có thể chọn một số ít nơi để thăm viếng mà thôi.



Basilica di Santa Maria del Fiore ở Florence



Venice



Phong cảnh chung của thành phố Assisi

Thành phố Assisi là nơi chôn nhau cắt rún của thánh St. Francis, người sáng lập dòng tu Franciscan vào năm 1208. Assisi còn là thành phố chị em của San Francisco bên Mỹ.



Tháp nghiêng Pisa



Thức ăn Ý

Không như ở những xã hội sống vội vã, dân Ý có phong thái tà tà và thư dãn nhút là trong các bữa cơm. Tôi rất chuộng món *fettuccini* với nước sốt và xả lách cà chua xanh vào mùa hè.



Pizza Margherita, spaghetti alla carbonara, gelato và espresso

Tôi còn nhớ ở Ý, người ta rất ưa chọn *Gelato*, *tiramisu* và nhiều loại bánh ngọt khác để ăn tráng miệng. Nghệ thuật nấu nướng của Ý chịu ảnh hưởng sâu đậm của ẩm thực miền Địa Trung Hải nên dùng nhiều mì ống, cá, trái cây và rau. Đặc tính nổi bật là sự đơn giản và tính đa dạng.

TRỞ LẠI BA LÊ

Rốt cuộc tôi đã hoàn thành chuyến du lịch nhiều mệt nhọc dài 15.000 km vòng quanh Tây Âu. Vì hơi đuối sức, tôi quyết định “nằm nhà” để nghỉ ngơi và vui thỏa với “Thủ Đô Ánh Sáng” trước khi đáp chuyến bay Pan Am về Sài Gòn. Tôi đi tìm vài bạn cũ học ở Lycée Yersin Đà Lạt đang đi học bên Pháp lúc đó. Một trong những bồ tèo của tôi là anh Vĩnh Mậu sau này trở thành một khoa học gia xuất sắc về nguyên tử học ở Université de Paris. Anh đưa tôi đi dùng cơm tại nhà hàng đặc biệt “Au Cochon de Lait » gần nhà thờ lớn Notre Dame de Paris. Các món ăn họ nấu thật đặc sắc. Vào ban đêm, tôi cảm thấy khoan khoái đi tản bộ dọc theo bờ sông Seine nhìn những chiếc “bateaux mouches” hay ngồi bên những quán cà phê ngoài trời và quan sát những du khách mặt mày hớn hở đến thăm Ba lê trong mùa hè.



Kinh Đô Ánh Sáng



Kinh Đô Ánh Sáng



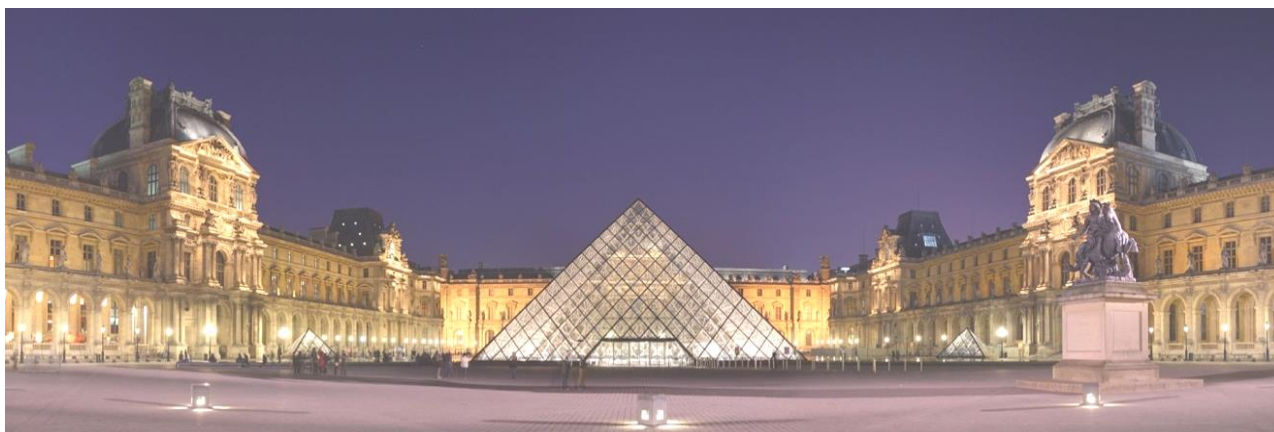
Quán cà phê trên đại lộ St. Michel khu Quartier Latin



Sông Seine và tàu bateau mouche



Quang cảnh đường phố và quán cà phê gần sông Seine



Le Louvre và "glass pyramid" gây nhiều tranh cãi do kiến trúc sư I.M. Pei, MIT vẽ



Đại giáo đường Sacré Cœur



Arc de Triomphe

Anh sanh đôi của tôi là Khương Hữu Quý đã sang du học tại Ba Lê từ năm 1951. Anh đậu xong bằng dược sĩ vào năm 1956 và quyết định học thêm để lấy bằng Tiến sĩ về khoa học. Anh tiếp tục sống trong căn nhà đầy đủ tiện nghi của chị Ba Khuê trong khu Parc Montsouris. Tôi còn nhớ tối nọ chúng tôi bước đi trên một con đường tối như mực và yên tĩnh. Khi chúng tôi bước vào nhà hàng duy nhất trong khu phố thì bất ngờ thấy bên trong đèn sáng trưng và chật ních khách hàng ăn nói vui vẻ. Nơi đây họ chuyên nấu món thận và chúng tôi trải qua một bữa ăn tối khó quên. Ngày thường chúng tôi đến những quán người Pháp gọi là "bistros du coin" để thưởng thức các món như Pâté de campagne, Escargots à la Bourguignonne, Grilled steak với khoai tây chiên và sauce Béarnaise, Cassoulet đậu trắng hầm với xúc xích, thịt heo, Confit de mouton hay de canard, Magret de canard au poivre vert, Pêche Melba, Tarte aux poires uống cùng rượu Calvados.



Đương nhiên chúng tôi phải lấy thuyền bateau mouche trên dòng sông Seine để đi ngắm Ba Lê ban đêm. Sau khi đã nghỉ mệt, tôi lên máy bay Pan Am tiếp tục cuộc hành trình về bên nhà từ Paris ghé Milan, Athens, Cairo, Teheran, Bombay, New Delhi, Calcutta, Rangoon, Bangkok, Phnom-Penh và cuối cùng là Sài Gòn!

HY LẠP



Di tích đổ nát Parthenon

Khi tôi tới Athens, thành phố này bụi bặm, ồn ào và kẹt xe nhiều. Lúc đó người Hy Lạp đang sửa sang thành phố để sửa soạn đón tiếp khách du lịch đến từ bốn phương thế giới.

Tôi mãi miết ngắm nhìn di tích đổ nát Parthenon được coi là biểu tượng lâu đời của Cổ Hy Lạp và nền dân chủ của Athens. Người ta cũng xem đây như một trong những di tích văn hóa quan trọng nhất của nhân loại.



Điệu nhảy cổ truyền của Hy Lạp



Đền thờ thần Zeus ở Athens

Người bạn sinh viên của tôi ở Lafayette tên là Tony Antonopoulos có nhờ tôi đến thăm bà mẹ của anh khi tôi ghé Athens. Tôi được gặp bà và kể cho bà nghe đời sống của chúng tôi

ở Lafayette College. Bà và cô con gái đưa tôi đến một tiệm ăn được người địa phương ưa chuộng để thưởng thức món ăn địa phương như mực nướng và thịt trầu *kabab* nướng. Ngoài ra tôi còn được nếm thử những món đặc biệt khác như *Dolmades* (lá nho dồn thịt), *Moussaka* (cà tím nấu trong nồi bằng đất với thịt trầu băm, quế, rượu thịt), *Calamari* (khoanh mực ống tẩm bột chiên) hay *htapodia* (bạch tuộc), *Horiatiki* (Xà lách hy Lạp gồm: phó mát dê, cà chua, dưa leo, ớt xanh, ôliu *Kalamata* đen và dầu ôliu tươi). Tôi còn được làm quen với loại rượu mạnh *Ouzo* (anis) có vị hồi pha với nước.



Xà lách kiểu Hy Lạp với phó mát dê Feta



Thịt trầu nướng

Tôi được người bản xứ cho biết họ thường ăn thịt trầu tại đất liền và thịt dê trên các đảo. Họ nướng thịt trên than hoặc củi hồng hay chôn sâu dưới đất với than hồng.



Bạch tuộc phơi ngoài trời trước khi đem nướng



Bạch tuộc ướp

Theo lịch sử, nghệ thuật nấu ăn của Hy Lạp là cha đẻ của nghệ thuật nấu nướng Phương Tây. Nó lan đi từ La Mã cổ xưa tới khắp nơi bên Âu Châu và xa hơn nữa. Đặc điểm của nghệ thuật này là cách nấu đơn giản với ba chất liệu chính "Mediterranean triad" là bột mì, dầu ô-liu và rượu.

Tôi lên xe bus đi Corinth để chiêm ngưỡng di tích danh tiếng ở đó. Tại một ngôi nhà thờ nhỏ, tôi ngạc nhiên khi được cho xem một cuốn Kinh Thánh đã có cách nay hơn 1.000 năm được bảo tồn kỹ càng trong một hộp kính. Điều này có được là nhờ khí hậu rất tốt trong vùng. Người ta đem nho ra phơi khô dọc hai bên đường xe chạy. Tôi học hỏi được trong chuyến đi rằng Hy Lạp là cái nôi của nền văn hóa Tây Phương và chủ thuyết dân chủ. Người Hy Lạp xưa cũng tạo ra ý niệm chân thiện mỹ ảnh hưởng sâu xa đến nền nghệ thuật của phương Tây.



Đền thờ tại Corinth



Nho khô lâu đời nhứt thế giới ở Corinth

Chữ Vạn trong văn hóa Hy Lạp



Một điều mới lạ nữa với tôi: Chữ Vạn trong văn hóa Hy Lạp đồng nghĩa với sự may mắn và vũ trụ. Về sau nó còn tượng trưng cho Phật Giáo. Qua mấy ngàn năm của lịch sử loài người, nhiều văn hóa cũng tôn trọng và quý mến biểu tượng này. Trong thế kỷ 20, Hitler và Đức Quốc Xã xoay ngược chữ Vạn của Phật Giáo để dùng vào mục tiêu xấu xa và ma quái của mình.

AI CẬP



Kim Tự Tháp và đoàn lạc đà



Kim Tự Tháp và Nhân Sư/the Sphinx

Xe bus đưa tôi từ khách sạn Cairo Nile Hilton đi viếng thăm Kim Tự Tháp và Nhân Sư/the Sphinx. Vào năm 1958 rất ít du khách đến thăm Ai Cập. Tôi lo sợ bị đá đè khi bò theo một đường hầm nhỏ dẫn vào bên trong Kim Tự Tháp và không khỏi bị ớn ớn trong lòng. Sau đó tôi thử cưỡi lạc đà ngoài sa mạc và thấy nó xốc hơn tôi tưởng nhiều.

Trên đường trở về khách sạn Hilton, một đại tá người Ai Cập lạ mặt liên lạc với tôi. Ông nói mới từ Bắc Kinh về và muốn mời tôi tới nhà ông dùng cơm để nói chuyện nhiều hơn. Chắc ông nghĩ tôi là người Hoa còn tôi thì may mắn được ông mời. Cái nhãn MIT của tôi đeo trên ngón tay có thể là nguyên do của sự việc này. Tôi trân trọng lòng hiếu khách nhiều tình người của gia đình ông. Chúng tôi đi bộ dọc theo bờ sông Nile và gặp những người bán bắp nướng trên vỉ than giống hệt như ở Sài Gòn. Cảnh này gợi trong lòng tôi nỗi nhớ nhà sâu đậm! Tối hôm đó, ông thân sinh của vị đại tá đãi tôi món cà ri dái dê được giới sành ăn ở Cairo ưa chuộng. Còn điều này nữa: người Ai Cập ăn thịt chim bồ câu như người mình ăn thịt gà hằng ngày vậy. Vì thế mà tôi thấy lồng bồ câu nằm la liệt trên rất nhiều mái nhà trong thành phố.



Chim bồ câu nhồi



Koshary

Tôi cũng nhớ *Koshary* được coi là một trong những món ăn nổi tiếng nhất bên Ai Cập. Món ăn chay này có cơm, spaghetti, macaroni, đậu lentil đen, đậu chick peas, tỏi, và được thêm sốt cà chua đậm đà và hành tây phi rắc lên trên. Bạn có thể mua món Koshary từ những sạp hàng nhỏ nằm bên vệ đường hay trong nhà hàng. Một số tiệm chỉ chuyên bán món này mà thôi. Như vậy, tôi nghĩ bất cứ du khách nào trước khi rời khỏi Ai Cập cũng phải thử món Koshary.



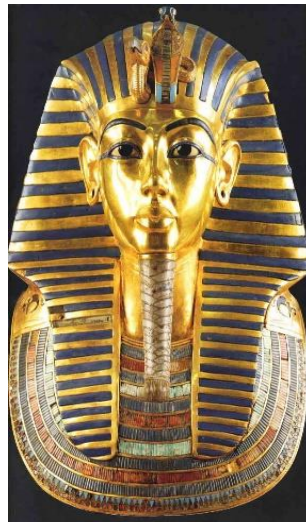
Sáng ra, tôi mua món fūl medames từ người bán hàng rong gồm có bánh mì, dưa món, và cả rau arugula tươi để ăn điểm tâm.



Bảo tàng viện



Quan tài King Tut trong bảo tàng viện



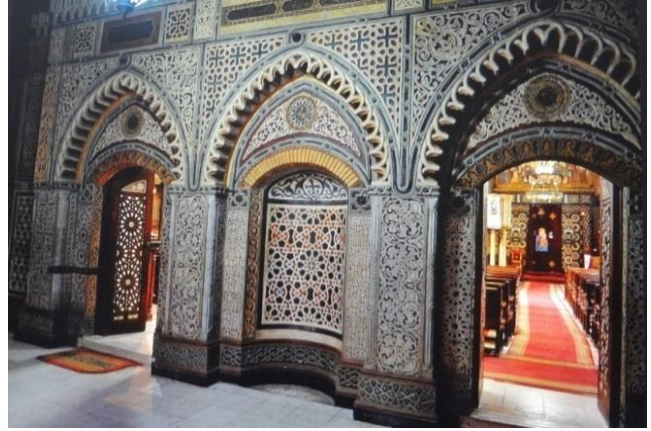
Mặt nạ bằng vàng của Tutankhamun



Ngai vàng của Tutankhamun



Bên trong bảo tàng viện ở Cairo



Bảo tàng viện Coptic ở Cairo

BA TƯ



Ông Shah của Ba Tư và hoàng hậu Soraya, 1958

Trong tiếng Ba Tư, chữ *Iran* có nghĩa là "Xứ của chủng tộc Aryans." Vào năm 1958, ông Shah còn tại vị bên Ba Tư. Bây giờ tên chính thức của Ba Tư là Cộng Hòa Hồi Giáo Iran. Đất nước nay đổi thành Cộng Hòa Hồi Giáo vào năm 1979 khi ông Shah bị lật đổ và các lãnh tụ tôn giáo lên nắm quyền dưới sự lãnh đạo tối cao của giáo chủ Ayatollah Khomeini.

Teheran

Hãng Pan Am giữ phòng cho tôi tại khách sạn Teheran Hilton nằm trong khu người Âu Châu cư ngụ. Đến từ Nữu Ước, tôi bị ngỡ ngàng khi nhận thấy mình đang đi giữa một thành phố mà các bà các cô đều mặc bộ Hijab đen phủ kín hết người. Còn đôi mắt cũng bị một cái màn che theo đúng luật lệ của Hồi Giáo.



Loại quần áo người Hồi Giáo mặc



Bộ đồ "Hijab" phủ kín tóc và cổ

Thông thường khi không tuân theo cách mặc bộ đồ Hijab thì cảnh sát hay nhà cầm quyền sẽ yêu cầu phải sửa lại cho đúng.



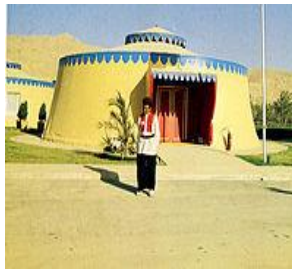
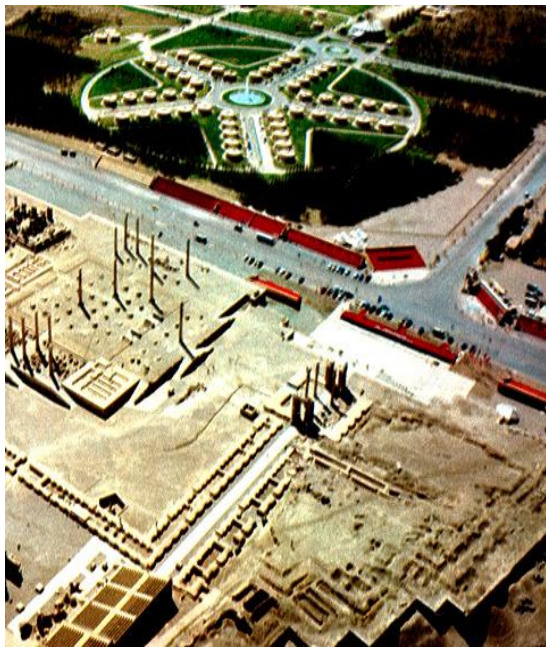
Thành phố Teheran



Hilton Teheran 1958

Nhiều du khách tại khách sạn Hilton đã sửa soạn thật chu đáo cho chuyến đi của họ. Họ khuyên tôi nên thăm viếng các thành phố như Isfahan, Shiraz và Persepolis để tìm hiểu về nền văn hóa thật phong phú của Ba Tư. Vào năm 1971, ông Shah đã có một dự án to tát để cử hành tại Persepolis lễ kỷ niệm thứ 2.500 năm Cyrus Đại đế sáng lập ra nền quân chủ của Đế Quốc Ba Tư. Mục đích của ngày lễ nhằm cho thấy đất nước ông có một lịch sử cổ kính đồng thời làm nổi bật những thành quả do triều đại của ông đạt được. Sau năm 1971, tôi có dịp được xem một phần của ngày lễ đáng giá 200 triệu Mỹ Kim (thời giá lúc bấy giờ) trên truyền hình. Đến 600 thực khách dự buổi lễ kéo dài hơn 5 tiếng rưỡi đồng hồ trong sa mạc.

Đây là một bữa tiệc chánh thức dài và sang trọng nhất trong lịch sử cận đại được ghi vào sách Guinness Book of World Records.



1. Thành phố bằng lều trong sa mạc 2. Lều của khách tham dự 3. Lăng tẩm của Cyrus thế kỷ thứ 4 trước công nguyên

Tôi đến thăm thành phố được tặng biệt danh “thành phố Isfahan là một nửa địa cầu”, có lẽ là thành phố được nhiều du khách biết đến nhất của Ba Tư. Công viên Naqsh-e Jahan Square nằm tại trung tâm thành phố và được chỉ định là một di sản quốc tế bởi UNESCO.



Công viên Naqsh-e Jahan Square, cách Tehran 430 km về phía nam

Nhờ có được công viên thật mỹ lệ với những viên gạch lát vẽ bằng tay, Isfahan được coi là một trong những thành phố đẹp nhất hoàn cầu.

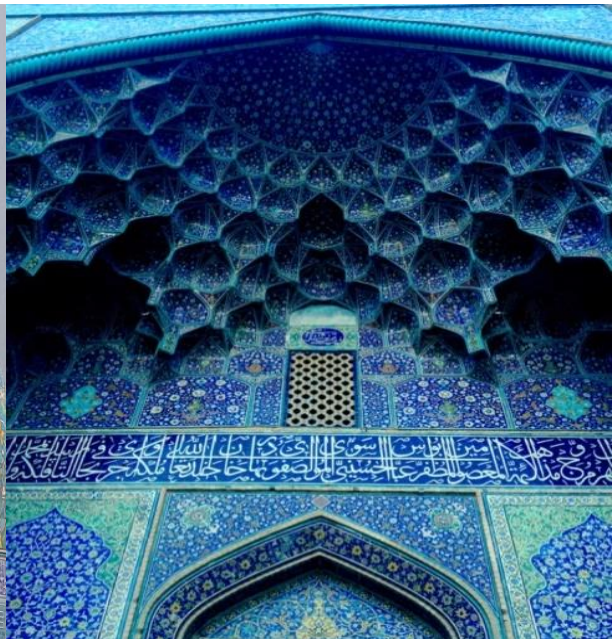


1. Một phụ nữ người Iran mặc bộ chador đứng bên trong nhà thờ Hồi Giáo Sheikh Lotfollah

2. Sự xuất hiện cùng lúc của Mặt trăng và sao Kim nhìn từ di tích thế giới Naqsh-e Jahan square (có nghĩa là "Hình ảnh của toàn cầu/Picture of the World")



Nóc của nhà thờ Hồi Giáo



Trần hình vòng cung màu xanh của nhà thờ Hồi Giáo

Tại các thành phố nổi tiếng bên Ba Tư không có nhà chọc trời nên các đền thờ Hồi Giáo chế ngự bầu trời những nơi đó.

Shiraz : Cố đô của Ba Tư từ 1598 tới 1722

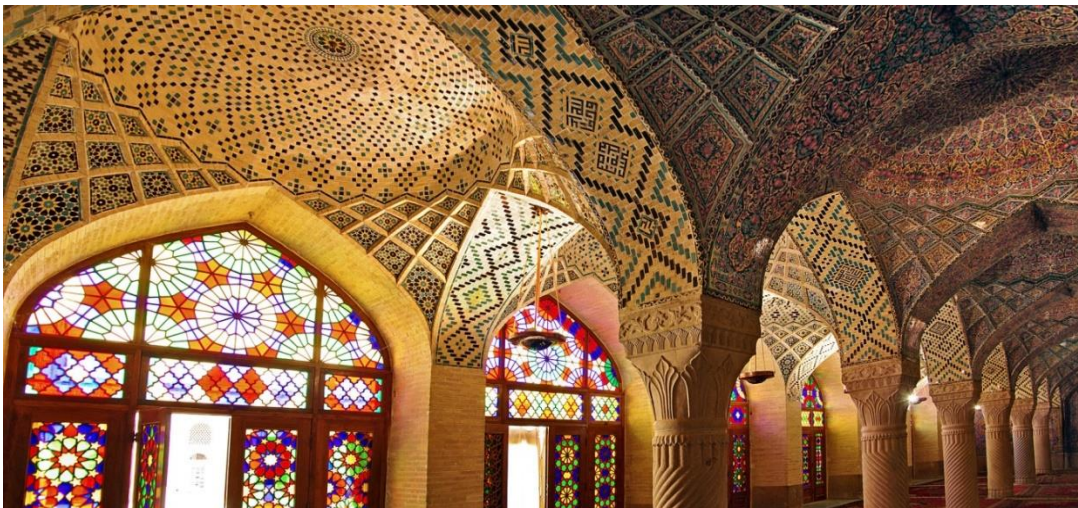


Vườn Eram

Khuôn vườn Eram (Vườn Thiên Đàng) tại Shiraz là kiểu vườn tiêu biểu của Ba Tư. Shiraz là thành phố của tình yêu, thơ văn, và nơi tập trung nhiều địa điểm du lịch. Cách đó không xa, có di tích mang tên Persepolis, thành phố của thi sĩ, vườn tược, bông hoa, và chim họa mĩ.



*Đền thờ Hồi Giáo Shah Cheragh thập niên 1130
Ngôi đền này là nơi hành hương quan trọng nhất trong thành phố Shiraz*



Các đền thờ Hồi Giáo ở Shiraz

Đông gặp Tây

Persepolis



Không ảnh của Persepolis

Tôi lấy taxi đến di tích đồ nát của Persepolis nằm cách Shiraz 60 cây số. Persepolis trước đây là thủ phủ của đế quốc cổ xưa Achaemid và là một trong những địa điểm tuyệt đẹp thời cổ đại. UNESCO đã chỉ định nơi đây là di tích thế giới vào năm 1979.



Quang cảnh tổng quát của di tích Persepolis, thế kỷ thứ 6 trước công nguyên.



Cảnh đổ nát của Gate of All Nations



Đầu cột tạc hình song ngư



1. The Apadana, nơi triều đình họp



2. Bức thềm dẫn tới cung điện Apadana Palace, Persepolis khoảng thế kỷ thứ 500 trước công nguyên



Caviars của Ba Tư

Ẩm thực: Tôi còn nhớ khi các chuyến bay Air France vừa đáp xuống phi trường Teheran tôi liền bước thật lẹ tới cửa hàng bán thức ăn để mua caviar miễn thuế. Nhiều lúc phi hành đoàn của Air France mua hết caviar trong tiệm trước khi khách đến kịp để mua. Xứ này còn có những đặc sản được ưa chuộng trên thế giới nữa như hạt hồ trăn, hạnh nhân, hồ đào, khương hoàn, bạc hà, cam, và trái thạch lựu (pistachios, almonds, walnuts, saffron, mint, oranges, and pomegranates).

Phải thú nhận tôi được làm quen với nhiều món ăn rất đặc sắc của dân tộc này. Điều khiến tôi ngạc nhiên là những hàng rong có mặt ở khắp nơi trong thành phố. Họ bán xà lách rưới nước sốt pha giấm như thức ăn chơi. Tôi nghĩ dân tộc có nền văn hóa cao này quả thật nắm vững được nguyên tắc ẩm thực có lợi cho sức khỏe. Nghệ thuật nấu nướng của Ba Tư và Thổ Nhĩ Kỳ ảnh hưởng với nhau vì là hai quốc gia láng giềng và hai dân tộc này cũng giữ mối liên lạc mật thiết với nhau.



Kabab nướng ăn với cơm pilaf của Ba Tư



1. Tô xúp nấu với hạt trái lựu 2. Món cơm đơn giản Baghdadi Polo nấu với khương hoàng(saffron), rau thì là xanh, và đậu fava 3. Jeweled Rice (cơm trộn hạt và trái cây khô)



Dái trầu nướng



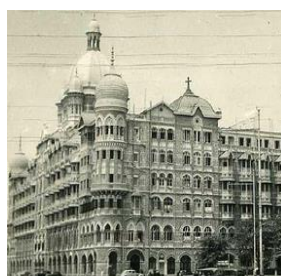
Person Dolma (Lá nho gói thịt nhồi)

Thức uống cổ truyền nơi đây là sữa chua (yogurt) pha với nước hoặc có hơi ga, muối và rau húng. Bữa ăn trưa hay tối thường có thêm một đĩa rau tươi gồm: rau quế, ngò, mùi, fenugreek, hành, bạc hà, củ ra di, tarragon thơm, và cải xoong Ba Tư. (basil, cilantro, coriander, fenugreek, green onion, mint, radish, savory tarragon, and Persian watercress) Họ còn ăn thêm loại bánh mì dẹp, pho mát tươi màu trắng, hồ đào, khoai dưa leo gọt vỏ, khoai cà chua, sữa chua và nước chanh. Khi dùng điểm tâm họ uống trà. Món ăn được nhiều người ưa thích là cơm rưới với thịt hầm.

ẤN ĐỘ

Bombay: Cửa ngõ của Ấn Độ

Trong chuyến bay Air India từ Cairo tới Bombay tôi trải qua một kinh nghiệm khá vui. Tôi nói chuyện với viên phi công chính về việc tôi tốt nghiệp MIT với bằng mechanical engineer nên ưa để ý tới máy bay phản lực. Có lẽ nhờ thấy chiếc nhẫn ra trường MIT tôi đeo trên ngón tay nên ông tin lời tôi. Ông ta rất dễ thương và đưa tôi vào phòng lái để chỉ cho coi một vài điểm đặc biệt của chiếc máy bay Viscount bay bằng động cơ turbin-cánh quạt (turbo-prop). Chắc việc này không thể nào xảy ra được vào thời buổi có khủng bố Hồi Giáo như ngày nay! Vào năm 1958 các hành khách đi máy bay được trọng vọng hơn bây giờ.



1. Màu sắc đường phố của Bombay 2. Khách sạn Taj cũ 3. Khách sạn Taj-Mahal-palace-hotel mới



1. Chợ Crawford Market cũ ở Bombay 2. Tháp đồng hồ

3. Nhà thờ Mount Mary

Cũng như người Pháp ở Việt Nam, dân Anh xây cất nhiều đền đài đồ sộ, nguy nga trong Đế Quốc của họ nhằm mục đích phô trương. Một khi ra khỏi các trung tâm đền đài và đi vào những khu dân cư thì mọi sự lại khác hẳn. Khắp nơi trong thành phố, tôi nhận ra nguy cơ do các bầy khỉ gây ra. Chúng phá hoại cây cối, đâm vào xe cộ gây nhiều thiệt hại cho người và tài sản. Bombay có tới 30.000 con khỉ bất trị. Chúng ăn cắp đồ, tấn công người ta nhiều khi gây ra tử vong. Tôi thật bị cú sốc trước những cảnh chưa hề chứng kiến lần nào trong đời mình. Bò và khỉ là hai con vật được coi là linh thiêng đưa tới hậu quả tệ hại ngoài sức tưởng tượng của tôi. Do vậy, có một số người nghĩ ra nghề mới cho thuê loại khỉ langurs để đối phó với vấn nạn đó. Langur là loại khỉ rất hung dữ. Chúng gây kinh hoàng cho 30.000 con khỉ mặt đỏ nhỏ hơn mỗi khi chúng gầm gọng, nhe răng để lộ những chiếc răng nanh dài tới gần 8 cm sáng chói. Nhờ vậy người dân đỡ bị quấy phá nhiều. Trong thế kỷ 21 này, chính phủ Ấn Độ vẫn trả tiền cho chủ nhân những con langurs để bảo vệ nhân viên, hồ sơ và thức ăn trong các công sở khỏi bị các con khỉ mặt đỏ quấy rầy.



1. Con langur ngồi trên xe vận tải của thành phố New Delhi trên đường tới sân vận động để săn đuổi những con khỉ mặt đỏ đang quấy phá nơi đó. 2. Con Langur bị cột dây xích đứng gần chủ nó trước tòa nhà Commonwealth. 3. Langur đi theo người giữ nó nơi sân trước của dinh tổng thống Ấn Độ Rashtrapati Bhavan ở New Delhi

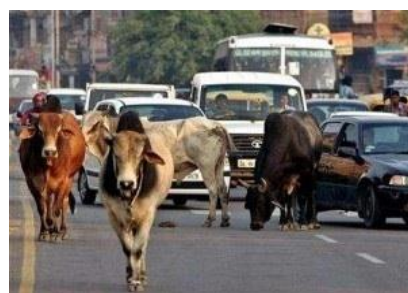


1. Một công nhân mặc áo giả dạng làm khỉ đột để đuổi khỉ trước toà nhà Quốc hội.
2. Khỉ đang băng qua đường trước dinh Tổng Thống.
3. Khỉ đùa giỡn trên xa lộ

Năm 2007, phó tỉnh trưởng của New Delhi là ông Surinder Singh Bajwa té từ sân thượng nhà ông xuống đất và qua đời vì bị mấy con khỉ tấn công. Trong năm 2015, tôi có xem trên truyền hình cảnh bày khỉ chiếm cứ phòng máy computer của Bộ Quốc Phòng ở New Delhi khiến chánh phủ phải trả tiền cho người ta đưa mấy con langurs đến đuổi chúng đi. Tình trạng tôi thấy trong năm 1958 gây ra bởi tôn giáo vẫn còn tồn tại y nguyên như vậy cho tới năm 2016. Những con bò cũng gây ra khó khăn tương tự cho nước Ấn Độ hiện đại. Sát hại hay buôn lậu một con bò cũng mắc tội như hãm hiếp một bé gái người Hindu.



Một phụ nữ Ấn bôi bột sữa chua lên trán con bò trong buổi lễ Ấn Độ Giáo để ban phước cho con vật



Trung tâm thành phố: những con bò thường hay gây cảnh nghẽn đường

Người làm bếp của gia đình tôi là "Thiểm Tư" trước đó có làm cho một người Ấn giàu có trong tỉnh. Nhờ vậy, lúc nhỏ, tôi được thưởng thức nhiều món cà ri ngon. Khi đặt chân tới Bombay tôi nghĩ đây là đúng lúc để tôi nếm thử cà ri Ấn thú vị. Nhận xét đầu tiên của

tôi là lương nhân công ở đất nước này thật rẻ. Tại nhà hàng loại trung bình tôi tới ăn có đến 11 nhân viên mặc đồng phục, phục vụ cho tôi. Đương nhiên là tôi kêu món cà ri thật cay của người bản xứ. Tôi lại bị cú sốc. Ngay cả với khẩu vị của người Ấn, nhà hàng cũng đem ra một chén nước rất đắng để uống kèm đắng tránh cho khỏi bị cháy miệng khi ăn!



1. Dĩa cà ri dê vindaloo, cơm basmati và nước xốt kem 2. Gà Tandoori



Lò nướng bằng đất kiểu Tandoory



Cà ri tôm kiểu Calcutta



Cà ri trườn kiểu Calcutta



Cà ri dê thơm ngo

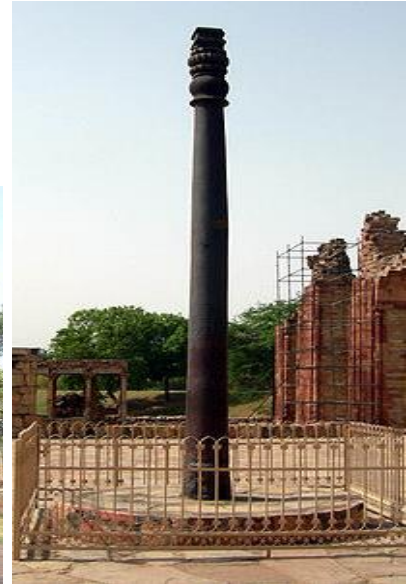
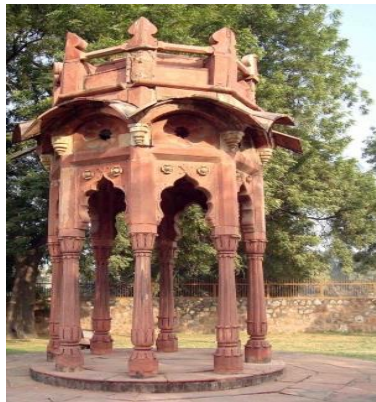
New Delhi

Chặng kế của tôi là dừng chân ở New Delhi. Tại đây, tôi may mắn gặp một vài học sinh người Ấn trẻ tuổi tình nguyện làm hướng dẫn viên cho tôi.



Thành lính màu đỏ/ Red Fort

Năm 1638, Shahjahan dời đô từ Agra tới Delhi và đặt nền móng để xây Shahjahanabad, thành phố thứ bảy ở Delhi được bao bọc xung quanh bằng bức tường gạch vụn có pháo đài, cổng ra vào, và cửa nhỏ đặt theo khoảng cách đều đặn. Thành Lính Màu Đỏ/ Red Fort là nơi cư ngụ của Hoàng Đế Mughal của Ấn Độ trong gần 200 năm, cho tới năm 1857. Ngày nay, nó nằm ngay tại trung tâm của Delhi và là địa điểm tập trung một số viện bảo tàng.



1. Tháp chiến thắng cao năm tầng Qutub Minar, 1369, còn vươn cao với thời gian
2. Cột đèn trước kia nằm trên đỉnh tháp nay được đặt trong ngôi vườn
3. Iron Pillar với 1.600 tuổi đời ở Delhi



India Gate là tượng đài được xây dựng để tưởng nhớ những chiến sĩ Ấn đã hy sinh trong thời Đế Nhất Thế Chiến.

India Gate: Khải Hoàn Môn 1920

Ngôi mộ của Hoàng Đế Mughal tên là Humayun ở Delhi 1569, do một kiến trúc sư người Ba Tư vẽ kiểu còn gọi là "Đền Taj Mahal thứ hai» đáng đến viếng thăm.



Jantar Mantar – Được Maharaja Jai Singh II của Jaipur cho xây vào năm 1724, khu Jantar Mantar bao gồm 13 cấu trúc về thiên văn học. Ngày nay, khu này là một trong những địa điểm du lịch được viếng thăm nhiều nhất ở Delhi vì loại kiến trúc độc đáo và ý nghĩa lịch sử.



Kỳ công về khoa học Jantar Mantar



Jama Masjid ở Delhi là một trong những đền thờ Hồi Giáo đồ sộ nhất của Ấn Độ, 1656



Chandni Chowk, khu bán thức ăn vừa ngon vừa rẻ



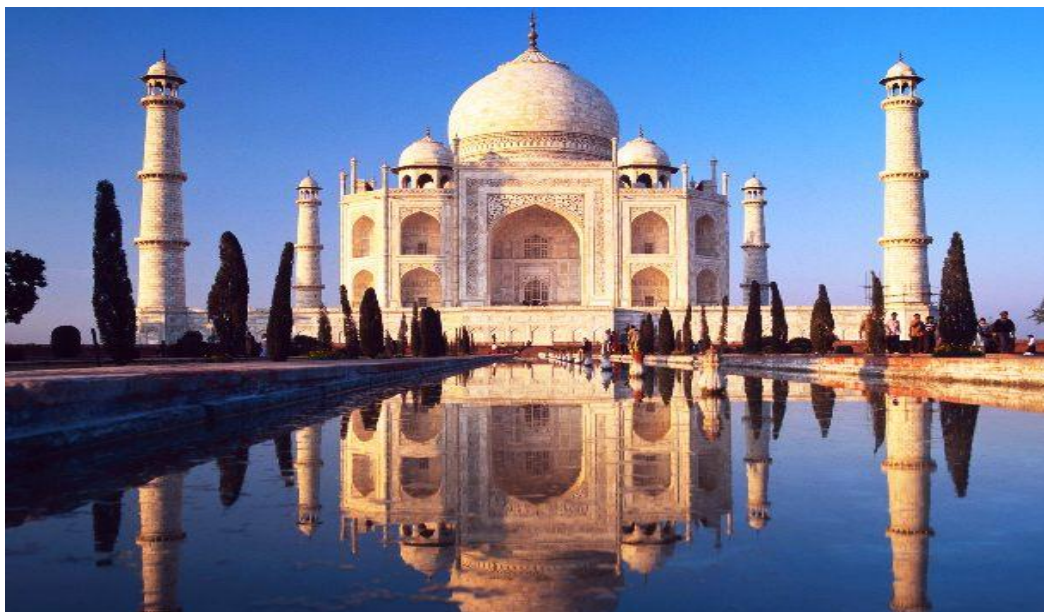
Cảnh phố đông người ở New Delhi



Nấu naan trong lò nướng loại tandoori.

Naan là bánh mì dẹp được nướng trong lò kiểu tandoori xây bằng đất. Tuy nơi đó dơ bẩn nhưng thức ăn quả thật là ngon miệng và giá rẻ.

Tôi gặp nhiều kẻ ăn xin trong thành phố vì người dân phải đối diện với cảnh nghèo khó triền miên. Tôi không thể dẫn lòng không đưa tiền giúp một em bé cụt chân ngồi bên rãnh nước. Phần đông du khách đến thăm New Delhi đều lấy chuyến xe lửa mất 3 tiếng đồng hồ để đến Agra thăm ngôi đền lừng danh và tuyệt đẹp: **Taj Mahal**.



Taj Mahal.



Đền Taj Mahal là lăng tẩm nằm ở Agra, được hoàng đế Mughal là Shah Jahan xây để tưởng niệm bà vợ ông ái mộ nhất tên là Mumtaz Mahal vào năm 1632. Đây là đỉnh cao của nghệ thuật kiến trúc Hồi Giáo ở Ấn Độ đồng thời cũng là một trong những di tích thế giới của UNESCO được người ta chiêm ngưỡng nhất.



Vẻ đẹp tuyệt diệu phần bên trong của Taj Mahal

Calcutta

Trước khi đến Calcutta, tôi được bạn bè cảnh cáo đây là một trong những thành phố lớn nghèo nàn nhất của Ấn Độ. Đúng vậy, lần đầu tiên trong đời, tôi chứng kiến cảnh bốn người đang nằm thoi thóp chờ chết bên lề đường vì đói. Có quá nhiều điều khiến người ta phải trần trối khi sống ở đất nước này. Tôi xin các bạn sửa soạn tinh thần để tôi kể một truyện hãi hùng và khó tưởng tượng nổi đối với người du khách: tôi thấy tận mắt một phụ nữ còn trẻ bị hỏa thiêu. Sau đó mấy con chó lục lọi trong đồng tro tàn rồi chạy đi trong mồm còn gặm một vài miếng thịt người.

Thực tế nghèo đói, bất công phũ phàng của xứ sở này cộng với lòng cuồng tín về tôn giáo đã tạo ra trạng thái đời sống kinh hoàng hàng ngày. Tôi có được gặp những nhà tu hành/sadhus – những người đã từ bỏ cuộc sống trần tục, dốc mình vào việc khổ tu. Tôi còn được

Đông gập Tây

thấy những ngôi nhà lổ chỗ vết đạn do lính thuộc địa Anh bắn khi thảm sát người Sikhs. Du khách tới đây sẽ bị choáng ngợp bởi rác rến, những dòng sông hôi hám vì nước cống và bầu không khí bị nhuộm vàng vì bụi bặm. Tuy ở Calcutta có một trung tâm thương mại, nhưng cũng còn đầy dẫy những khu ổ chuột.



Những khu ổ chuột



Công nhân nằm ngủ trưa bên lề đường



Đường sá bị ô nhiễm



Sông ngòi bị ô nhiễm



Các nhà máy ở Calcutta bị khốn đốn vì nạn cúp điện và bầy khỉ

Tôi không sao tin nổi khi nghe nói tại Calcutta có một ngôi đền thờ cúng loài chuột. Thoạt đầu tôi chỉ nghĩ có khi và bỏ mới được thờ thôi.



*Đền thờ nơi giống chuột được đối đãi tử tế và được cho uống một chén sữa mỗi ngày
Một cửa ra vào được chạm trổ hình chuột*

Đền thờ Shri Karni Mata không giống bất cứ đền thờ Ấn Độ Giáo nào trên hoàn cầu cả. Đây là nơi ngự trị của loài chuột.



Đài kỷ niệm Victoria Memorial



Đền thờ Dakshineswar Kali 1847



Thư viện quốc gia



Writer's Building



Mặt tiền của tòa thượng thẩm Calcutta



Tòa Thị Chánh

Người Anh đã để lại tại nhiều thành phố các công trình xây cất nguy nga để nói lên uy quyền của Đế Quốc Anh. Người Pháp cũng làm như vậy tại ba xứ Đông Dương.

Trong số 24 quốc gia mà tôi đã thăm viếng trong chuyến du hành, nước Ấn Độ với những thành phố như Bombay, Calcutta, và New Delhi, đã để lại trong tôi nhiều ngỡ ngàng nhất. Dưới mắt tôi, tình trạng đời sống ở Calcutta thật đáng ghê sợ, sự giàu sang cực kỳ ở bên cạnh sự bần cùng cũng cực kỳ. Thành phố có một giai cấp chuyên gia thành đạt, giàu có trong khi cả triệu dân chúng sống trong cảnh nghèo khó tột cùng.

Nhiều khó khăn ở Ấn Độ nảy sinh từ dân số khổng lồ của đất nước này: 433.000.000 trong năm 1958 tăng tới 1.330.000.000 trong năm 2016. Khi nói tới nước Ấn Độ hiện đại, không thể nào không đề cập tới yếu tố tôn giáo và tệ nạn kỳ thị giai cấp. Trong quá khứ, ta có thể nghĩ rằng vấn đề ô nhiễm không được đặt ra vì rác rến gồm những đồ vật như vỏ chuối, thân mía ép, gỗ bào, hay rau củ dư thừa,... Những đồ vật đó thường được ném ra ngoài đường, phần lớn được các con bò thiêng ăn (đây cũng là lý do chính chúng được cho tự do đi lại trên đường phố). Phần rác còn lại được giai cấp tiện dân/untouchable nhặt lên xe kéo đem đổ xuống sông, ao hay suối lạch gần nhất. Thói quen này gần như không thay đổi mấy ngoại trừ sự việc là ngày nay đồ rác rến có nhiều thứ làm bằng nhựa plastic.

Dù sao đi nữa, nếu bàn tới triển vọng Ấn Độ trở thành một quốc gia kỹ nghệ hoá tân tiến như Hoa Kỳ hay Âu Châu, tôi có thể khẳng định là không thể có việc đó. Những trở ngại nước này gặp phải trên đà phát triển quá to tát và phức tạp khó vượt qua. Bất cứ du khách nào ngồi bên bờ sông Ganges đủ lâu sẽ thấy cảnh dân địa phương dùng dòng sông để tắm và làm vệ sinh. Ngoài ra, còn có cả xác người thiêu không hết và xác súc vật chương phình nổi lều bều lũ lượt trôi theo dòng nước bị vẩn đục vì bùn. Nạn nghèo ở Ấn Độ xuất hiện dưới nhiều hình thức: nghèo về năng lượng, nghèo về môi trường, nghèo về kiến thức, và trên hết đối với một nước dân chủ: nghèo về chính trị.

RANGOON, MIẾN ĐIỆN



Xứ của nhiều đỉnh chùa vàng

Từ Ấn Độ tôi bay qua Rangoon, Miến Điện. Sau này, vào năm 1989, nhà cầm quyền quân phiệt đổi tên kinh đô thành Yangon và tên nước thành Myanmar. Dưới thời bị người Anh cai trị, kinh thành Rangoon có phần giống như Sài Gòn. Khách sạn tôi trú ngụ bên đó tương tự như khách sạn Majestic ở Sài Gòn: những quạt trần có bốn cánh to được dùng như là “máy điều hòa không khí kiểu cổ.”



Hầu như bất cứ đứng đâu trong Rangoon tôi vẫn thấy được ngôi chùa Shwedagon vừa cao vừa uy nghi được xây cách đây 2.500 năm. Đối với người Miến Điện, đây là ngôi chùa Phật Giáo linh thiêng và vĩ đại nhất của họ. Tại đó có giữ mớ tóc của Đức Phật và các thánh vật.



Khu phố cổ ở Rangoon



Một con đường ở Rangoon



Nhà sư sống trong thành phố



Những chú tiểu đi khất thực trong thành phố vào mỗi buổi sáng.



Ty bưu điện tại trung tâm thành phố

Điều làm tôi ngạc nhiên nhiều là cảnh phụ nữ và thanh thiếu niên Miến hút xi gà nội địa và con cái lấy theo họ mẹ theo chế độ mẫu hệ. Tại những buổi hội họp hay tiệc tùng các phụ nữ Miến tụ tập thành từng nhóm nhỏ ở cùng một phía trong phòng để các ông tự do lập nhóm riêng của họ. Trên đường phố, thường thì các ông đi trước còn các bà xách đồ theo sau vài bước. Đó là chuyện của năm 1958. Tất nhiên trong năm 2016 này, nhiều điều đã



U Thant, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc

đổi thay nhờ vào bà Aung San Suu Kyi. Bà là một chánh trị gia Miến và làm chủ tịch đảng National League for Democracy (NLD). Đảng này đã thắng lớn trong cuộc bầu cử mới đây bên Miến Điện.

Trong thập niên 1950, người ta biết đến đất nước này nhờ có ông U Thant làm đại sứ Miến Điện tại Liên Hiệp Quốc. Sau đó, ông trở thành Tổng Thư Ký thứ ba của tổ chức này.

Về ẩm thực, tôi đi từ ngạc nhiên này tới ngỡ ngàng khác vì nhiều món ăn ở đây gần như giống hệt bên Thái Lan hay Trung Hoa.



Cà ri cua



Cá mú đỏ hấp



Tôm chiên tỏi



Điểm tâm với Điểm Sấm



Chợ bán rau cải

Đông gặp Tây

BANGKOK, THÁI LAN



Cung Điện Ananta Samakhom Throne Hall được vua Chulalongkorn cho xây theo cảm hứng của ông sau chuyến viếng thăm Âu Châu



Grand Palace



Pan Am đã giữ cho tôi một phòng nhìn xuống dòng sông Chao Phraya tại khách sạn Oriental Hotel. Trước đây Jim Thompson, người Mỹ sáng lập viên của Thai Silk nổi tiếng về buôn bán lụa Thái, là một trong những chủ nhân và khách hàng sống trong khách sạn này.

Khách sạn Oriental



Căn nhà của Jim Thompson



Lụa Thái lừng danh thế giới



Bangkok 1958



Món ngon của Thái - cánh gà chiên giòn



Cà ri gà loại đỏ



Tôm cuộn bacon chiên giòn

Phố Tàu ở Bangkok là nơi lý tưởng để nếm thử các món ăn hàng rong và còn có thể là trung tâm bán các món hàng rong của Bangkok nữa.



Giò và chân heo hầm



Nước trái cây và smoothies tươi



Chợ nổi

Thành phố Bangkok phát triển mạnh từ thập niên 1950 tới thập niên 1980. Ngày nay, nó đã trở thành thủ đô chính trị, kinh tế, giáo dục, thông tin và xã hội của một nước Thái Lan tân tiến.

PHNOM PENH, CAMBODIA



Angkor Wat

Chặng dừng kế tiếp và cuối cùng của tôi trước khi về tới Sài Gòn là Nam Vang. Thay vì ở đây lâu hơn để đi thăm đền Angkor Wat nổi tiếng thế giới, tôi quyết định bay thẳng về nhà vì nóng lòng muốn gặp lại ba má và anh chị tôi... Dù sao Cao Miên cũng chỉ cách Sài Gòn một tiếng đồng hồ đường bay và chắc tôi sẽ có dịp đi thăm xứ này trong tương lai gần thôi. Thực tế cho thấy tôi không còn dịp nào để thăm Angkor Wat nữa vì chiến tranh Đông Dương kéo dài không ngừng cho tới ngày 30 tháng 4, 1975! Trong lúc chờ tiếp tế xăng ở phi trường quốc tế Pochentong, lần đầu tiên trong đời, tôi

được dịp thấy chiếc máy bay thương mại Tupolev của Nga do Air Cambodia làm chủ. Nhìn theo con mắt của một kỹ sư mechanical engineer, tôi thấy nó cực mịch với những đặc tính của một máy bay chở hàng chứ không phải để chở hành khách.

Sau khi chiếc DC-4 của tôi cất cánh trực chỉ Sài Gòn, tôi tò mò theo dõi mỗi chặng đường đưa tôi trở về nơi chôn nhau cắt rún của mình sau bảy năm trời xa cách.

Hồ Tonle Sap khổng lồ để lại trong tôi một ấn tượng sâu đậm. Người Việt Nam còn gọi Tonle Sap là "Biển Hồ", một cái tên rất hợp với sự kiện nó là hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á. Hồ này là nguồn cung cấp quan trọng thức ăn cho Cao Miên và Việt Nam. Khu rừng nằm giữa Nam Vang và Sài Gòn rậm đến nỗi tôi chỉ thấy được một màu xanh đậm của một khu rừng miền nhiệt đới. Chỉ nửa tiếng sau, chiếc máy bay khởi sự đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhứt. Cảm tạ Thượng Đế đã ban cho tôi một cuộc tái ngộ với gia đình vui tươi và cảm động tôi từng mơ ước bấy lâu nay.



Biển Hồ/Tonle Sap lake

Kết Luận

Cảm tạ Thượng Đế đã cho tôi có may mắn được viếng thăm khoảng hơn hai mươi quốc gia trong chuyến du lịch vòng quanh thế giới trong vòng 90 ngày ở vào tuổi 27. Tôi đã khám phá học hỏi được nhiều điều từ văn hóa đến chánh trị, từ cách ăn uống đến cách ứng xử khi đi cắm trại hay du hành bằng đường bộ qua 15.000 cây số bên Tây Âu cũng như cuộc du lịch dài 15.000 cây số bằng máy bay PAN AM từ Ba Lê về Sài Gòn đúng như câu tục ngữ: “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.”

Trong những nước tôi đi qua, Ấn Độ là nơi tôi gặp nhiều tệ nạn, nghèo đói và phân cấp xã hội cùng cực nhất. Trong sự phân chia các khối kinh tế, Ấn Độ nằm trong nhóm các quốc gia đang phát triển BRICS (Brazil, Russia, India, China, South Africa) Ở thế kỷ 21, dư luận thế giới cho rằng Trung Quốc và Ấn Độ sẽ trỗi dậy để trở thành hai siêu cường. Trung Quốc có thể được còn trường hợp của Ấn Độ tôi nhận thấy có nhiều điều cần phải xét lại. Nếu ai nói với tôi rằng Ấn Độ sẽ trở thành một nước tân tiến, kỹ nghệ hoá như Hoa Kỳ hay Âu Châu, tôi sẽ trả lời ngay là không thể nào được, không bao giờ xảy ra cả. Những thử thách, trở ngại xứ này phải đương đầu quả là lớn lao. Không những chỉ trên phương diện kinh tế thôi đâu. Tôi có thăm xứ này vào năm 1958 và tôi nghĩ, từ đó đến nay, trong lãnh vực tôn giáo không có gì thay đổi nhiều... Nhìn qua lăng kính của du khách bình thường đi nữa, điều dễ thấy và căn bản hơn cả là sự nghèo khó tột cùng của đời sống người dân. Dù muốn tiêu thuyết hóa sự nghèo khó đó đi chăng nữa, cũng không thể chối bỏ sự thật phũ phàng mà người dân bắt buộc phải đương đầu một cách tuyệt vọng. Đất nước Ấn Độ bị phân hóa về mọi khía cạnh: chủng tộc, tôn giáo, triết lý, ngôn ngữ, văn hóa, chính trị, kinh tế-xã hội, giai cấp và hằng hà sa số các tác động giữa các yếu tố đó với nhau.

Điều làm tôi ngỡ ngàng là tính chất đa dạng và phức tạp của các vấn đề nan giải xứ này đang gặp phải. Chính đây cũng là nguyên nhân đưa tới sự suy thoái trên mặt xã hội và môi sinh. Người ăn xin có mặt mọi nơi kể cả tại những thành phố được coi là phồn thịnh. Phần đông người ăn xin lại là những trẻ em đói rách hay người lớn tuổi bị phong cùi. Dân chúng Ấn Độ sống trong cảnh hỗn độn. Họ chen chúc trên đường phố. Nhạc phát ra inh ỏi từ các đền thờ, cửa tiệm. Áp phích và bảng hiệu mọc ra khắp nơi. Rác rến và mùi hôi hám lan mọi hướng. Xe cộ lưu thông bịt mạng. Một người đàn ông ăn mặc rách rưới ngồi giữa bụi bặm chìa một bàn tay cụt ngón ra xin tiền bố thí, một người phụ nữ còn trẻ thoi thóp thở nằm giữa đường đi trong khi đứa con nhỏ ngồi bên nhìn người mẹ với cặp mắt sừng húp, những xe tải hiệu Tata phóng nhanh qua chỉ cách những người đó chừng vài phân tây... là những cảnh động lòng nhưng lại gặp thường ngày.

Với kinh nghiệm cắm trại trên 30 năm tại các tiểu bang miền Tây Hoa Kỳ sau này, tôi nhận thấy có nhiều khác biệt với bên Âu Châu. Trong chuyến đi cắm trại dài 15.000 cây số, tôi ít gặp người đi cắm trại thuộc giới trung lưu và xe campers có đầy đủ tiện nghi như người Bắc Mỹ. Điều này làm tôi ngạc nhiên nhưng có lẽ vào năm 1958 lợi tức gia đình bên Châu Âu thấp hơn bên Hoa Kỳ chăng? Chánh phủ liên bang hay địa phương Mỹ lập ra các đất cắm trại không nhằm mục đích kiếm lời. Đa số những nơi này chia ra thành những khu cắm trại

cá nhân có hàng cây bao quanh để bảo vệ sự riêng tư của người sử dụng. Nhiều đất cắm trại có nước uống tinh khiết, nhà cầu có chỗ dội nước và nhà tắm có vòi sen nước nóng. Tại Gia Nã Đại, nhiều khi nhân viên kiểm lâm còn cung cấp củi khô miễn phí cho người cắm trại. Vào năm 1958, các siêu xa lộ ở miền Tây không trả lệ phí và giá xăng còn thấp. Tôi gặp nhiều người về hưu lái những xe campers loại sang có TV, máy điều hòa không khí, Jacuzzi, bar rượu, phòng ăn, nhà cầu có nơi dội nước và phòng tắm có vòi sen. Họ đi cắm trại ngoài trời như vậy trong nhiều tháng mỗi năm.

Tại Châu Âu, tôi nhận xét thấy đa số các đất cắm trại nhỏ và ít tiện nghi hơn. Từ vùng Scandinavia, tôi học hỏi được nhiều điều giúp tôi xây nhà của tôi ở Sài Gòn với những đường nét hiện đại, tiện ích về kiến trúc, trang hoàng nhà cửa từ trong nhà đến cảnh quan ngoài vườn. Tôi để ý thấy nhiều khác biệt giữa hai nhóm dân Anglo-Saxons-Scandinavia và người gốc Latin bên Âu Châu (Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý). Nhà cửa ở miền bắc lục địa có nhiều tiện nghi và sạch sẽ hơn. Hở xa cách giữa người giàu và nghèo bên Âu Châu tương đối dễ chịu hơn là tình trạng nghèo khổ và đáng ghê sợ của một vài nơi trong miền Đông Nam Á. Về phương diện kiến trúc, nhà được xây theo kiểu đơn giản và nhẹ nhàng. Do đó, những toà đô chánh ở Oslo, Stockholm, và Helsinki tiêu biểu cho lối xây đơn giản khác với kiểu cầu kỳ hơn của miền Nam Âu Châu. Ngược lại, tôi thấy nhiều điểm tương đồng lý thú và bất ngờ giữa kiểu kiến trúc và thiết kế của người Nhật và người Scandinavian.

Lối sống của dân Anglo-Saxon lạnh nhạt và trầm lặng hơn của những người Âu Châu khác. Người Âu Châu gốc Latin sống năng động hơn, thức ăn của họ nhiều gia vị hơn và họ bỏ nhiều thì giờ để ăn uống hơn. Khi ở gần họ, bạn sẽ thấy họ diển tả bằng tay chân nhiều hơn.

Cuộc hành trình từ Nữ Ước về quê hương đã diễn ra cách đây hơn nửa thế kỷ nhưng tôi vẫn thường nhớ tới. Trong bảy năm du học tại Mỹ tôi đã học hỏi được nhiều điều tốt đẹp nhưng cuộc du ngoạn bên Tây Âu và chuyến bay vòng quanh thế giới đã thực sự mở rộng tầm nhìn tôi hơn. Tôi đã học hỏi được thật nhiều nhờ những khám phá từ những vùng đất nước xa lạ, làm quen đủ loại người với văn hóa, thức ăn, và cách sống khác nhau. Nhờ những hiểu biết ấy, tôi đã thích nghi và hội nhập vào "hợp chúng quốc" Mỹ và nghiệm ra rằng Đông và Tây khác nhau nhưng vẫn có nhiều điểm gặp nhau.

Phải nói rằng trong thập niên 1950 rất ít người Việt Nam 27 tuổi có cơ hội sống bảy năm liền bên Mỹ rồi sau đó có cơ may đi du lịch Tây Âu và Châu Á trong cuộc hành trình 90 ngày vòng quanh thế giới trước khi hồi hương. Cảm tạ Thượng Đế đã ban cho tôi cái điểm phúc được tìm hiểu thế giới vào lúc mới bước vào cuộc đời sự nghiệp của mình và chính những bài học tôi thâm nhận được lúc còn trẻ đã giúp đỡ tôi suốt hơn nửa thế kỷ về sau.

Chương 10

Hồi Hương Sau Bảy Năm Sống Tại Hoa Kỳ

***1958-1975: Cuộc đời của tôi ở Sài Gòn
Nhịp sống ở Sài Gòn chậm rãi hơn ở Nữ Ớc nhiều!***



Con đường Sài Gòn có cây đẹp bên lề



Nữ Ớc luôn luôn bận rộn

Sau bảy năm sống ở Hoa Kỳ, tôi vô cùng vui mừng sung sướng khi được đoàn tụ với gia đình ở Sài Gòn. Phi trường Tân Sơn Nhứt không thay đổi nhiều trong suốt thời gian tôi xa quê hương. Nhà ga sân bay nhỏ bé tới mức ngay sau khi bước ra khỏi máy bay tôi đã nhận ra được thân nhân đại gia đình vẫy khăn tay chào đón tôi từ sân thượng của nhà ga.



Phi trường Tân Sơn Nhứt



Trung tâm thành phố với Continental Hotel

Một nỗi hân hoan khó quên xâm chiếm tâm hồn khi tôi được gặp lại những người thân thương. Trên đường về nhà ở Sài Gòn, tôi nhận thấy vẫn những xe thổ mộ cũ kỹ, hàng đoàn xe gắn máy, xe taxi con cóc hiệu Renault 4-CV màu ngà và xanh lam di chuyển thong thả trên các con đường với những hàng cây khoe màu sắc sỡ như thuở nào. (Xin xem hình).



Xe thồ mộ cùng với xe máy và taxi



Xe gắn máy - một phương tiện di chuyển phổ biến



Phương tiện chuyên chở đủ màu sắc đặc thù của Sài Gòn, hoàn toàn khác với Nữ Ước



Toà nhà Quốc Hội nằm giữa tấm hình và hotel Caravelle

Đọc theo những đường phố xe cộ qua lại, tôi nhận thấy những cây cổ thụ không có vẻ tươi tắn lắm dưới bầu trời màu xanh lam vì ô nhiễm. Khác hẳn với Nữ Ước, Sài Gòn không có hệ thống "subway" ngằm nên các cư dân ở đây di chuyển chậm chạp hơn. Không thấy cảnh cao điểm lưu thông như ở Manhattan. Tuy nhiên, người ta bóp còi quá nhiều gây nên nạn ô nhiễm tiếng động.



Thêm cảnh xe thổ mộ chen vai sát cánh với xe buýt và taxi

Bữa tối ngày tôi về nước, ba tôi đưa tôi đi dùng cơm thân mật tại nhà hàng lừng danh trong khách sạn Continental Hotel trên đường Tự Do. Với những nhà hàng Pháp nổi tiếng như Đông Nam Á, Sài Gòn quả xứng đáng với danh thơm là Hòn Ngọc Viễn Đông. Sau một thời gian xa cách dài, tôi đó ba tôi và tôi đã cùng nhau dùng một bữa ăn đặc biệt, cảm động và đáng ghi nhớ. Để ăn mừng dịp đặc biệt này, ba tôi đã đi từ Mỹ tho lên Sài Gòn cách đó 70 cây số. Tôi thật vui và cảm động được gặp lại người cha cởi mở của mình. Trong buổi hội ngộ đáng ghi nhớ này, ba tôi đã tạo cho tôi một bất ngờ thú vị khi đưa tôi xem tờ nguyệt san "Gia Đình" do cơ quan USIS (United States Information Service) phát hành ở Sài Gòn. Tờ báo dành cả một trang đăng một bài có đầy đủ hình ảnh về những thành quả của tôi như đứng đầu lớp khi ra trường về môn Mechanical Engineering ở Lafayette College trong năm 1956. (Xin xem hình bên dưới). Bài báo như sau:



Nào là xe xích lô máy mui trần hay có mui, xe Jeep, và xe taxi con cóc Renault 4-CV

Bạn KHƯƠNG-HỮU-ĐIỀU

DU HỌC-SINH VIỆT-NAM TẠI MỸ



Bạn Khương-Hữu-Điều sống sinh trong y phục của một sinh viên tốt nghiệp Đại-Học-Đường Lafayette, hình một Ông Dean Hunt, người cha đã đầu của anh Khương-Hữu-Điều cùng anh đi dạo chơi ở chân núi Pocono thuộc tiểu bang Pennsylvania. Ban Điều được gia đình Ông Hunt coi như một người trong quyền thuộc.



Bạn Khương-Hữu-Điều là một sinh viên Việt-Nam đã theo học ngành kỹ-sư tại Hoa-Kỳ được hơn bốn năm. Năm ngoái bạn Điều là sinh viên trội nhất và đứng đầu lớp chuyên khoa ngành kỹ-sư cơ khí tại trường Kỹ-Thuật Lafayette College ở Easton, thuộc tiểu bang Pennsylvania. Bạn Điều thường nói: « Khi trở về quê hương, tôi sẽ đem những phương pháp của Hoa-Kỳ áp dụng vào công kỹ nghệ của nước nhà, nhưng vẫn giữ theo căn bản của Á-Đông. Tôi cũng hy vọng rằng nước tôi sẽ mở mang và phát triển mạnh về công kỹ nghệ. Chúng tôi của máy móc, và khí hải lương, tôi sẽ cố gắng giải thích và phổ biến kỹ thuật và phương pháp cơ khí hóa của Hoa-Kỳ để các nhà chuyên viên kỹ thuật của nước tôi biết sử dụng ».

Việt-Nam đã dự định thiết lập một hệ thống thủy điện lực. Bạn Điều mong muốn công cuộc đó chóng thực hiện và hy vọng rằng sau này sẽ có thể được làm việc tại nơi đó. Theo bạn Điều hiện nay muốn thực hiện hệ thống thủy điện lực cần phải có một số vốn vĩ đại. Số vốn đó nếu có thể được sẽ là vốn của các công kỹ nghệ gia hùn vào, hoặc là tiền chính phủ trợ cấp.

Bạn Điều còn nhấn mạnh rằng: « Tôi rất chú ý tới những tiền kỹ nghệ. Tôi sẽ viết một luận đề về kỹ nghệ đặc, bởi vì ở Việt-Nam hiện tại chưa có một xưởng đúc theo phương pháp khoa học và đại quy mô nào. Người ta mới chỉ thấy những xưởng đúc nhỏ, có tính cách gia đình và thủ công nghiệp. Tôi mong mỗi sẽ được thấy những xưởng đúc lớn chức đại quy mô, và làm việc theo lối khoa học ».

Bạn Điều còn cho biết thêm tại quê nhà anh vẫn sống với gia đình và mọi phí khóa đều được song thân anh đài thọ. Hiện tại, anh cố gắng học hỏi để sau này về nước anh có thể phụng sự quốc gia trong phạm vi hiểu biết của anh. Trong những vụ nghỉ hè, anh kiếm thêm việc làm, như làm huấn luyện viên dạy môn bơi lội cho các em thiếu nhi ở trại hè Maine. Như có tiền đó anh đi du lịch đây đó, quan sát và hiểu rõ thêm cuộc sinh hoạt ở Hoa-Kỳ. Anh vẫn huấn luyện các thiếu nhi về môn bơi lội, lại vừa học hỏi thêm ở các em đó anh nghĩ thực hành. Anh đã được đi thăm nhiều ngọn núi Bạch Sơn (White Mountains). Anh đã từng tiếp xúc với thanh niên Mỹ và nhận thấy họ đã phương tiện để phát triển về mặt tinh thần và đủ tiện nghi để bồi bổ thể chất.

Nhờ lòng tốt của anh Năm Khương Hữu Cân, cuộc sống ở Sài Gòn của tôi sau ngày về nước được thực sự thoải mái. Anh Năm cho tôi cư ngụ tại "villa" xinh đẹp của anh số 83 đường Ngô Thời Nhiệm trong khu cư xá yên tĩnh và đẹp đẽ của Quận Ba. Nơi đây, tôi sống hai năm cùng anh họ Khương Hữu Hội, dược sĩ, để chờ xây xong nhà mới tại Gia Định. Cả hai chúng tôi đều độc thân và cùng học với nhau ở Lycée Yersin Đà Lạt từ năm 1948 tới 1951. Anh theo ban Triết còn tôi theo ban Toán.

Các gia đình trung lưu thời đó thường có vườn đầu bếp riêng. Chúng tôi may mắn tìm được một ông bếp trước kia làm cho công ty hàng hải "Messageries Maritimes" có tàu chạy đường Sài Gòn - Marseille. Nhờ có ông bếp, chúng tôi được thưởng thức các món ăn Pháp ngon gần như mỗi ngày. Thật quả là cả một thay đổi lớn so với những bữa ăn khiêm tốn và vội vàng tại trường đại học hay ở thành phố Нью Ước trước đây.

Anh Năm tôi rất hài lòng và hãnh diện về thành quả học vấn của tôi ở MIT. Để tưởng thưởng, anh cho tôi dùng chiếc xe Peugeot 403 mới của anh màu agave xanh lá cây mang bảng số NBR-081. Sở dĩ tôi nhắc lại điều này vì người Việt thích chọn con số 9 ($0+8+1$) vì tin là con số hên.

Tôi bắt đầu đi làm ở ESSO trên đại lộ Thống Nhất cách nhà có năm phút. Một lần nữa tôi lại thấy sự khác biệt rõ rệt giữa Đông và Tây. Lúc này, tôi chỉ mất vài phút tà tà từ nhà tới bãi đậu xe của ESSO nằm ngay phía trước văn phòng của tôi. Khi còn sống tại Нью Ước, mỗi ngày, tôi phải đi xe điện ngậm ồm ồm và chật chội từ trạm Uptown Columbia University tới trạm Canal Street ở Lower Manhattan gần Wall Street. Tuy vậy, tôi vẫn nhớ cảnh đứng giữa đám đông trong xe điện ngậm và cầm tờ New York Times trong một tay để đọc trong lúc đi làm.

Ở tuổi 27, sự thách đố lớn nhất của tôi là tìm ra cho mình một hướng đi đúng đắn trong tương lai. Tôi mong muốn có một việc làm vững chắc, một căn nhà tiện nghi hợp với túi tiền của mình và cuối cùng nhưng lại tối quan trọng là gặp được người bạn đời lý tưởng. Tôi đã chọn Sài Gòn làm nơi lập nghiệp của mình. Khi còn sống bên Tây phương, tôi có một cuộc sống thoải mái nhưng lại thiếu tình thương của ba má và họ hàng. Tôi không hề quên mục đích quan trọng nhất trong đời là được huấn luyện thành một kỹ sư giỏi để trở về phục vụ một quê hương kém mở mang.

Như đã viết, tôi đã may mắn có được việc làm đầu tiên bên nhà sau khi rời Нью Ước. Không bao lâu, với số tiền tiết kiệm trong thời gian làm với ESSO, tôi mua được một căn nhà xinh xắn gần "Hồ Tầm Chi Lăng" ở Gia Định vùng ngoại ô Sài Gòn. Ngôi nhà đầu tiên của tôi cần sửa chữa nhiều. Tôi rất hãnh diện và vui thích với cái hồ nhỏ có hòn non bộ, thác nước... cá vàng có đèn rọi sáng do thợ xây ngay nơi phòng ăn.

Là một chuyên viên, tôi nghĩ là tôi hội đủ hai điều kiện tiên quyết để nghĩ tới việc lập gia đình: có công ăn việc làm và một căn nhà. Tuy nhiên, việc tìm cho được một người vợ tốt thực sự khó khăn và phức tạp. Tôi không được ai hướng dẫn hay có kinh nghiệm trong lãnh

vực này mặc dù tôi đã được dạy về những giá trị đạo đức trong gia đình. Ba má tôi chung sống với nhau trên 70 năm, đã nêu một gương sáng cho tôi về hôn nhân. Tôi cũng thừa hiểu là sau một người đàn ông thành đạt luôn có bóng dáng của một người vợ đảm đang. Làm sao tôi có thể vượt qua thử thách lớn lao này để có được một người bạn đời tốt vừa với ước nguyện?

Tôi nhìn vào việc thành hôn của các chị, anh, và những người khác trong gia đình cũng như bạn bè để rút tĩa kinh nghiệm. May mắn thay tôi là đứa con trẻ nhút nên có thể học hỏi được nhiều từ các anh chị. Họ đều theo truyền thống Nho giáo và kết hôn theo lễ lối được ba má đặt đâu thì ngồi đó.

Thường tình thì các dâu rể trong nhà đều được chọn theo tiêu chuẩn môn đăng hộ đối. Điều đáng mừng là tất cả năm chị tôi đều tìm được hạnh phúc trong hôn nhân. Anh Năm tôi là ngoại lệ vì anh đã phải ly hôn. Sau đó anh có tự chọn cho mình người vợ kế. Thêm nữa, cả sáu ông chú bác của tôi chỉ kết hôn một lần một trong đời họ mà thôi.

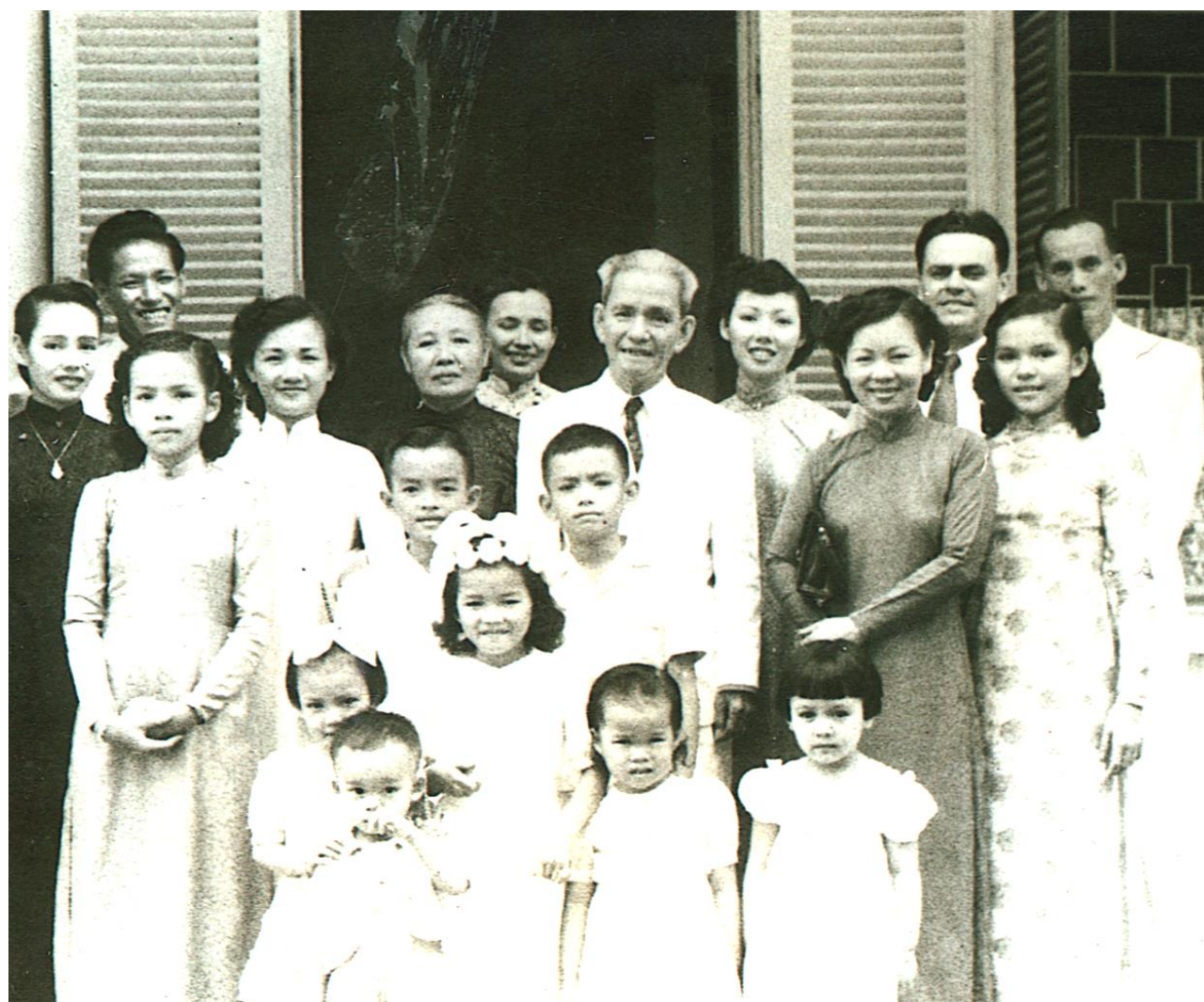
Ai cũng biết sự nghiệp người đàn ông tùy thuộc rất nhiều vào nhân cách của người vợ mình. Ngay từ thuở nhỏ, tôi chỉ ao ước có một cuộc sống bình dị và khiêm nhường cho tới cuối đời mình. Tôi suy nghĩ nhiều về trường hợp cuộc hôn nhân của một người anh tôi do người lớn xếp đặt. Anh đang học trung học ngoài Huế, trường của Đức cha Ngô Đình Thục thì được gọi về điều hành nhà máy xay lúa gạo Khương Hữu của gia đình tại Tam Bình, Vĩnh Long. Chẳng bao lâu sau, anh cưới cô vợ trẻ do ba má chọn lựa. Tuy phương thức này rất tốt cho các chị của tôi nhưng đã thất bại thảm thương trong trường hợp của anh tôi. Tính tình của cặp vợ chồng đối chọi nhau quá rõ rệt và cuộc hôn nhân trở thành vô phương cứu vãn.

Phương châm ta có câu: "Dò sông dò biển dễ dò, nào ai có thước để đo lòng người." Nhờ vào câu này, tôi đã can đảm nói với ba má tôi là tôi sẽ tự chọn vợ cho mình. Đây là lối xử trí gần với văn hóa phương Tây hơn là với phong tục Á Đông. Tôi sẵn lòng đi gặp những cô gái do ba má tôi giới thiệu nhưng tôi sẽ là người quyết định chọn lựa. Tôi cảm thấy vui vẻ và nhẹ nhàng khi ba má tôi chấp thuận ý kiến của tôi. Thực ra, ba má tôi cũng nhận rằng chưa chắc ông bà sẽ chọn vợ đúng cho tôi vì tôi có ảnh hưởng lối sống ở ngoại quốc sau bao năm độc lập và thành công bên Mỹ.

Tôi may mắn được có tiếng tốt nhờ tập san "Gia-Đình." Vô tình hay hữu ý, bài báo trong đó cho biết tôi vẫn còn độc thân và đang kiếm vợ. Tôi hy vọng thông tin này sẽ giúp tôi được quen biết nhiều hơn, không kể bạn bè, gia đình ai cũng muốn giúp một tay kiếm vợ cho tôi. Trong 18 tháng tôi làm việc tại Sài Gòn, má tôi giới thiệu cho tôi cô con gái của một trong những người bạn thân của bà. Chính ba tôi muốn tôi gặp cô con gái của người bạn cố tri và cũng là láng giềng của ông. Anh kỹ sư Hoàng Chấn, bạn đồng nghiệp ở Esso, lại xếp đặt cho tôi với cô em họ của anh gặp nhau. Riêng tôi cũng có liên lạc với cô em gái Phụng Tiên của bạn học cũ ở Yersin là Vĩnh Mậu. Còn bạn tôi, anh Phó Bá Long, lại cho tôi gặp cô em gái của mình. Anh Long trước đây học tại Harvard khi tôi còn ở MIT. Tới lúc này tôi vẫn

chưa gặp được người vợ tương lai của mình. Bên nhà chúng ta thường nói "hôn nhân là như xổ số" hay là do số phận. Riêng tôi thì nghĩ đó là do "ông tơ bà nguyệt" hay là may mắn mà thành. Tôi còn nhớ lúc đó, tôi không mong gì hơn là việc lập gia đình có thể đơn giản như là theo một bảng liệt kê các tiêu chuẩn đã được ghi sẵn mà thôi.

Một hôm, người chị họ của tôi, Khương Hữu Thị Hiệp, cho biết gia đình bên chồng của chị là bác sĩ Hồ Trung Dung, giám đốc bệnh viện Từ Dũ có tổ chức một bữa giỗ. Theo thông lệ sẽ có nhiều bà con tham dự, đó là dịp để các bà đầu bếp trong họ trở tài nấu nướng. Chị Hiệp mời tôi tới để chị giới thiệu người con gái của gia đình bên chồng của chị. Đương nhiên là tôi biết ơn chị và vui vẻ nhận lời. Trong dịp này tôi được gặp Marie lần đầu tiên. Thoạt nhìn tôi đã thấy Marie người chững chạc. Chị Hiệp đã quen biết với gia đình Marie nhiều năm nên vấn đề tìm hiểu về gia thế không còn cần thiết.

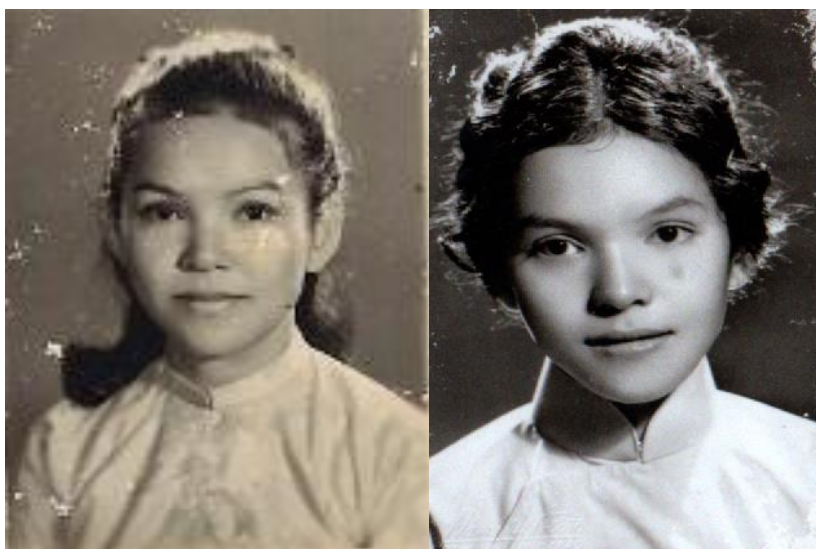


Ông bà Ngoại Marie, "Bác vật" Lương Văn Mỹ đứng giữa các con và cháu. Thứ nhứt từ bên trái: Má của Marie; thứ nhì từ bên mặt: Marie

Lúc đó, Marie mới 21 tuổi và còn đang theo học trường Dục ở Sài Gòn. Ba Marie là kỹ sư Đinh Quang Chiêu tốt nghiệp từ đại học nổi tiếng École Centrale de Paris, loại trường "MIT" của Pháp. Bác của Marie, thạc sĩ giải phẫu Trần Quang Đệ là viện trưởng của Đại học Sài Gòn. Ngoại là ông kỹ sư Lương Văn Mỹ đã quá cố, có thời giữ chức Tổng trưởng Công Chánh của Việt Nam. Tôi thấy mình may mắn có đủ tư cách để tiếp chuyện với họ hàng của Marie. Tôi nhận thấy Marie có một sắc đẹp tự nhiên không phấn son hoặc nữ trang hào nhoáng, không giày cao gót, không quần áo màu sắc lòe loẹt. Con người của Marie phát ra một nhân cách khiêm cung và kín đáo. Ngược lại tánh tôi lại năng động vì đã quen tranh đấu trong những trạng huống khó khăn và đã sống nơi đất lạ quê người trong nhiều năm qua. Tôi nghĩ tánh tình trầm lặng của Marie rất thích hợp với tôi, sẽ giúp tôi, một người năng động, trở nên trầm tĩnh hơn và nhờ vậy tôi sẽ có được cuộc sống bớt căng thẳng. Tôi nghĩ là tôi đã gặp được người bạn đời mà tôi đã tìm kiếm bấy lâu nay.



Marie với má



Marie, sinh viên trường Dục

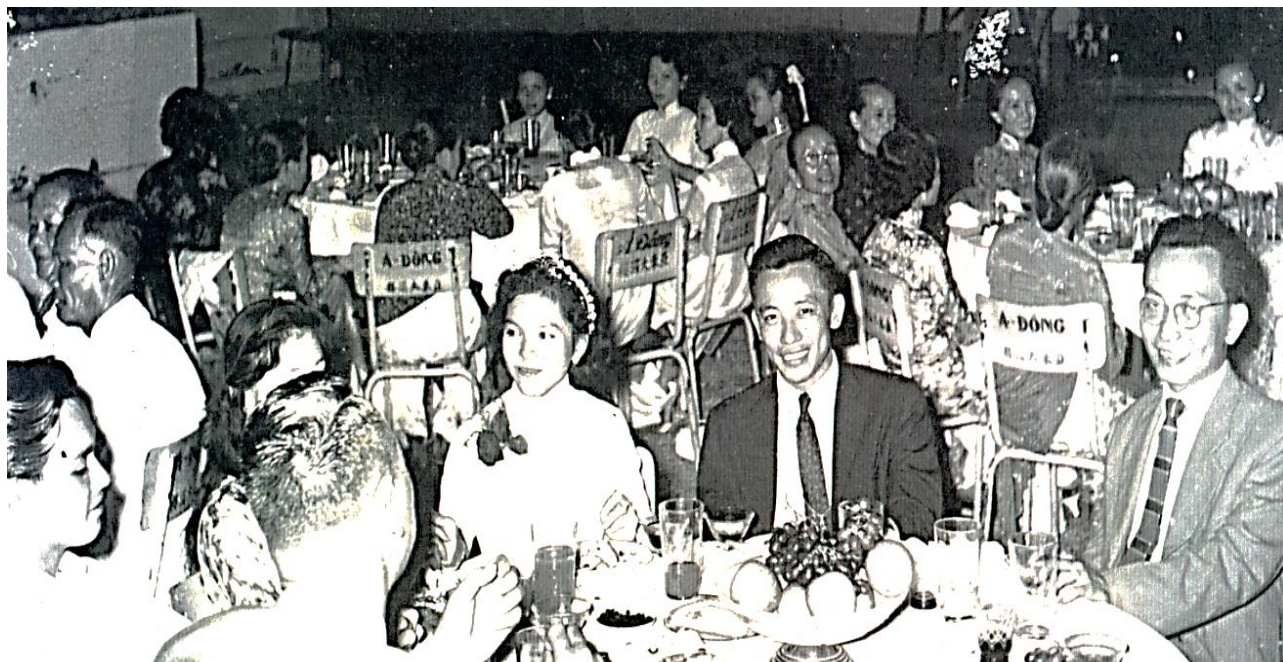
Nhờ có việc làm tốt ở Esso, tôi không phải lo về mặt tài chánh và Marie sẽ không cần mở một nhà thuốc bán dược phẩm để kiếm thêm nguồn lợi tức cho gia đình. Phước lớn nữa cho tôi là Marie sanh ra trong một gia đình liêm khiết. Tôi rất trọng đức tính này nhứt là trong cuộc đời sự nghiệp sau này của tôi. Dưới mắt tôi, Marie là người lý tưởng nhứt trên mọi phương diện như thể chất, đạo đức và tinh thần. Thượng Đế đã ban cho tôi một người bạn đời "mười phần vẹn mười" - tuyệt vời về nội tâm cũng như ngoại hình. Tới lúc này, mọi việc có vẻ diễn tiến suôn sẻ cho tới khi tôi gặp một trở ngại mới. Theo truyền thống, tôi sanh ra trong gia đình Khổng và Phật giáo. Ngược lại, gia đình Marie đã theo đạo Công giáo ba đời rồi. Giáo hội Công giáo ở bên nhà rất nghiêm ngặt trong vấn đề hôn nhân với người ngoại đạo. Theo tôn chỉ Công giáo, tôi phải theo đạo và chấp thuận cho con cái theo đạo mới cử hành hôn lễ trong nhà thờ được. Không có ngoại lệ gì khác nếu không Marie sẽ bị tuyệt thông. Tôi thấy điều này thật độc đoán và hơi bất công nhưng thêm một lần nữa, Thượng đế đã lại cứu thoát tôi. Khi còn là sinh viên năm thứ hai ở Mỹ, tôi có học một lớp về các tôn giáo trên thế giới và vững tin rằng đa số các tôn giáo đều tốt cả.

Ba của Marie đã du học nhiều năm bên Pháp nên đã quen thuộc với văn hóa Tây phương và lối suy nghĩ cởi mở của họ. Tôi xin được gặp ông tại văn phòng làm việc để được trình bày quan điểm của tôi về tôn giáo. Như tôi đã dự đoán, ông tỏ ra là người phóng khoáng. Ông nghe tôi trình bày và trả lời với giọng nhẹ nhàng êm dịu. Vào đề tôi nói đạo Thiên chúa (Công giáo và Tin lành), cùng với Phật giáo, Ấn Độ giáo, Do thái giáo, và nhiều tôn giáo khác đều tốt cả. Và nếu chỉ để lấy được vợ tôi chịu theo và nói với vị linh mục rằng tôi đã từ bỏ đạo Phật của tôi để được vị này chấp thuận làm lễ cưới rồi sau đó tôi vẫn là con người cũ thì tất cả chỉ là việc hoàn toàn đối trá!

Tôi còn nêu thêm là khi chào đời, trẻ sơ sinh có biết gì về tôn giáo mà có thể chọn theo Công giáo được? Tôi nghĩ khi lên 18 các con đã trưởng thành và có toàn quyền chọn theo tôn giáo nào chúng muốn. Ông thân sinh của Marie tỏ vẻ đồng ý với lời giải thích của tôi nhưng vị linh mục thì không. Tôi nghĩ giáo hội Công giáo quá hẹp hòi đến độ độc ác khi bắt Marie bị tuyệt thông chỉ vì tôi muốn lập gia đình với nàng. Gặp ngõ bí này, tôi quyết định là chúng tôi sẽ không làm lễ hôn phối ở nhà thờ mà chỉ tại tòa thị chánh nơi chúng tôi ở mà thôi.

Rất may cho chúng tôi, vài năm sau đó, cộng đồng Công giáo Việt Nam cởi mở hơn nên vị linh mục "Dòng Chúa Cứu Thế," tại nhà thờ gần nhà tôi trên đường Kỳ Đồng đồng ý cử hành lễ hôn phối cho chúng tôi nếu tôi chịu cho các con tôi theo đạo Công giáo. Tôi sẽ không phải theo đạo - chỉ các con tôi thôi! Nhờ đó, Marie không bị tuyệt thông.

Theo phong tục Việt Nam, chúng tôi làm lễ đính hôn tại nhà của Marie. Bữa tiệc do một nhà hàng nổi tiếng ở Sài Gòn lo liệu có đông đảo họ hàng trong đại gia đình tham dự.



Lễ đính hôn nơi vườn trước nhà của Marie



Marie và cháu tên Thu của tôi trong tiệc đính hôn, 1960



*Ngày cưới 22 tháng 11 năm 1960
tại số nhà 83 Ngô Thời Nhiệm, Sài Gòn*

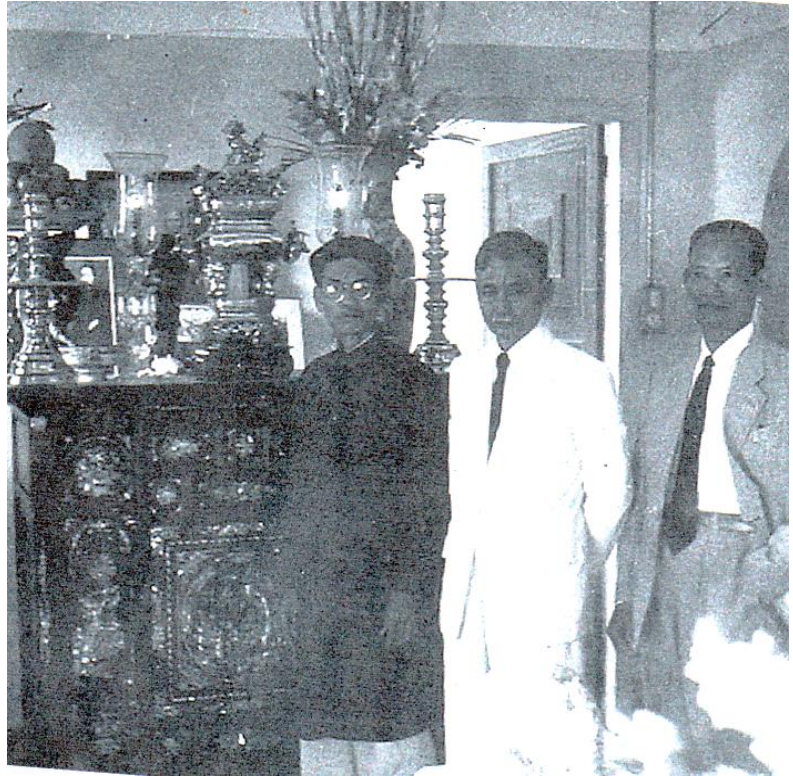
Khoảng sáu tháng sau, vào ngày 22 tháng 11 năm 1960, Marie và tôi chính thức tổ chức lễ cưới tại văn phòng Quận trưởng, Phường ba gần nhà chúng tôi. Tiệc cưới có gia đình hai bên dự được tổ chức tại biệt thự số 83 Ngô Thời Nhiệm, Sài Gòn.

Chúng tôi có đặt bữa tiệc ăn mừng tại nhà hàng Ngọc Lân Đình trong Chợ lớn để thết đãi họ hàng xa gần cũng như bạn bè. Có tất cả 20 bàn với 12 thực khách mỗi bàn. Theo phong tục, gần cuối bữa tiệc, cô dâu chú rể cùng với cha mẹ hai bên đi từng bàn để cảm ơn khách và nhận những lời chúc mừng và bao lì xì của họ.

Ba năm làm tại Esso đem lại cho tôi nhiều niềm vui. Đôi khi tôi được gởi đi tu nghiệp về quản trị tại Hong Kong và Singapore. Tôi được giao phó trách nhiệm kiểm soát tất cả các trạm xăng của Esso ở miền Nam. Công ty dành cho tôi chiếc xe Chevrolet bốn cửa màu đen bóng loáng để đi thanh tra. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi được cơ hội đi thăm xứ sở từ mũi Cà mau miền cực nam tới thành phố Quảng trị nơi cực bắc. Việt

Nam có những bãi biển cát trắng tuyệt đẹp như Vũng Tàu, Mũi Né, Cam Ranh, Nha Trang, Đại Lãnh (Cap Varella). Tuy nhiên, cảnh đẹp tuyệt vời nhất là “depot” xăng Esso do người bạn thân của tôi là kỹ sư Huỳnh Ngọc Châu có vợ Pháp từ Pháp về quản lý “depot” Liên Chiểu, tại chun đèo Hải Vân. Tôi còn giữ được kỷ niệm thật tuyệt vời về địa điểm đặc biệt này. Nước biển nơi đây ấm và trong vắt như pha lê. Ngư dân tại đó đã bắt cho chúng tôi khá nhiều con tôm hùm ăn thật ngon!

Cuộc sống của tôi với chức vụ kiểm soát viên ở Esso khá dễ chịu và tốt đẹp. Nhưng mục đích chính của đời tôi là giúp phát triển nước nhà chứ không phải làm giàu cho một công ty ngoại quốc. Tôi đã học hỏi trong suốt ba năm trời những căn bản về quản trị xí nghiệp trong một công ty đa quốc gia. Bây giờ là thời điểm tôi phải sửa soạn cất cánh tung bay. Năm 1961 chiến tranh Việt Nam trở nên sôi động hơn và chánh phủ chỉ cho những thanh niên giữ chức quản lý tại các công ty quốc doanh được hoãn dịch mà thôi.



*Từ trái: Bác Năm, Bác Tư, Ba tôi trước bàn thờ tổ tiên
Khương Hữu Lân, Khương Hữu Long, Khương Hữu Phụng
(Bảy)*

Tôi thật may mắn là người hội đủ các điều kiện có mặt ở đúng chỗ và vào đúng lúc. Công ty Đường Việt Nam lúc đó đang thực hiện chương trình hiện đại hóa đáng giá nhiều triệu Mỹ kim tại Nhà Máy Đường Hiệp Hòa nằm gần biên giới với Cao miên. Tôi được công ty nhận vào làm với chức vụ giám đốc kỹ thuật phụ trách chương trình này. Tôi không ngờ Việt cộng đã xâm nhập vào vùng lân cận và có ý định phá hoại nhà máy để làm tê liệt nền kinh tế trong nước. Tôi đã suýt chết hai lần trong khi làm việc tại đây. Chương 12 “Những Nguy Nan Của Chương Trình Kỹ Nghệ Hoá Trong Thời Chiến” ở phần sau sẽ đi vào chi tiết hơn.

Marie và tôi sống cuộc đời đạm bạc trong những năm đầu sau khi chúng tôi lập gia đình. Năm 1962, với tiền tiết kiệm và sự giúp đỡ của ba tôi, chúng tôi dọn về villa có vườn phía trước tại số 11 đường Kỳ Đồng ở Sài Gòn. Chiến tranh tiếp tục leo thang. Việc lái xe về thôn quê vào cuối tuần để nghỉ ngơi không còn an toàn nữa. Tôi nghĩ tới việc lập một mảnh vườn trước nhà và luôn trên mái nhà để vui hưởng thiên nhiên trong sự an toàn của thành phố.



*Nhìn lên lầu 2 và 3 của mặt tiền, có hàng tre cao 5 thước trên sân thượng tránh được các cửa sổ chung quanh nhà.
Lá xanh trước nhà tránh được ngoài đường nhìn vào nhà*



Mảnh vườn trên nóc nhà lầu ba với cây ăn trái, rau cỏ, kiểng, quây rệu và hồ nước.

Có một mảnh vườn "đúng nghĩa" trên mái nhà là một khái niệm mới mẻ tại Sài Gòn vào năm 1963. Khi nói tới mảnh vườn "đúng nghĩa" tôi nghĩ tới một mái nhà xi măng bằng phẳng có cỏ mọc che phủ. Ở nơi đó cũng có một hồ nước nhỏ, vườn trồng rau cải, cây ăn trái, kiểng bonsai và cá vàng. Tại mỗi góc vườn, những chậu cao khoảng một thước được dùng để trồng cây ăn trái như xu đủ, nhãn, măng cầu...

Tôi có trồng bí đao, hủ qua (khổ qua) với những trái bầu đẹp mắt treo lủng lẳng trên những dàn gỗ nằm ngang. Đây là loại sân thượng lâu ba đầu tiên tại Sài Gòn năm 1962 với hồ tắm, sân cỏ, vườn rau, vườn cây ăn trái, một quầy rượu đồng thời có nước nóng từ mặt trời.



Ba tôi và người cháu họ nơi mảnh vườn trên mái nhà



Với ba tôi và Bác Năm trên sân thượng



Mướp



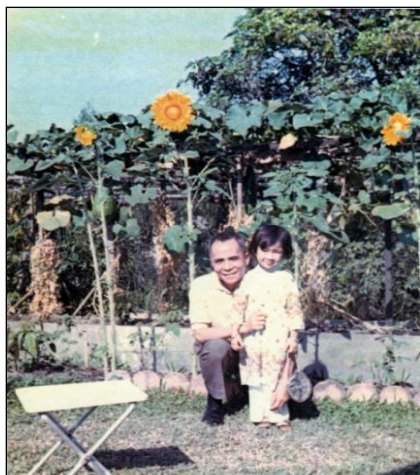
Bầu



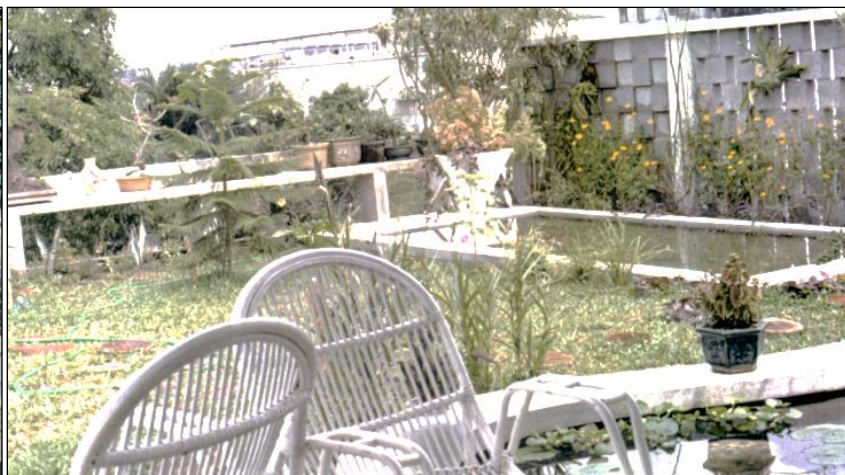
Bí



Hủ qua



Ba và em của Marie tên Mai trên sân thượng



Hồ tắm trên nóc nhà

Đời sống trong thành phố đông người như Sài Gòn với khói, bụi và ô nhiễm tiếng động vẫn khiến cho giá đất tăng cao. Tôi thấy việc xây một mảnh vườn trên mái nhà là một dự án hợp lý, tốt cho sức khỏe và đem lại nhiều niềm vui. Tuy nhiên nó đòi hỏi những kiến thức cao về kỹ thuật để tránh việc bị rỉ nước và nứt rạn. Thực hiện được dự án này quả là một thử thách thích thú cho công trình đào tạo về Engineering trước đây của tôi ở MIT.

Để thử xem mái nhà có bị rỉ nước không, tôi đổ nước đầy ngập mái nhà trông như một cái hồ nhỏ rồi để y nguyên như vậy trong một tháng liền. Tôi sợ sau này bị bạn bè nhạo báng là không xây nổi mái nhà cho chính mình! Tôi còn nhớ đã thuê thợ đổ 14 xe vận tải đất để lập mảnh vườn. Không thấy có dấu vết nứt rạn nào!

Điều làm tôi thỏa lòng nhất là có được an ninh và Thiên Nhiên thu nhỏ ngay tại nhà mình giữa một đất nước đang ngập lặn trong khói lửa. Nơi đây, trong an toàn, mỗi cuối tuần tôi có thể hưởng thú đồng quê thay vì phải đi tới ngoại ô thành phố đang bị Việt cộng quấy phá. Mỗi ngày sau giờ làm việc tại sở tôi cũng có thể tìm được một nơi cây cỏ xanh tươi để thư giãn. Đôi khi tôi còn mời bạn bè tới quây rượi làm bằng tre để cùng nhau thưởng thức đôi ba ly rượu giữa bông hoa và cây kiểng của mảnh vườn xinh đẹp này. Tôi còn trồng những cây tre và cây ăn trái cao để che đi những cảnh không mấy đẹp mắt của những nhà chung quanh.

Không khí trong lành và làn gió thoảng mát làm tăng vẻ hấp dẫn của nơi đây. Dầu vậy, vì nhà tôi chỉ cách tư gia đại sứ Mỹ Cabot Lodge có một “bloc” đường ngắn nên trước đây Việt cộng có nã một vài trái rốc kết vào khu này. Vì lý do đó, tôi cho xây một hầm trú ẩn nơi từng dưới được che bởi nhiều miếng thép dày. Đối với những thành viên trong gia đình, mảnh vườn này được xem như công trình đầu tiên tôi thực hiện được từ khi về nước. Hôm nay, sau một nửa thế kỷ, vào năm 2016, tôi khám phá ra rằng Singapore là thành phố đầu tiên trên thế giới có những nhà chọc trời với vườn tược ở mỗi tầng lầu.



Mỗi tầng lầu ở Singapore đều có vườn



Một mái nhà và tường có vườn mới được xây ở Ba lê

Ngay trước nhà, tôi xây một vườn theo kiểu phương Đông có hồ hình bản đồ Việt Nam bị chia đôi tại vĩ tuyến 17 nơi có cầu Bến Hải như đã ấn định trong Hiệp định Genève.

Để được may mắn ba tôi và tôi về Đồng Bằng sông Cửu Long tìm mua một cây “mai kiểng” đẹp và hiếm để làm trung tâm điểm của mảnh vườn. Đặc điểm của loại cây mai này là nếu trước Tết 15 ngày, tôi tước hết lá thì đúng mùng một Tết, cây sẽ trở bông vàng thật lộng lẫy. Tôi vẽ họa đồ cây đèn đá kiểu Nhựt cho một xưởng tại hầm đá Biên Hòa tạc cho tôi cây đèn ở phía trái trong hình dưới đây.



Mảnh vườn trước nhà với cây mai ăn mừng ngày Tết và cây me kiểng



Phòng khách ở lầu hai



Phòng khách ở lầu một với bồn cá và cây bông giấy kiểng "bonsai"

Mảnh vườn trên lầu ba là nơi lý tưởng để gia đình họp mặt. Theo thông lệ, ba tôi tụ họp mọi người trong đại gia đình trên mái nhà để chụp hình lưu niệm vào ngày Tết.



Đại gia đình chụp hình trên mái nhà vào ngày Tết

Công việc nội trợ của Marie trở nên bề bộn hơn khi chúng tôi nuôi gia súc trong nhà. Chúng tôi có tất cả hai con "bergers" Đức tên là Sony và Blacky, một con "fox terrier" tên Kiki, một con chó Bắc kinh tên Cola, vài con chim yến, một con sáo biết nói, và chót hết là vài con cá vùng nhiệt đới nuôi trong hồ cá. Cũng như đa số gia đình trung lưu, chúng tôi có một chị bếp và người giúp việc. Họ sống trong phòng riêng phía sau nhà gần nhà bếp ngăn cách với căn nhà chánh bởi một hành lang có mái che.



*Marie với 5 con của chị Tư và hai bạn trai và gái
"Chị Năm Xăm," người vú gốc Hoa đáng tin cẩn và 5 trẻ em do chị chăm nom*

Tấm lòng nhân ái và rộng lượng của Marie khiến Marie có thêm việc mới. Số là chị Tư Khương Hữu Ngân của tôi sống ở Vĩnh Long cách Sài Gòn 130 cây số. Chị rất bận rộn lo cho nhà thuốc tây Cao Thái Hoàn của chị. Vào thời đó trường học ở Sài Gòn tốt hơn ở các tỉnh nên vì tình ruột thịt, Marie sẵn lòng nhận chăm sóc cho các con của chị Tư. Dần dần tất cả năm con của chị đều nhờ vào sự chăm sóc của Marie. Em bé nhỏ nhất học lớp một. Tôi thường đi xa nhà vì công việc sở rất bận. Marie là người phải đứng ra đảm nhiệm mọi việc và đã chu toàn nhiệm vụ một cách tuyệt vời.

Riêng đối với tôi, cuộc sống ở Sài Gòn khác xa với Nữ Ước. Trước đó, tôi sống đơn độc trong một siêu thành phố. Giờ đây, tôi luôn có bạn bè thân thuộc sống bên tôi ở một đô thị nhỏ bé hơn. Vì vùng ngoại ô thủ đô không được an ninh, tôi bắt buộc phải xếp đặt nếp sống và hoạt động hằng ngày cho thích hợp với tình hình lúc đó.

Mỗi khi có phái đoàn ngoại quốc tới Sài Gòn để làm việc trong các dự án, tôi thường khoản đãi họ tại nhà riêng của tôi. Ngoài ra nhóm chuyên viên của tôi cộng tác rất mật thiết với phái đoàn viện trợ kinh tế của USAID. Để giúp cải tiến điều kiện làm việc và mối giao hảo giữa hai bên, tôi tổ chức những bữa ăn tối tại nhà để bàn luận về công việc trong bầu không khí thân mật. Thường thì bữa tiệc bắt đầu bằng cuộc gặp gỡ với rượu khai vị ở mảnh vườn trên sân thượng do nhân viên của khách sạn nổi tiếng Caravelle đeo băng tay trắng phụ trách. Sau đó, khách được mời đi xuống lầu nơi có bày sẵn 4 bàn tròn với 10 ghế ngồi mỗi bàn để dùng cơm. Muốn biết chỗ ngồi ở bàn nào, khách chỉ nhìn vào bản sơ đồ đặt ở cuối cầu thang. (Xin xem hình)



Khách đi xuống phòng ăn từ mảnh vườn trên lầu ba



*Bữa tiệc buổi tối đãi nhóm chuyên viên của NHPTKNNV và USAID tại lầu một.
Bên trái của tôi là Mr. Von Spiegelfield (#3 USAID), người cho ý kiến tôi nên tìm
cách rời Sài Gòn gấp, gần đó là Mr. W. Bennett (#2 USAID.)*

Trong khi phụ trách dự án hiện đại hoá tại nhà máy đường Hiệp Hòa, tôi cần sự giúp đỡ của một chuyên viên về điện. Rất may, vào năm 1962, tôi gặp được ông Hồ Tấn Phát, Tổng Giám Đốc Công ty Điện Lực Việt Nam. Từ đó chúng tôi trở thành đôi bạn thân. Biệt thự do công ty cung cấp cho ông có sân quần vợt và hồ tắm và là nơi nhóm bạn hữu thu nhỏ của chúng tôi thường lui tới. Vào mỗi cuối tuần và thứ tư trong giờ ăn trưa thường lệ (từ 12 giờ tới 2 giờ chiều) nhóm chúng tôi gặp nhau tại nhà ông để đánh tennis cặp đôi. Những bạn cùng chơi tennis chung là anh Nguyễn Văn Bông, Viện Trưởng Viện Quốc Gia Hành Chánh và anh Trần Quý Thân, Tổng Giám Đốc Đông Phương Ngân hàng.

Năm 1964 đánh dấu một giai đoạn thật quan trọng trong đời tôi. Cám ơn Trời cho tôi may mắn được một hôn nhân tốt đẹp, một ngôi nhà ấm cúng, một việc làm thích thú cũng như một nhóm bạn thật tốt. Tôi cảm thấy hứng khởi và rất sẵn sàng làm việc và hy sinh để đổi phó với bất cứ thử thách nào trong nghề của tôi.

Lúc đó, hoàn toàn vì cơ may và tình cờ, ông Bửu Hoan, Giám đốc Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ, một cơ quan của chính phủ đi nhận chức vụ đại diện cho Việt Nam tại Ngân Hàng Quốc Tế ở Hoa Thịnh Đốn do ông Tổng Trưởng Âu Trường Thanh bổ nhiệm. Với sự hỗ trợ của Bộ Kinh Tế, tôi được chỉ định thay thế ông Bửu Hoan vì tôi là người hội đủ điều kiện và có mặt tại chỗ đúng lúc bấy giờ. Trong thời gian làm việc ba năm với hãng quốc tế Esso tôi đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm về khoa học quản trị tân tiến. Ngoài ra, tôi đã làm Giám đốc kỹ thuật ba năm cho một công ty kỹ nghệ lớn là Công ty Đường Việt Nam.

Liên sau đó, tôi nghĩ ngay tới việc đào tạo cấp tốc một nhóm chuyên viên giỏi từ quốc nội và quốc ngoại để có đủ khả năng hội nhập vào công cuộc phát triển một quốc gia đang phát triển và nhứt là trong thời chiến. Vì là kỹ sư Việt tốt nghiệp từ MIT đầu tiên về nước sau một thời gian làm việc tại Nữu Ước, tôi cộng tác với Hội Cựu Sinh Viên Đại Học Mỹ/American University Alumni Association (AUAA) để tuyển dụng nhân viên mới. Cùng lúc đó, tôi bắt đầu các chương trình đầu tiên huấn luyện người chỉ huy nhằm nâng cao nhanh chóng khả năng chuyên môn cho nhân viên Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ. Tôi liên lạc với trường Kỹ Thuật Phú Thọ để thu dụng những sinh viên xuất sắc tốt nghiệp từ nơi này. Để tránh tệ đoan hối lộ và khuyến khích nhân viên, tôi không quên thuyết phục Hội Đồng Quản Trị thông qua một bảng lương bổng đầu tiên phù hợp với khả năng và năng xuất của từng người. Tôi cũng nghĩ tới việc xây cất cư xá cho nhân viên để ổn định vấn đề nhân sự cho Trung tâm.

Mỗi sáng thứ ba, đúng 7 giờ 30, tất cả 40 nhân viên cấp điều hành tụ tập tại phòng họp của Trung tâm. Những ai tới trễ sẽ không được vào vì cửa phòng đã bị khóa lại. Biện pháp kỷ luật này tỏ ra rất hữu hiệu. Mỗi nhân viên được chỉ định một đề tài để nghiên cứu một tháng trước ngày đứng ra thuyết trình. Đương nhiên để có thể trình bày một cách trôi chảy, nhân viên cũng phải học kỹ-thuật "public speaking" ăn nói trước công chúng. Sau phần trình bày, là phần trả lời câu hỏi của cử tọa. Gần giờ mãn họp, tôi đứng ra nhận xét ưu và khuyết điểm của bài thuyết trình kể luôn khả năng trình bày của diễn giả. Nhiều năm sau này, trong những buổi họp mặt tại San Francisco, mọi người đều thú nhận với tôi là mọi người như ngồi trên đống lửa mỗi khi đến lượt mình phải thuyết trình vào những sáng thứ ba khó quên đó. Điều đáng mừng là tất cả nhìn nhận rằng "public speaking training" này rất hữu ích cho việc làm về sau tại ngoại quốc.

Điều ai cũng biết là việc bổ nhiệm những chức vụ đứng đầu các cơ quan tài chánh của chính phủ đều dựa vào yếu tố chánh trị nên đó là những cơ hội ngàn vàng để các đảng phái gây quỹ hoạt động. Vì thế mỗi lần có một chánh phủ mới tôi tránh hết sức phải dính líu đến những việc như vậy. Nhưng đây đúng là trường hợp "nói dễ hơn làm." Một trong những thành quả trong cuộc đời sự nghiệp của tôi là đã giữ được một việc làm tôi ưa chuộng trong suốt thời gian từ năm 1964 tới ngày mất Sài Gòn năm 1975. Làm sao tôi vượt khỏi những cơn sóng gió chánh trị trong 11 năm liền như vậy được? Tôi cầu xin Thượng Đế ban cho mình sự sáng suốt và can đảm để bày tỏ một cách trong sáng và trung thực những điều tai nghe mắt thấy khi còn ở bên nhà. Tôi đã dựa vào những suy xét thường tình và sự tự kiềm chế để khuất phục được các cám dỗ. Chỗ nào trên thế giới này cũng có tệ đoan tham nhũng. Tại những nước kém mở mang nó lộ diện dưới hình thức tiền mặt hay vàng. Tại Hoa Kỳ, đó là những tập đoàn hàng ngàn luật sư làm nghề vận động hành lang/lobby ở Hoa Thịnh Đốn.

Để tránh nạn tham nhũng, tôi bảo đảm cho nhân viên một mức lương xứng đáng đủ sống và xây cất thêm cư xá. Ngược lại, mọi người phải làm việc hết sức mình và sẵn sàng đối phó với sự cạnh tranh luôn rình rập ở bên ngoài. Hàng năm, cơ quan USAID tham dự vào việc "audit" kiểm soát sổ sách của Ngân hàng thật kỹ lưỡng. Nhưng vẫn còn một kẽ hở nữa trong guồng máy quản trị. Điều gì sẽ xảy đến nếu tôi hoàn toàn trong sạch trong khi vợ tôi

lại nhận của đứt lót một cách kín đáo và khôn khéo của giới kinh doanh? Với đại đa số những việc làm rất phổ biến như vậy ở phương Đông thì chỉ Ông Trời biết được mà thôi.

Trong suốt thập niên làm việc trong lãnh vực tài chánh, tôi luôn phải đương đầu và cố gắng chế ngự sự cám dỗ của tham nhũng, hối lộ. Không thiếu gì lúc bạn bè hay thân nhân của các giới chức cao cấp trong chính phủ liên lạc với tôi để vay tiền ngân hàng. Tôi chỉ đơn giản trả lời rằng nếu dự án của họ hội đủ tiêu chuẩn của ngân hàng thì sẽ được hoàn tất trong thời gian rất ngắn. Bữa nọ, vị phu nhân của thủ tướng chánh phủ điện thoại cho tôi về hồ sơ của một hãng dệt và tôi cũng trả lời như vậy mà thôi. Bữa khác tôi rất ngạc nhiên khi nhận ra tướng Loan, cựu chỉ huy trưởng Cảnh sát quốc gia, chống gậy vào phòng làm việc của tôi. Sau một cuộc đàm thoại ngắn, ông nói ông cần vay số tiền để mở một tiệm kim hoàn. Tôi lễ phép trả lời ông là ngân hàng không thể cho vay được vì đó không phải là một dự án kỹ nghệ. Và mọi sự kết thúc êm đẹp. Lần khác, tướng TT Đính làm dự án vay tiền lập công ty ẩn lút dưới một tên khác. Hồ sơ được chấp thuận vì hội đủ điều kiện của Ngân hàng. Ít lâu sau việc trả nợ không được đúng thời hạn và tôi bắt đầu gặp khó khăn từ phía ông. Tôi sẽ áp dụng biện pháp có sẵn theo luật pháp ngân hàng. Nhưng ngày 30 tháng tư 1975 đã kết thúc mọi việc!

Trong một dịp Tết Trung Thu, nhà tôi điện thoại cho tôi khi tôi đang ở văn phòng. Nhà tôi cho biết có người mang lại nhà để tặng bánh trung thu nhưng ở dưới hộp đựng bánh là đầy tiền giấy 500 và vàng lá. Nhà tôi đã tức khắc trả lại cho họ và điện thoại báo cho tôi biết. Marie có nói thêm là quà biếu tại nhà thường kèm theo nhiều lý do khác nhau. Một cá nhân giải thích là nhờ vay được của Ngân hàng ông ta xây cất xưởng và đã trở nên giàu có và muốn trả ơn tôi. Ông ta cố gắng biện luận là việc ông làm không phải là hối lộ mà là ơn nghĩa. Mỗi khi những việc như vậy xảy đến, Marie liền báo cho tôi biết để có thể ngăn chặn kịp thời.

Còn một việc khác khá thú vị nữa tôi muốn kể ở đây. Vì chúng tôi không có con nên một số người nói nếu được ai đó tặng vàng hay cẩm thạch quý thì chúng tôi sẽ có con trai! Nhưng tôi tin là món quà quý nhứt Thượng Đế ban cho tôi là có người vợ liêm khiết. Nhờ vậy sau hơn nửa thế kỷ chung sống với nhau tôi nghĩ ra lý do Thượng Đế đã giúp tôi thành công trên đường sự nghiệp. Ngoài việc giữ được sự liêm khiết, tôi còn phải hết lòng cộng tác với nhóm "gà nòi" trẻ tuổi, năng động và cứng tay nghề của tôi để chúng tôi cùng nhau làm việc có thành quả.

Tôi nhận thấy muốn người vay không trốn nợ thì họ cần có những nhân viên điều hành giỏi để hãng xưởng của họ có năng suất cao. Năm 1964, tôi thành lập Hội Quản Trị Xí Nghiệp Việt Nam để thường xuyên tổ chức những khoá hội thảo bổ ích đào tạo thêm quản trị gia. Victor Hugo có nói "Sống là Tranh Đấu." Tôi đã tranh đấu và tránh được sự ganh đua, tranh giành chức vụ của những người có thể lực vì họ biết tôi sẵn sàng tranh đấu cho niềm tin vào chánh nghĩa của tôi. Tôi xin được phép dùng thí dụ như "đánh box" trên võ đài để nói rõ hơn về ý nghĩ này. Nếu tôi đấu giỏi thì những người có thể lực khó mà hạ nổi tôi. Hơn nữa, những kẻ nào khôn sẽ kiếm đối thủ vừa hoặc dưới sức mình để đo sức. Tội gì phải

chọn sự bất trắc và có thể phải đấu hết 15 vòng đầy máu me, thương tích mà không nắm chắc được phần thắng. Nhờ ơn Thượng Đế tôi đã không phải đấu sức với người dựa vào thể lực trong 11 năm làm việc cho chánh phủ tại Sài Gòn.

Kỷ niệm đáng ghi nhớ nhứt của đời tôi là bữa mừng sinh nhật 70 tuổi. Nhóm chuyên viên "gà nòi" trẻ ngày xưa đã âm thầm lên Internet tổ chức bất ngờ "một trăm phần trăm" cho tôi tại Mỹ. Mặc dầu họ sống tản mác khắp nơi trên thế giới sau 25 năm, họ vẫn tụ tập về căn nhà khiêm tốn của tôi ở San Francisco vào năm 2000 để có buổi họp mặt thật cảm động và đầy ý nghĩa trong đời làm việc của tôi. (Xin xem hình bên dưới)



Hàng 1: Chị Vũ Hùng, Chị LTMưu, Chị LHổ, Thảo, Chị KHĐiêu, Anh KHĐiêu, Chị PMTâm, Chị NĐCường, Chị Mộng Hoàng, Chị LTTạo
Hàng 2: VThúc, Chị VThúc, HĐNha, Chị NĐKhởi, Chị TVKhởi, Chị NĐChiến, Chị TONghĩa, Anh TONghĩa, Vũ Hùng, LHổ, PMTâm, NĐChiến
Hàng 3: NĐĐiền, NĐKhởi, NĐCường, TVKhởi, LTMưu, NĐĐỗ, NVChâu, HĐHân, BTQNhơn, LTTạo, NVHùng

Tháng 10, 2000. Hình chụp ngoài sân sau nhà tôi. Một buổi sinh nhật 70 tuổi hoàn toàn bất ngờ với sự hiện diện của nhiều nhân viên chưa được gặp lại sau tháng 4, 1975.

Tôi đã hưởng được những giây phút thật tuyệt vời của đời mình trong dịp này. Tất cả mọi người đã thành đạt khi xây lại cuộc đời ở Tân Thế Giới trong những chức vụ điều hành với những đại công ty Mỹ như PacBell, Pennzoil, Esso, Halliburton, PG&E, vân vân...

ĐỊNH MẠNG VÀ SỐ MẠNG

Hồi tưởng lại 17 năm sống ở Sài Gòn từ 1958 tới 1975, tôi phải thú nhận rằng cảm nghĩ của tôi về thời kỳ trọng đại này của đời mình cũng như của dân tộc quả là vui buồn lẫn lộn.

Một mặt, tôi thật vui sướng được đoàn tụ với gia đình sau một thời gian dài du học ở Mỹ, về thăm Đồng Bằng sông Cửu Long thân thương của thời niên thiếu và có những việc làm tốt ở Esso, Công ty Đường Việt Nam và Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ. Tôi còn may mắn được kết hôn với một người vợ tuyệt vời theo phong tục Khổng giáo và đồng thời vẫn được tự do chọn người phối ngẫu thay vì do ba má tôi áp đặt.

Ngoài ra còn có giai đoạn đầy mồ hôi nước mắt để khuất phục mọi thử thách trong lúc tôi tham gia vào chánh phủ miền Nam. Nhờ vào kiến thức chuyên môn tôi học hỏi được ở Hoa Kỳ, tôi đã dốc hết tâm lực vào công cuộc phát triển kỹ nghệ của miền Nam. Tôi nghĩ rằng trong 11 năm phục vụ cho chánh phủ miền Nam, tôi đã có những đóng góp cụ thể và đáng kể cho một quê hương không những kém mở mang mà còn bị tàn phá bởi chiến tranh. Tôi đã thoát chết hai lần trong "đường tơ kẻ tóc" khi di chuyển tới địa điểm làm việc tại nhà máy Hiệp Hoà. (Xem Chương 12). Sự kết hợp giữa kiến thức về kỹ thuật tân tiến Tây Phương với giá trị tinh thần Khổng giáo đã tạo ra một cuộc "Đông gặp Tây" hài hòa và giúp tôi trở thành một kỹ thuật gia lành nghề để phụng sự đất nước tôi.

Mặt khác, tôi cũng đã phải trải qua những biến cố khốc liệt của chiến tranh cho đến ngày Sài Gòn rơi vào tay quân xâm lăng Bắc Việt ngày 30 tháng 4, 1975. Cũng như hai mươi triệu quân dân Miền Nam, tôi bị phần đã không giữ được miền Nam rơi vào ách thống trị của cộng sản mặc dầu toàn dân đã cố gắng hết sức mình để bảo vệ Việt Nam Cộng Hòa được tiếp tục sống trong công bình, tự do và dân chủ.

Nguyên nhân cuộc bại trận này thật nhiều và phức tạp khó nói hết trên một trang giấy, nhưng với thân phận một người tị nạn cộng sản phải bỏ xứ ra đi, mất quê hương và mất tất cả tài sản đã chắt chiu tạo dựng bằng mồ hôi và nước mắt trong hai thập niên, tôi không thể nào quên quá khứ để có vài nhận định.

Trước tiên về phía người Mỹ, mặc dù họ viện trợ kinh tế cho Việt Nam, không hẳn để giúp Việt Nam thoát khỏi tình trạng chậm tiến sau thời kỳ 100 năm bị Pháp cai trị, mà họ muốn dùng Việt Nam làm một tiền đồn để ngăn chặn làn sóng Cộng Sản xâm nhập vùng Đông Nam Á theo chủ thuyết domino của Tổng thống Eisenhower. Từ vai trò cố vấn quân sự (23.000 người năm 1964) họ bắt đầu tham chiến khi quân cộng sản Bắc Việt gia tăng áp lực quân sự.

Ngày 08/03/1965, Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ ở Đà Nẵng mở đầu cuộc tham chiến đại qui mô của Mỹ tại VN. Số quân nhân và quân cụ gia tăng nhanh chóng theo mức độ leo thang của chiến trường, lúc cao điểm (cuối 1968) quân số Mỹ lên đến 536.000 người và cũng là năm Mỹ thiệt hại nhiều nhất về số tử vong (16 899 người). Mặc dù Mỹ tham chiến

nhưng không tuyên chiến, tất cả các chánh phủ Mỹ từ Eisenhower tới Nixon, đều theo đuổi nguyên tắc là quân đội Mỹ và miền Nam sẽ không bao giờ xâm chiếm miền Bắc, trong khi Cộng sản Việt Nam và Cộng sản quốc tế liên kết để dốc toàn lực xâm chiếm miền Nam. Nói một cách khác, chánh phủ Hoa Kỳ không cổ vũ việc tiêu diệt đối thủ bằng chiến thắng quân sự theo quan điểm cố hữu về chiến tranh. Với một chánh sách như vậy cốt để tránh cho chiến tranh Việt Nam biến thành một cuộc đọ sức toàn cầu giữa Hoa Kỳ và cả khối cộng sản, cuộc thất trận của Mỹ tại Việt Nam là một bài học lịch sử đau đớn của Mỹ trong sách lược đối với cộng sản.

Về phía chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa, phải chăng nỗi lo âu miền Nam sẽ bị Bắc Việt tấn công bằng võ lực đã thúc đẩy các tướng lãnh nắm lấy chính quyền sau vụ lật đổ và sát hại Tổng thống Ngô Đình Diệm ngày 2 tháng 11 năm 1963.

Ông George Clemenceau có nói "chiến tranh là vấn đề quá quan trọng để có thể trao cho các tướng lãnh quyền định đoạt." Các tướng lãnh không những chiếm độc quyền chỉ huy quân sự mà còn tước hết quyền của các giới chức dân sự nữa. Guồng máy hành chánh trong nước đã bị các quân nhân chế ngự. Công chức xuất thân từ Viện Quốc Gia Hành Chánh bị đặt dưới sự kiểm soát của các sĩ quan nhiều khi kém khả năng hơn họ. Trong thành phần ưu tú của nước nhà, một số tướng lãnh có kiến thức thấp.

Thực sự, ngay từ năm 1960, tiếp theo quyết định của Bộ Chính trị Hà Nội thành lập Mặt Trận Giải Phóng để thôn tính miền Nam bằng cả quân sự lẫn chánh trị, cường độ chiến tranh gia tăng khiến chính Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng thấy cần bổ nhiệm sĩ quan vào chức vụ tỉnh trưởng, rồi sau đó đến quận trưởng để đối phó với tình trạng an ninh càng ngày càng tệ hại nhứt là ở nông thôn. Kể từ năm 1965 chức vụ tổng thống và thủ tướng chánh phủ cũng do tướng lãnh nắm giữ luôn!

Chánh sách quân đội hóa guồng máy công quyền, nếu có thực sự hữu hiệu đối với các sĩ quan có tài, có đức, thu phục được nhân tâm người dân, thì trái lại đã tạo nên một trạng thái ô hợp mua quan bán tước làm yếu đi chẳng những quân đội mà cả hệ thống hành chánh và chánh trị. Một thí dụ lộ bịch điển hình như việc bổ nhiệm một vị đại tá an ninh quân đội, kém học thức và khả năng quân sự, được thăng tướng vì có công trong cuộc đảo chánh và được bổ nhiệm vào chức vụ Tổng trưởng Văn Hóa. Nhưng rồi ông cũng chỉ ở tại chức được vài tháng mà thôi. Người ta nói: "bất tài vô dụng" là vậy.

Nhưng quân đội Việt Nam Cộng Hòa không phải chỉ có những phần tử bất tài, bất tướng như vậy. Làm sao tôi quên được trong suốt thời gian chiến tranh chống cộng sản giành từ đất, 223 748 quân nhân Việt Nam Cộng Hòa các cấp đã bỏ mình và 1 169 000 quân nhân bị thương trên chiến trận (theo laguerreduvietnam.com).

Bốn thập niên trước đây, Hoa Kỳ, siêu cường thế giới, đã bỏ rơi miền Nam, đặt quân đội Miền Nam trong tình trạng không có đạn dược và xăng nhớt để tiếp tục chiến đấu chống 20 sư đoàn của quân đội miền Bắc. Sau khi đọc qua bản thảo của cuốn hồi ký này, Peter Arnett,

nhà báo được giải Pulitzer đã viết: "Chính cá nhân ông và các bạn niên thiếu của ông đã giúp sức xây dựng một miền Nam mà *Hoa Kỳ đã hỗ trợ rồi bỏ rơi sau đó.*"

Ba mươi tháng 4, 1975, cùng chung số phận với nhân dân miền Nam, Marie và tôi đã mất tất cả, nhưng chúng tôi có cái may mắn hơn còn sống sót đến trại tị nạn Camp Pendleton của Thủy quân lục chiến Mỹ trong tiểu bang California. Với hai bàn tay trắng, chúng tôi làm lại cuộc đời lúc giữa đời người, bắt đầu cuộc sống mới tại Tân Thế Giới. (Xin xem hình của Associated Press Wirephoto bên dưới.)



(Khương Hữu Điểu, cựu Tổng Giám Đốc Ngân hàng, trình bày tài sản của ông (cái "sac" đựng quần áo của gia đình).

Phần 5

Quản Trị Trong Thời Chiến

Chương 11

Câu Chuyện Đi Làm Với ESSO



Nơi bạn được lợi mọi phần



Không bao lâu sau khi khởi sự làm việc với Esso ở Sài Gòn, tôi để ý thấy thái độ của ông Tổng giám đốc J. P. Case đã thay đổi. Trái với thái độ ân cần và thân mật khi ông gặp tôi ở Nữ Ước và khi ông thuyết phục tôi về nước để cộng tác với Esso, ông trở nên trịch thượng và lạnh nhạt hơn. Điều này đã khiến tôi ngỡ ngàng và khó chịu. Ông là con người hai mặt như trong tiểu thuyết "The Strange Case of Dr. Jekyll and Mr. Hyde." Ông có phong cách của một công chức thực dân thời Đế Quốc Anh khi thống trị Ấn Độ, nơi mà ông đã làm việc cho Esso một thời gian. Điều này đã biểu hiện rõ trong cách nói, đi đứng và đối xử lạnh lùng, vô cảm với hàng trăm nhân viên của công ty.

Phải chăng cái cung cách ngạo mạn của ông có phần nào ảnh hưởng đến cái không khí ngột ngạt và kỳ thị trong công ty vì các cấp chỉ huy da trắng trong công ty cũng coi thường nhân viên người Việt, tuy họ có vẻ nể trọng đôi chút đối với những người có học vị cao hoặc được đào tạo ở Pháp và Mỹ, như trường hợp của tôi xuất thân từ MIT. Mặc dù nhân viên da trắng tỏ ra cao ngạo như vậy, nhưng không phải tất cả đều có khả năng. Nhiều người chỉ có học lực bậc trung học ở xứ họ rồi được gởi qua Sài Gòn làm việc vì có tay nghề, có chút ít kinh nghiệm hay quen biết họ hàng.

Tưởng cũng nên biết là từ cuối thập niên 1950, một số khá lớn người Mỹ đã có mặt ở Sài Gòn và tại nhiều địa phương ở miền Nam. Đa số họ làm cố vấn cho các cơ quan dân sự hay quân sự, nhưng không tác chiến. Sau gần một thế kỷ bị Pháp cai trị, hiện tượng người da trắng xem thường người Việt được xem là chuyện “bình thường” trong xã hội Việt Nam thời ấy.

Nơi làm việc đầu tiên của tôi ở Esso là tại kho dầu “Terminal” Nhà Bè, một bến cảng ở ngoại ô Sài Gòn. Tàu chở dầu đến từ Nam Dương chạy trên sông Sài Gòn tới Terminal này, là khu tồn trữ để phân phối dầu của Esso cho toàn quốc.



Tàu chở dầu của ESSO tại Nhà Bè, sông Sài Gòn

Giám Đốc của Terminal là Bob Bell, một người Úc làm việc hăng say, nhưng ít học, kỳ thị và thô lỗ. Ông ta hay chửi thề và nóng giận tại sở làm. Cung cách cộc cằn hạ cấp của ông ta được thể hiện qua những hành động như cách ông ta đội chiếc nón cao bồi kiểu Úc, ông ta nói sùì bọt mép, đi đứng nghênh ngang, nịnh hót cấp trên và dọa nạt cấp dưới. Ông ta hay

khoe khoang về mối liên hệ mật thiết với ông giám đốc điều hành đầy quyền uy Mitchell. Ông ta đối xử với nhân viên người Việt tại Nhà Bè không khác gì như với các cu li vậy. Hành vi của ông ta giống hệt viên đại tá Nhật Sato trong phim "Le pont sur la Rivière Kwai."

Anh bạn của tôi là kỹ sư Huỳnh Ngọc Châu không may làm phụ tá cho tay giám đốc Bob Bell này. Châu là một kỹ sư già dặn và một con người có tư cách. Anh tốt nghiệp bên Pháp và có một người vợ Pháp rất dễ mến. Anh có thừa bản lãnh để đối phó lại Bob Bell mỗi khi ông ta dùng lời lẽ thô bỉ hay đối xử tồi tệ với thuộc cấp. Tôi được công ty cấp cho một biệt thự xây theo kiểu Pháp nằm kế bên căn nhà của Châu nhưng mái ngói đỏ của nhà tôi đã bị thay thế bằng một mái tôn đã rỉ sét trông rất dơ bẩn. Tôi từ chối không chịu sống trong ngôi nhà đó và nói với Bob là căn nhà trông như một chuồng gà. Dĩ nhiên là Bob không ưa thái độ thẳng thắn của tôi và không muốn có tôi làm việc bên ông ta. Chỉ trong tuần sau, Bob cho tôi không phải hạng người làm chân lấm tay bùn và tôi được chuyển về văn phòng Sài Gòn đúng như ý tôi muốn. Tôi thấy không hứng thú gì khi phải làm việc tại một nơi kém hấp dẫn như vậy. Quả là khác xa việc làm trước đây của tôi ở Broadway, Нью Ước.

Cái khổ cho một kỹ sư xuất thân từ MIT năng động như tôi mà phải làm công việc phân phối sản phẩm dầu xăng không đem lại cho tôi chút thử thách hứng thú gì cả. Nếu tôi chịu an phận với một cuộc sống an nhàn và số lương bảo đảm thì công việc tôi đang phụ trách thật lý tưởng. Tiếc thay, việc bảo trì và xây thêm những trạm xăng mới không phải là mục đích của đời tôi.

Nhớ lại lúc ở Нью Ước, tôi đã thiết kế những nhà máy phát điện có công suất 10,000 kW cho Cuba hay Ecuador. Vào lúc đó, tôi làm công việc thực thụ của một kỹ sư và học hỏi được nhiều kiến thức hữu ích về kỹ thuật.

Tại ESSO, tôi muốn thực hiện những kiến thức và kinh nghiệm đã thu thập được từ Hoa Kỳ. Tôi muốn dự những khoá huấn luyện về quản trị xí nghiệp cao cấp do Louis Allen hướng dẫn ở Singapore và Hong Kong để tạo dựng cho mình một nền tảng vững chắc của một chuyên gia. Vào năm 1960, tôi đã hoàn tất một chương trình huấn luyện về quản trị do công ty cổ vấn nổi tiếng hoàn cầu Booz Allen Hamilton Inc. tổ chức ở Singapore.

Sau khi tốt nghiệp trở về Sài Gòn, tôi được giao phó một công việc tốt nhất cho tôi tại ESSO. Tôi được bổ nhiệm chức vụ Điều Hợp Viên Chương trình giản dị hoá công việc trong công ty "Work Simplification Coordinator." Với chức vụ mới, tôi có quyền quan sát việc làm của mọi văn phòng trong công ty, phân tích dữ kiện và đề ra một phương thức làm việc hữu hiệu hơn. Tôi dùng biểu đồ khối quy trình (Flow Process Chart) để giúp tôi làm việc. Tôi theo dõi cách thức lưu chuyển giấy tờ, tài liệu trong công ty để loại bỏ những gì không cần thiết và nghĩ ra cách lưu chuyển ngắn gọn nhất. Một khi phương thức hữu hiệu nhất được đem ra áp dụng, Ban Quản trị có thể đạt được mục tiêu đã đề ra với chi phí thấp nhất. Nhờ vậy công ty có thể cạnh tranh dễ dàng hơn. Những kinh nghiệm này rất hữu ích cho tôi khi tôi chuyển qua làm việc trong lãnh vực phát triển kỹ nghệ. Trong thời gian chuyển tiếp,

công việc của tôi ở ESSO nhẹ nhàng đến mức sau tám giờ làm việc ở sở tôi có dư thời giờ để hưởng thụ với bạn hữu và gia đình.

Một niềm vui khác cũng to lớn khi làm với ESSO là tôi có dịp đi thăm mọi nơi trong nước, từ mũi Cà Mau, tỉnh tận cùng miền Nam, đến Quảng Trị, thành phố ở tận cùng miền Bắc, giáp vĩ tuyến 17 vùng phi quân sự. Tôi đi rất nhiều nơi để thanh tra các trạm xăng. Nhiệm vụ của tôi bao gồm viếng mỗi trạm xăng, chụp hình và đưa đề nghị để cải tiến cách quản trị của nơi đó.

Công ty dành cho tôi một chiếc xe Chevrolet bốn cửa màu đen và một tài xế để tôi tự do đi lại. Điều làm tôi nhức đầu nhất là làm sao kiểm soát được lượng xăng bán cho khách hàng. Mỗi máy bơm loại cổ xưa có hai bình chứa xăng bằng thủy tinh với dung tích 5 lít mỗi bình để đo lường số xăng bán ra. Viên quản lý trạm xăng cắt cái dấu niêm bằng chì của máy bơm rồi cho những hòn bi thủy tinh vào trong bình để ăn gian xăng của khách. Sau đó anh ta sửa cái dấu niêm bằng chì để gắn vào lại như cũ. Mỗi lần đi thanh tra về, tôi mang cả rổ các hòn bi thủy tinh như vậy. Điều thử thách đối với tôi là làm sao bắt được hết các tên gian lận đó. Giải pháp chung cho những vụ gian lận là thuyết phục chủ trạm xăng không nên làm như vậy, nếu tái phạm sẽ bị đóng cửa. Ngoài ra, tôi đã chế ra được một cái dấu niêm tốt hơn để gắn vào máy bơm. Kẻ gian lận sẽ bị truy tố nghiêm ngặt bởi chánh quyền địa phương.



*Bảng Esso bị đạn bắn lỗ chỗ
Trạm xăng nơi làng mạc với thùng chứa xăng và máy bơm tay*

Ch.11 - Câu Chuyện Đi Làm Với Esso



*Trạm xăng nhỏ có máy bơm tay
Một máy bơm Gilbarco cũ kỹ có kiếng bể được sửa lại*



Máy bơm xưa



Tôi hưởng được những tiện nghi tốt nhất ở Sài Gòn hay ở các địa phương khi tôi đi công tác. Vì xa quê hương trong suốt bảy năm trời, tôi mong muốn học hỏi và khám phá xứ sở tôi từ Nam chí Bắc, đặc biệt vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Tình hình an ninh đất nước vào thập niên 50 hầy còn tốt và tôi có thể đi xe hơi đêm cũng như ngày tới nơi tôi muốn. Mặc dù đôi khi cũng xảy ra những vụ khủng bố do Việt Cộng gây ra như sát hại xã trưởng, quận trưởng, công chức hay đặt bom ở chợ và rạp hát, nhưng nói chung giai đoạn 1954-60 được xem là thời kỳ thanh bình nhất của miền Nam trước khi chiến tranh tái phát dữ dội. Đến cuối năm 1960, khi cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng được thành lập thì cường độ chiến tranh gia tăng theo mức độ xâm nhập của quân chánh quy miền Bắc.

Có dịp đi qua vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long mới thấy cuộc sống quả là dễ dàng, trù phú. Đất đai bằng phẳng với hằng hà sa số kinh rạch tạo nên phương tiện giao thông rẻ tiền và hệ thống dẫn thủy nhập điền rất thích hợp cho đồng ruộng cò bay thẳng cánh. Đời sống của người nông dân thật dễ chịu nhờ lúa đầy kho, lương thực đầy đủ, tôm cá đầy đồng. Gia súc như gà vịt heo cũng rất nhiều, ngay cả các loài chim chóc, ếch, rắn, lươn cũng là những thức ăn tìm thấy dễ dàng ở khắp nơi...

Lòng tôi luôn được tươi vui mỗi khi tôi có dịp về lại thành phố Mỹ Tho và tỉnh Định Tường để viếng thăm ba má, anh chị em, họ hàng và bè bạn thời thơ ấu. Ngay cả sau bao năm sống bên Mỹ, xứ của "burger/hot dog", tôi vẫn không sao quên được các món ăn đặc sản như "lẩu lươn" của Bình Đại, hay món cá lóc nướng. Tỉnh nhà của tôi đặc biệt nổi tiếng món "Hủ tiếu Mỹ Tho" ngon hơn hủ tiếu các nơi khác trong nước. Một món ăn nổi tiếng khác là nem Cai Lậy.



Hủ Tiếu Mỹ Tho

Tôi còn nhớ loại nước xốt độc đáo hiệu "Tương Ô-môi Hiệp Hòa Sanh Mỹ Tho" rất thích hợp với nhiều món ăn. Định Tường còn có các loại trái cây thật hấp dẫn như cam Cái Bè, nhãn Thuộc Nhiêu và vô số những trái cây khác như xoài, mận, măng cầu ta, măng cầu Xiêm, ổi,

chuối, thanh long, vú sữa, sầu riêng và dừa, ... (Xin đọc thêm Chương 2 – Thuở Thanh Bình Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.)



Nem

Nem cuốn, gỏi cuốn mới vừa làm xong

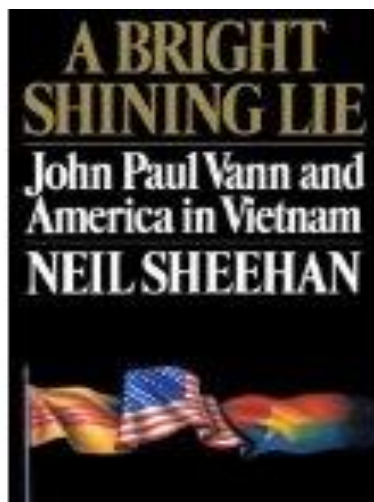
Hơn nữa, khi nhắc tới Định Tường quê tôi, có lẽ cần đề cập đến vị trí chiến lược quan trọng của tỉnh này trong lịch sử Việt Nam.

Trong cuộc Nam Tiến, Định Tường là nơi đón nhận đầu tiên người Trung Hoa đến cộng cư với người Việt. Năm 1679, khoảng 3000 binh sĩ trung thành với nhà Minh đi trên 50 chiến thuyền đến xin chúa Nguyễn cho lập nghiệp. Chúa Nguyễn chia ra hai nhóm, một nhóm do Trần Thượng Xuyên chỉ huy đến khai phá vùng Cù lao Phố (Biên Hòa), nhóm kia do Dương Ngạn Địch chỉ huy xuống Mỹ Tho và Cao Lãnh. Trong cuộc cộng cư này, những cuộc hôn nhân giữa người Tàu (các binh sĩ độc thân) và người Việt đã thành hình. Đa số người Minh Hương (Việt lai Tàu) tập trung thời ấy ở Định Tường.

Trong cuộc xâm lược của Pháp hồi thế kỷ 19, sau khi phó đô đốc Charner đánh chiếm tỉnh Gia Định (tháng 2 /1861) thì 2 tháng sau, ông đánh chiếm tỉnh Định Tường, cửa ngõ của vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Vùng đất Định Tường cũng là khu kháng chiến của các sĩ phu miền Nam nổi dậy chống Pháp đầu tiên với các lãnh tụ như Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân, Thiên Hộ Dương, ...



Trực thăng vận trong vùng sinh lầy



Sự lừa dối hào nhoáng

Trong cuộc Chiến Tranh Đông Dương lần Thứ Hai (1960-1975), Sư Đoàn 7 của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã đặt Bộ Tư Lệnh ở Mỹ Tho và trận đánh cấp trung đoàn lần đầu tiên giữa Quân lực Việt Nam Cộng Hòa và Việt Cộng đã xảy ra ở Ấp Bắc (cách quận Cai Lậy khoảng 10 km) vào ngày 2 tháng 1 năm 1963. Trận đánh này có những đặc điểm lịch sử: lần đầu tiên phối hợp chiến xa vận (xe bọc thép M-113) và trực thăng vận (trực thăng UH1-Huey) và lần đầu tiên quân cộng sản thắng trận mặc dù quân số ít hơn 4 lần quân Mỹ-Việt (300 quân cộng sản so với 1400 quân Mỹ-Việt).

Trận Ấp Bắc đã đặt vấn đề về chiến lược và chiến thuật của Mỹ đánh với quân du kích cộng sản trong vùng sinh lũy, đặc biệt về sự phối hợp giữa quân đội miền Nam với cố vấn quân sự Mỹ, về ảnh hưởng tâm lý bất lợi trong chính trường và dân chúng nước Mỹ khi lần đầu tiên một cố vấn quân sự Mỹ có mặt trong bộ chỉ huy trận đánh. Người cố vấn quân sự đó là trung tá John Paul Vann, nhân vật chính trong quyển sách của Neil Sheehan đã để 16 năm viết tác phẩm này, được giải thưởng National Book (1988) và Pulitzer (1989) tựa là *Bright Shining Lie : John Paul Vann and America in Vietnam*.

Trong Lời nói đầu. Neil Sheehan đã viết:

Cuốn sách này buộc tôi đối mặt với sự thật bi đát của cuộc chiến tranh ở Việt Nam và nhận thấy chúng ta không bao giờ thắng được. Trong quá khứ chiến tranh luôn là một thực nghiệm "tích cực" của nền văn hóa Hoa Kỳ, một cuộc vận động tinh thần nhằm tăng cường sự thống nhất của những người tham gia. Nhưng cuộc chiến tranh này người ta cho là sai lầm hoặc bị lên án về đạo đức, bằng mọi cách đã tiến hành vô bổ. Đây là cuộc chiến tranh "tiêu cực" đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ và đất nước phải chịu đựng nhiều khó khăn (Sự lừa dối hào nhoáng: một người Mỹ trong chiến tranh VN / bản dịch của Đoàn Doãn, NXB Công An Nhân Dân, 2003)

Nhưng Đại Tướng William C. Westmoreland, Tư Lệnh Lực Lượng Mỹ tham chiến ở Việt Nam (MACV) lại có một quan điểm khác :

Ai đúng, ai sai? Sự thật có lẽ từ hai phía, ông ký giả chiến trường và ông tướng chỉ huy chiến trường.

Vào thời đó, có dư luận đồn rằng mặc dù tổng thống Ngô Đình Diệm nghĩ là viện trợ Mỹ rất cần thiết nhưng ông tin là Chiến Tranh Việt Nam phải do người Việt đảm trách chứ không thể để cho lính hay "cố vấn" Mỹ đánh thay. Do đó ông không ủng hộ ý kiến muốn đưa quân Mỹ ồ ạt vào Việt Nam. Trong khi đó quan điểm của tổng thống Kennedy thì nghĩ ngược lại.



General William C. Westmoreland:
*Chúng ta không thua tại Việt Nam, nhưng chúng ta đã không giữ đúng lời cam kết đối với Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.
Thay mặt cho quân đội Hoa Kỳ, tôi xin lỗi các bạn cựu quân nhân của Quân Lực Miền Nam Việt Nam vì chúng tôi đã bỏ rơi các bạn.
On behalf of the United States Armed Forces, I would like to apologize to the veterans of the South Vietnamese Armed Forces for abandoning you guys.

Mỹ Tho Định Tường còn là trạm giao liên kinh tế giữa Sài Gòn và các tỉnh Miền Tây, vừa lương thực của Nam Kỳ và của cả Việt Nam. Đó là lý do khiến người Pháp nối dài đường xe lửa chạy từ Hà nội vào Sài Gòn xuống tận Mỹ Tho. Phương tiện chuyên chở người và hàng hoá này rất tiện lợi và ít tốn kém. Bởi lẽ những đường xá hầy còn ít ỏi, hệ thống kinh rạch chằng chịt ở Mỹ Tho cũng là phương tiện chuyên chở rẻ tiền để dân chúng dùng đi lại trong trọn vùng Đồng Bằng. Nhờ có sông Cửu Long to lớn, những tàu cỡ trung có thể chạy từ biển vào Mỹ Tho rồi đi tiếp lên Phnom Penh. Dưới mắt người thương gia, Mỹ Tho được coi như một trung tâm buôn bán lý tưởng và dân cư ở đây được hưởng một nếp sống sung túc. ESSO có một "depot" nằm tại ngoại ô Mỹ Tho.

Mỹ Tho cũng đóng vai trò quan trọng trong lãnh vực giáo dục đối với dân cư Đồng Bằng Sông Cửu Long dưới thời Pháp thuộc. Trường "Collège de My Tho", nơi tôi học trung học đệ nhứt cấp, là trường trung học công lập đầu tiên của Pháp thành lập năm 1879 để giảng dạy theo chương trình Pháp, đào tạo cán bộ người bản xứ giúp cho guồng máy công quyền của Pháp.

Ngoài vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, khi đi thanh tra ở Miền Trung, tôi nhận thấy cuộc sống ở vùng này tương đối có phần vất vả và vì đất đai kém màu mỡ và khí hậu khắc nghiệt hơn. Dọc theo duyên hải, người dân sinh sống bằng những nghề truyền thống như đánh cá biển, thí dụ như vùng Phan Thiết nổi tiếng với những sản phẩm như cá khô hay "nước mắm" hảo hạng làm bằng cá cơm (anchovies), ngon không thua gì nước mắm sản xuất ở đảo Phú Quốc. Nước mắm Việt Nam được xem là có phẩm chất cao hơn các nước Á châu khác.

Đôi khi tôi cũng đi thăm miền cao nguyên dọc theo biên giới với Lào và Cao Miên. Nơi này nhiều rừng rậm và núi cao. Qua bao thế kỷ, đời sống tại đây vẫn khó khăn, vất vả nhứt là đối với đồng bào thiểu số sống đời du mục. Trong thời thực dân Pháp, các đồn điền trà và cao su cung cấp công ăn việc làm cho người dân nhưng đó là những việc làm cực nhọc và hại sức khỏe. Tôi có dịp đi thăm những đồn điền cao su do người Pháp làm chủ thuộc các công ty như Michelin và SIPH sản xuất mủ cao su rồi xuất cảng qua Pháp để làm lốp xe hơi. Chủ đồn điền người Pháp sống trong những tòa nhà nguy nga xây theo kiểu kiến trúc thời thuộc địa với cả đội ngũ kẻ hầu người hạ như các bậc sang trọng. Họ dùng máy bay riêng để đi đi về về giữa đồn điền và Sài Gòn! Việt Cộng không gặp khó khăn ẩn núp và lập căn cứ hoạt động trong những khu đồn điền này khi có sự làm nger hay tiếp tế lén lút của các chủ đồn điền này để được yên ổn làm ăn.

Kể từ năm 1961, chiến tranh Việt Nam càng ngày càng leo thang, chánh phủ cần bổ sung và gia tăng quân số bằng cách áp dụng chánh sách động viên từng phần. Những thanh niên làm việc trong các lãnh vực tư nhân được lệnh nhập ngũ, một số công chức cần thiết được hoãn dịch hay được biệt phái về sở cũ sau thời gian thụ huấn quân sự. Trong một tình thế như vậy, tôi quyết định rời ESSO và nhận làm Giám Đốc kỹ thuật cho Công ty Đường Việt Nam, một công ty hợp doanh giữa nhà nước với một nhóm kỹ nghệ gia người Pháp.

Chương 12

Những Nguy Nan Của Chương Trình Kỹ Nghệ Hóa Trong Thời Chiến

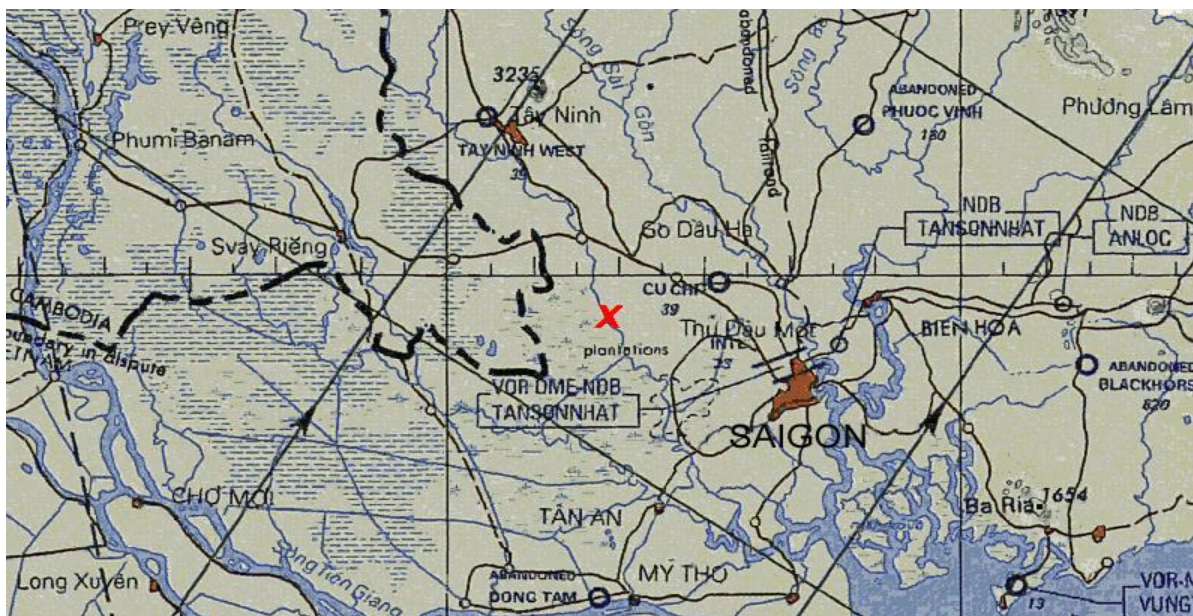
Ở đâu cũng có Việt Cộng!



Vào năm 1961, Cộng sản miền Bắc bắt đầu gia tăng cường độ chiến tranh sau khi họ công khai tuyên bố sẽ giải phóng Miền Nam bằng quân sự cũng như chánh trị. Vấn đề an ninh vùng thôn quê đã trở thành một nan đề đối với chánh phủ. Sau ba năm làm việc với ESSO, tôi đã học được một số kiến thức tốt về quản trị đủ dùng trong suốt đời làm việc của tôi. Việc phân phối sản phẩm xăng nhớt từ Sài Gòn đi các tỉnh không hề tạo ra thách đố nào cả đối với tôi vì thế việc làm trở nên nhàm chán đối với một kỹ sư đang đi tìm một công việc có nhiều thử thách trong ngành của mình. Trong khi đó, chánh phủ bắt đầu thi hành chánh sách động viên một cách gắt gao hơn. Những kỹ sư như tôi phải làm cho chánh phủ nếu muốn được hoãn dịch. Tôi quyết định bỏ công việc với ESSO để nhận làm Giám Đốc Kỹ thuật cho Công Ty Đường Việt Nam, một công ty liên doanh lớn giữa chánh phủ và một số nhà đầu tư Pháp.

Nhà máy của công ty này nằm ở Hiệp Hòa, cách Sài Gòn 50 cây số và chỉ cách biên giới với Cao Miên có 15 cây số. Vùng này bị tràn ngập bởi Việt Cộng. Họ có một mật khu an toàn bên bờ sông nằm trên lãnh thổ Cao Miên. Vào ban đêm họ thường pháo kích vào nhà máy hay khu gia cư của nhân viên nhà máy. Mỗi ngày, nhân viên phải đương đầu với các hiểm họa như bắt cóc, ám sát, chôn mìn dọc theo con đường dẫn tới nhà máy, phục kích các

đoàn xe tiếp tế cho nhà máy; quân đội Mỹ gọi vùng này là Khu Mỏ Vẹt /Parrot's Beak, một vùng trú quân quan trọng của Việt Cộng.



Bản đồ vùng: Dấu thập màu đỏ chỉ địa điểm nhà máy Hiệp Hòa nằm gần biên giới Cao Miên (Lằn đứt đoạn màu đen đậm)

Nhà Máy Đường Hiệp Hòa Được Hiện Đại Hóa

Là Giám Đốc Kỹ thuật mới nhậm chức, nhiệm vụ đầu tiên của tôi là duyệt lại dự án hiện đại hóa nhà máy đáng giá hàng triệu mỹ kim. Đơn đặt hàng thiết bị đã được gửi tới công ty Pháp nổi tiếng Société Fives Lille Cail ở Ba Lê.

Tôi hết sức ngạc nhiên khi biết là động cơ pit-tông hơi nước cũ kỹ hiện hữu với một bánh trôn khổng lồ có đường kính sáu thước sẽ được thay thế bởi một dàn máy giống như vậy. Đúng ra, nên thay thế bằng một máy tua-bin hơi nước/steam turbine vì nó hợp lý hơn về phương diện kỹ thuật cũng như tài chánh. Trên thực tế, loại máy pit-tông hơi nước kèn càng này đã được sử dụng từ lâu rồi. Việc này chẳng khác chi đem so sánh máy chạy bằng pit-tông/piston engine với máy chạy động cơ phản lực/jet engine vậy.

Nhóm chuyên viên có trách nhiệm chọn mua máy thay thế trước đó gồm ông kỹ sư lão thành người Pháp tên là Mr. Polton xuất thân từ École Polytechnique (Paris) cùng một số kỹ sư Việt được huấn luyện tại Nantes và Lille bên Pháp. Ông Polton còn là Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Xét về khía cạnh chánh trị, vì Việt Nam trước đó là thuộc địa của Pháp trong gần một thế kỷ nên đa số lãnh đạo người Việt đã được đào tạo bên Pháp.

Sau thất bại ở Điện Biên Phủ năm 1952, ảnh hưởng của Pháp lần lần được thay thế bởi sự can thiệp của Mỹ. Tôi là người kỹ sư tốt nghiệp từ MIT đầu tiên giờ đây phải làm việc với một nhóm chuyên viên hoàn toàn được đào tạo bên Pháp. Tôi phải vận dụng nhiều khéo léo khi trình bày về sự lựa chọn dàn máy thay thế. Quan điểm của nhóm chuyên viên Pháp là nồi hơi/boiler hiện hữu không đủ sức để chạy máy tua-bin/turbine loại mới. May mắn thay, khi làm việc với EBASCO, New York, tôi đã có kinh nghiệm với những dự án dùng máy tua-bin hơi nước/steam turbine nên rất thông thạo về đề tài này. Tôi vững tin vào sự lựa chọn máy tua-bin/turbine tân tiến cho Nhà Máy Đường Hiệp Hòa.

Ông Polton sau đó yêu cầu hãng Fives Lille Cail gửi một kỹ sư lành nghề từ Ba lê qua để bàn luận và giải quyết vấn đề này với tôi. Tôi còn nhớ đã mời ông Pierre Mandois đến từ Ba lê về nhà tôi vào cuối tuần để cùng tôi tính toán cho biết thực hư. Rốt cuộc ông Mandois đồng ý là nồi hơi có đủ sức để chạy máy tua-bin/turbines. Kể đó, ông cùng tôi tới nhà máy Hiệp Hòa để kiểm chứng mọi sự việc cho chính xác trước khi ông trở về Pháp. Chúng tôi dùng máy bay Cessna của Hàng Không Việt Nam khi di chuyển để tránh bị Việt Cộng phục kích.

Hôm đó, chúng tôi làm việc tới khuya và phải ngủ tại chỗ nên cho máy bay quay trở về. Ngày hôm sau, nhân viên nhà máy gọi radio về trụ sở chánh của công ty để họ gửi máy bay tới đưa chúng tôi về lại Sài Gòn. Họ báo cho trụ sở biết là: "Hãy gửi BERLIET tới Hiệp Hòa ngày mai" BERLIET là tên một công ty xe vận tải của Pháp. Sau này tôi được biết là có một vài điệp viên nằm vùng của Cộng sản làm tại nhà máy mới hiểu được mật mã đó.

Ông Mandois và tôi lấy máy bay từ nhà máy về phi trường Tân Sơn Nhứt ở Sài Gòn. Chiếc Cessna cất cánh một cách an toàn nhưng khi tới cuối phi đạo thì bị mấy du kích Việt Cộng núp trong cánh đồng mía cao bắn tỉa với loại đạn đầu dumdum. Chúng bắn không trúng viên phi công và hành khách. Tôi tức khắc xem đồng hồ xăng thì thấy còn đầy. Phi công gặp vài trở ngại với đuôi lái và dây cáp điều khiển cánh máy bay/wing control cables. Tôi thấy anh ta cho máy bay cất cánh lên cao thật lẹ để tránh những viên đạn kế tiếp. Thương Đế đã cứu sống chúng tôi vì phi trường Sài Gòn và Hiệp Hòa cách nhau không bao xa.

Nhờ chiếc Cessna nhỏ và nhẹ nên dù gặp trục trặc máy móc nó cũng có thể lướt một khoảng cách dài. Viên phi công hạ cánh hơi nặng /rough landing nhưng mọi người đã thoát khỏi một vụ phục kích của Việt Cộng! Ông Mandois trở về Ba lê để đảm bảo cho dàn máy loại mới được gửi qua đúng thời hạn.

Một bất ngờ khác chờ đợi tôi! Máy tua-bin/turbines do công ty Fives Lille Cail Company chế tạo nhưng việc đúc bánh xe trớn/flywheel cho máy pit-tông hơi nước/steam engine đã được hoàn tất ở bên Pháp rồi. Công ty Pháp gửi tới cho ban quản trị Hiệp Hòa một tập hồ sơ và hình chụp được thị thực để chứng minh họ đang diễn tiến với việc chế tạo dàn máy loại cũ, nghĩa là Fives Lille ngỏ ý muốn tiếp tục thi hành giao kèo. Tôi phải dự một phiên họp của Hội Đồng Tổng Trưởng để bênh vực một lần nữa cho lý do tôi chọn dàn máy mới. Tôi nhắc lại Công Ty Đường đã chọn máy pit-tông hơi nước dựa vào hai lý do: trước tiên vì nồi hơi

cũ không đủ sức mạnh để chạy dàn máy mới thêm vào đó vì nhân viên ở Hiệp Hòa không đủ khả năng để chạy máy tua-bin/turbine tân tiến. Fives Lille Cail đã đồng ý với quyết định của tôi dùng máy tua-bin/turbine nhưng đòi bồi thường cho họ những chi phí cho việc đang chế tạo máy steam engine/pit-tông hơi nước. Tôi bảo vệ lập luận của tôi cho rằng lúc này Việt Nam đang dùng lốp xe có hơi tubeless. Muốn được an toàn, chúng ta có thể mua lốp xe đặc để tránh bị nạn xẹp lốp nhưng việc đó không thể gọi là hiện đại hóa được. Cách giải thích thẳng thắn của tôi dường như có hiệu nghiệm.

Vấn đề kế tiếp của tôi là bảo đảm rằng nền máy bê tông đủ mạnh để chịu được sức nặng của dàn máy tua-bin/turbine mới. Trong khi đó cộng sản lại luôn muốn gây gián đoạn trong hoạt động của nhà máy để tạo ra nạn thiếu đường ăn và nông dân biểu tình chống chánh phủ vì mía của họ bị hư hao ngoài đồng mà không có máy để ép nước mía làm đường. Tinh thần tôi bị căng thẳng khủng khiếp vì sự đột nhập của Việt Cộng vào vùng đất bao quanh nhà máy. Chúng cố hết sức cản trở việc chuyên chở những máy móc nặng tới nhà máy. Tôi thì rán sức làm ngược lại. Con đường chạy từ cảng Sài Gòn tới nhà máy có nhiều cầu nhỏ không thể chịu nổi xe vận tải có trọng tải lớn. Tôi chọn giải pháp dùng một đoàn xà-lan để di chuyển máy móc tới nhà máy trên sông Vàm Cỏ.

Khó khăn về hậu cần trong thời chiến

Vấn đề là làm sao chuyên chở máy móc dụng cụ tới nhà máy đường mà không bị kẻ địch đánh chìm.



Cao Miên, vùng màu đỏ ở góc trên phía trái trong bản đồ.

Nhà máy đường Hiệp Hòa nằm trong tỉnh Hậu Nghĩa sát biên giới Cao Miên, vùng màu đỏ ở góc trên phía trái trong bản đồ. Địa điểm này trọng yếu đến độ Hải Quân Hoa Kỳ đã đặt một căn cứ Naval Advanced Tactical Support Base (ATSB) để bảo vệ an ninh trong vùng.

Nằm cạnh sông Vàm Cỏ Đông, về phía Tây-Bắc Sài Gòn, nhà máy đường Hiệp Hòa còn được dùng làm căn cứ ATSB cho lực lượng Hải Quân Hoa Kỳ. Những đoàn tàu giang hải (Patrol Boat/River) luôn tuần tiễu trên đoạn sông gần nhà máy trong chiến dịch chống xâm nhập có tên là Operation GIANT SLINGSHOT. Đoàn tàu này có nhiệm vụ ngăn chặn không cho Việt Cộng đưa người và vũ khí vào vùng thủ đô. Trong khi lính hải quân Mỹ dùng khu nhà máy để ngủ qua đêm, lính công binh/Seabees của họ bắt đầu xây cất những công trình kiến trúc kiên cố hơn, hệ thống phòng thủ, kho xăng, đạn và bãi đáp cho trực thăng.

Nhóm Hoạt Động Yểm Trợ Hải quân/Naval Support Activities (NSA) là cơ cấu yểm trợ cho Hải Quân Mỹ trong cuộc chiến ở Việt Nam. Dù nằm ở đất liền hay một đơn vị phà nổi trên mặt nước, NSA vẫn cung cấp phương tiện chiến đấu cho các tàu chiến hay phi cơ. Nếu không có sự hiện diện của các đơn vị này, những tàu bè và phi cơ của Đoàn Giang Hải/Brown Water Navy sẽ không còn tiếp tục hoạt động được nữa.

Những trở ngại về kỹ thuật tôi gặp phải tuy khó khăn nhưng không đáng kể. Ngược lại, sự phá rối của Cộng sản tỏ ra nghiêm trọng hơn nhiều. Tôi liên lạc với phó Đô đốc Chung Tấn Cang, Tư lệnh Hải Quân Việt Nam, yêu cầu ông cho lính bảo vệ đoàn tàu chuyên chở của tôi từ hải cảng Sài Gòn tới nhà máy đường. Vị giám đốc hải cảng Sài Gòn là ông Nguyễn Văn Chiêu cung cấp cho chúng tôi một căn trục 60 tấn và chiếc xà-lan lớn nhất của ông có tới 16 ngăn biệt lập nhằm đề phòng trường hợp dù bị Việt Cộng bắn thủng vài ngăn thì chiếc xà-lan vẫn còn nổi được. Dọc hai bên bờ sông, tôi đề nghị các quận trưởng rải lính địa phương quân nằm phục kích để không cho Việt Cộng dùng súng bazooka tấn công đoàn tàu. Mọi dụng cụ đều có phao gắn vào bởi dây nylon để phòng ngừa nếu bị chìm thì chiếc căn trục trên xà-lan vẫn có thể vớt lên được. Đương nhiên chúng tôi có tàu rà mìn mở đường. Những chiếc tàu tuần cao tốc chạy hộ tống hai bên bờ cản không cho địch tấn công. Trên không, phi cơ quan sát loại nhỏ sẵn sàng báo cáo mọi động tĩnh của địch. Sau cùng nhưng không kém quan trọng, tôi hứa với các binh lính sẽ có bữa tiệc ăn mừng một khi đoàn tàu tới nơi an toàn. Ai cũng biết nhà máy Hiệp Hòa dùng mật mía để chế biến rượu rum ngon nhất Việt Nam. Đây quả là một dự án độc đáo và nhiều thử thách nhất trong đời nghề nghiệp của tôi. Nhờ ơn Thượng Đế, đoàn tàu tới nơi an toàn. Tôi xem đây là một thành tích của tôi và một chiến tích của liên quân Việt Mỹ trong việc hoàn thành trọng trách vừa kể. Binh lính và nhân viên nhà máy đã cùng nhau ăn mừng thỏa thích ngày đáng ghi nhớ này.

Mỗi năm, nhà máy đường ép mía trong vòng sáu tháng. Đến cuối mùa, nhân viên nhà máy chuyển qua sửa sang, bảo trì hay hiện đại hóa máy móc để sửa soạn cho mùa mía năm tới. Khác hẳn với các năm trước, năm 1963 là năm đặc biệt công ty quyết định thay thế toàn bộ máy móc của nhà máy đã trở nên cũ kỹ lỗi thời. Công việc kế tiếp của tôi nhằm xây nền, đặt máy mới và sau cùng là chạy thử.

Tôi đâu ngờ rằng mình đang giẫm vào một bãi mìn chánh trị, kỹ thuật và tài chánh với bao hiểm nghèo. Sanh mạng của chính tôi bị đe dọa. Việt Cộng muốn cản trở hay phá hủy những nhà máy của chánh phủ nhằm gây ra cảnh thiếu hụt sản phẩm cũng như ngưng trệ phát triển kinh tế. Nếu nhà máy đường ngưng hoạt động thì cả ngàn nông dân sẽ mất công ăn việc làm để bề cho chúng lợi dụng thừa nước đục thả câu. Chúng muốn đưa nền kinh tế trong nước vào chỗ rối loạn. Qua công việc này tôi rút tĩa được bài học là công việc của một kỹ sư trong thời chiến không chỉ giới hạn trong khía cạnh kỹ thuật mà còn phức tạp hơn nhiều vì phải lo cho an ninh của bản thân, nhân viên và cả dự án nữa.

Tôi còn phải đương đầu với một rắc rối chánh trị khác. Đa số những kỹ sư được đào tạo bên Pháp thích làm việc với đồng nghiệp trong nhóm của họ. Vào thời điểm 1958, tôi thuộc thể hệ đầu tiên tốt nghiệp từ Mỹ về làm việc ở Sài Gòn. Thật đáng buồn đã có tình trạng ganh đua giữa hai nhóm này trong một xứ cụt thuộc địa Pháp. Tôi cảm thấy bị cô lập ở sở làm. Lúc đó hầu như có một định luật bất thành văn là ai xuất thân từ những trường nổi tiếng "Grandes Écoles" ở Ba lê sẽ nắm địa vị then chốt trong guồng máy chánh quyền ở Sài Gòn. Là người kỹ sư đầu tiên từ MIT về làm việc với nhóm đồng nghiệp như vậy thực không phải dễ dàng. Tôi thường phải tiếp xúc với nhân viên và cấp chỉ huy của Nhà Máy Đường Hiệp Hòa và Nhà Máy Lọc Đường ở Khánh Hội gần thương cảng Sài Gòn. Toàn thể nhóm lãnh đạo tại hai nơi đó đều tốt nghiệp từ các đại học Pháp còn ông Polton, Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, là cựu sinh viên của trường nổi tiếng École Polytechnique ở Ba lê. Làm việc trong một môi trường nhiều ganh đua như vậy, tôi phải rất thận trọng mỗi khi lấy quyết định để tránh rơi vào trường hợp bị chỉ trích của tập thể vốn không mấy thiện cảm. Tuy nhiên, nhìn qua lăng kính tích cực, sự ganh đua này lại giúp tôi trở thành một kỹ sư giỏi và bén nhọn hơn.

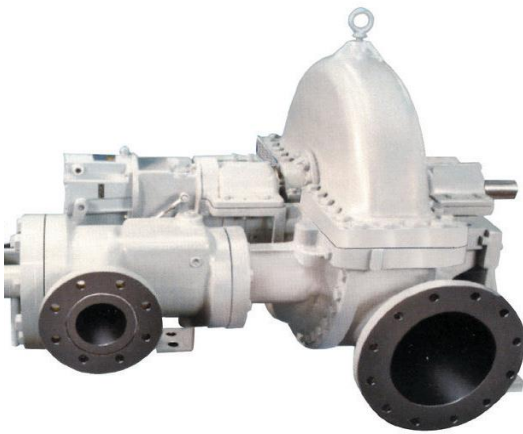


Cảnh chụp khu nhà máy đường Hiệp Hòa

Trong bức không ảnh trên, Nhà Máy Đường Hiệp Hòa là những căn có mái nhà hình chữ nhật màu trắng ở giữa tấm hình. Nhà máy nằm phía bắc con sông Vàm Cỏ. Khối màu xanh đậm có cây bao bọc là khu gia cư của nhân viên. Con kinh thẳng đường chảy kế bên còn phần màu xám nằm ngang là sông Vàm Cỏ một trong những thủy lộ của miền Nam. Những đường thủy được dùng làm đường chuyên chở rẻ tiền đem mía tới nhà máy.

Ch.12 - Những Nguy Nan Của Chương Trình Kỹ Nghệ Hóa Trong Thời Chiến

Trong mùa mía, kéo dài từ tháng 11 tới tháng 5, lượng mía thô được lên tới 400,000 tấn đủ để sản xuất khoảng 40,000 tấn đường thô. Cả ngàn mẫu ruộng mía bao quanh nhà máy. Vùng này chỉ cách biên giới với Cao Miên 15 cây số và bị Việt Cộng xâm nhập nghiêm trọng.



Máy tua-bin/turbine tân tiến thay thế cho máy pit-tôn hơi nước cổ với bánh xe trốn khổng lồ



Máy ép mía với tua-bin/turbines và hộp số



Mía được đưa vào nhà máy



Sông Vàm Cỏ gần Nhà Máy Đường Hiệp Hòa. Những làng nơi đây bị Việt Cộng xâm nhập trong những năm 1960-75



Sông Vàm Cỏ Tây gần Nhà Máy Hiệp Hòa với những hố bom do máy bay B-52 rải khắp đồng



Đoàn tàu tiếp liệu từ bến cảng Sài Gòn tới nhà máy được quân đội hộ tống



Bom nổ gần nhà máy



Đồn điền mía ở Hiệp Hòa



Cây mía cao từ 2.4 tới 3 thước. Máy bay Cessna tôi đi bị bắn từ một ruộng mía như vậy

Như đã nói ở trên, chỉ có thể dùng xà-lan để chuyên chở các máy móc của nhà máy trên sông Vàm Cỏ vì các chiếc cầu từ bến cảng Sài Gòn tới Nhà Máy Đường Hiệp Hòa không chịu nổi sức nặng hay rớt kết bần chìm xà-lan. Chúng cũng có thể đặt mìn gần những làng mạc do chúng kiểm soát lúc ban đêm. Mỗi ngày mạng sống của tôi thường bị đe dọa. Nhờ tài liệu của CIA được giải mật, rõ ràng là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã đặt bản doanh của họ trên phần đất Cao Miên bên bờ sông Vàm Cỏ đối diện với Nhà Máy Đường Hiệp Hòa. Chúng được chánh phủ Cao Miên che chở.

Là Giám đốc Kỹ thuật, tôi thường phải đi từ văn phòng ở Sài Gòn tới thăm nhà máy trong tình trạng không an toàn như vậy.



Giang thuyền của Hải Quân Hoa Kỳ bảo vệ nhà máy Hiệp Hòa



Giang thuyền của Hải Quân Hoa Kỳ / U.S. Naval ATSB [Advanced Tactical Support Base] bảo vệ nhà máy Hiệp Hòa



*Con sông Vàm Cỏ uốn lượn từ Sài Gòn
tới Nhà Máy Hiệp Hòa*

Tài liệu của Quân đội Mỹ dưới đây cho thấy một cách trung thực tình trạng an ninh trong vùng "nóng bỏng" này (bản dịch).

HIỆP HÒA

"...Vùng khuếch trương kỹ nghệ này chẳng bao lâu sau biến thành vùng hành quân tác chiến. Và vào cuối tháng 10, 1963, hệ thống nhận thêm trách nhiệm kiểm soát vùng biên giới [với Cao Miên]..."

"...Căn cứ Lực Lượng Đặc Biệt, Hiệp Hòa nằm ở địa điểm chiến lược ngay phía bắc của Highway TL7A và đông của sông Vàm Cỏ Đông trong khu đông dân cư và vùng sông Đồng Tháp Mười cách Sài Gòn hơn 35 cây số về phía tây-tây bắc và cách Tây Ninh gần 39 cây số về phía nam-đông nam. Nó cũng cách biên giới Việt/Miên khoảng 18 cây số về phía đông và vùng tập hợp quân nổi tiếng "Mỏ Vẹt" của Việt Cộng. Căn cứ này đo hai chiều 125 X 100 thước được xây trên một bờ sông có dây kẽm gai bao quanh. Nó được bảo vệ bằng đại liên 30 ly đặt tại bốn góc và hai khẩu súng cối 81 ly bố trí gần các cửa chánh. Có làng mạc, đồn điền mía và ruộng lúa nằm chung quanh.

"...HIỆP HÒA - Từ ngày di chuyển tới vùng Hiệp Hòa gần Nhà Máy Đường, lực lượng phối hợp gồm 2nd Battalion, 27th Infantry, Wolfhounds, tiểu đội trinh sát và Địa Phương Quân của họ (Phía Việt Nam) chúng tôi đã là cái gai góc đối với kẻ thù trong nỗ lực di chuyển người và tiếp liệu của chúng từ các địa điểm tập hợp quân của chúng nằm sâu bên Cao Miên. Trong hoạt động gần đây tại miền tây-nam của Fire Support Base Dixon, lực lượng phối hợp đã hạ bốn lính NVA (chính quy Bắc Việt) và khám phá một kho súng nhỏ dường như chúng có nhiệm vụ canh gác. Dựa vào tin tình báo có bảy lính NVA ở trong vùng, quân đồng minh bắt đầu lùng xét ở phía nam của FSB Dixon. "Chúng tôi chưa di chuyển được bao xa thì lính đi tiên phong đã nhận ra hai người biến mất vào một cái hố, Trung úy Robert Barclay từ Chamblee, Ga. nhớ lại "Trong lúc chúng tôi đang tiến gần tới vị trí của họ thì một trong hai người đó ném một trái lựu đạn từ trong hố ra." "Tôi la lớn "lựu đạn" và mọi người nằm xuống. May mắn thay, trái lựu đạn không nổ. Trong khi binh lính của tôi dùng súng nhỏ giữ không cho chúng nhô lên, tôi bò tới và ném một trái lựu đạn vào trong hố." Chúng tôi kiếm được, ngoài hai xác ra, còn có hai khẩu AK-47, một súng phóng lựu B-40 và sáu rốc két, một lựu đạn loại Chicom, vài đạn AK và một số thực phẩm. Sau khi nghỉ để ăn, quân lính tiếp tục di chuyển. Lần này chúng tôi nhận ra một lỗ thông hơi nhô trên mặt đất. "Sau khi thấy cái lỗ thông hơi, chúng tôi ném vào đó một trái lựu đạn khói để coi xem còn một lỗ nào khác không," Trung úy Mark Davis từ San Antonio, Tex. giải thích "Khi thấy khói thoát ra từ lỗ thông hơi khác, chúng tôi khởi sự tiến tới gần thì hai tên NVA ló lên và khai hỏa với súng AK." Cũng như lần trước, quân địch bị loại bằng một trái lựu đạn. Lần này chúng tôi lấy được hai khẩu AK, một số đạn dược súng nhỏ và băng đạn..."

Vào năm 1963, ông Trương Văn Tố, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, và tôi đi thăm nhà máy để quan sát những công trình xây cất mới nhứt của dự án hiện đại hóa. Chúng tôi đi trên chiếc xe Peugeot 403 bốn cửa và tin chắc Việt Cộng sẽ cố gắng ám hại chúng tôi để gây tiếng vang trong giới báo chí và chánh trị. Để được an toàn, chúng tôi tới gặp viên Trung tá Quận Trưởng quận Đức Hòa tại văn phòng của ông để xin hộ tống trong chặng nguy hiểm của cuộc hành trình. Ông Quận Trưởng cho một chiếc xe nguy trang xe buýt dân sự chở lính mang đầy đủ súng ống để bảo vệ chúng tôi. Khi chúng tôi ra khỏi thành phố, con đường đá ong đỏ bị Việt Cộng đào tại nhiều nơi trong đêm trước. Một dấu hiệu không mấy tốt! Chúng tôi phải chạy chậm lại với tốc độ 8 cây số một giờ. Tại một khúc quanh, cách chúng tôi khoảng 6 thước, ba nông dân mặc bà ba đen thình lình từ ruộng mía đứng thẳng lên xả súng vào chúng tôi. Nhờ Thượng Đế, họ bắn trật và liền sau đó bị binh lính trong đoàn hộ tống bắn trả và loại ra khỏi vòng chiến. Tôi thực sự bị mất hồn khi thấy mình gần kề với sự chết như vậy. Đó cũng là lần đầu trong đời tôi chứng kiến tận mắt cảnh giết chóc. Tôi đi theo lính để lục soát ba người Việt Cộng và chúng tôi thấy được những hình chụp của Hồ Chí Minh, gia đình họ, và tài liệu tuyên truyền trong túi của họ.



Hình chụp một binh lính xét thẻ kiểm tra của nông dân mặc bà ba đen.

Vấn đề là bất cứ nông dân nào cũng có thể là Việt Cộng nguy trang. Đoàn xe nhỏ của chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình tới nhà máy an toàn. Trên đường về, tôi rất lo sợ bị Việt Cộng trả thù. Sau vụ phục kích đó, tôi quyết định cho xây một phi đạo dài 800 thước bên cạnh nhà máy để cho nhân viên di chuyển an toàn. Phi đạo được xây bằng đá ong nện.

Tất cả các cấp chỉ huy đều phải di chuyển bằng phi cơ nhằm tránh bị bắt cóc. Máy bay cánh quạt bốn chỗ ngồi hiệu Cessna của Hàng Không Việt Nam được dùng để chuyên chở họ. Vào ngày trả lương, trụ sở ở Sài Gòn chỉ cần cho ném một bọc đựng đầy tiền lương xuống phi đạo để khỏi lo bị phục kích nếu dùng đường bộ.



Con sông Vàm Cỏ gần Hiệp Hòa



Dân địa phương giả bộ đi câu tập thể để tiếp tế cho Việt Cộng

Cảnh yên bình này lại là nơi xảy ra nhiều phục kích thảm khốc dọc hai bên bờ sông.



Ghe chở mía tới nhà máy Hiệp Hòa trên sông Vàm Cỏ

Sau ba năm làm việc ở Công Ty Đường Hiệp Hòa tôi học hỏi được gì?

Tôi đã hai lần suýt mất mạng: một lần trên không và một lần trên đường bộ. Thành công của tôi tùy thuộc nhiều vào sự cộng tác của quân đội vì có quá nhiều trở ngại vượt khỏi tầm kiểm soát của tôi.

Tôi may mắn gặp nhiều người trở thành bạn tốt cho suốt đời mình. Họ giúp đỡ tôi trong lãnh vực về điện vì tôi chỉ quen thuộc với khía cạnh kỹ thuật cơ khí mà thôi. Ông Hồ Tấn Phát Tổng Giám đốc Công Ty Điện Lực Việt Nam và ông Nguyễn Văn Dâu, người cộng tác rất giỏi, đã giúp tôi giải quyết những khúc mắc về điện. Anh Phát, anh Dâu và tôi trở thành bạn tâm giao từ ngày làm việc chung trong dự án Hiệp Hòa. Một trong những phần thưởng quý đẹp nhất của tôi là toàn thể các kỹ sư đào tạo ở Pháp tại công ty Đường sau đó đã trở thành bạn lâu dài của tôi mặc dầu có sự ganh đua lúc ban đầu. Thành quả này tùy thuộc phần lớn vào việc giao tế cũng như là tinh thần làm việc đồng đội.

Kinh nghiệm ở Công Ty Đường Hiệp Hòa là một cảnh giác giúp tôi thấy rõ khía cạnh phức tạp cũng như tầm vóc hệ trọng của những thử thách miền Nam đang gặp phải trong lãnh vực kỹ nghệ hóa giữa cuộc chiến điều tàn. Khi đó, tôi thấu hiểu được là cuộc sống thoải mái và vô tư khi làm việc với công ty khổng lồ Mỹ ESSO là không đúng cách, ích kỷ đối với một chuyên viên được đào tạo lành nghề như tôi sống giữa một đất nước đang chìm đắm trong khói lửa tàn khốc. Đó chính là lý do tôi rời bỏ Công Ty Đường Việt Nam để phục vụ chánh phủ hầu có thể trở nên hữu ích hơn cho xứ sở với kiến thức chuyên môn tôi học hỏi ở MIT. Tôi thực sự đã dốc hết sức lực làm việc suốt mười năm sau đó trong các chức vụ Giám Đốc Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ, Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ, và Thứ Trưởng Thương Mại và Kỹ Nghệ. Câu chuyện “Đông gặp Tây” của tôi tiếp tục diễn tiến trong chiến tranh tại miền Nam Việt Nam để rồi đột ngột chuyển qua tiểu bang thanh bình Golden State bên Hoa Kỳ.

Chương 13

Khai Khẩn Dầu Hỏa Ngoài Khơi

Việt Nam Có Nhiều Tiềm Năng Khai Thác Dầu và Khí Đốt Ngoài Khơi



Công cuộc khai thác dầu hỏa tại Việt Nam đã bắt đầu từ năm 1968 dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa và được ghi lại trong hai tài liệu sau đây được xem như có giá trị lịch sử và văn khố.





Nguyệt san

Quản trị xí nghiệp

Diễn đàn của Quản trị gia Việt-Nam

Chịu trách nhiệm: Kỵ sư KHƯƠNG HỮU ĐẾU - Quản lý: Đại tá ĐẶNG QUỐC CỜ

Là Thư Tòa Soạn :

DẦU HÒA TẠI VIỆT-NAM

Trong khoảng thời-gian gần đây, tin tức về việc tìm-khai và khai-thác dầu-hóa đã trở thành quan-thuộc đối với hầu hết mọi người tại Việt-Nam. Tên giàn khoan OCEAN PROSPECTOR mà Công ty Pecten đang sử dụng để khoan những giếng dầu-tiền trong lỗ đặc-nhượng tại thềm lục địa Việt-Nam đã được các báo liên-tục nhắc đến. Và người ta cũng được biết trong tương-lai gần, những Công-ty khác như MOBIL, ESSO, SUNNING-OILE... sẽ khởi công việc khoan giếng dầu.

Những điều đã được xác-nhận về dầu hỏa tại Việt-Nam cho đến nay có thể được tóm lược như sau: các vết dầu đã được tìm thấy khi khoan, dầu này là loại có phẩm-chất tốt, và lớp đá giữ dầu được các chuyên-viên cho biết là loại thuận tiện cho việc khai-thác.

Từ những yếu-tố trên, chúng ta có thể khẳng-định rằng việc sản-xuất dầu hỏa tại thềm lục-địa Việt-Nam chỉ còn là vấn-đề thời-gian. Trong số này Nguyệt-San Quản-Trị Xí-Nghiệp xin cung-hiến độc-giả một số những tin tức rằng như những chỉ-cốt kỹ-thuật liên-quan đến việc tìm-khai dầu hỏa, không ngoài mục-đích để chúng ta cũng có một nhận-định rõ-ràng hơn vấn-đề, hầu chuẩn-bị kịp-thời cho tương-lai.

NS/QTXN

Ban Biên-Tập

NGUYỄN ĐĂNG KHÔI
HUỖNH HỮU HÂN
CHU TAM CƯỜNG
NGUYỄN QUANG PHONG

ĐIỀU HÀNH:
NGUYỄN DUY TƯỜNG
NGUYỄN NGỌC DIỄN

Bộ V số 4 Ngày 16 tháng 11-1974

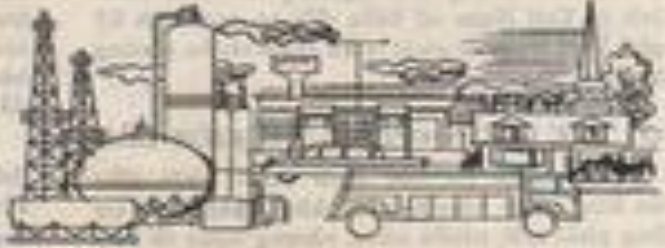
TRONG SỐ NÀY : *Trang*

- Vấn đề có dầu hỏa và nền kinh tế Việt Nam (KS. Khương Hữu Đếu, Tổng Giám-Đốc Ngân-Hàng Phát-Triển Kỹ-Nghệ VN) 5
- Dầu hỏa và quyền lợi quốc gia (Tài liệu của Công-Ty SHELL Việt Nam) 9
- Tình hình kinh tế dầu hỏa trên thế giới (Tổng-Cục Dầu-Hóa và Khoáng-Sản) 15
- Luật Biển và Thềm Lục-Địa (KS. Trần Văn Khôi, Tổng-Cục Trưởng Dầu-Hóa và Khoáng-Sản) 18
- Nguồn lập dầu hỏa đầu tiên tại Việt Nam (Phí Lê Sơn, Kỹ-Sư Dầu-Hóa) 35

Thư nò xin gửi về: Ô. Quản-Lý, NS/Q.T.X.N. - 35-37, Bến Chương-Dương - Saigon 2, Đ.T. - 94.243

Trong Nguyệt San *Quản Trị Xí Nghiệp* số tháng 10 năm 1974, tôi có viết một bài về *Viễn tượng có dầu hỏa và nền kinh tế Việt Nam (Petroleum Prospect and the Economic Development in Vietnam)*

VIỄN TƯỢNG CÓ DẦU HỎA VÀ NỀN KINH TẾ VIỆT NAM



KS. KHƯƠNG HỮU ĐIỀU
Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát Triển Kĩ Nghiệp Việt Nam

**PETROLEUM PROSPECT AND THE
ECONOMIC DEVELOPMENT IN
VIETNAM**

The drill bit from the Rose IX well has revealed the existence of oil on the continental shelf of Vietnam. This news has brought about a hopeful prospect for the Vietnamese people. One starts thinking of a bright future for the economy of Vietnam.

However, in finding the importance of oil production to the national economy, we may temporarily assume that there will be enough oil to be exploited commercially in order to figure out how the economy of Vietnam will change and in what direction the Vietnamese industries will be developed?

In this article, Mr. KHƯƠNG-HỮU-ĐIỀU, President of The Industrial Development Bank of Vietnam, presents the impacts of petroleum resource and economy of Viet Nam.

Một khoan Hoa Hồng 9 và kết quả xác nhận dầu vết của sự hiệp hữu dầu hỏa tại thềm lục địa Việt Nam đã đem lại một nguồn hy vọng tràn trề cho người dân Việt-Nam. Người ta đã bắt đầu mơ tưởng tương rất nhiều về một tương lai rực rỡ cho nền kinh tế Việt-Nam.

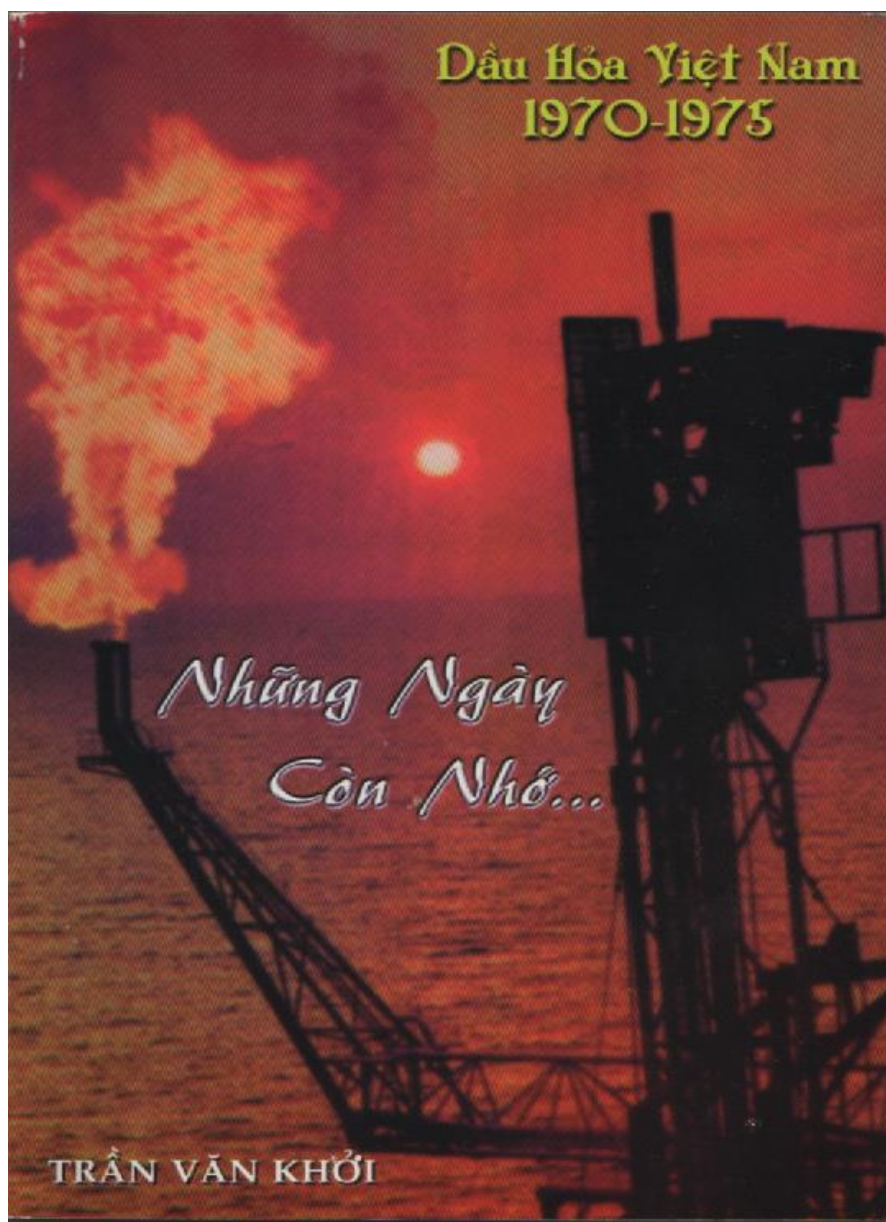
Thật vậy, chưa bao giờ người ta lại nhận thực được sức mạnh của dầu hỏa hơn lúc này, sau khi đã chứng kiến cuộc khủng hoảng năng lượng tạo ra bởi các quốc gia sản xuất dầu Á Đập trong thời gian vừa qua.

Sau kết quả khích lệ của mũi khoan đầu tiên, công ty Petkim đã tiếp tục với mũi khoan thứ hai và dấu hiệu tới nay cũng cho thấy rất khả quan. Bây giờ thì mọi người đều cho rằng không còn nghi ngờ gì nữa về việc Việt Nam có dầu hỏa. Kết luận này thì nhiên là quá vội, vì có dấu vết hiệp hữu của dầu hỏa không nhất thiết là có đủ điều kiện để khai thác thương mại. Tuy vậy, để biết được tầm quan trọng của việc sản xuất dầu hỏa đối với nền kinh tế quốc gia, chúng ta hãy tạm giả thử rằng Việt Nam có dầu khai thác được

NSQTXN -- 7/4

3

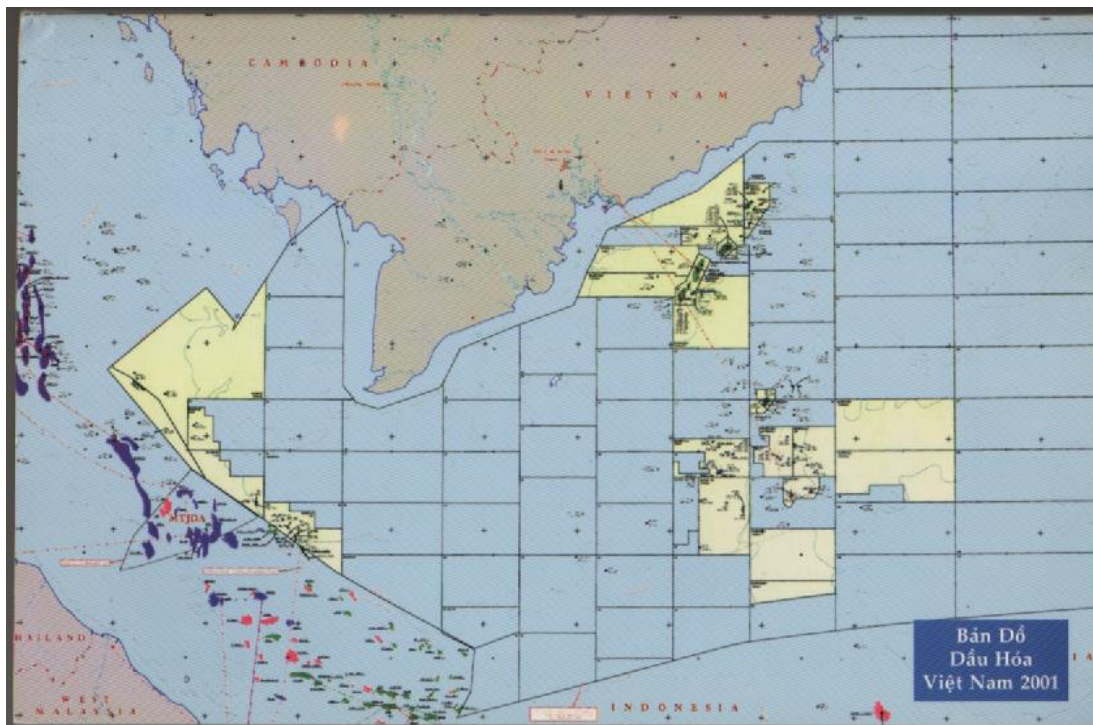
Tài liệu thứ hai là quyển *Dầu hỏa Việt Nam 1970-1975* của Kỹ sư Trần Văn Khởi, Tổng cuộc trưởng Tổng Cuộc Dầu Hỏa Và Khoáng Sản ghi lại tiến trình cuộc khai thác dầu hỏa và khí đốt của Việt Nam Cộng Hòa.



Công cuộc khai thác dầu khí tại Việt Nam Cộng Hòa bắt đầu với sự hợp tác của cơ quan CCOP. Năm 1966, CCOP (Coordinating Committee for Offshore Prospecting in Asia) được thành lập bởi Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn và Phi Luật Tân với sự đỡ đầu của ESCAP (Economic and Social Commission for Asia and the Pacific) và Liên Hiệp Quốc. Đến năm 1987, CCOP trở thành một tổ chức liên quốc gia độc lập dựa trên căn bản đồng thuận giữa các quốc gia hội viên và những nguyên tắc của Liên Hiệp Quốc, đặt trọng tâm vào việc phối hợp các hoạt động khoa học liên quan tới miền duyên hải và ngoài khơi như địa vật lý/

geophysical, khảo sát/ surveys, sưu tập bản đồ cấp vùng/ map compilations, phát triển cơ sở dữ liệu/ database, phát triển nguồn nhân lực/ development of human resources và chuyển nhượng kỹ thuật hiện đại/ transfer of state of the art technology.

Năm 1968, theo lời mời của tôi với tư cách Thứ Trưởng Bộ Kinh Tế, CCOP gởi một nhóm chuyên gia xuất sắc của London Imperial College tới Sài Gòn để cộng tác với Dự Án Thăm Dò Ngoài Khơi của Việt Nam. Lúc ấy, Việt Nam cũng là hội viên của CCOP trong khi các quốc gia như Anh, Đức và Hòa Lan yểm trợ về tài chánh và kỹ thuật.



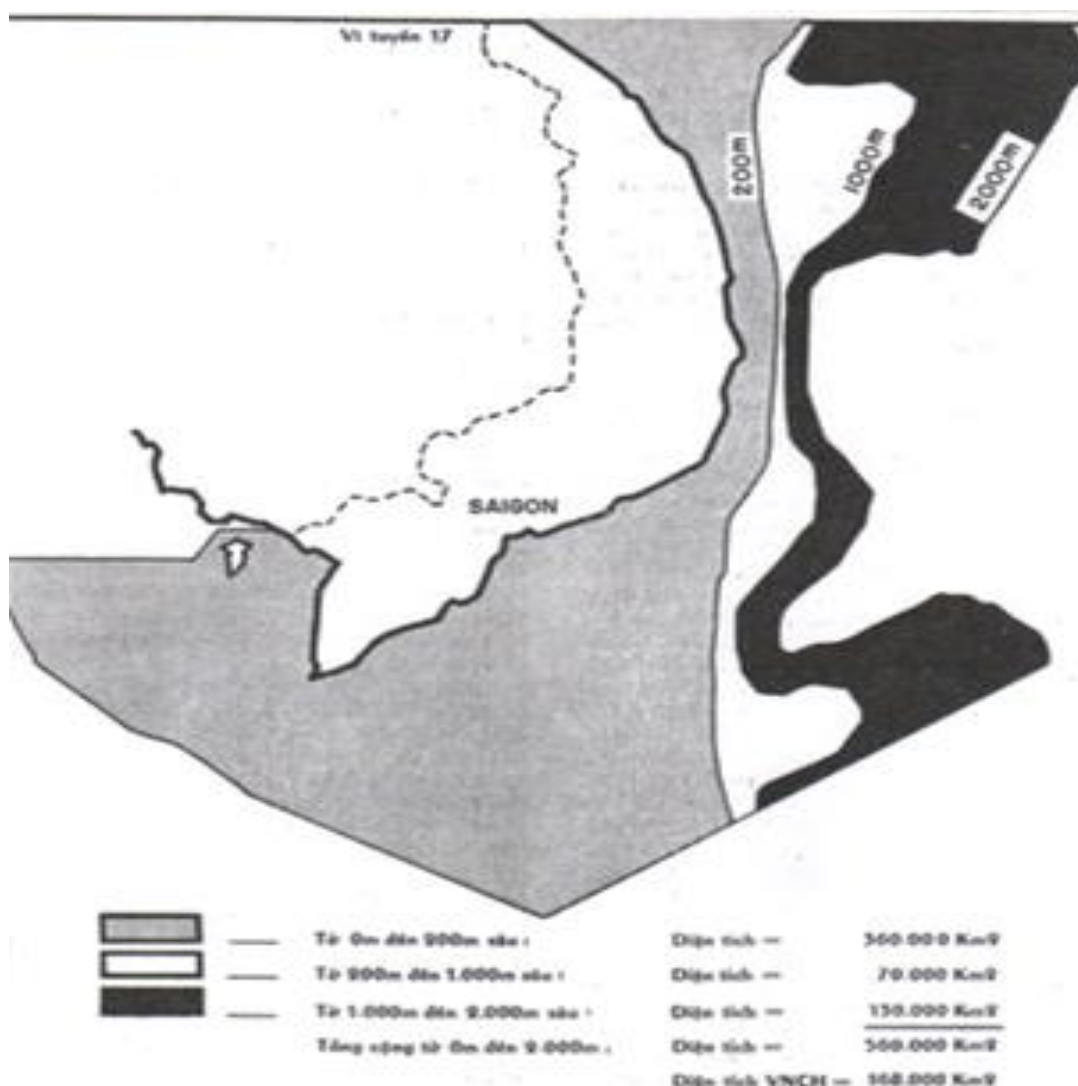
Bản đồ các giếng dầu ngoài khơi Việt Nam năm 2001

Văn phòng làm việc cho nhóm chuyên gia này được đặt ở Majestic Hotel trên đường Tự Do. Họ cần 10 000 kg chất nổ và hai chiếc tàu đi biển để khảo sát địa chấn của thềm lục địa Việt Nam trong hai tháng. Tôi đích thân gặp vị Tư Lệnh Hải quân Việt Nam là Đô Đốc Trần Văn Chơn để trình bày tầm quan trọng của dự án và những yêu cầu về kỹ thuật của nhóm chuyên viên quốc tế này. Hải Quân Việt Nam chấp thuận sự hợp tác tối đa bởi lẽ việc khám phá dầu khí thật quan trọng, đúng ra là tối cần thiết cho sự sống còn của nền kinh tế Việt Nam, nhứt là một quốc gia trong thời chiến.

Tôi nhận trách nhiệm phối hợp với nhóm quân nhân của kho đạn Thành Tuy Hạ nằm ở ngoại ô Sài Gòn để chuyên chở chất nổ tới tàu hải quân. Việc di chuyển của đoàn quân xa chở đầy chất nổ từ kho đạn đi qua trung tâm thành phố Sài Gòn để tới hai chiếc tàu thật bất trắc và phức tạp vì nguy cơ có thể bị cộng sản phá hoại. Đoàn xe có quân cảnh hộ tống đi tới bến tàu an toàn. Để đánh dấu ngày lịch sử này, đô đốc Chơn mời tôi cùng ông tham

dự lễ tiễn đưa hai chiếc tàu có đủ hàng quân danh dự và dàn quân nhạc tại bến tàu Sài Gòn. Chúng tôi cảm thấy thật may mắn và hãnh diện được đóng góp phần nào vào công cuộc thăm dò dầu khí đầu tiên của Việt Nam. Để tỏ thiện chí, tôi gửi hai thùng Johnny Walker Black Label để đoàn chuyên viên uống mừng trong hải trình của họ kéo dài khoảng hai tháng.

Các chuyên viên dầu khí cho tôi biết là thay vì chỉ dùng mỗi lần 100 kg chất nổ như trên các tàu dân sự, nhưng với tàu chiến có vỏ thép dày hơn họ sẽ dùng 200 kg. Nhờ vậy, việc ghi lại làn sóng phản xạ/reflection và khúc xạ/refraction xuyên qua các lớp trầm tích và đá sẽ được chính xác hơn trong việc khảo cứu thềm lục địa. Tin mừng là kết quả thu nhận được cho biết lớp trầm tích ở hai phía Sài Gòn và Mã Lai của Sài Gòn Sabu Basin tương tự giống nhau. Các loại đá và thảo mộc dưới đáy biển cũng y hệt nhau. Đây là điều đáng khích lệ vì dầu khí bên phía Mã lai đã được khai thác trước đó nhiều năm rồi.



Chiều sâu đo bằng mét của thềm lục địa Việt Nam

Trong một tiệc khoản đãi buổi tối tại Majestic Hotel, tôi ngồi cạnh ông giám đốc của Massachusetts Wood Hole Oceanographic Institute. Ông này là hội viên của nhóm ECAFE (The United Nations Economic Commission for Asia and the Far East) có nhiều kinh nghiệm về việc khai khẩn dầu khí ở giai đoạn đầu. Tôi hỏi ông về tiềm năng dầu khí của vùng Saigon Sabu Basin, về phía của Việt Nam. Lúc đầu ông còn do dự không cho tôi một con số phỏng đoán nào. Sau khi tôi nài nỉ và hứa sẽ không tiết lộ lời chia sẻ của ông thì ông nói nhỏ: “độ 10 tỉ thùng” dựa vào những gì ông nhận thấy ở vùng địa chất tương tự nơi phía Borneo Sabu. Ông nhắc đi nhắc lại là tôi không được tiết lộ bất cứ con số nào cho báo chí đang đói tin. Tôi vô cùng phấn khởi và thầm nghĩ nếu được như vậy thì tương lai Việt Nam sẽ có nhiều triển vọng. Với một nguồn tài nguyên đáng giá như vậy, người Mỹ sẽ không thể bỏ rơi miền Nam vào tay cộng sản. Nhưng miền Nam không có đủ thời gian, bởi lẽ cần phải vài năm mới đặt xong một số dàn khoan cần thiết để có thể chuyển từ giai đoạn thăm dò qua giai đoạn khai thác. Cộng sản tiếp tục gia tăng cường độ xâm lăng miền Nam trong khi Quốc Hội Hoa Kỳ quyết định cắt ngân khoản viện trợ vào những tháng cuối cùng cho đến khi miền Nam kiệt lực phải buông súng. Chuyện khai thác dầu khí của chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa chỉ là một giấc mơ.



Viếng thăm dàn khoan của Vietnam Shell Oil năm 1974.

Từ trái qua phải:

Ông Hồ Tấn Phát, Tổng Giám Đốc Công ty Điện lực Việt Nam

Ông Trần Văn Khởi, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Dầu Khí và Khoáng Sản

Ông Đại Sứ Trung Hoa Dân Quốc tại Việt Nam

Ông Đại Sứ Nguyễn văn Kiếu, Đại sứ Việt Nam tại Trung Hoa Dân Quốc

Ông Khương Hữu Điểu, Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam

Chuyên viên dầu khí của Shell

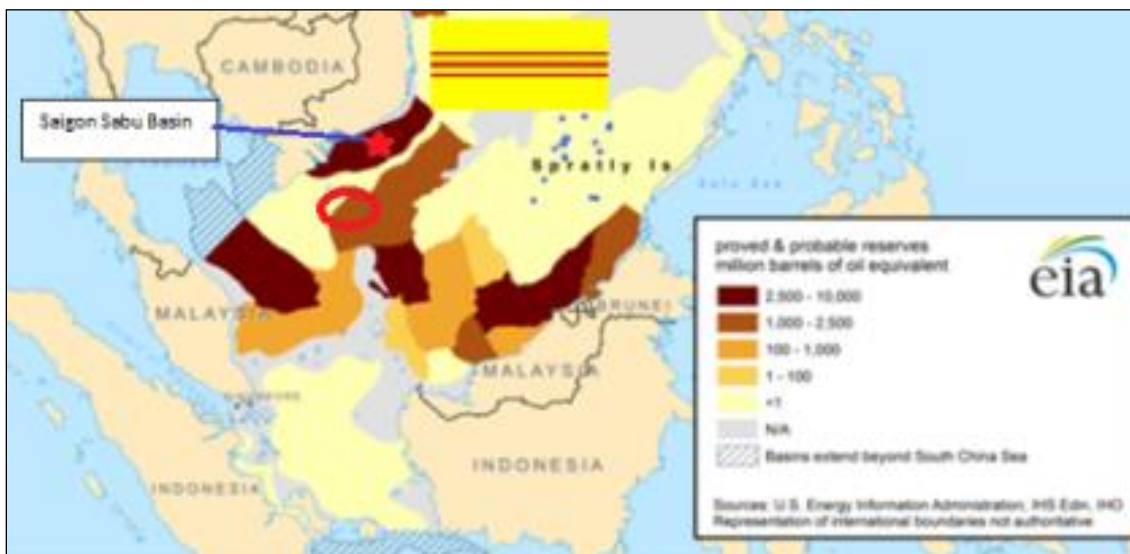
Cho đến ngày 30 tháng tư 1975, tôi là Chủ Tịch Nhà máy lọc dầu liên doanh Vietnam-Shell-Esso. Tôi rất hãnh diện đem trưng bày một lọ dầu thô trong phòng làm việc của tôi như một biểu tượng của niềm hy vọng cho nền kinh tế Việt Nam.

Chúng tôi quyết định không xây nhà máy lọc dầu tại Quảng Ngãi vì các nghiên cứu khả thi cho thấy việc đặt nhà máy lọc dầu tại Dung Quất trái ngược với những tiêu chuẩn kinh tế. Tại địa điểm đó, không có một thương cảng nào. Ngược lại, hải cảng tại đó có nhiều vấn đề như quá nhỏ và không đủ trang bị để cất dỡ máy móc dụng cụ nặng cho nhà máy lọc dầu. Thêm nữa, con đường nối liền hải cảng với nhà máy lại khó sử dụng vì quá xấu. Ngoài ra, chúng tôi không thể xây một nhà máy lọc dầu trị giá hàng tỉ Mỹ Kim để thấy nó bị thiêu rụi bởi một trái rốc két chỉ đáng giá 1.000 Mỹ Kim. Thật đáng tiếc là viễn tượng một miền Nam Việt Nam thịnh vượng đã biến thành một cơn ác mộng với cuộc xâm lăng của cộng sản vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.



Máy khoan dầu đầu tiên được lắp vào trục, trên giàn Ocean-Prospector, tại thềm lọc dầu Việt Nam, lúc 14g30, ngày 17.8.1974.

Máy khoan dầu đầu tiên của Việt Nam đặt trên dàn khoan Ocean-Prospector Platform đã tìm được dầu vào lúc 14:10, ngày 17 tháng 8 năm 1974.



Những nơi thăm dò dầu tiên

Mặc dù Việt Nam Cộng Hòa đã đặt nền tảng cho cuộc khai thác dầu hỏa, nhà nước cộng sản phải mất 34 năm mới xây xong một nhà máy lọc dầu đầu tiên, nhưng lại bị đặt ở một địa điểm và một năng xuất không thích hợp.

Cả thế giới đều biết nhà cầm quyền Việt Nam chấp thuận việc xây nhà máy lọc dầu hoàn toàn dựa trên lý do chánh trị. Họ phải đặt nhà máy tại Quảng Ngãi vì đó là nơi chôn nhau cắt rún của lãnh tụ Phạm Văn Đồng. Ông là thành viên sáng lập của Đảng Cộng Sản Đông Dương năm 1930 và làm Thủ tướng của Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam trong ba thập niên.

Theo dự tính, dự án nhà máy lọc dầu được khởi công trong thập niên 1980. Lúc đầu, địa điểm được chọn là Vũng Tàu chỉ cách các giếng dầu ngoài khơi 100 cây số. Tuy nhiên, dự án đó bị loại bỏ. Vào khoảng đầu thập niên 1990, công ty Total SA (Pháp Quốc) tham gia vào dự án nhưng đến năm 1995, Total SA rút ra khỏi dự án viện lẽ địa điểm mới là Dung Quất không phù hợp với tiêu chuẩn kinh tế. Sau đó, Total SA được thay thế bởi một nhóm nhà đầu tư ngoại quốc kể cả LG Group and Petronas. Nhưng rồi họ rút ra hai năm sau đó cũng vì lý do kinh tế.

Qua năm 1998, công ty liên doanh Viet Ross được thành lập giữa Việt Nam và Nga. Hai chánh phủ ký kết giao kèo xây cất và điều hành nhà máy vào ngày 25 tháng 8 năm 1998. Hợp đồng thiết kế kỹ thuật tiên khởi loại FEED (Front End Engineering Design) được các công ty PetroVietnam, Zarubezhneft và Foster Wheeler Energy ký kết sau đó. Lúc đầu, công trình xây cất nhà máy lọc dầu Dung Quất được dự tính khởi công trong năm 2000 nhưng bị trì hoãn nhiều lần. Tới ngày 25 tháng 12 năm 2002, Nga cũng lại rút lui vì lý do kinh tế đưa tới việc công ty nhà nước PetroVietnam đứng ra một mình điều hành dự án. Cuối cùng, lễ khánh thành nhà máy được tổ chức ngày 25 tháng 2 năm 2009, tức 34 năm sau ngày chấm dứt chiến tranh. Việc trì hoãn dự án và quyết định xây tại một địa điểm không thích hợp đã gây ra thiệt hại tài chánh lâu dài cho quốc gia. Bằng chứng là chi phí dự án đã gia tăng từ 1,3 tỷ tới 3 tỷ Mỹ Kim.

Trong hơn 30 năm, nhà cầm quyền cộng sản liên tục xuất cảng dầu thô trong lúc phải hao tổn ngoại tệ nhập cảng sản phẩm dầu tinh chế như dầu diesel và xăng nhớt với giá cao. Họ nhận thấy nhu cầu cần xây nhà máy lọc dầu cho chương trình phát triển trong nước nhưng đã tỏ ra bất lực khi phải thực hiện việc này.

Nhà máy lọc dầu Dung Quất nằm cách giếng dầu Bạch Hổ (White Tiger) ngoài khơi miền Nam 1.000 cây số. Điều này khiến chi phí chuyên chở dầu thô và sản phẩm dầu tinh chế gia tăng. Có lẽ họ sẽ phải xây thêm một đường ống dẫn dầu để giải quyết vấn đề hậu cần về lâu về dài. Địa điểm nhà máy cũng nằm xa các trung tâm kinh tế như Sài Gòn và Hà Nội. Sản phẩm dầu tinh chế sẽ được phân phối như sau: 60% đi Sài Gòn, 30% đi Hà nội và chỉ 10% được tiêu thụ tại địa phương mà thôi. Phải đợi tới năm 2011, nhà nước cộng sản Việt Nam mới chịu thú nhận họ đã sai lầm khi xây nhà máy lọc dầu đầu tiên của PetroVietnam.

Đinh La Thăng chủ tịch PetroVietnam, đã tuyên bố với Vietnam News là việc đầu tư vào các nhà máy lọc dầu trong tương lai sẽ phải rút tĩa bài học từ Dung Quất.



Địa điểm những nhà máy lọc dầu tương lai tại miền Bắc và Nam trong nước.

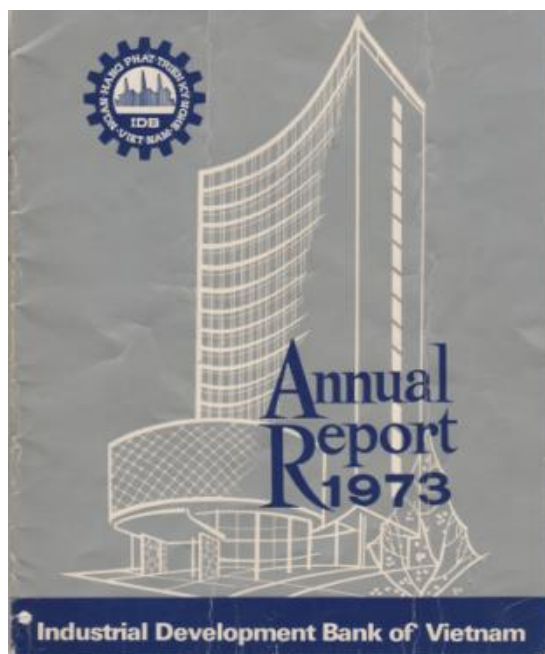


Nhà máy lọc dầu Dung Quất



Chương 14

Thiết Lập Hạ Tầng Cơ Sở Kỹ Nghệ Trong Thời Chiến 1964-75



Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ nền tảng của phát triển kinh tế VN

Từ năm 1961, chiến cuộc leo thang khiến tôi rời công ty tư Esso và đi làm cho chánh phủ để được hoãn dịch. Lúc đầu tôi gia nhập Công ty Đường Việt Nam, một hợp doanh lớn của chánh phủ và người Pháp. Sau đó tôi chuyển qua làm việc tại Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ (TTKTKN) và SONADEZI (Société Nationale de Développement des Zones Industrielles). Con đường sự nghiệp của tôi gặp một khúc quanh quan trọng vào đầu năm 1966, khi anh Âu Trường Thanh mời tôi cộng tác.

Trước khi nhắc đến chuyện đời tôi, tôi không thể nào không nói đến những đóng góp quan trọng của nhà kinh tế lỗi lạc này cho Việt Nam Cộng Hòa, đặc biệt kỳ công của anh làm chậm lại nạn lạm phát phi mã đe dọa nền kinh tế miền Nam kéo thêm bất ổn xã hội cho một đất nước đang chìm đắm trong chiến tranh.



Au Trường Thanh

Anh Au Trường Thanh tốt nghiệp bằng Tiến Sĩ Quốc Gia ngành kinh tế học tại Đại Học Sorbonne vào thập niên 1950. Sau khi về nước, anh dạy kinh tế học ở Đại học Luật Khoa. Anh tham chánh với chức vụ Bộ Trưởng Kinh tế trong nội các Nguyễn Ngọc Thơ (04/11/1963), kế tiếp nội các Nguyễn Khánh (08/02/1964-26/10/1964) và sau cùng «nội các chiến tranh» Nguyễn Cao Kỳ (tháng 06/1965 - tháng 11/1967).

Trong hơn 2 năm cầm quyền, chính phủ Nguyễn Cao Kỳ có 4 lần cải tổ nội các (lần thứ nhứt: 01-10-1965, lần thứ 2: 21-2-1966, lần thứ 3: 13-7-1966, lần thứ 4: 18-11-1966), anh Thanh giữ chức Tổng Ủy Viên Kinh Tế - Tài chánh trong lần cải tổ nội các thứ hai (tháng 2/1966) cho đến tháng 11/1966, anh từ chức cùng với 6 vị Tổng Ủy Viên, Ủy Viên gốc người Miền Nam để phản đối hành động y quyền của Đại tá Nguyễn Ngọc Loan, thân cận của Tướng Kỳ, đã bắt giam bác sĩ Nguyễn Tấn Lộc, Đồng Lý Văn Phòng Bộ Y Tế vì vấn đề kỳ thị người gốc miền Nam. Dù tướng Kỳ có ra lệnh cho Đại tá Loan thả BS Lộc nhưng không có biện pháp nào đối với sự lạm quyền của Đại tá Loan, một số vị chấp nhận ở lại, do đó anh vẫn nhứt quyết ra đi cùng với ba đồng sự là Nguyễn Văn Trường (Bộ Giáo Dục), Võ Long Triều (Bộ Thanh Niên), và Trần Ngọc Liểng (Bộ Xã Hội). Bản chất thẳng thắn, cương trực của anh đã được ghi lại trong Hồi ký của Võ Long Triều mà tôi xin phép tác giả ghi lại một cuộc đối thoại lý thú giữa tướng Kỳ và anh Thanh trong lần gặp gỡ đầu tiên.

«...Ông Kỳ lộ vẻ suy nghĩ, ngồi im, chấp mấy ngón tay trước ngực, dựa lưng vào ghế, bật tới bật lui độ hơn 30 giây, ông nói:

- Mời Au Trường Thanh lên đây.

Tôi bước tới cạnh bàn của ông lấy điện thoại gọi Au Trường Thanh.

- Thanh đây hả? Thiếu Tướng Chủ Tịch mời toa lên Dinh số 2 đường Thống Nhứt ngay bây giờ. Bên kia đầu dây, tiếng Thanh nói:

- Toa đừng có cà rồn. Ai thêm mời moa mà gọi. Moa không tin chuyện «phong thần» của toa đâu, chừng nào có xe của ông Thiếu Tướng rước thì moa mới tin.

Tôi hơi bực mình, nhưng suy đi nghĩ lại, muốn cho được việc thì chuyện này là chuyện nhỏ. Bỏ điện thoại xuống, tôi nói với Tướng Kỳ:

- Thanh nó không tin, nó nói phải có xe của toa xuống Sicovina rước, nó mới tin.

Tướng Kỳ nổi nóng ngay:

- Đ.M... bộ hần là bố của moa sao mà đòi có xe của Thủ Tướng rước.

- Toa nề hà chi chuyện đó mà nổi giận. Đồng ý là phi lý và vô lễ, nhưng toa có nhớ ngày xưa Lưu Bị mời Khổng Minh như thế nào không? Thằng Thanh chưa phải là Khổng Minh nhưng mình cần nó ngồi dẹp yên trận giặc kinh tế cho mình có thì giờ và cơ hội làm việc lớn được.

.....

«Anh Triều có giới thiệu với tôi anh đã từng làm Tổng Trưởng Kinh Tế trong nội các Nguyễn Ngọc Thơ phải không?

- Dạ đúng.

- Anh nghĩ lần này anh có khả năng ổn định thị trường kinh tế đang làm dân chúng hoang mang không?

- Dạ có thể được với điều kiện.

- Điều kiện gì?

- Thứ nhất Thiếu Tướng phải tin tôi và không nghe bất cứ ai cố vấn, nửa chừng buộc tôi phải sửa đổi biện pháp.

- Đồng ý.

- Thứ hai, có thể có những sắc lệnh tôi trình liên quan đến việc ổn định thị trường xin Thiếu Tướng đừng nghe người khác mà từ chối.

- Được.

Thứ ba... Thứ tư... Thứ năm... Âu Trường Thanh tiếp tục đặt một hơi đúng 13 điều kiện. Âu Trường Thanh tới Phủ Thủ Tướng lúc 11 giờ 20, anh đặt điều kiện và giải thích rành mạch xong xuôi, tôi nhìn đồng hồ đúng 1 giờ trưa.

- Hết điều kiện chưa?

- Dạ hết.

- Bây giờ đến phiên tôi đặt điều kiện. Anh phải giải quyết vấn đề kinh tế một cách ổn thỏa, đem lại sự hài lòng và niềm tin cho dân chúng. Tôi đã chấp nhận tất cả những yêu cầu của anh mà nếu anh không thành công, trái lại gây thêm tai tiếng cho chính phủ thì chừng đó tôi sẽ hỏi tội anh, có chấp nhận không?

- Dạ chấp nhận » (ngưng trích)

(www.vietnamvanhien.net/hoikyvolongtrieu.html. Phần 2 tham gia nội các)

Anh đã chấp nhận và chỉ trong 10 tháng trong năm 1966, anh Thanh đã giải quyết được nhiều khó khăn kinh tế nghiêm trọng trong tình trạng đất nước bị xáo trộn chính trị, xã hội và chiến tranh leo thang.

Anh Thanh gốc người Minh hương, am tường các bí quyết kinh doanh của người Hoa Kiều cộng thêm với kiến thức kinh tế uyên bác, tinh thần yêu nước, anh đã hóa giải được sự lũng đoạn kinh tế của giới Hoa Kiều. Với biện pháp dĩ độc trị độc, anh là kẻ thù của giới tài phiệt người Hoa và của Việt Cộng vì anh đã chặn nút các nguồn tiếp tế cho đối phương.

Còn nhớ từ tháng 3 năm 1965, khi quân đội và dân sự người Mỹ ào ạt vào Việt Nam tham chiến, họ mang theo mỹ kim tràn ngập thị trường làm gia tăng chi tiêu hàng hóa. Đồng bạc Việt Nam bị mất giá trầm trọng, hàng hóa khan hiếm và giá cả tăng vọt, dân chúng trăm bề khổ sở.

Viễn tượng phá sản kinh tế của VN khiến Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (International Monetary Fund, IMF) phải gọi các chuyên viên đến Sài Gòn vào đầu năm 1966 để hỗ trợ bộ Kinh Tế giải quyết nguy cơ mà chuyện phá giá đồng bạc Việt Nam là giải pháp không tránh khỏi. Anh Âu Trường Thanh là người cứu tinh kinh tế trong hoàn cảnh khủng hoảng này.

Trong một buổi họp với IMF, anh đề nghị cần phải có vàng để bảo đảm đồng bạc Việt Nam, nếu không thì «kiếm người khác thay thế tôi» (lời của anh trong cuộc phỏng vấn của Lý

Minh Hào). Sau cùng Hoa Kỳ đồng ý viện trợ cho VN 50 triệu mỹ kim để mua vàng ở Thụy Sĩ mang về dự trữ trong Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, điều hiếm có trong chánh sách viện trợ của Mỹ.

Kế hoạch phá giá đồng bạc Việt Nam được anh soạn thảo tỉ mỉ và đạt được kết quả tốt đẹp. Quyết định phá giá đồng bạc có hiệu lực kể từ 00 giờ ngày chủ nhật 17/06/1966 với sắc lệnh của Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương Nguyễn Cao Kỳ, ấn định hối suất đồng bạc VN là 80\$ một mỹ kim và trợ cấp củng cố kinh tế 38\$ mỗi mỹ kim. Ngày chủ nhật 17/06 tất cả các ngân hàng đóng cửa, ngày thứ hai 18/06 tất cả các cơ quan chính phủ cũng nghỉ với lý do để ăn mừng Ngày Quân Lực 19/06, thế nên không có dịch vụ đổi tiền, tránh được các xáo trộn. Cùng ngày 18/6, nhiều biện pháp chống lạm phát được ban hành như áp dụng trợ cấp du học 38\$ cho một Mỹ Kim, tăng lương quân nhân công chức từ 20% đến 30%, lập Quỹ Điều Hòa Thị Trường Vàng để bán vàng thoi theo giá chính phủ ấn định.

Kể từ ngày 19 tháng 6, người dân mua vàng tự do, chánh phủ tung vàng dự trữ cung ứng đủ các tiệm vàng cho người mua. Lúc ban đầu, nhiều người rút tiền tiết kiệm, tiền làm ăn ra để mua vàng. Giá vàng cao lên, tăng lên gấp đôi, nhưng sau 3 tuần, giá vàng từ từ tuột xuống (18/06: 20 500\$ / lượng; 11/07: 10 500\$/lượng), giá chợ đen mỹ kim cũng từ từ đứng giá (210\$ sau ngày phá giá, 160\$ vào ngày 19/08) (Đoàn Thêm. Việc từng ngày 1966).



Vàng thoi của Ngân Hàng Quốc Gia trên bàn họp báo tại Bộ Kinh-Tế ngày 20/06/1966: người dân được mua vàng tự do tại các tiệm vàng

Cuộc phá giá đồng bạc không tạo ra cuộc khủng hoảng tâm lý lo sợ nơi người dân, giới kinh doanh theo lối đầu cơ nhận thức rằng “chôn vốn” vào việc dự trữ vàng không có lời bèn bán vàng ra để có đủ tiền mặt mua hàng hoá kinh doanh. Tình hình kinh tế từ tháng 06 đến tháng 09 năm 1966, nói chung ổn định, đời sống người dân không quá khó khăn. Kế hoạch chống lạm phát và phá giá tiền tệ đã không gây hốt hoảng vì đồng bạc VN được dân chúng tin tưởng là có vàng của chính phủ bảo đảm.

Sau khi từ chức Tổng Trưởng Kinh Tế, anh Thanh nhập cuộc vào sinh hoạt chính trị. Năm 1967, anh ra tranh cử Tổng Thống để chặn đường liên danh quân nhân Thiệu-Kỳ, nhưng liên danh của anh bị bác. Ngày 22 tháng 09, Tướng Nguyễn Ngọc Loan bắt giữ anh với lý do anh thân Cộng mặc dù trước đó, ngày 19 tháng 07, tướng Kỳ tuyên bố với báo chí là « muốn chiêu hồi ông, tuy biết ông có thái độ khuynh tả » (Đoàn Thêm. Việc từng ngày 1967, tr. 163).

Về điểm này, bởi lẽ thân thuộc với anh chị Thanh từ 50 năm qua, tôi biết rõ anh là người quốc gia (hiểu theo nghĩa không cộng sản) yêu nước, yêu hòa bình. Anh bị mang nhãn hiệu thân cộng hay cộng sản vì lúc sinh viên, anh tham gia các phong trào xã hội, phản chiến

theo kiểu «thời thượng» chống Mỹ của «lò Sorbonne» vào các thập niên 50-70, và là rể của một cán bộ cộng sản cao cấp, có thời là Đại sứ của Việt cộng ở Nam Vang.

Năm 1977, tôi có qua Pháp thăm bà con và có ghé thăm anh chị Thanh tại nhà. Chị Thanh thành thật cho tôi biết là ba chị làm lớn với Cộng Sản Hà Nội nên được đặc ân cho qua Pháp chữa bệnh. Cha con gặp nhau thay vì mừng rỡ nhưng sự thật rất đáng buồn. Chị nói là cử chỉ, lời lẽ và tư tưởng của ba chị thay đổi hoàn toàn theo cộng sản và cha con không muốn gặp nhau nữa. Cần nói thêm là Ba của chị Mai, vợ anh Thanh là ông Nguyễn Văn Cái (thầy giáo Cái) theo Việt Cộng từ 1940, tập kết ra Bắc năm 1954, lập gia đình mới ở ngoài Bắc. Làm sao mà chị còn tình nghĩa với người cha đã phụ bạc mẹ mình, bỏ rơi mình, trung kiên với cộng sản và làm sao mà Sanyo, một công ty tư bản Nhật Bản lại có thể giao công ty của mình cho một tên cộng sản Âu Trường Thanh làm Chủ tịch Tổng Giám Đốc ở Pháp tới ngày về hưu?

Anh Âu Trường Thanh là một kinh tế gia tài giỏi và đáng kính của miền Nam. Tiếc thay, bởi bản tánh bộc trực, không gian tham, không xu nịnh, anh đã không thích nghi được với một bối cảnh nhiều nhượng, phải chấp nhận lưu vong sang Pháp từ năm 1968 và mất tại đó 41 năm sau.

Qua những dòng chữ này, tôi muốn gửi lời tưởng niệm tới một người bạn, người anh quý mến vẫn luôn trong tâm tưởng tôi.

Bây giờ, tôi xin trở lại chuyện đời tôi.

Chính trong bối cảnh cuộc chiến chống lạm phát tiền tệ và giải quyết khẩn cấp những khó khăn kinh tế mà anh Âu Trường Thanh đã cam kết với Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ hồi tháng 02 năm 1966, tôi đã được anh mời giữ chức vụ Phụ Tá Tổng Ủy Viên Kinh tế-Tài Chánh. Tôi và anh không có quen biết nhau trước. Anh tốt nghiệp bên Pháp quen làm việc bằng tiếng Pháp. Anh muốn chọn một người có thể làm việc hữu hiệu được với USAID (United States Agency for International Development), một trong những cơ quan hàng đầu của chánh phủ Mỹ đặc trách giúp đỡ các xã hội dân chủ có quyết tâm phát triển trọn vẹn tiềm năng của mình.

Trong năm 1966, ngân khoản USAID viện trợ thương mại cho Miền Nam lên tới khoảng \$800 triệu Mỹ kim. Ngoài việc làm Giám đốc Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ (TTKTKN), tôi còn là chủ tịch hội Cựu Sinh Viên Đại Học Mỹ (AUAA-American University Alumni Association). Nhờ may mắn hay định mệnh, tôi là người có mặt tại đúng chỗ và đúng lúc để được trao phó trách nhiệm này. Anh Thanh bổ nhiệm tôi làm phụ tá cho anh có lẽ vì tôi là người Việt đầu tiên về nước có bằng cao học của MIT, đã làm việc bên Mỹ và bên nhà được 10 năm. Anh nghĩ rằng với kinh nghiệm sẵn có, tôi có đủ khả năng đối tác với người Mỹ. Anh Thanh tin tôi dám ăn dám nói với Mỹ và không có tánh “Ba Phái.”

Về phần tôi, tôi xem đây là một vinh dự được phục vụ đất nước giữa một thời điểm đầy cam

go như vậy. Ở tuổi ba mươi lăm, tôi là Phụ Tá Tổng Ủy Viên Kinh tế-Tài Chánh trẻ nhất, phải đối đầu với những thử thách nhiều chông gai nhất trong đời mình. Tôi trút hết tâm can vào công việc. Trong cương vị chủ tịch hội AUAA, tôi tuyển chọn những tài năng sẵn có ở trong hội để lập "nhóm chuyên viên lý tưởng" cộng tác với tôi. Nhóm chúng tôi rất gần gũi nhau. Đến nay, hơn 40 năm sau ngày Sài Gòn thất thủ, chúng tôi vẫn còn họp mặt như một đại gia đình.

Họ xuất thân từ những trường như Lafayette College, MIT, Stanford University, Columbia University, NYU, Trường Kỹ Thuật Phú Thọ, Đại Học Sài Gòn, Đại Học Đà Lạt, Asian Institute of Technology (Thái Lan), Colorado State University, Georgetown University, Purdue University, University of Oklahoma, University of Arizona, *Bowling Green State University*, Carnegie Mellon University, Université Laval (Québec, Canada), École Polytechnique de Montréal, Monash University (Melbourne, Australia), University of Western Australia (Perth), University of Canterbury (Christchurch, NZ), Massey University (NZ), École nationale supérieure des Beaux-Arts de Paris và The London School of Economics...



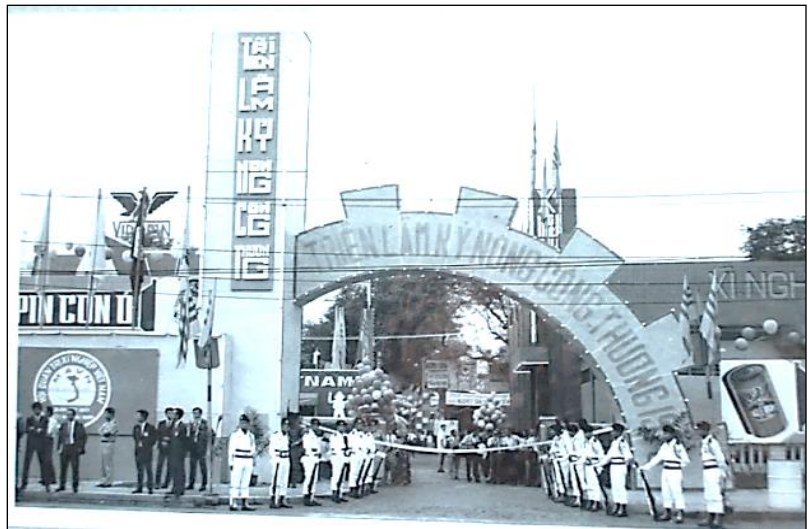
Nhóm "Dream Team" họp mặt vào ngày sinh nhật thứ 70 của tôi tại nhà San Francisco năm 2000

Từ trái qua phải : Hàng ngồi: Lê Trọng Mưu, Lâm Hồ, Nguyễn Đăng Khôi, Hoàng Đức Nhã, Khương Hữu Điểu, Huỳnh Hữu Hân, Vĩnh Thúc; Hàng đứng: Nguyễn Đức Cường, Trần Văn Khởi, Nguyễn Khắc Dỗ, Võ Hùng, Nguyễn Văn Châu, Ngô Chiển, Bùi Thúc Qui Nhơn, Trương Chí Nghĩa, Lê Trọng Tạo, Phí Minh Tâm, Nguyễn Ngọc Điển

Trọng trách trước mắt là tìm cách đưa Miền Nam thoát khỏi tình trạng kinh tế chậm tiến sau một thế kỷ bị Pháp cai trị với một nền ngoại thương phần lớn dựa vào việc xuất cảng nguyên liệu như gạo, cà phê, dừa khô, cao su, than đá, gỗ, và nhập cảng các sản phẩm kỹ nghệ. Vì là cựu thuộc địa nên Việt Nam hoàn toàn thiếu các hạ tầng cơ sở cần thiết để có thể phát triển kinh tế bình thường. Ưu tiên được đặt ra là phải tìm cách cải tổ cơ cấu hiện hữu thành nền kinh tế thị trường. Muốn đạt mục đích đó, chúng tôi thành lập các Khu Kỹ Nghệ, Viện Định Chuẩn, Khu Chế Xuất, Trung Tâm Dịch Vụ Đầu Tư song song với các chương trình huấn luyện về Quản Trị Xí Nghiệp.

Vào thời điểm đó, Việt Nam thua xa các "con hổ con" ở Á Châu như Singapore, Đài Loan và Đại Hàn. Dân chúng sống trong ba quốc gia Nhật Bản, Trung Hoa, và Đại Hàn thuộc nhóm bốn dân tộc có "văn hóa dùng đũa" nổi tiếng làm việc khéo tay và cần mẫn. Đất nước họ có sẵn nhóm chuyên viên tài giỏi và đội ngũ nhân công có nhiều kỹ năng. Đài Loan và Đại Hàn cùng với những nước ở Đông Nam Á như Thái Lan, Mã Lai Á, và Singapore đã biết lợi dụng dùng đồng dollars người Mỹ tiêu xài cho chiến tranh Việt Nam để đẩy mạnh chương trình phát triển kinh tế của quốc gia họ. Ngược lại, Việt Nam bị thua thiệt một cách nghiêm trọng vì sự tàn phá của chiến tranh và tình trạng thiếu an ninh. Để bù lại, chúng tôi đưa ra những dự luật đầu tư có nhiều ưu đãi về thuế má để thu hút vốn đầu tư trong nước và ngoại quốc.

Khu Kỹ Nghệ Biên Hoà là một thí dụ cho thấy thành quả việc làm của chúng tôi. Nơi này chỉ cách Sài Gòn 30 km và được xem là an toàn nhờ được bảo vệ bởi căn cứ quân sự khổng lồ của Mỹ ở Long Bình. Nhà máy xây trong khu kỹ nghệ được cung cấp đất, nước, điện, điện thoại, giấy phép xây cất và nhân công với giá thấp. Hai hãng hỗn hợp sản xuất máy diesel và máy cày cùng hai công ty Nhật Bản Yanmar Diesel Engine Co. và Kubota Ltd. được thiết lập tại nơi đây. Đầu máy do các công ty này sản xuất được người Việt ưa chuộng để chạy ghe đò và thuyền đánh cá trong Đồng Bằng Sông Cửu Long và vùng duyên hải. Bên cạnh đó, còn có một nhà máy cán thép dùng các vật liệu phế thải từ chiến tranh để chế biến thành thép cây và các vật dụng xây cất bằng thép. Ngoài ra, trong khu kỹ nghệ còn có những cơ sở như nhà máy giấy, hóa chất, lò gạch, bình điện xe hơi, đèn néon và nhiều hãng sản xuất sản phẩm thay thế hàng nhập cảng. Sau biến cố Mậu Thân 1968, nền kinh tế quốc gia tăng trưởng nhanh chóng nên tôi quyết định tổ chức cuộc triển lãm **Saigon Expo 1970** để giới thiệu những sản phẩm được chế tạo trong nước.



Saigon Expo, 1970



Tổng thống Nguyễn văn Thiệu và phu nhân trong ngày khánh thành Saigon Expo 1970. Tôi đứng bên tay trái của bà Thiệu. Bà Khiêm đứng sau bà Thiệu. Cô Trúc Lâm, nhân viên Ngân Hàng, cầm đĩa đựng kéo cắt băng. Góc trái phía trên: Đại sứ Hoa Kỳ Ellsworth Bunker và Thủ tướng Trần thiện Khiêm. Phía sau: Hoàng đức Nhã, Võ văn Huệ và Lê văn Lắm.

Kiến trúc sư Lê văn Lắm xuất thân từ trường École nationale supérieure des Beaux-Arts, Paris, là người đã thiết kế cuộc triển lãm đạt được nhiều thành công. Cô Lê Trúc Lâm, đã đóng góp rất nhiều trong việc thực hiện cuốn phim tài liệu "Kỹ Nghệ Việt Nam" (Vietnam Industry) được chiếu ra mắt tại cuộc Triển Lãm. Cuốn phim này do Trung Tâm Quốc Gia Điện Ảnh quay, nêu rõ thành quả đã đạt được trong lãnh vực kỹ nghệ giữa lúc chiến cuộc đang sôi động tại miền nông thôn.



Bảng lưu niệm tặng những cá nhân đã góp công sức tổ chức cuộc triển lãm: Kỹ sư Huỳnh Hữu Hân

Báo *BusinessWeek Magazine* số ngày 27 tháng 12 năm 1969 đã tường trình chi tiết những thành quả về kinh tế của miền Nam sau cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân 1968.

"In Vietnam, businessmen breathe easier"
(Tại Việt Nam, giới kinh-doanh dễ thở hơn)



New Year's buying spree in Saigon reflects growing prosperity, although heavy new taxes will pinch imports.



Modern, many U. S.-made, are replacing peddles on sampans such as this one plying canal at Ca Mau in Mekong delta.

FOREIGN

In Vietnam, businessmen breathe easier

Schizophrenia is an occupational hazard for businessmen in Saigon. "We have to explain to the home office that we must plan for postwar growth," says the manager of a foreign company, "and we must also be ready to rush out the front door if the Vietcong come in the back."

But right now, for the first time since the Communist Tet offensive in January, 1968, businessmen in South Vietnam are beginning to think more about long-haul opportunities than about short-term risks.

A few Vietnamese investors are putting money into new plants with financial help and other incentives from the South Vietnamese government's Industrial Development Center (IDC), an autonomous agency that operates as a development bank. At IDC's Bien Hoa industrial park outside Saigon, plants are going up to make a variety of products: paint, instant coffee, galvanized sheets, animal feeds, and diesel-powered tillers. Other installations are planned, including a rolling mill to make steel products from the scrap strewn across the South Vietnamese landscape by the war.

New IDC is building another industrial park and river port at Can Tho, deep in the Mekong delta. **Kyung Han Diep**, IDC's managing director and a graduate of Massachusetts Institute of Technology, says he is negotiating with Vietnamese investors who want to put up plants to assemble pumps, tractors, and other farm equipment at Can Tho. "A year from now you will see factories there," he promises.

Caution. Few foreign investors are putting new money into South Vietnam yet, but Americans and Japanese, especially, are looking carefully at prospects. "A lot of people are wondering when is the best time to get in on the ground floor," says an American observer in Saigon.

A preliminary survey of offshore oil prospects in the Gulf of Thailand, recently done for a group of 10 oil companies by Mandril Industries, Inc., was encouraging enough so that some participants are anxious to have the government invite bids for exploration.

Japanese businessmen arrive in Saigon daily to look over investment possibilities for everything from banana plantations and fisheries to plywood factories. Japan's Kubota, Ltd., and Yanmar Diesel Engine Co., Ltd. are licensing rural plants to make agricultural equipment.

The stepped-up business interest reflects both the swift recovery of the South Vietnamese economy from the Tet offensive and increasing security in the countryside. Trucks and buses rumble from Saigon all the way to Hue along once-perilous Highway 1. Barges move rice without hindrance from Ca Mau, deep in the delta, to the capital.

Same times. The free movement of goods and the improved security in rural areas are stirring new prosperity, particularly in the rice-rich Mekong delta. This year's rice harvest totaled an estimated 5.1-million tons, up 500,000 tons from 1968 and close to the peak of 5.5-million in 1963. With money in hand, farmers are going into the provincial towns and buying gasoline motors made by Kohler Co. and Briggs & Stratton to power sampans and drive irrigation pumps. The market for such motors alone currently rounds 100,000 units annually.



Reinforcing bar mill at Bien Hoa employs women because military draft has created a labor shortage.

The expansion of the South Vietnamese economy shows up in the sales curve of Esso Standard Eastern SA. Its network of filling stations, along with outlets of Caltex and Shell, supplies fuel for South Vietnam's civilian economy. Esso's sales volume has been increasing 30% yearly.

"Business is a continuous curve upward," says Stanley Young, Esso manager. "The only time it was broken was from Tet until November last year." He adds: "We get discouraged, we have all kinds of problems. Yet the economy of the country keeps moving up."

Esso has a contract with Shell, Caltex, and the government to build a refinery in Vietnam some day. But projects such as this will not get off the ground until the future becomes clearer. "The long term depends on what kind of peace you get," says Young. "The Vietnamese say that if you have a coalition government, as far as business is concerned, forget it."

Progress. After the trauma of Tet, Americans and Vietnamese alike are cautious about forecasts. But currently, some optimism exists because of the South Vietnamese government's success in winning control of most of the countryside. Saigon has put nearly 1-million men under arms, including militia platoons that are permanently stationed in villages cleared of the Vietcong. As a result, areas under Communist control have shrunk to fairly small strongholds—though some

are still close to the capital.

"I can drive you out of Saigon in 30 minutes to where we will all be killed," says a U.S. official. "I can also drive you around until the Jeep wears out and we will never be shot at. It used to be said that this war had no front lines. Now it is acquiring them."

As one result, the government no longer inspects cargoes moving on most of the roads and canals in South Vietnam, a procedure that discouraged commerce and probably was ineffective anyway in keeping goods away from the Vietcong. Instead, there are checkpoints around areas still con-

'This war used to have no front lines. Now it is acquiring them.'

trolled by the enemy.

The big question is whether North Vietnam will infiltrate enough troops in coming months to mount a major offensive. This would force the South Vietnamese to pull troops out of pacified rural areas and leave the countryside exposed to new forays by the Vietcong. However, the South Vietnamese, and American advisers working with them, grow increasingly confident that they can cope with the Communists as U.S. forces withdraw.

Choice. If that is so, the Vietcong and Hanoi will be faced with the alternatives of seeking a peace settlement or stretching the war out indefinitely.

Some observers, including Sir Robert Thompson, the British expert on guerrilla warfare, believe that the fighting may simply taper off over the next few years. Some American advisers also think that the quickening economic activity in areas under government control will draw people out of the remaining Vietcong strongholds, and it will not be necessary to occupy them militarily. To some extent, this already is happening in the delta.

After the fighting ends, South Vietnam should be able to take off economically with an annual growth rate of 5% to 7% within a decade, according to a joint study prepared by the Development & Resources Corp., headed by David E. Lilienthal, former chairman of the Atomic Energy Commission, and Professor Vu Cooc Thau, Minister of State for Reconstruction & Development. Another study, by the Hudson Institute, foresees a rapid expansion of the Vietnamese economy whether the fighting ends or not.

Assets. Such forecasts are based partly on South Vietnam's resources. Though the country lacks important known mineral deposits, it has other resources—rich farmlands, timber, fisheries, and hydroelectric potential—that can be tapped. Unlike other Asian countries such as Korea, it is not overpopulated. The war itself has created a network of highways, ports, and other basic installations.

Equally important, a pool of skilled

\$1,500 to \$6,000

Personal Loans to Executives

Strictly Confidential

A nation-wide Executive Loan Service designed for responsible executives as a convenient supplementary source of personal credit. No collateral, no endorsement, no embarrassing investigation. All details handled by mail from the privacy of your office. If you pre-pay we refund all unearned interest.

References:
 First National Bank of St. Paul
 Northwestern National Bank of St. Paul
 First National Bank of Minneapolis
 Northwestern National Bank of Minneapolis

For full particulars write
 Mr. A. J. Bruder, Vice President

Industrial Credit Plan, Inc.
 608 Hamon Building
 St. Paul, Minnesota 55102

Save your skin. It could save your life.

The sun can do more to your skin than burn it. Overexposure to the sun can also lead to skin cancer. If you work in the sun, or are a sun-worshiper, be sensible. Avoid prolonged exposure. Cover up. Cut down on the chances of skin cancer. It's your skin. Save it.

american cancer society

workers has been built up by operations of such contractors as KMK (a consortium including Raymond International, Inc., Morrison-Knudsen Co., and other U.S. concerns), Page Communications, Control Data, and the Philco Ford operation of Ford Motor Co. KMK claims to have trained 150,000 workers in everything from running bulldozers to clerical jobs. Meanwhile, some 85% of South Vietnamese children now receive at least elementary schooling, while at the other end of the scale some 400 Vietnamese currently are studying such subjects as engineering and business management in U.S. universities and 500 already have returned to South Vietnam.

"This could be another Korea," says an American with experience in both countries. In fact, many observers think South Vietnam, with more resources, should be able to make a quicker comeback than did South Korea, which now has one of the fastest-growing economies in Asia.

Politics. Reinforcing businessmen's hopes for South Vietnam is the performance of the government of President Nguyen Van Thieu. Elected in September, 1967, Thieu has managed to calm down dissident Buddhists and keep his military backers in line. Recently, he has brought civilian technocrats into the regime along with military men, and he seems determined to push through basic reforms such as legislation to give peasants ownership of the land they work.

Last October, Thieu put a clamp on the import boom that has filled Saigon with Honda motorbikes and other consumer goods. New import taxes more than doubled the price of a motorbike from around \$400 to \$1,000, and this will cut sharply the country's \$800-million bill for civilian imports. The tax also will help create a sense of greater austerity to match Saigon's effort to take over more of the fighting.

Now U. S. officials reportedly are urging Thieu to devalue the piaster, currently pegged at 118 to \$1. A realistic exchange would be 200 or higher; on the black market, piasters have sold as high as 270 for \$1. The currency has been weakened by inflation that is running 30% this year; next year, barring an upset, the rate should drop to around 150%.

Outlays. Meantime, despite uncertainties, the government is trying to encourage more industrial investment. tdc's Khong Huu Dien has no illusions about what is needed to whet businessmen's interest.

"In wartime, you have to wave a lot of carrots," he says. Accordingly, tdc arranges a piaster of financing for every piaster of equity an investor puts in a plant. At the new industrial park in Can Tho, tdc will install power lines,

MIT-trained Khong Huu Dien lures investment in plants despite war.

telephones, water, put up steel frame prefabricated buildings, and invite investors in. "There is no red tape," says Dien. "I get all the permits for them."

At the Bien Hoa park near Saigon, factories representing \$30-million of investments make such products as bicycle tires, textiles, and sheet glass. Parsons & Whittemore of the U.S. has a minority interest in a paper mill. Eternit of France makes roofing and pipes. As in other countries of Southeast Asia, much of the investment is by overseas Chinese.

Dien, a former deputy minister of the economy, holds a master's degree from MIT in engineering and industrial management. He worked for Ebasco in New York, then for Esso and a sugar company in South Vietnam.

Manpower. Dien has assembled a staff of 40 graduates of American universities—MIT, Harvard, the Wharton School, and others—to provide a wide range of services to investors from designing equipment to helping in calling for international bids.

Running a development center also has led Dien into other activities. "When I went to look at plants of investors and got repayment on loans, I found they had no management," he explains. This led him to set up a training center to teach such subjects as cost analysis, personnel management, and inventory and quality control. With this he hopes to lure investors to risk money in new enterprises and then show them how to run them. Dien explains his philosophy this way:

"I try to keep a lot of industrial projects in the pipeline. I feed investors ideas through seminars and conferences. Once I catch them, I feed them with engineering, and then I feed them with money. After the plant is set up, I feed them with management."

BusinessWeek số ngày 27 tháng 12 năm 1969 -

Trích dịch từ bài báo đăng trong BusinessWeek, 1969:

Do nguy cơ nghề nghiệp, nhiều thương gia ở Sài Gòn mắc chứng bệnh tâm thần phân liệt. "Chúng tôi có bốn phần trình bày lên trụ sở chính như cầu cần lập kế hoạch cho thời hậu chiến" một quản lý của công ty ngoại quốc tuyên bố "và chúng tôi cũng phải sẵn sàng tẩu thoát qua cửa chánh nếu Việt Cộng đột nhập vào cửa sau."

Nhưng ngay lúc này, lần đầu tiên sau cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân năm 1968 của Cộng Sản, các doanh gia ở Sài Gòn chịu khó cân nhắc về các cơ hội làm việc lâu dài hơn là về các nguy cơ ngắn hạn.

Với sự hỗ trợ về tài chánh và các ưu đãi khác đến từ Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ của chánh phủ Miền Nam, một số ít nhà đầu tư trong nước đã khởi công thực hiện các dự án của họ. Trung Tâm này là một cơ quan tự trị hoạt động như một ngân hàng phát triển. Ngay tại Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa do Trung Tâm thiết lập tại ngoại ô Sài Gòn, nhiều nhà máy đang được dựng lên để sản xuất nhiều loại sản phẩm như: sơn, cà phê uống liền, thép tấm mạ kẽm, thức ăn súc vật, và máy cày chạy bằng diesel. Nhiều cơ sở khác đang trong giai đoạn nghiên cứu như nhà máy cán thép dùng vật liệu phế thải từ chiến tranh thâu góp được từ khắp mọi nơi của Miền Nam.

Trong hiện tại, Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ đang cho xây cất một khu kỹ nghệ và một cảng sông tại Cần Thơ nằm sâu trong Đồng Bằng Sông Cửu Long. Ông Khương Hữu Diệu, Tổng Giám Đốc Trung Tâm và xuất thân từ đại học Massachusetts Institute of Technology, cho biết Ông đang thương lượng với các nhà đầu tư người Việt để thiết lập nhiều công ty chế ráp máy bơm nước, máy kéo, và các dụng cụ canh nông khác ở Cần Thơ. "Trong năm tới, quý vị sẽ thấy được các nhà máy mọc ra tại nơi đó," Ông hứa hẹn.

An ninh được cải thiện. Hàng hóa lưu thông dễ dàng là dấu hiệu của sự phồn thịnh mới. Ít nhà đầu tư ngoại quốc chịu xuất vốn đầu tư vào Miền Nam Việt Nam ngay lúc này. Tuy nhiên, người Mỹ và đặc biệt người Nhật Bản đang suy tính một cách thận trọng viễn ảnh cho tương lai. Một nhà quan sát người Mỹ ở Sài Gòn nhận xét "Rất nhiều người đang tự hỏi lúc nào là thời điểm thuận lợi nhất để nhập cuộc."

Công cuộc khảo sát sơ khởi về dầu hỏa ngoài khơi Vịnh Thái Lan do tổ hợp Mandrill Industries, Inc gồm 10 công ty dầu hỏa thực hiện cho thấy tiềm năng đầy hứa hẹn khiến một số công ty tham dự nôn nóng muốn chánh phủ gọi đấu thầu cho phép thăm dò.

Hàng ngày, các doanh nhân Nhật Bản đặt chân tới Sài Gòn để nghiên cứu cơ hội đầu tư về trồng chuối, ngư nghiệp hay nhà máy sản xuất ván ép. Hai công ty Nhật Bản Kubota, Ltd., và Yanmar Diesel Engine Co., Ltd. đã thỏa thuận cho phép các nhà máy đang cạnh tranh với họ chế tạo dụng cụ canh nông tại đây.

Các hoạt động kinh doanh năng động hơn phản ảnh tình trạng hồi phục kinh tế thật nhanh chóng của Miền Nam Việt Nam sau cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân và nền an ninh đã được vãn hồi tại nông thôn. Những xe vận tải và xe buýt chạy như mắc cửi trên trục lộ Sài Gòn - Huế dọc theo Quốc lộ số 1 trước đây bị coi là mất an ninh. Hàng đoàn xà lan chở gạo từ Cà Mau nằm sâu trong vùng đồng bằng lên tới thủ đô không gặp trở ngại gì.

Thời buổi an ninh hơn. Việc vận chuyển hàng hóa tự do và tình trạng an ninh miền thôn quê được bảo đảm hơn khiến cho sự thịnh vượng được vãn hồi nhứt là với vụ lúa của Đồng Bằng Sông Cửu Long. Năm nay, thu hoạch về lúa gạo lên tới khoảng 5,1 triệu tấn – cao hơn 500,000 tấn so với năm 1968 và gần bằng cao điểm 5,3 triệu tấn của năm 1963. Sẵn tiền trong túi, người nông dân kéo nhau về các thị xã mua đầu máy do hai công ty Kohler Co và Briggs and Stratton sản xuất để dùng chạy ghe xuồng và máy bơm nước. Mỗi năm số lượng tiêu thụ loại máy này đạt tới mức 100,000 chiếc.

Vốn đầu tư. Cùng lúc đó, bất chấp các rủi ro, chính phủ cố gắng khuyến khích người dân đầu tư vào các ngành kỹ nghệ. Ông Khương Hữu Điều, người lãnh đạo Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ, hiểu rất rõ mình cần phải làm gì để thuyết phục được các doanh nhân.

"Trong thời chiến, người ta cần đưa ra rất nhiều điều hấp dẫn để lôi cuốn các nhà đầu tư," Ông nói. Do vậy, Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ sẵn sàng cho doanh nhân vay một ngân khoản tương đương với số tiền họ đầu tư vào dự án của mình. Tại Khu Kỹ Nghệ Cần Thơ, Trung Tâm đặt sẵn các đường dây điện, điện thoại, ống nước. Ngoài ra còn cho xây các khung nhà bằng thép tiền chế để thu hút các kỹ nghệ gia. Ông Điều còn phát biểu thêm "Họ sẽ không phải nhứt nhối về các thủ tục hành chánh rườm rà. Chúng tôi lo việc cấp phát giấy phép dùng họ."

Trong Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa gần Sài Gòn, ta thấy được các nhà máy với tổng số vốn đầu tư lên tới 30 triệu Mỹ Kim sản xuất lốp xe máy, vải và kính tẩm. Công ty Mỹ Parsons and Whittemore làm chủ sở hữu cổ đông thiểu số trong một nhà máy giấy; công ty Eternit của Pháp chế tạo các dụng cụ làm mái nhà và ống nước. Như trong số lớn những nước ở vùng Đông Nam Á, người Hoa hải ngoại chiếm đa số các vốn đầu tư tại địa phương.

Ông Điều, một cựu Bộ trưởng Kinh tế, có bằng cao học về Engineering và Industrial Management của đại học MIT. Trước đây, Ông làm việc với Ebasco ở New York, rồi chuyển qua các hãng Esso và Công ty Đường ở Miền Nam Việt Nam.

Nhân viên. Ông Điều tụ tập được một nhóm 40 chuyên viên xuất thân từ các đại học Mỹ như MIT, Stanford, the Wharton School, và nhiều nơi khác - họ có nhiệm vụ hỗ trợ các nhà đầu tư trong các dịch vụ như thiết kế máy móc và giúp gọi đầu thầu từ các nhà cung cấp ở ngoại quốc.

Trong khi điều hành một trung tâm phát triển, ông Điều còn đi vào các hoạt động khác nữa. "Khi thăm viếng các nhà máy và đòi các nhà đầu tư trả nợ, tôi nhận xét thấy họ không rành

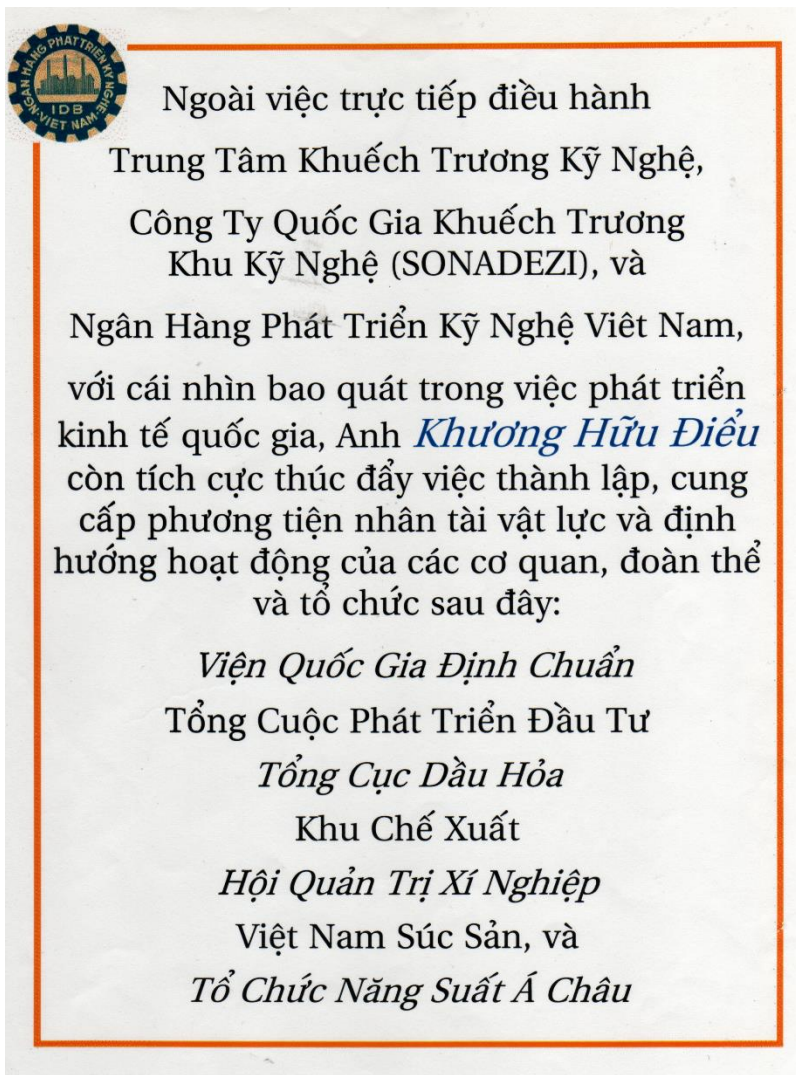
về quản trị” Ông giải thích. Điều này khiến Ông quyết định thiết lập một trung tâm huấn luyện về các môn học như phân tích chi phí, quản trị nhân viên, kiểm soát hàng tồn kho và phẩm chất sản phẩm. Với phương thức này, Ông hy vọng có thể thu hút được giới doanh nhân chấp nhận rủi ro để đầu tư vào các dự án sau đó chỉ cho họ cách điều hành nhà máy nữa. Ông Điều giải thích cách nhìn của mình như sau:

"Tôi cố gắng tìm được nhiều dự án kỹ nghệ để tài trợ. Qua các cuộc hội thảo và hội nghị, tôi giới thiệu các lãnh vực đầu tư với giới kinh doanh. Một khi cá đã cắn câu, tôi cho chúng ăn các món về kỹ thuật, kế tiếp tôi dùng tiền để nhử chúng. Một khi nhà máy đã xây xong, tôi đem món quản trị ra nuôi chúng."

Trong thời kỳ giữ chức Phụ Tá Tổng Ủy Viên Kinh tế-Tài Chánh, tôi còn đảm nhận chức vụ Tổng Giám Đốc của hai cơ quan quan trọng trong chính phủ là Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ (TTKTKN) và sau đó là Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ (NHPTKN) để tài trợ việc xây cất các nhà máy. Nhờ vào cố gắng của nhóm "chuyên viên lý tưởng" đầy nhiệt huyết và có khả năng mà chúng tôi gặt hái được nhiều thành quả cụ thể và đáng kể.

Tôi xin liệt kê nơi đây một vài cơ sở, cơ quan hay tổ chức chúng tôi đã lập ra để hoàn tất trọng trách của mình. Trong năm 2000, nhơn dịp gặp gỡ tại San Francisco, anh chị em TTKTKN có tặng cho tôi một trang trong album lưu niệm như sau:

Một trong những việc đó là thành lập **Viện Định Chuẩn**, tọa lạc trong Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa, để chứng nhận phẩm chất của hàng hóa và bảo đảm sản phẩm đạt được tiêu chuẩn cần thiết. Một thành viên trong nhóm "chuyên viên lý tưởng" của chúng tôi là ông Phí Minh Tâm, học từ MIT về, được bổ nhiệm làm người lãnh đạo của Viện. Bên cạnh đó, còn có **Trung Tâm Dịch Vụ Đầu Tư** với trụ sở nằm



trong toà nhà của Bộ Kinh Tế do ông Nguyễn Đăng Khôi tốt nghiệp đại học Stanford điều hành.

Một cơ quan tối quan trọng nhóm chúng tôi thành lập là **Tổng Cuộc Dầu Hỏa Và Khoáng Sản** nhằm mục đích khai thác các tài nguyên chưa được khai khẩn của nước nhà. Trọng tâm hoạt động của cơ quan là phát triển tối đa tiềm năng về dầu hỏa và khí đốt nằm ngoài khơi lòng chảo Saigon-Sabu mà Việt Nam chia sẻ với các quốc gia lân bang. Phía Sabu của lòng chảo đã sản xuất được nhiều dầu thô trong các năm qua. Ngược lại, lòng chảo phía Sài Gòn chưa được đụng tới. Với sự giúp đỡ kỹ thuật của CCOP "Coordinating Committee for Offshore Prospecting in Asia," chúng tôi thành lập Tổng Cuộc Dầu Hỏa Và Khoáng Sản và ông Trần văn Khởi, một thành viên của nhóm "chuyên viên lý tưởng", được chỉ định làm Tổng Cuộc Trưởng. Ông Khởi là tác giả cuốn "Dầu Hỏa Việt Nam 1970 – 1975" để trình bày kết quả của việc thăm dò dầu hỏa thời đó.

Sau khi đi quan sát các Khu Chế Xuất (EPZ) của Đài Loan, tôi nhận thấy việc thiết lập các khu này rất cần thiết cho việc phát triển kinh tế nước nhà. Do đó, tôi gấp rút cho xây cất **Khu Chế Xuất** tại bến sông Sài Gòn. Nỗ lực này nhằm khuyến khích vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài và giúp luân chuyển ngoại tệ thâu hồi được trong hệ thống kinh tế/ngoại thương của xứ sở. Khu Chế Xuất có tác dụng khuyến khích việc xây cất các nhà máy sản xuất làm gia tăng các hoạt động kinh tế để rồi thu hút thêm vốn đầu tư từ xứ ngoài để xây cất thêm các khu chế xuất mới. Ngoại tệ thâu nhận được sẽ được sử dụng để làm gia tăng xuất cảng. Ngoài ra, các hạ tầng cơ sở thiết lập cho các khu chế xuất còn giúp phát triển các lãnh vực kỹ nghệ và thương mại trong nước đem lại thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân. Hoài bão của chúng tôi lúc đó là hội nhập được các kỹ thuật tân tiến trên thế giới để nâng cao năng xuất nhờ vậy có thể sản xuất được những sản phẩm đạt đẳng cấp quốc tế.

Ngoài Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa, chánh phủ Đài Loan đã hỗ trợ đáng kể cho Việt Nam trong việc thiết lập **Khu Kỹ Nghệ Cần Thơ**, thủ phủ của Đồng Bằng Sông Cửu Long. Họ đã gởi qua dàn máy vét sông lớn nhứt của họ để cung cấp cát từ sông Cửu Long đắp cho khu kỹ nghệ mới này. Ngoài ra, chi nhánh địa phương của Ngân Hàng chúng tôi cũng tài trợ cho các nhà máy nằm trong **Khu Kỹ Nghệ Đà Nẵng**.



Thẻ Hội Viên Hội Quản Trị Xí Nghiệp 1971

Một thành quả khác của nhóm chúng tôi là việc giúp thành lập **Viện Quản Trị**. Chúng tôi sớm phát hiện các quản trị viên cao cấp tại các hãng xưởng mới ra đời có nhu cầu được huấn luyện về quản trị để nâng cao năng suất giúp họ có phương tiện trả nợ cho Ngân Hàng. Đây là lý do đưa tới việc xuất hiện của **Viện Quản Trị** do một thành viên khác của nhóm "chuyên viên lý tưởng", ông Võ Văn Huệ, đứng ra lãnh trách nhiệm làm trưởng cơ quan. Kể từ năm 1970, chúng tôi cho phát

hành từ nguyệt san **Quản Trị Xí Nghiệp** để phổ biến kết quả các lớp huấn luyện về quản trị được tổ chức trong hay ngoài nước. Chúng tôi đứng ra tổ chức nhiều chuyến viếng thăm cơ xưởng sản xuất để các kỹ nghệ gia có cơ hội trao đổi kinh nghiệm và học hỏi nhau. Những buổi hội thảo định kỳ về đề tài quản trị của chúng tôi được đón nhận nồng nhiệt. Ban Chấp Hành của Viện Quản Trị được đặt dưới quyền Chủ Tọa Danh Dự của ông Trần Thiện Khiêm, Thủ Tướng Chính Phủ. Nhiều nhà kinh doanh hàng đầu trong nước cũng nhận làm thành viên của Ban Chấp Hành.

Ban Chấp Hành Hội Quản Trị 1972-1973

HỘI QUẢN-TRỊ XÍ-NHIỆP VIỆT-NAM

NHIỆM-KỲ 1972—1973

Chủ-Tịch danh dự : Ô. TRẦN-THIỆN-KHIÊM

BAN CHẤP-HÀNH NIÊN-KHÓA 1972—1973

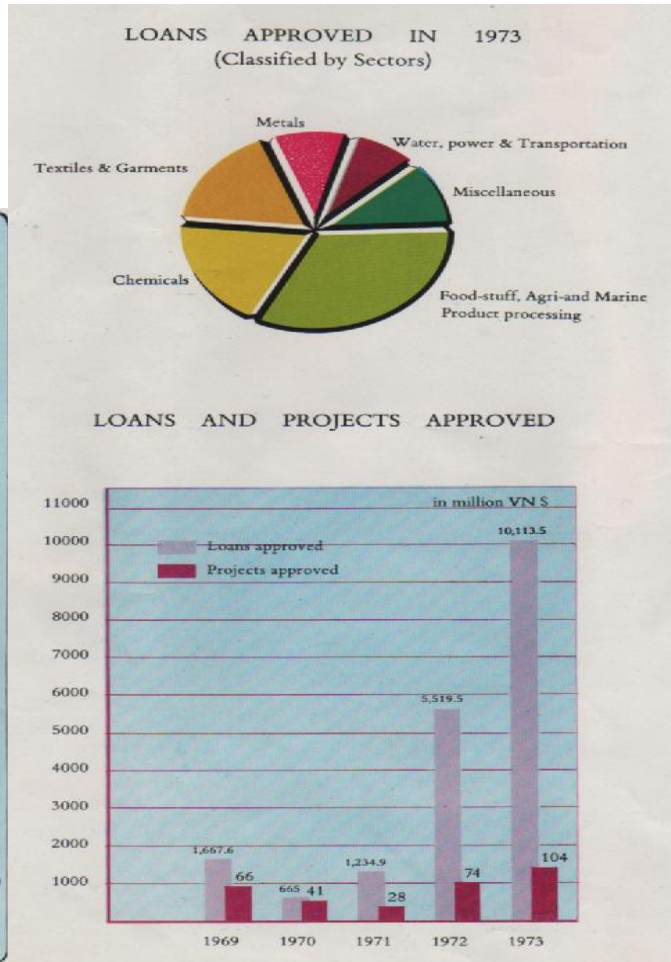
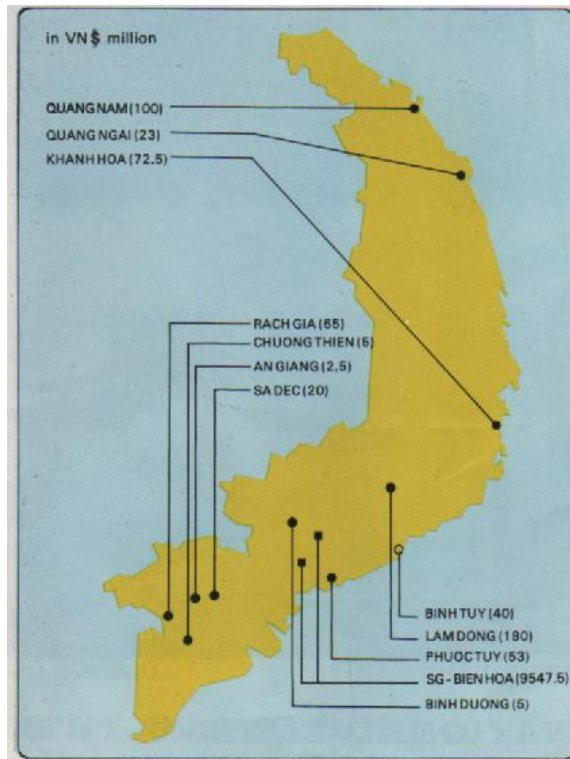
Chủ-Tịch Phó Chủ-Tịch Đặc-trách Tài-Chánh " " "Thương-Vụ Đặc-trách Giáo-dục Phát-triển hội-viên Tổng Thư-Ký Phó Tổng Thư-Ký Thư-Quey Ủy-Viên Đặc-trách Nguyệt-San Q.T.X.N. Ủy-Viên Trưởng-Thường " Phát-triển Hội-Viên " Phát-triển Tài-Chánh " Thông-Tin " Chương-Trình " Tổ-chức " Xuất-bản và Thư-viện " Giáo-dục " Huấn-luyện Kiểm-sóc-viên Tài-chánh	Ô. KHƯƠNG-HỮU-DIỀU Ô. TRẦN-VĂN-KIỆM Ô. NGUYỄN-VĂN-HẢI Ô. NGUYỄN-THÀNH-NIỆM B. NGUYỄN-THỊ-HAI Ô. ĐẶNG-QUỐC-CƠ Ô. ĐỖ-THÀNH-NHƠN Ô. TRƯƠNG-KHẮC-CÂN Ô. VÕ-VĂN-HUẾ, HUYNH-HỮU-HẠNH, NGUYỄN-VĂN-CHÂU, HUỠNH-QUANG-TRUNG Ô. BUI-KIỆM-YẾN, TRẦN-HỮU-HÀI Ô. NGUYỄN-THÀNH-NAM, JOUVE Robert, VECCHI Sáo A, CAO-THIỆN-CHÁNH, TRƯƠNG-DUY-NHẬT, Ô. TRẦN-QUI-THÂN, CHÂU-ĐẠO-SANH, LÝ-LONG-THÂN, HUYNH-ĐẠO-NGHĨA, NGUYỄN-TẤN-ĐÔI Ô. NGUYỄN-ĐĂNG-KHOI, LÊ-GIA-LAM, NGUYỄN-DUY-TƯỚNG Ô. NGUYỄN-THÀNH-TOẠI, VÕ-HÙNG, NGUYỄN-HỮU-NHAN, TRINH-VĨNH-DIỆN Ô. NGUYỄN-VĂN-PHƯỚC, LÊ-THẤT-KHƯƠNG Ô. ĐÀO-NGUYỄN-TỰ Ô. NGUYỄN-PHƯỚC-THIỆN Ô. BUI-HỒNG-CẨM, VÕ-TRỌNG-CẨM Ô. CAO-VĂN-HAI, NHAN-ĐỨC-KHƯƠNG.
---	---

CỔ-VẤN ĐOÀN

Ô. NGUYỄN-THÀNH-LẬP AU-NGOC-HỒ TRƯƠNG-VĂN-QUI TRƯƠNG-THÁI-TÔN DƯƠNG-NGỌC-SỨ NGUYỄN-VÕ-DIỆU NGUYỄN-VĂN-KHAI NGUYỄN-PHƯỚC-DU NGUYỄN-TẤN-VIỆT HỒ-TẤN-PHÁT B. TĂNG-THỊ-THANH-TRAI	Ô. PHAM-MINH-DƯƠNG VÕ-VĂN-NHƯNG LÂM-VĂN-Sİ HUYNH-NGOC-MY PHAN-ĐĂNG-KY PHẠM-VĂN-PHI LÊ-VĂN-KIM DESPERRES, JEAN DƯƠNG-MỘNG-ẢO TĂNG-KIM-ĐÔNG TRẦN-QUỐC-THIỆN
--	--

Ch.14 - Thiết Lập Hạ Tầng Cơ Sở Kỹ Nghệ Trong Thời Chiến 1964-75

Nhờ vào những nỗ lực trong nhiều lãnh vực của chúng tôi, công cuộc phát triển kỹ nghệ trong nước đã đạt những bước tiến liên tục. Do đó Ngân Hàng đẩy mạnh việc cấp tín dụng cho các dự án mới tại các tỉnh. Các hồ sơ vay được chấp thuận cho mọi hoạt động kinh tế như biến chế nông phẩm, sản phẩm công nghiệp, các dự án về nước và điện cùng những biến chế khác nữa.



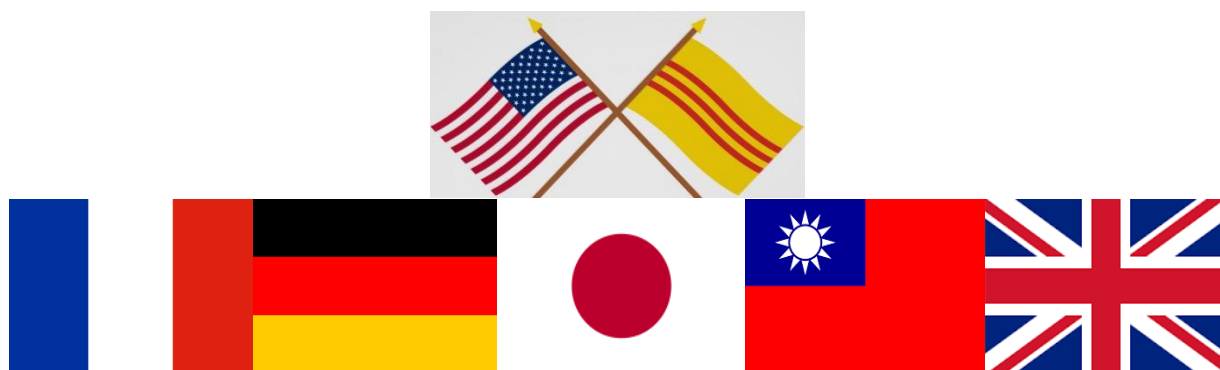
Nỗ lực của chúng tôi nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu thụ của cư dân ở tỉnh thành cũng như tại nông thôn. Trong bối cảnh cuộc chiến đang sôi sục, nhóm chúng tôi đã dốc tâm vào công việc hoàn thành các hạ tầng cơ sở cần thiết cho việc phát triển kinh tế và cải tiến cuộc sống của người dân. Phần thưởng của chúng tôi là thấy được trước mắt những đóng góp tích cực từ việc làm của mình vào đời sống mọi người.

Chương 15

Hợp Tác Quốc Tế

Phần A:

Các Nước Á Châu Và Tây Âu



Tổ Chức Năng Suất Á Châu và Nhật Bản



Nhiệm vụ của tôi từ 1964 đến 1975 bao gồm công việc hợp tác kinh tế với những quốc gia trong Thế Giới Tự Do đang giúp đỡ Miền Nam chống lại Cộng Sản Miền Bắc được yểm trợ bởi Liên Xô và Trung Cộng. Do đó trong cương vị đại diện cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, tôi thường tiếp xúc với những quốc gia đồng minh bạn của chúng ta như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp, Tây Đức, Đài Loan và APO.

Tổ Chức Năng Suất Á Châu APO (Asian Productivity Organization). là một tổ chức liên chính phủ được Nhật Bản thành lập ngày 11 tháng 5, 1961 nhằm mục đích đóng góp vào sự phát triển xã hội và kinh tế của các quốc gia vùng *Á Châu* và vùng *Thái Bình Dương* qua những nỗ lực trợ giúp các quốc gia hội viên để gia tăng năng suất và khả năng cạnh tranh. Cơ quan Tổ chức này cũng giúp những cơ quan sản xuất tại mỗi quốc gia (National Productivity

Organizations=NPOs) bằng cách cung cấp những dịch vụ huấn luyện cũng như cố vấn trong lãnh vực tư và công. Ngoài ra, APO còn hỗ trợ việc phổ biến và trao đổi thông tin về năng suất kinh tế giữa các quốc gia. Trụ sở của Tổ chức đặt tại Tokyo và vị Tổng Thư Ký là một cựu đại sứ người Nhật. Vào năm 1964, những quốc gia hội viên của APO gồm có Nhật Bản, Đài Loan, Đại Hàn, Hong Kong, Việt Nam Cộng Hòa, Phi Luật Tân, Mã Lai Á, Thái Lan, Singapore, Ấn Độ, Pakistan, Iran, Nepal, và Sri Lanka. Hội Đồng Quản Trị của APO luân phiên nhóm họp mỗi năm một lần tại các nước hội viên. Tôi có mặt ở APO từ năm 1964, đã học hỏi rất nhiều qua những hợp tác với APO. Ngoài ra, tôi cũng gửi nhân viên các cấp của Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ và Bộ Kinh Tế, các chủ nhân và thành viên Hội Đồng quản trị của một số cơ sở kỹ nghệ đi tu nghiệp với APO để có cơ hội học hỏi về kỹ thuật và quản trị tại những công ty lớn nổi tiếng thế giới như Sony, Pioneer Electronics, Mitsubishi Heavy Industries... Nhiều chuyên viên kỹ thuật của APO cũng đến Việt Nam hỗ trợ cho Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ trong nhiều lãnh vực, như ông Kobayashi, một kỹ sư hồi hưu giàu kinh nghiệm của Japan National Railroad, và ông Kaneko, chủ tịch kiêm chủ nhân của một công ty mạ điện của Nhật.

Sau đây là một số hình ảnh ghi lại những phiên họp quan trọng của Việt Nam với APO:

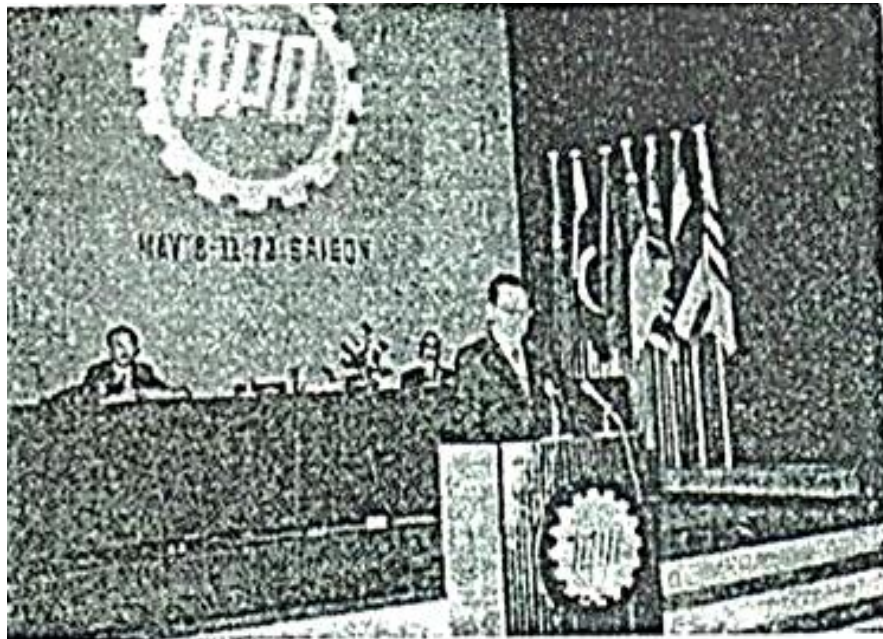
- Diễn Văn Khai Mạc APO của Thủ Tướng Eisaku Sato tại Tokyo 1970



His Excellency Prime Minister Eisaku Sato of Japan delivers his inaugural speech before the opening session of the Asian Productivity Congress held at the Tokyo Prince Hotel, August 18, 1970

Tôi tham dự phiên họp này với cương vị là Phó chủ tịch (tôi ngồi ghế thứ hai từ bên mặt), Bộ Trưởng Tài Chánh Nhật, Kiichi Miyazawa, thứ hai từ bên trái.

- Diễn văn khai mạc Đại Hội APO lần thứ 13 (1973) tại Sài Gòn của Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hòa Trần Thiện Khiêm



The Prime Minister opening the 13th Governing Body Meeting of the Asian Productivity Organization.



From left to right Mr. Khong Hui Dieu, outgoing Chairman, The Prime Minister (center) and Mr. Morimaburo Seki, APO Secretary General during the opening session.

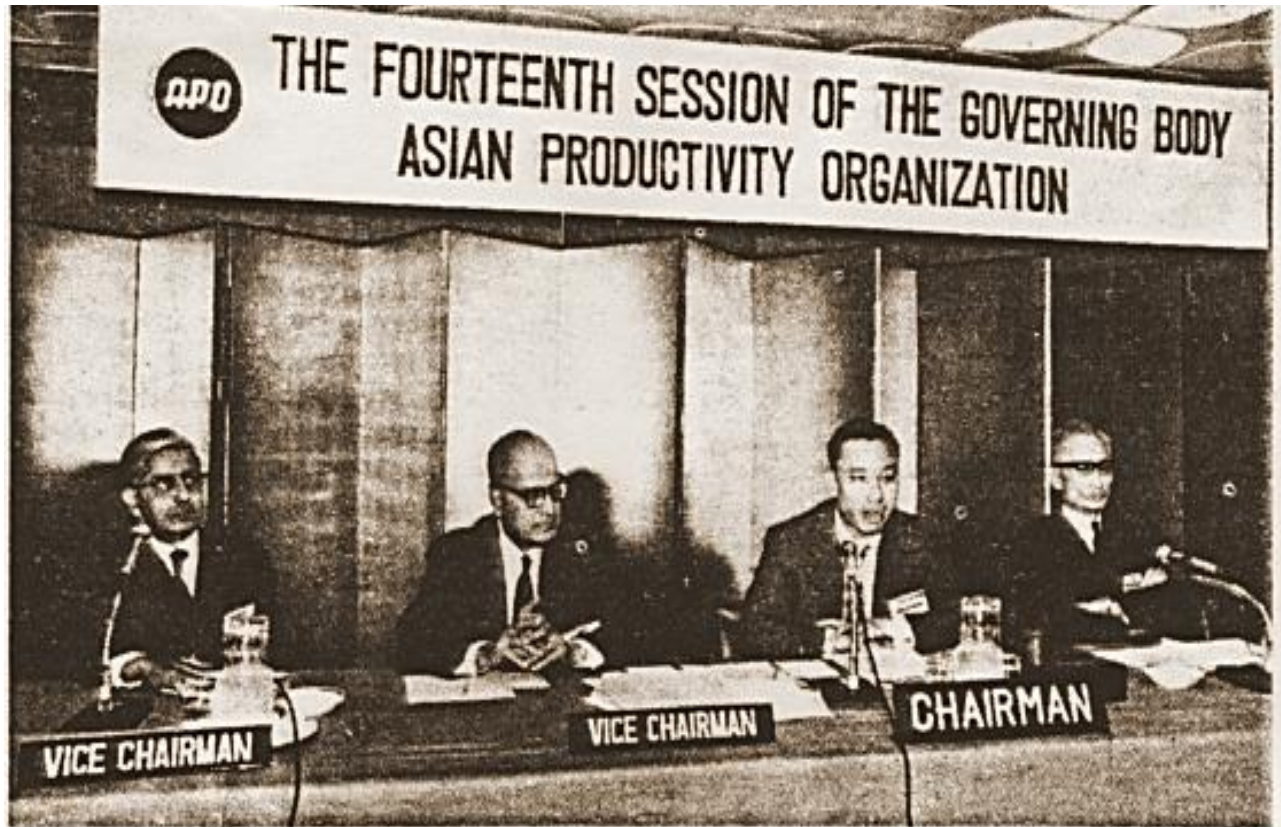
Từ trái qua phải: KH Điểu, Thủ Tướng TT Khiêm, cựu Đại Sứ Nhật M. Sato



Ô. Điểu đọc diễn văn bế mạc khóa họp

Đông *gặp* Tây

Năm 1974, tôi là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chủ tọa phiên họp của Đại Hội APO lần thứ 14 tại Sài Gòn.



The new APO Chairman Mr. Khuong Huu Dieu making his opening statement at the 14th GB Meeting. Flanking him (from l to r) are Mr. V.A. Jafarey, 2nd Vice-Chairman, Mr. N.N. Wanchoo, 1st Vice-Chairman and Mr. M. Seki, APO Secretary-General.

Từ trái qua phải: Ô. V.A. Safarey Thứ Trưởng Kỹ Nghệ của Pakistan, Ô. N. N. Wanchoo Tổng Trưởng Kỹ Nghệ Ấn Độ, KH Điều, Đại sứ M. Seki.

Các Dự Án Của APO

Tổ chức APO cùng với Tòa Đại Sứ Nhật Bản ở Sài Gòn hướng dẫn nhiều phái đoàn kỹ nghệ gia và nhà đầu tư người Nhật đến Miền Nam để nghiên cứu các dự án hỗn hợp. Hai công ty Nhật Yanmar và Kubota có thiết lập công ty Việt-Nhật chế tạo nông cụ máy cho nhà nông chạy bằng diesel tại Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa. Những máy móc của họ còn được thịnh hành sử dụng nhiều trong ngành ngư nghiệp và giao thông.

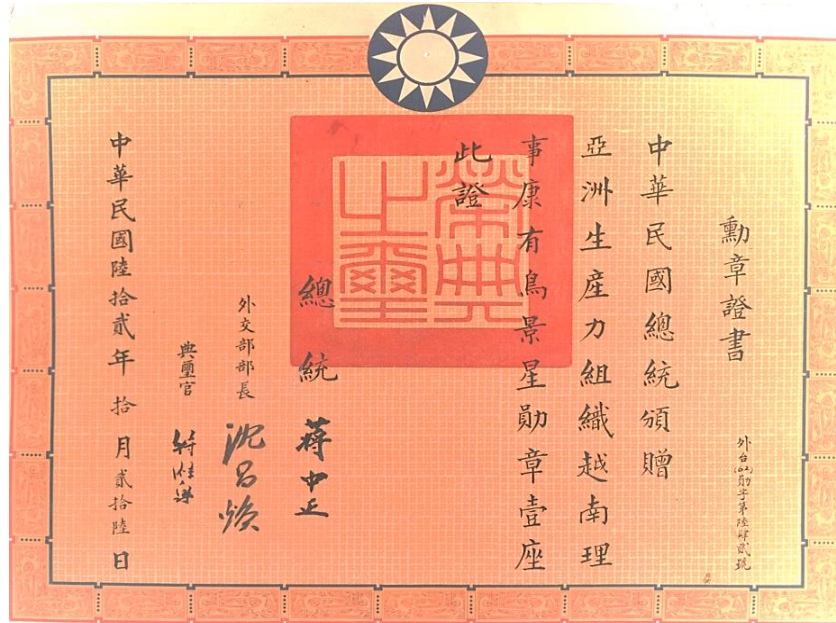
Các nhà đầu tư Nhật Bản tới thăm tôi ở Sài Gòn trong năm 1973.



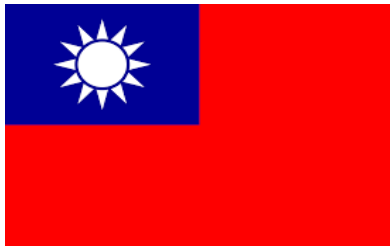
Phái đoàn APO gồm các kỹ nghệ gia, các nhà đầu tư Nhật Bản viếng thăm tôi ở Sài Gòn năm 1973. Người mặc áo dài là thông dịch viên.

Thân gỗ chiếm phần lớn lâm sản xuất cảng quan trọng của Việt Nam và cũng là nguyên liệu cần thiết cho việc tái thiết nhà ở bị chiến tranh tàn phá. Do đó tôi cố gắng khuyến khích hỗ trợ việc xây cất các nhà máy biến chế gỗ thành những sản phẩm như ván ép nhằm nâng cao giá trị đáp ứng nhu cầu của người dân đồng thời tạo công ăn việc làm trong nước. Qua sự hỗ trợ của APO, Nhật Bản đã tài trợ thiết lập nhà máy chế ván ép Tân Mai ở vùng ngoại ô Sài Gòn. Ông Dương Kích Nhưỡng là vị Giám đốc đầu tiên của nhà máy này. Tôi có dịp viếng thăm một nhà máy tương tự bên Nhật để trang bị cho dự án. Đây là một phương án đầu tư đem lại nhiều thành quả mặc dầu phải đương đầu với nhiều thử thách do chiến tranh gây ra. Thân cây, vật liệu chính của nhà máy, bị ghim nhiều mảnh đạn nên thường gây thiệt hại cho lưỡi bào bằng thép của máy. Nhiều chuyên gia Nhật về tiểu công nghệ dùng gỗ và tre cũng đến Việt Nam để giúp giới công kỹ nghệ Việt Nam phát triển ngành này nâng cao trị giá gia tăng các lâm sản của Việt Nam. Nói tóm lại, qua APO, Nhật Bản đã đầu tư vào nhiều lãnh vực nhà máy trong Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa đặc biệt kỹ nghệ chế ráp về điện tử và các loại hàng thông dụng.

Năm 1973, Tổng Thống Tưởng Giới Thạch của Trung Hoa Dân Quốc có phong tặng cho tôi huy chương "King Star Medal" về những đóng góp của tôi với tổ chức APO (Xin xem hình dưới)



Hợp tác với Đài Loan

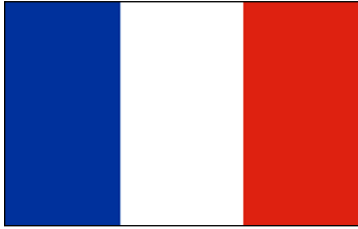


Trong thời chiến, Miền Nam Việt Nam và Đài Loan tổ chức những buổi họp thường niên về kinh tế để thúc đẩy nền thương mại song phương giữa hai quốc gia. Việc người Mỹ ký nhiều giao kèo với Đài Loan để mua những sản phẩm cần thiết cho các hoạt động của họ tại Miền Nam đã đem lại nguồn Mỹ Kim dồi dào nuôi dưỡng “giai đoạn cất cánh” của nền kinh tế Đài Loan.

Sau Thế Chiến Thứ Hai, nhiều kỹ sư và chuyên gia trong quân đội của Tổng Thống Tưởng Giới Thạch đã di chuyển từ lục địa qua Đài Loan. Nhờ nguồn nhân lực và quỹ Mỹ Kim mới này, Đài Loan đã thành công trong chương trình xây dựng những khu kỹ nghệ và chế xuất của họ. Tôi cũng đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm về vấn đề thiết lập những hạ tầng cơ sở của Đài Loan. Chúng tôi đã gửi nhiều nhà nông qua Đài Loan để được huấn luyện cấp tốc về phương pháp sản xuất tân tiến. Tôi được quan sát một dự án thủy sản ở Đài Loan rất thành công khởi đầu với một ao nước nuôi rong để làm thức ăn cho cá. Kế đến là một trại nuôi hàng ngàn cá nhỏ bên cạnh các hồ nuôi cá lớn. Sau cùng là một nhà hàng nổi tiếng với cá từ nông trại. Nông dân Đài Loan rất khéo về sản xuất và buôn bán, bằng chứng là Đài Loan đã cung cấp phân nửa số lượng tiêu thụ ốc của nước Pháp.

Nông dân Việt Nam cũng học được từ Đài Loan phương thức trồng các loại nấm và nhiều nông sản khác. Khi tôi khởi sự dự án xây cất Khu Kỹ Nghệ Cần Thơ, chánh phủ Đài Loan đã giúp cho tôi máy bơm cát lớn nhất của họ để lấy cát từ sông Cửu Long đổ lên khu kỹ nghệ mới. Ngoài ra chúng tôi cũng nhận từ Đài Loan một nhà máy bê tông “prestressed” tân tiến để sản xuất cột điện tại Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa.

Hợp tác với Pháp



Tôi cũng may mắn nhận được sự hỗ trợ của chính phủ Pháp trong chương trình đào tạo cấp tốc những nhân viên tân tuyển để tăng cường cho nhóm chuyên viên kỹ thuật của tôi. Trong chiều hướng này, chính phủ Pháp đã gởi một cố vấn cao cấp nhiều kinh nghiệm là ông Denis Nguyễn Phước Du, một công dân Pháp gốc Việt. Ông đậu bằng tiến sĩ từ trường École Nationale Supérieure de Chimie de Montpellier và đã giữ chức vụ giám đốc kỳ cựu cho Shell-Vietnam Company. Ông còn là giáo sư trường Kỹ Thuật Phú Thọ nên ông đã giúp tôi tuyển dụng những sinh viên ưu tú nơi đây. Chúng tôi cộng tác với nhau từ năm 1964 tới năm 1975. Ông đã đóng góp đáng kể vào những thành quả của Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ. Sau 1975, tôi có hân hạnh được gặp lại ông và gia đình tại nhà ông ở Montpellier trong một chuyến viếng nước Pháp.

Phải nói rằng sau khi người Pháp rời khỏi Việt Nam vào năm 1953, sự bang giao văn hóa và kinh tế giữa Pháp và chế độ Việt Nam Cộng Hòa rất giới hạn. Hệ thống giáo dục của Pháp áp dụng tại miền Nam trong gần một thế kỷ với bản chất gạn lọc và lý thuyết đã lần lượt được Việt hóa và hướng về mô hình giáo dục của Mỹ có tính cách đại chúng và thực tiễn không kể chính phủ Mỹ còn tài trợ dồi dào về nhân sự, học bổng và học cụ cho nền giáo dục non trẻ của Việt Nam Cộng Hòa.

Vào năm 1974, với mục đích quảng bá nền giáo dục Pháp vốn đã nguội lạnh trong giới trí thức miền Nam, chính phủ Pháp mời một phái đoàn cấp lãnh đạo giáo dục Việt Nam qua thăm các đại học nổi tiếng nhất của nước họ. Phái đoàn gồm ông Tổng Trưởng Giáo Dục Ngô Khắc Tĩnh, Thứ Trưởng đặc trách Đại học, tiến sĩ Đỗ Bá Khê, và tôi, với cương vị cố vấn «technology» cạnh ông Tổng Trưởng. Nhân dịp này, tôi có viếng thăm một số trường như École Polytechnique de Paris, École Nationale des Ponts et Chaussées, École Normale Supérieure, Supélec, INSEAD, Université de Technologie de Compiègne, Université de Bordeaux, Université de Toulouse, Université de Montpellier, Université de Marseille, và tiếp xúc với ban giảng huấn của *Khoa khai khẩn dầu hỏa ngoài khơi* của Université d'Aix-en-Provence. Tại Université de Bordeaux đoàn chúng tôi đã được phân khoa Hôtellerie Internationale rất nổi tiếng khoản đãi chúng tôi một bữa tiệc đặc biệt do nhân sự của phân khoa này nấu. Dĩ nhiên là rượu chất chọn lọc vùng Bordeaux đã được đem ra để giới thiệu. Ngoài ra, ông Tổng Trưởng Giáo Dục Pháp cũng có mời phái đoàn chúng tôi dự một đại tiệc tại nhà hàng nổi tiếng Hôtel de Crillon nằm nơi Place de la Concorde ngay trung tâm thủ đô Paris. Khung cảnh sang trọng và trang nhã của phòng tiếp tân cũng như thức ăn của nhà hàng đạt nhiều sao của Michelin đã gây ấn tượng tốt với tôi.

Thông thường, đại học là lò đào tạo chuyên viên và sự phát triển của quốc gia, đặc biệt về kinh tế và kỹ thuật, dựa vào hướng đi và phát triển của đại học. Dựa vào kinh nghiệm học tại MIT, những quan sát của chuyến công du cũng như những thông tin đại học, tôi có nhận xét là nền giáo dục đại học của Pháp, cho đến nay, vẫn không mấy thay đổi trên nhiều

phương diện:

- Đa số đại học Pháp là công lập. Số đại học tư lập không đáng kể. Ngược lại ở Hoa Kỳ, tuy cũng có nhiều đại học công lập, nhưng đa số những đại học nổi tiếng như là tư lập và nằm rải rác khắp nơi trong nước. Thí dụ như MIT và Harvard ở tiểu bang Massachusetts; Columbia University và New York University ở New York, Stanford và Cal-Tech ở California, Princeton ở New Jersey, Yale ở Connecticut... đều là tư lập. Trái lại, tại Pháp các trường tốt nhất, "Les Grandes Écoles", đều là công lập và tập trung ở thủ đô Paris mà thôi.

- Học phí đại học Pháp tương đối thấp nên các sinh viên có thể học xong bậc đại học mà không chịu cảnh nợ nần như bên Hoa Kỳ.

- Việc giao tiếp giữa các sinh viên và giáo sư ở Pháp kém cởi mở, thân thiện so với bên Mỹ.

- Campus trường đại học bên Pháp tương đối nhỏ hẹp và vắng bóng các sinh hoạt của những hội Fraternity và Sorority loại "Greek letters." Ở Pháp, không có chương trình "Student Affairs Residential Education" để giúp sinh viên phát triển, học hành và thăng tiến.

- Các quỹ và phương tiện về Nghiên Cứu và Phát Triển có giới hạn hơn so với các trường đại học Mỹ.

- Các sinh hoạt thể thao tại các trường đại học Pháp không được mở mang bằng bên Mỹ. Không nơi nào có những vận động trường to lớn với số ghế ngồi trên 100.000 như ở University of Michigan hoặc nhiều nơi khác.

- Các cựu sinh viên Pháp không hào phóng đóng góp cho trường cũ như ở bên Mỹ vì họ nghĩ rằng đây là bổn phận của chánh phủ.

- Các trường đại học tư lập Mỹ tùy thuộc vào tiền quyên góp để hoạt động. Số tiền này lên tới những con số rất lớn: Harvard \$32.7 tỉ Mỹ kim; Yale \$23.9; Stanford \$21.4; Princeton \$20.7. Càng có nhiều tiền, các đại học càng thu nhận được nhiều giáo sư giỏi và thu hút được nhiều sinh viên ưu tú hơn bằng cách cấp học bổng cho họ. Những đại học giàu có dùng đồng tiền để mua danh tiếng qua những chương trình học vẫn có phẩm chất cao và tài trợ ban giảng huấn thực hiện những cuộc nghiên cứu quan trọng. Kết quả là hai đại học nổi tiếng nhất bên Pháp École Polytechnique de Paris và École Normale Supérieure, chỉ được xếp hạng theo thứ tự 53 và 33 trên thế giới (QS World University Rankings 2016/17).

Cũng năm 1974, ông Rueff, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của công ty CARIC ở Sài Gòn mời tôi qua Paris thuyết trình về đề tài đầu tư vào Việt Nam. Công ty này có xưởng đóng và sửa chữa tàu ở Sài Gòn từ năm 1887. Cuộc hội thảo được tổ chức tại trụ sở của "Conseil National du Patronat Français" (CNPF) nằm trên Avenue Pierre-Ier-de-Serbie, một tòa nhà lịch sử do "French Employers Union" làm chủ. Hôm đó có ông đại sứ Việt Nam Nguyễn Duy Quang tại Paris đi cùng với tôi. Người anh sanh đôi của tôi, Tiến sĩ Khương Hữu Quý và phu nhân

Françoise, cả hai làm Giám Đốc nghiên cứu cho « Centre National de Recherche Scientifique »(CNRS), cũng được mời.

Nhìn chung, trong công cuộc hợp tác kinh tế Pháp-Việt, giới đầu tư Pháp hưởng được nhiều lợi thế: VN có một lực lượng lao động được trả lương thấp và tay nghề giỏi, **do đó giá thành thấp**, có nhiều đặc sản như bàn ghế bằng gỗ quý, đồ sứ, hải sản đông lạnh và cá nuôi. Ngay trong Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa có nhà máy Eternit sản xuất dụng cụ xây cất rẻ tiền rất thành công. CARIC còn sản xuất xe hơi “La Dalat” tại Sài Gòn. Để gây cảm tình với những nhà đầu tư có tiềm năng, tôi cố gắng thuyết trình bằng tiếng Pháp.

Viện trợ của Đức Quốc



Vissan (Việt Nam Súc Sản Công Ty) là một dự án đặc biệt của viện trợ kinh tế nước Đức dành cho Miền Nam. Cho đến thập niên 70, thành phố Sài Gòn với hàng triệu cư dân, vẫn còn sử dụng một lò sát sanh cũ kỹ và thiếu vệ sinh. Tôi liên lạc với Tùy Viên Thương Mại của Tòa Đại Sứ Đức để thuyết phục ông giúp cho Việt Nam thiết lập một lò sát sanh tân tiến.

Tôi đưa ông đến tận nơi để quan sát. Chúng tôi lên tàu tại “Club Nautique” Sài Gòn rồi chạy vài cây số trên rạch Cầu Ông Lãnh để tới lò sát sanh Chánh Hưng. Trong lúc nước ròng, cảnh tượng những giấy vệ sinh bẩn bị xả xuống từ những nhà sàn hai bên bờ rạch làm chúng tôi bị sốc. Tại lò sát sanh, chúng tôi phải rùng mình chứng kiến cảnh các con heo bị chọc tiết bằng dao nhọn theo cách cổ xưa. Huyết heo bắn tung và tiếng hét nghe inh ỏi. Cảnh tượng hãi hùng này đủ để thuyết phục ông Tùy Viên Thương Mại đề nghị với chánh phủ ông viện trợ cho Việt Nam xây một lò sát sanh mới.

Tôi được Bộ Kinh Tế chỉ định làm giám đốc dự án. Theo luật pháp thời ấy, chánh phủ được quyền, vì lợi ích chung, trưng dụng tài sản của dân để xây lò sát sanh với những bồi thường thỏa đáng. Tôi được an tâm với những thỏa thuận pháp lý khi thực hiện dự án.

Địa điểm hợp lý và tiện lợi cho dự án nằm trong một trại trồng bông mai dùng chưng bày trong dịp Tết và bông ngâu dùng để ướp trà. Tôi lập một ủy ban quyết định số tiền bồi thường cho chủ nhân trại trồng bông. Lò sát sanh cần phải đặt tại địa điểm có kinh rạch vây xung quanh để đón nhận súc vật được chở tới bằng tàu bè từ các tỉnh vì đây là phương tiện chuyên chở ít tốn kém nhất. Cũng vì lý do an ninh các công trình xây cất cần được đặt cách xa nơi đông dân cư. Tôi quyết định cho xây lò sát sanh ngay giữa một hòn đảo nhân tạo có một chiếc cầu nối liền với hệ thống đường xá có sẵn. Tuy đã thông báo rõ ràng, nhưng khi thực hiện cũng gặp chuyện khó xử. Khi chiếc xáng đào con rạch chạy quanh hòn đảo phải ngừng lại trước một ông nông dân già bình thản ngồi trên chiếc ghế cản đường tiến của chiếc xáng để phản đối việc chánh phủ tịch thu đất của ông. Cảm tạ Thượng Đế đã cho tôi quyền để đối phó với tình trạng này. Tôi kính cẩn và nhẫn nại trình bày với ông nước nhà cần xây một lò sát sanh có vệ sinh, tân tiến và Đức Quốc đã vui lòng tài trợ cho

Việt-Nam dự án này. Ngoài việc sẽ bồi thường ông tối đa theo luật định, tôi còn hứa tặng thêm ông một món quà đặc biệt là các con heo giống Yorkshire của viện trợ Mỹ. Cuộc thương thuyết nhờ đó được giải quyết ổn thỏa cho cả đôi bên.

Trong giai đoạn xây cất, tôi khám phá ra địa bàn của lò sát sanh nằm trên một vùng đất bồi và bùn lầy nên đòi hỏi phải đóng nhiều cột xi măng cốt thép chống đỡ nền nhà máy cho được vững chãi hơn. Tôi cảm thấy hãnh diện mỗi khi nghĩ tới dự án này vì đó là lần đầu tiên ở Sài Gòn một công trình như vậy đã do một nhóm chuyên viên trẻ từ Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ đứng ra đảm nhiệm từ đầu tới cuối: từ điều nghiên tới chọn lựa máy móc, đấu thầu quốc tế, điều hành xây cất, đặt máy và cho chạy thử. Lò sát sanh đặt tên là VISSAN được hoàn tất năm 1974 và Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm đã đến chủ tọa lễ khánh thành.



Việt Nam Súc Sản (Vissan)

Hình do Trần Quốc Bảo cung cấp

L.T.Nhàn

NĐ Cường

Đại Sứ Tây Đức



HĐ Nhữ

L.T.Nhàn



Ông Lê thanh Nhàn, một chuyên viên của Ngân Hàng được chỉ định làm Tổng giám đốc. Ông xuất thân từ trường École Polytechnique de Montréal.

Những bức hình dưới đây chụp cảnh ngày cắt băng khánh thành dự án "Vissan" với sự có mặt của Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, ông Đại Sứ Đức, và cựu thành viên "Dream Team" là hai Tổng Trưởng Hoàng Đức Nhã và Nguyễn Đức Cường.



Việt Nam Súc Sản (Vissan)

Hình do Trần Quốc Bảo cung cấp



*Lễ Khánh Thành Lò Sắt Sinh Tân Tiến
1974*



Liên quan tới nước Đức, trong năm 1969, tôi có tham dự một chương trình huấn luyện về ngân hàng phát triển ở Berlin, dành cho 12 quốc gia Á Châu. Vào thời điểm đó, thành phố West Berlin còn đang bị cô lập bởi bức tường Bá Linh nổi tiếng thế giới. Từ Paris tới Berlin, chiếc phi cơ của chúng tôi phải bay trong một hành lang hẹp và bị Cộng sản kiểm soát một cách nghiêm khắc. Tôi còn nhớ, chiếc phi cơ Caravelle của hãng Air France bắt buộc phải bay qua khoảng không phận đang có thời tiết xấu chứ không được đổi đường bay để tránh nguy hiểm. Tegel Airport là phi trường quốc tế chánh của Berlin dịch vụ cho West Berlin xưa kia. Thành phố này nằm giữa lãnh thổ của nước cộng sản Đông Đức thời đó. Cuộc hội thảo được tổ chức tại Villa Borsig.



Villa Borsig, Berlin Tegel, 1969



Trung Tâm Hội Thảo Quốc Tế Berlin Tegel

Vào một cuối tuần, tôi tò mò muốn viếng thăm một nước cộng sản bằng cách đi qua



Checkpoint Charlie Berlin

“Checkpoint Charlie” do người Mỹ kiểm soát. Vì mang theo sổ thông hành của chánh phủ Miền Nam, tôi lo sợ sẽ gặp khó khăn khi quay trở lại khu vực Miền Tây của thành phố. Tôi cẩn thận dặn những bạn tham dự khóa hội thảo nhớ thông báo cho tòa đại sứ của họ hay nếu không thấy tôi trở lại.

Ngay khi tôi vừa đặt chân vào khu vực miền Đông thành phố, một người Đông Đức và một người Nga đến nói chuyện với tôi và thuyết phục tôi đừng quay trở lại khu vực miền Tây nữa. Họ biết tôi là một kỹ sư cơ khí học tại MIT và đề nghị tôi ở lại làm việc cho Đông Đức. Đương nhiên là tôi tiếp tục cuộc thăm viếng và quan sát những khác biệt giữa khu vực nghèo nàn miền Đông và khu vực phồn thịnh miền Tây của thành phố Berlin. Tôi không gặp trở ngại nào khi bước qua lại Checkpoint Charlie, trong lòng đầy hồi hộp và hứng thú. Ngoài những buổi hội thảo ra, chánh phủ Đức còn tổ chức các cuộc thăm viếng để tham dự viên hiểu thêm về đời sống cư dân ở khu vực miền Tây Berlin nữa.

Hỗ trợ của Anh Quốc



Chánh phủ Anh mời một phái đoàn thương gia và kỹ nghệ gia Việt Nam qua thăm viếng những kỹ nghệ bên đất nước họ - nhất là những ngành xây cất nhà ở rẻ tiền cho người tị nạn chiến tranh.

Tôi hướng dẫn một phái đoàn kỹ nghệ gia qua quan sát bên Anh trong vòng 10 ngày. Chúng tôi đến Luân Đôn vào ngày 8 tháng 4, 1967. Thành viên phái đoàn gồm: bà Nguyễn Thị Hai, Chủ nhân và Giám đốc Viện bào chế dược phẩm Nguyễn Thị Hai; ông Trương Khắc Cẩn, Giám đốc Công ty dầu và sà bông Trương Văn Bền; ông Nguyễn Văn Khải, Chủ nhân và Giám Đốc Nhà Máy Dệt Phúc-Tiến; ông Huỳnh Ngọc Mỹ, Tổng Giám Đốc, My-Tox Company (thuốc sát trùng); và ông Hồ Tấn Phát, Tổng Giám Đốc Công Ty Điện Lực Việt Nam. Cuộc viếng thăm do Central Office of Information tổ chức.



Phái Đoàn sáu Người Việt

Suốt thời gian lưu trú bên Anh, các kỹ nghệ gia có dịp viếng thăm những cơ sở kỹ nghệ và tổ chức có liên hệ tới những hoạt động hay lãnh vực họ chú ý tới tại Luân Đôn cũng như các tỉnh. Họ còn có cơ hội gặp gỡ những kỹ nghệ gia quan trọng người bản xứ.

Cuộc viếng thăm của phái đoàn Việt Nam đưa tới kết quả là công ty Anh quốc Gideon Richter (G.R.) đã ký thỏa hiệp bán một số thuốc cần toa bác sĩ và dược phẩm cho một số công ty dược phẩm bên nhà đáng giá nhiều triệu Mỹ kim trong ba năm liền. Theo thỏa ước công ty Gideon Richter (G.R.) thuộc nhóm Lepetit Group, sau này được Dow Chemicals mua lại — sẽ cung cấp hàng tháng số dược phẩm trị giá 60.000 Mỹ kim trong ba năm kế tiếp.

Phát ngôn viên của Gideon Richter cho biết thỏa hiệp được ký kết sau gần một năm thương lượng và đại diện của công ty họ đã qua thăm Sài Gòn nhiều lần.

Chúng tôi rất cảm kích về cách thức tiếp đón khách ân cần của người Anh. Những chuyến xe lửa từ Luân Đôn về các tỉnh thật thoải mái. Ngoài việc đi thăm một số các nhà máy đặc biệt, chúng tôi được tiếp đón như người du khách tại hai thành phố Liverpool và Manchester, kể luôn cả tại trung tâm Jodrell Bank Centre về vật lý thiên văn của đại học University of Manchester. Ông Phát và tôi được hướng dẫn đi thăm phòng điều khiển một nhà máy phát điện nguyên tử. Sau đó, chúng tôi còn đi viếng nhà máy phát điện cũ tại Luân Đôn đã được sửa lại thành một trung tâm khổng lồ có tiệm bán lẻ, văn phòng, và nhà “villa” sang trọng.

Phần B:

Việt Nam – Hoa Kỳ 1954-1975



CIA và TÔI



Năm 1952, tôi bắt đầu học năm thứ nhứt ở Đại học Lafayette, Easton, Pennsylvania. Tôi phải vật lộn một cách khá vất vả với Anh văn. Tôi tìm mọi phương cách giúp tôi trau dồi Anh ngữ như nghe radio, TV, đọc báo chí, trò chuyện với bạn mới tại trường học và nơi cư trú, tham dự cả lớp học Anh ngữ ban đêm dành cho người ngoại quốc!

Trong khi đang lặn hụp với Anh văn tại Lafayette như vậy, tôi nhận được thư từ New-York International Institute of Education thông báo cho tôi biết là học bổng của tôi chỉ có một năm! Tôi bị choáng váng. Tôi thất vọng tự hỏi đây là cách mà Hoa Kỳ giúp tôi học lấy bằng Kỹ Sư Cơ khí sao? Đối với cha mẹ tôi, tôi hoàn toàn không thể chấp nhận sự mất mặt khi trở về Sài Gòn mà không có bằng Kỹ Sư! Không một ai tại Sài Gòn hiểu nổi tình trạng bàng hoàng của tôi lúc bấy giờ! Làm sao tôi đủ sức để vượt qua thách đố khắc nghiệt của đời tôi tại đất Mỹ?

Vừa bị khủng hoảng tinh thần, cô đơn, bị dồn vào góc tối cuộc đời, tôi đã không cẩn thận cân nhắc một cách chín chắn những hậu quả tiềm ẩn trong việc xin học các nơi khác, ngay cả tại Moscow. Tôi đã gửi hồ sơ xin học bổng đến Thụy Sĩ, Đức Quốc và Liên Bang Sô-Viết để nếu Mỹ cắt ngắn việc học hành của tôi, Moscow University có thể là nơi giúp tôi hoàn tất bằng Kỹ Sư mặc kệ đang lúc có việc tranh chấp một mất một còn giữa khối Tư Bản và Cộng Sản. Tôi liên tiếp nhận được nhiều tài liệu tuyên truyền của Moscow. Sau đó vài tháng, tôi lại nhận được sự giúp đỡ của một người bạn Mỹ tên "John." Anh ta cho biết một ông bạn của anh tên P. Berringer đang viết một quyển sách về lịch sử Việt Nam và ông cần một người làm việc "bán thời gian" (part time) để giúp ông sưu tập các ấn phẩm như tạp chí,

báo chí, tài liệu liên quan đến VN. Đây là cơ hội tốt cho tôi vừa có tiền để tiếp tục việc học vừa có cơ hội trau dồi thêm Anh Ngữ. Chúng tôi kết bạn nhau ngay từ lúc ấy.

Năm 1957, tôi từ trường MIT, Cambridge, xuống thành phố New York để nhận việc làm mới, chúng tôi có những lúc đi ăn trưa với nhau. Có một lần tôi khoe với "John" là tôi đã có vé Pan Am về Sài Gòn làm việc để gần gia đình cha mẹ, vợ chồng "John" cố tạo một bất ngờ lớn là họ thết đãi tôi tại một nhà hàng sang trọng đặc biệt với sự có mặt của nhiều nhân vật nổi tiếng ngồi chung quanh phòng ăn! Từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác và cuối cùng tôi mới khám phá ra "John" là nhân viên CIA từ nhiều năm rồi! Tôi nghĩ ra rằng "John" đã theo dõi tôi từ lúc tôi nhận các ấn phẩm tuyên truyền từ Moscow! Việc làm "part time" của tôi là cách họ kiểm soát tôi! Sau khi tốt nghiệp MIT, "John" còn cố thuyết phục tôi nên giúp Việt Nam qua việc hợp tác với CIA. Bị choáng váng về đề nghị đột ngột này, tôi phản ứng rất tiêu cực.

Có thể nào một kỹ sư vừa tốt nghiệp MIT lại đi hợp tác với CIA để mưu sinh, nhút là làm gián điệp tại nước nhà cho một quốc gia khác? Đây là một điều tôi không bao giờ nghĩ đến. Tôi đã cố gắng học tập để trở thành chuyên viên kỹ thuật giỏi phụng sự đất nước tôi chứ không làm một gián điệp giỏi làm hại nước tôi. Còn đâu là niềm hãnh diện của cha mẹ tôi và đâu là truyền thống tốt đẹp của gia đình tôi về luân lý và đạo đức?

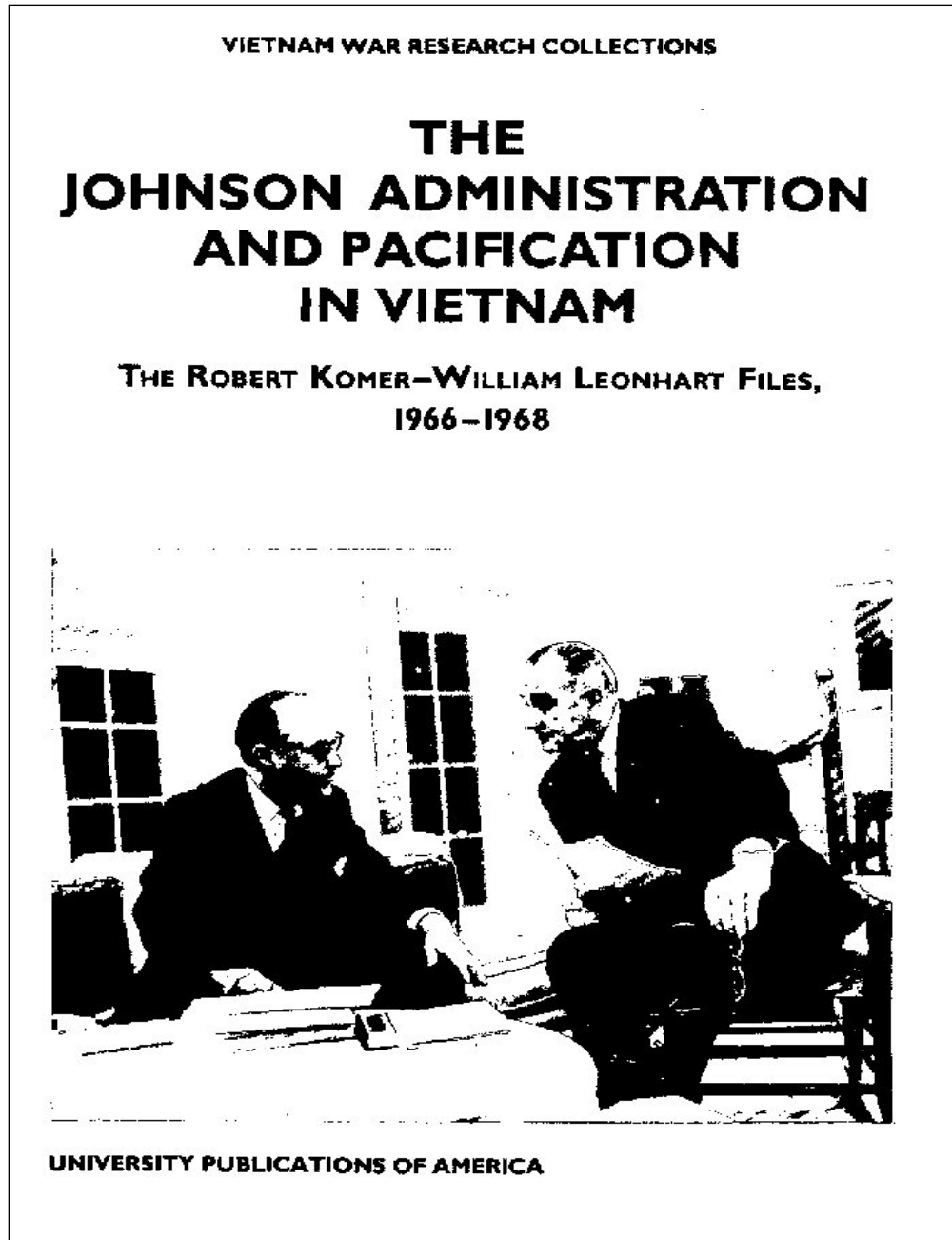
Dưới mắt tôi, tham gia vào các hoạt động của CIA là nhúng tay vào bạo lực như ám sát, đảo chánh, hay hoạt động mờ ám như tình báo, tất cả đều là hoàn toàn xa lạ đối với tôi! "John" tìm cách chinh phục tôi bằng những giải thích tích cực, lợi ích, nói chung là CIA sẽ giúp tôi cứu nước tôi. CIA đã và đang giúp ổn định nền kinh tế VN lúc chiến tranh qua việc tránh nạn lạm phát, cung cấp đầy đủ nhu yếu phẩm, nâng cao mức sống toàn dân. Lần đầu tiên trong đời tôi được biết khá đầy đủ các yếu tố về chương mục tối mật với mật mã đặc biệt tại ngân hàng Thụy Sĩ. Số thù lao đề nghị cũng to tát. "John" kết luận là hợp tác với CIA cũng là một cách thức khác giúp nước tôi chứ không có chi là phản quốc. Một phần nào, "John" cũng có lý.

Tuy nhiên, tôi đã khẳng định ngay từ đầu là tôi có lý tưởng của riêng tôi để phụng sự nước tôi, có giáo dục theo truyền thống Đông phương là không làm chuyện gì gian dối, mờ ám, vì vậy không khi nào tôi chấp nhận làm việc cho CIA. Mặc dù vậy, vì tò mò và có thể để tự trấn an, tôi đã hỏi "John" là chuyện gì sẽ xảy đến cho tôi nếu chẳng may Cộng Sản chiếm Sài Gòn? Tôi sẽ được đối xử ra sao? "John" cho biết là anh cần hỏi lại cấp trên trước khi trả lời câu hỏi mang tính cách chính sách. Tôi rất thoải mái khi đặt câu hỏi trên. Tại một bữa cơm tối đặc biệt khác, "John" nói rằng tôi sẽ là một trong những người nằm trong danh sách ưu tiên của công dân Hoa Kỳ nếu Sài Gòn bị rơi vào tay Cộng Sản Hà Nội.

Nghĩ ra, không có bữa ăn trưa nào là không trả tiền ["there is no free lunch"] như một câu nói. Khi nước Mỹ đổ hàng tỉ mỹ kim, hàng trăm ngàn quân lính vào miền Nam, nước Mỹ không phải giúp Việt Nam mà trước tiên giúp cho quyền lợi của Mỹ. Mỗi tương quan giữa chính quyền Miền Nam và Hoa Kỳ tất nhiên không phải là thứ tương quan bình đẳng. Hoa

kỳ cần biết những gì Việt Nam Cộng Hòa làm và cần làm những gì Hoa kỳ đòi hỏi theo sách lược của họ, một cách công khai và bí mật.

Kể từ năm 1965, khi viện trợ Mỹ gia tăng và khi quân đội Hoa kỳ tham chiến trực tiếp, CIA đã cung cấp những báo cáo hàng tuần, hàng tháng, không kể những báo cáo đặc biệt cho từng biến cố cho cơ quan lãnh đạo liên hệ tại Hoa Kỳ. Từ năm 1972, khi Tổng Thống Richard Nixon ban hành pháp lệnh (Executive Order) số 11652, các tài liệu mật lần lượt được giải mật và trở thành tài liệu công cộng, nhiều chuyện «thâm cung bí sử» được tiết lộ.



Trong số các tài liệu được giải mật, tôi vô cùng ngạc nhiên khi được đọc phúc trình ngày 13/7/1967 của CIA đề nghị chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa mời tôi làm Bộ Trưởng Thương Mại thay thế đương kim Bộ Trưởng Nguyễn Kiến Thiện Ân vì đã không ứng phó kịp thời với những thay đổi lúc đó.

Sau đây là tài liệu giải mật từ khối tài liệu "Vietnam War Research Collections" của "University Publications of America."

***Weekly CIA
report from
Saigon to the
WHITE HOUSE
March 13, 1967***

Changes in Ministry of Economy

10. US Embassy officials have been told that Governor Hanh of the National Bank of Vietnam (NBVN) has agreed to head a super Ministry of Economy and Finance, which will supervise the ministries of

III-4

~~SECRET~~

1.3(a)(4)

~~SECRET~~

1.3(a)(4)

finance, commerce, labor, industry, and communications and transportation. Hanh will replace Truong Thai Ton, who has held the position since 27 January and is now reported seriously ill. At the same time, Lau Van Tinh will replace Tran Van Kien as minister of finance while retaining his present position of director of the budget, and Khuong Huu Dieu will become minister of commerce replacing Nguyen Kien Thien An. Kien has been an ineffective minister who has not made much progress in the important fields of taxation and customs. Tinh, his replacement, has had wide experience in economic and financial affairs and reportedly is competent and hardworking. Although Thien An was only recently put into the commerce position at Hanh's request, he is lacking in the stature and experience needed for this difficult office. His successor is presently chief of the GVN Industrial Development Center.

Thay đổi tại Bộ Kinh Tế

Ngày thực hiện: **3/13/1967**

Ngày giải mật: **9/3/1993**

Loại phúc trình: Hàng Tuần

Mức độ : Mật

"... Hanh sẽ thay thế Trương Thái Tôn, đã và đang là Tổng Trưởng Kinh Tế từ ngày 27/01/1967 và đang bị bệnh nặng. Cùng lúc đó Lưu Văn Tinh (Giám Đốc Ngân Sách) sẽ thay thế Trần Văn Kiện đang là Tổng Trưởng Tài Chánh và Khuong Hữu Điều sẽ là Bộ Trưởng Thương Mại thay thế Nguyễn Kiện Thiện Ân. Kiện là người không đủ khả năng, làm trì trệ mọi lãnh vực quan trọng về thuế khoá và quan thuế. Tinh, người thay thế, có rất nhiều kinh nghiệm trong lãnh vực kinh tế và các nghiệp vụ tài chánh, được phúc trình là người siêng năng. Tuy Thiện Ân được Hanh đề cử vào vị trí Bộ Trưởng nhưng Ân không đủ khả năng và kinh nghiệm cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp. Điều đang là Giám Đốc Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ Việt Nam »

Đọc tài liệu giải mật này, tôi nhớ lại chuyện ngạc nhiên của tôi vào thời điểm 1967, khi anh Nguyễn Hữu Hanh, Tổng Trưởng Kinh Tế Tài Chánh, điện thoại mời tôi đến văn phòng của anh để thuyết phục tôi nhận chức vụ Bộ Trưởng Thương Mại trong Tổng bộ Kinh Tế-Tài Chánh của anh. Tôi không quen biết nhiều với anh Hanh, ít có dịp tiếp xúc với anh trước đó. Thông thường khi làm việc chung với nhau, nhứt là ở cấp lãnh đạo các vấn đề trọng đại của quốc gia, sự tin tưởng và đồng thuận quan điểm là điều kiện cần thiết. Bởi lẽ ấy, tôi viện dẫn lý do cá nhân để không nhận chức vụ mà anh Hanh giao phó. Tuy tôi cố không làm phật lòng anh để anh không gây khó dễ cho vai trò của tôi lúc đó là Giám Đốc Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ, tôi vẫn không yên tâm vì sự từ chối của tôi có thể tạo cho anh Hanh ác cảm khi tôi đang nằm trong vòng đai quyền lực của anh. Mặc dầu ái ngại như vậy, tôi cũng tự nhủ là với khả năng làm việc và sự tín nhiệm thương mến của các đồng nghiệp, hơn nữa tôi là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Hội Việt Mỹ, cơ quan quy tụ đa số những cán bộ cao cấp và trung cấp người Việt và người Mỹ, tất cả những yếu tố ấy là một thứ bảo đảm cho sự an toàn của tôi.

Giờ đây, khi đọc phúc trình mật của CIA được giải mật, tôi mới được biết là khi anh Hanh đề nghị tôi giữ chức vụ Bộ Trưởng Thương Mại, không phải vì anh tín nhiệm tôi mà anh chỉ làm công việc thi hành chỉ thị của CIA. Và nếu anh Hanh không trù dập tôi cũng không phải vì anh thương mến tôi mà chính vì người Mỹ biết tôi và tín nhiệm tôi.

Về điểm này, với tất cả khiêm tốn, tôi cũng xin được nói qua mối tương quan giữa tôi với thế giới nghề nghiệp.

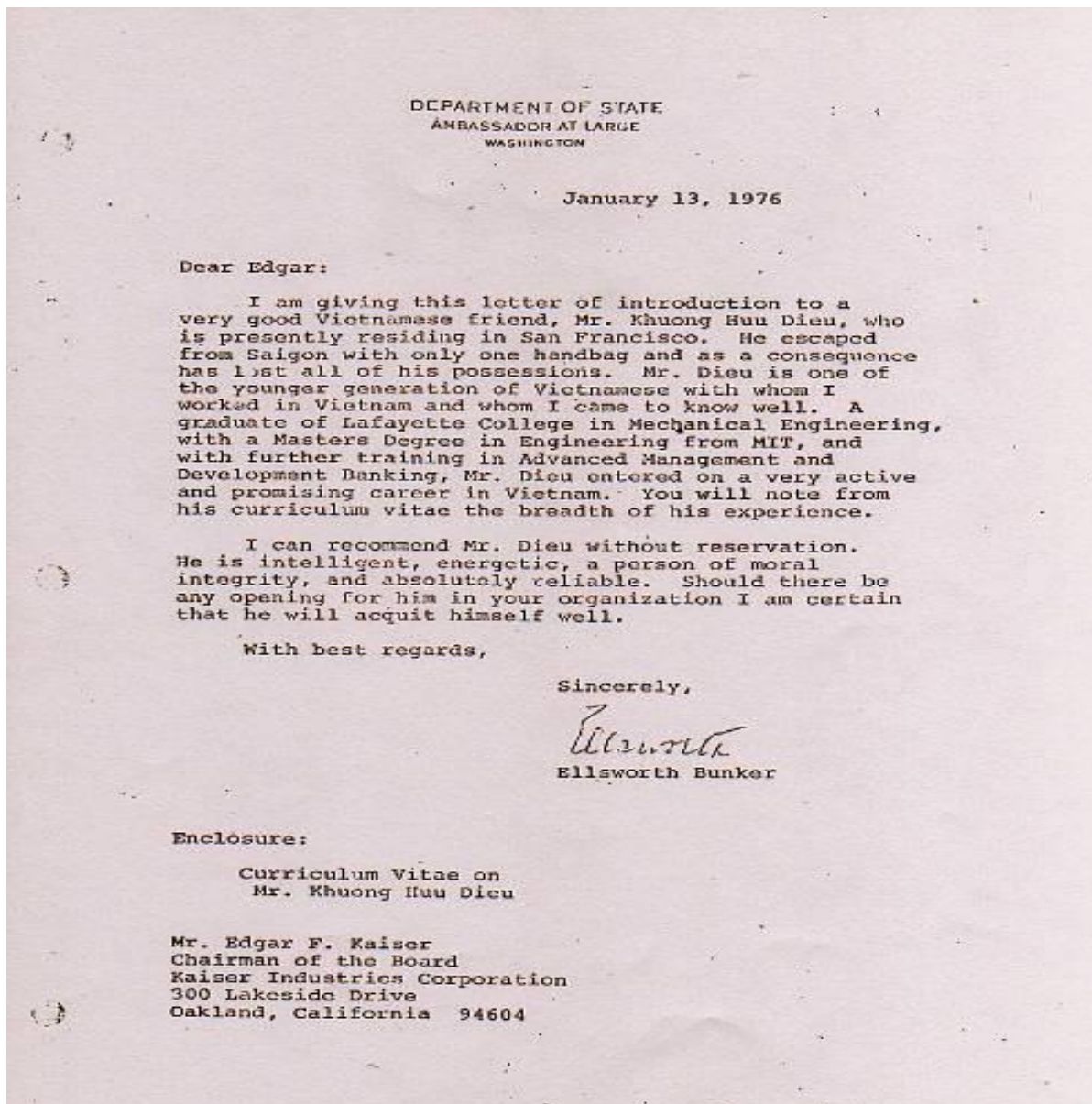
Tôi là người sinh viên đầu tiên Miền Nam nhận được học bổng Fulbright, tốt nghiệp từ trường đại học MIT hàng đầu của nước Mỹ và làm việc cho một trong những công ty kỹ nghệ lớn nhứt của nước Mỹ. Nếu văn hóa Pháp Việt đã un đúc cho tôi nền tảng của luân lý Đông Phương, tinh thần ái quốc và tình tự dân tộc thì nền văn hóa Hoa Kỳ đã tạo cho tôi một khả năng kỹ thuật và lãnh đạo. Tôi đã sử dụng những bản chất cao quý của ba nền văn hóa này trong đời sinh viên của tôi tại Việt Nam và tại Mỹ rồi khi đã thành nhân, tôi áp dụng những nguyên tắc đạo đức và hành xử của người Việt và người Mỹ trong các sinh hoạt nghề nghiệp và xử thế. Ở bất cứ địa vị nào, tôi cố gắng giữ sự tự trọng và tôn trọng kẻ khác, không tham lam và chạy theo quyền lực để làm những điều trái phép, phi pháp.

Suốt 17 năm làm việc cực lực ở Việt Nam, tôi và vợ tôi chỉ tạo được một mái nhà khang trang và khi cộng sản vào chiếm Sài Gòn, chúng tôi ra đi đến trại tị nạn Pendleton với 150 mỹ kim trong túi. Trong khi làm việc, tôi có cơ may gặp được nhiều bạn trong nhiều lãnh vực, nhiều giai tầng xã hội, nhiều quốc tịch và sau bao nhiêu giông bão, nếu tôi còn đứng dậy được chính là nhờ sự thương mến của bạn bè, ân nhân, có lẽ phần nào cũng nhờ cái quả của cái hột đã gieo.

Qua những trang giấy này, tôi có dịp nhắc đến các ân nhân ấy nhưng chắc chắn chỉ một phần nhỏ trong số các người mà tôi đã gặp trong cuộc đời đầy đầy thăng trầm của tôi. Tôi muốn đặc biệt ghi lại đây một tấm lòng quý giá trong muôn một đã giúp tôi khi tôi hoạn

nạn lúc đến đất Mỹ với hai bàn tay trắng. Bức thư đầy ân tình của cựu đại sứ Mỹ tại Việt Nam, ông Ellsworth Bunker, một trong những vị đại sứ được kính nể và có lòng với đất nước Việt Nam đã viết ngày 13 tháng 1, 1976 để giới thiệu tôi với ông Edgar Kaiser, Chủ Tịch Công Ty *Kaiser Industries Corporation* là một món quà vô giá cho tôi và Marie, vợ tôi, khi chúng tôi lêu bêu không có việc làm.

Tôi xin đăng lại bức thư, tuy có bản chất riêng tư nhưng để nói lên một điều là về chính trị, nếu nước Mỹ có bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa, nhưng về tình người, dân Mỹ đã không ngoảnh mặt với dân Việt Nam khi cả triệu người tị nạn, người HO được người Mỹ dang tay đón rước và cứu giúp. Không nên bôi đen tất cả, vợ đưa cả năm.



Lá thư của Đại sứ Bunker, ngày 13 tháng Giêng, 1976

* * *

**BỘ NGOẠI GIAO
ĐẠI SỨ ĐẶC NHIỆM
WASHINGTON**

Ngày 13 tháng Giêng, 1976

Edgar thân mến:

Tôi đưa lá thư giới thiệu này tới ông Khương Hữu Điều, một người bạn Việt Nam tốt đang sống ở San Francisco. Ông đã thoát khỏi Sài Gòn chỉ mang theo một túi xách tay và đã mất hết tài sản của mình. Ông Điều là một trong những người Việt thuộc thế hệ trẻ làm việc với tôi và tôi quen biết nhiều. Ông đỗ ra trường ở Lafayette College về Mechanical Engineering và có bằng Master về Engineering từ MIT. Ông còn tu nghiệp về Quản Trị Cấp Cao/Advanced Management và Ngân Hàng Phát Triển/ Development Banking. Ông Điều cũng đang trên đà thăng tiến trong sự nghiệp đầy hứa hẹn ở Việt Nam. Sơ yếu lý lịch của ông Điều sẽ cho ông thấy chiều rộng kinh nghiệm chuyên môn của ông ta.

Tôi không cảm thấy chút do dự nào khi giới thiệu ông Điều. Ông là người thông minh, năng động, chính trực và hoàn toàn đáng tin cậy. Nếu tổ chức của ông có việc làm cho ông Điều, tôi tin chắc ông Điều sẽ chứng tỏ ông là một cộng tác viên tốt.

Thân ái,

Ellsworth Bunker

Đính kèm:

Sơ yếu lý lịch của ông Khương Hữu Điều

Mr. Edgar F. Kaiser
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kaiser Industries Corporation
300 Lakeside Drive
Oakland, California 94604

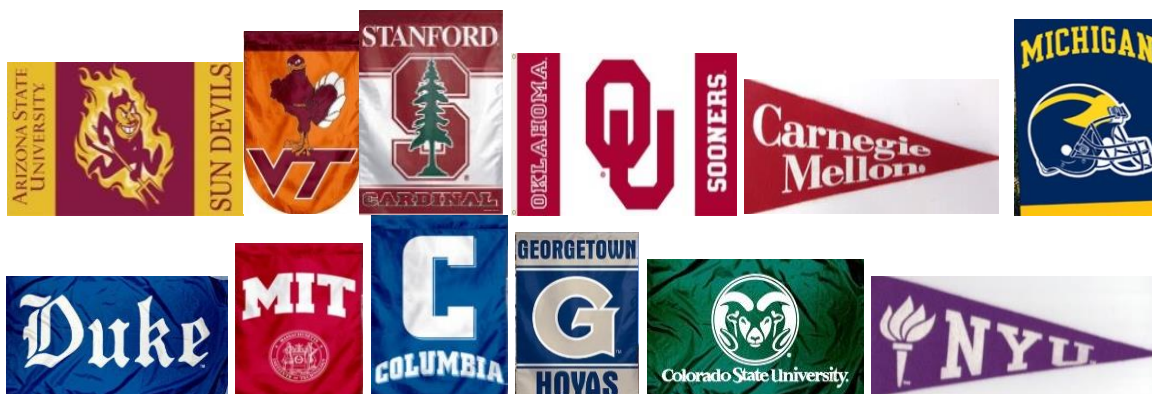
HỘI VIỆT MỸ, USAID, TÒA ĐẠI SỨ MỸ

Trong thời gian 1960-1975, tôi làm việc với Hội Việt-Mỹ (Vietnamese American Association), USAID, và Tòa Đại Sứ Mỹ được xem là lúc tôi được đóng góp nhiều nhứt cho quê hương xứ sở của tôi. Ở tuổi 86, tôi đã sống 37 năm tại quê nhà và 49 năm ở bên Mỹ. Vì là công dân của cả Việt Nam lẫn Hoa Kỳ nên tôi có được hai cách nhìn khác nhau về liên hệ của mình

với Mỹ, tùy lúc tôi chọn đứng ở cương vị nào. Vì lý do đó, tôi mong người đọc sẽ hiểu được tại sao tôi có thể có những quan điểm đôi khi trái ngược hoặc khác hẳn nhau.

- **Hội Việt Mỹ (VAA)**

Mục đích của hội này là để cổ vũ việc trao đổi văn hóa giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Tôi rất hân hạnh làm Chủ tịch Hội Việt Mỹ (VAA). Hoạt động được ủng hộ và ưa thích nhất của hội là chương trình dạy tiếng Anh cho công chúng và công chức. Hội Việt Mỹ nổi tiếng là trường dạy tiếng Anh giỏi và lớn nhất ở Sài Gòn. Hàng chục ngàn người đã ghi danh học tiếng Anh nơi đây. Hội cũng có chương trình giới thiệu cho học sinh người Việt hiểu biết về các đại học bên Hoa Kỳ và có cả một thư viện chuyên về đề tài này. Có những tuần lễ được tổ chức nhằm chủ đích đó và văn phòng chính được trang hoàng với những cờ của các trường đại học, mời các diễn giả người Việt cũng như Hoa Kỳ nói chuyện về đời sống sinh viên bên Mỹ...



Nhiều buổi hội họp về văn hóa quốc tế được tổ chức với cả cuộc biểu diễn nghệ thuật đánh trống Nhật Taiko nổi tiếng thế giới. Những lớp học dạy Tai Chi, Yoga, và nhạc cụ cổ truyền Việt Nam cũng được nhiều người ưa thích ghi danh học. Các cuộc triển lãm tranh hội họa, hình chụp của cả nghệ sĩ Việt lẫn Mỹ thu hút được nhiều người tham dự.

- **USAID và Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ**

United States Agency for International Development (USAID) là cơ quan thuộc chính phủ liên bang Hoa Kỳ cung cấp nguồn tài trợ dồi dào nhất cho mục đích dân sự tại Việt Nam. Số tiền viện trợ lên tới khoảng 800 triệu Mỹ kim (theo giá Mỹ kim năm 1960) mỗi năm. USAID và Bộ Kinh Tế Việt Nam cùng nhau quản trị quỹ viện trợ này. Trong năm 1966, mức độ chiến tranh gia tăng và nền kinh tế của Miền Nam bị đe dọa bởi nạn lạm phát phi mã. Trong bối cảnh ấy, "Chánh Phủ Thời Chiến" của ông Nguyễn Cao Kỳ bổ nhiệm ông Âu Trường Thanh vào chức vụ Tổng Ủy Viên Kinh Tế và Tài Chánh vào tháng hai, 1966. Ông Thanh là một trong những kinh tế gia lỗi lạc nhất trong nước đã đậu bằng tiến sĩ kinh tế ở Université de Paris. Trước đó, ông đã chứng minh tài năng của mình khi tham gia nội các của ông Nguyễn Ngọc Thơ năm 1963 và sau đó của ông Nguyễn Khánh năm 1964. Ông Thanh đã chọn tôi làm phụ tá cho Ông để làm việc với đối tác người Mỹ.

Ông Âu Trường Thanh



Theo cuộc nghiên cứu chung của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế IMF (International Monetary Fund) và Bộ Kinh Tế Việt Nam, một trong những việc cần thực hiện cấp bách và khó khăn nhất là phải phá giá đồng bạc Việt Nam đưa hối suất từ 35 lên 80 Đồng Việt Nam đổi lấy một Mỹ kim. Việc phá giá đồng tiền luôn kéo theo yếu tố bất trắc đưa tới những hậu quả không lường trước được. Khó mà thực hiện được một cuộc phá giá suôn sẻ, gọn ghẽ và theo như dự tính. Nguy cơ là nó sẽ gây ra hiện tượng lạm phát phi mã nếu nền kinh tế phải đung đầu với nguồn cung bị giới hạn trong thời chiến. Nhiệm vụ chuyên môn và phức tạp mang bí danh “Cuộc Hành Quân Hoa Lan” này được ủy thác hoàn toàn cho ông Âu Trường Thanh. Điều khó khăn nhất là làm sao kiếm được số thoi vàng trị giá 50 triệu Mỹ kim từ Thụy Sĩ để chuyển vào Ngân Hàng Quốc Gia ở Sài Gòn. Chúng tôi biết rõ tổng số tiền tệ luân chuyển trong nước và tin tưởng có thể ổn định được giá trị đồng tiền nếu có đủ vàng để bán ra khi cần tránh cho dân chúng mất niềm tin nơi trị giá đồng tiền Việt Nam.

Thủ tướng chánh phủ ký nghị định tăng hối suất lên 80 đồng ăn một Mỹ kim vào đúng nửa đêm Chủ Nhật ngày 17 tháng 6, 1966. Tất cả các ngân hàng đóng cửa vào lúc đó. Qua ngày thứ Hai, 18 tháng 6, 1966 các cơ quan chánh phủ nghỉ lễ Ngày Quân Lực. Nhiều công văn cần thiết được làm xong để trợ cấp cho các sinh viên du học tại xứ ngoài cũng như tăng lương cho quân đội và công chức từ 20% tới 30%. Những địa điểm bán vàng cũng được mở ra để bán cho công chúng với giá chánh thức.

Những thỏi vàng được trưng bày trên bàn của phòng họp báo Bộ Kinh Tế trong ngày tuyên bố phá giá đồng tiền (20 tháng 6, 1966). Dân chúng có thể mua vàng tự do.



Thoạt tiên giá vàng tăng vọt nhưng rồi tụt xuống và ổn định ba tuần sau đó. Ba tháng sau, nền kinh tế trở lại tình trạng bình thường nhờ quần chúng tin tưởng đồng tiền được bảo đảm bằng vàng được tồn trữ trong kho ngân khố. Chúng tôi lợi dụng ba ngày nghỉ cuối tuần để sửa soạn xong những giấy tờ cần thiết cho việc phá giá đồng tiền. Để bảo mật tuyệt đối, tất cả các cửa ra vào của Bộ Kinh Tế đều bị khóa lại không cho nhân viên phụ trách đi ra bên ngoài cho tới khi công sở làm việc trở lại.

Các cố gắng ổn định kinh tế nhằm kiểm soát mức gia tăng giá thực phẩm và sự thiếu hụt hàng hóa trong khi mức độ giao tranh càng ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Một trong những nhiệm vụ của tôi là làm sao giữ cho chương trình nhập cảng hàng hóa từ Hoa Kỳ được diễn tiến bình thường và hữu hiệu ngõ hầu tránh sự phí phạm và thiếu hụt. Tôi cũng có trách nhiệm điều hành chương trình nhập cảng hàng hóa dùng khoản ngoại tệ nước nhà kiếm được nhờ xuất cảng ra bên ngoài. Chúng tôi luôn phải đối đầu với nạn đầu cơ tích trữ và tránh tham nhũng trong khi quản lý một ngân khoản khổng lồ của chánh phủ. Nói dễ

nhưng không dễ làm. Tại sao? Người chồng có thể liêm khiết nhưng biết đâu bà vợ lại có thể ham tiền, vàng bạc, cẩm thạch, hột xoàn thì biết sao đây? Tôi tin rằng hình thức tham nhũng như thế đã tồn tại tại các quốc gia tân tiến cũng như kém mở mang trong nhiều thế kỷ rồi.

Cảm tạ Thượng Đế, sau 11 năm làm việc gần tiền-bạc tôi đã sống sót mà không bị tai tiếng gì về vấn đề tham nhũng. Còn về phần bà vợ tôi thì sao? Marie đã kêu tôi tại phòng làm việc nhiều lần để biết là vừa mới từ chối những món quà dịp "Tết Trung Thu" do người ta đem lại nhà với "Bánh Trung Thu", các loại rượu đắt tiền như Cognac, Scotch bày ở phía trên còn tiền, vàng bạc, cẩm thạch nằm phía dưới. Trong mùa Tết Âm Lịch tẻ nạn tặng quà đó lại tái diễn. Bởi vì chúng tôi không có con, một vài người nói với chúng tôi rằng nếu chúng tôi nhận món quà cẩm thạch quý của họ chúng tôi sẽ có con trai! Không có việc ngại biện ở đây. Cảm tạ Thượng Đế đã giúp chúng tôi giữ được thanh danh trong việc này.

Trong thập niên làm việc với USAID tôi gặp phải một "đụng chạm" nhỏ. Số là "Nhóm cộng tác viên lý tưởng/Dream team" của tôi gồm nhiều người xuất thân từ những đại học danh tiếng của Hoa Kỳ. Cơ quan USAID có chỉ định một số kỹ sư công chức Hoa Kỳ cố vấn cho nhóm của tôi. Vấn đề là những kỹ sư đó lãnh lương gấp mười lần nhân viên của tôi nhưng về khả năng chuyên môn lại thua kém. Tôi gọi những kỹ sư đó là "gà đông lạnh", tiếng lóng ở Sài Gòn thời đó để chỉ những nhân viên kém khả năng. Báo Anh ngữ Saigon Post do ông Bùi Diễm làm chủ, sau đó được bổ nhiệm đại sứ ở Washington, đã đăng tít lớn nằm cột như sau: "Ông Diễm nói rằng các kỹ sư của USAID làm việc với Ông là 'gà đông lạnh.'" May thay, phản ứng lại rất tích cực. Tôi được đưa qua Mỹ để phỏng vấn những cộng tác viên tương lai của tôi do USAID trả lương. Tôi chọn được ông Braxton, người cố vấn vừa giỏi vừa làm việc rất hữu hiệu. Ông đậu bằng cử nhân toán ở Pháp và bằng kinh tế ở MIT. Ông là người cố vấn tốt nhất của tôi cho tới ngày cuối ở Sài Gòn. Chúng tôi có gặp lại nhau sau năm 1975 ở tiểu bang Connecticut và California.

Nước nhà tiếp tục áp dụng mô hình kinh tế thị trường tự do và mối liên hệ với Tây Phương. Mức sản xuất điện năng gia tăng 14 lần từ năm 1954 tới năm 1973 trong khi sản lượng công nghiệp ghi mức tăng trưởng trung bình là 6.9% mỗi năm. Trong cùng khoảng thời gian đó, sản lượng về gạo tăng thêm 203% còn số sinh viên đại học nhảy vọt từ con số 2.000 lên tới 90.000.

USAID giúp VINAFED (Vietnam Foundation for Education Development) Trung Tâm Phát Triển Giáo Dục

Năm 1972, USAID hỗ trợ cho Bộ Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa trong kế hoạch kêu gọi các "Foundations" Hoa Kỳ giúp đỡ tài chánh để VINAFED có phương tiện phát triển ngành giáo dục Việt Nam. Với tư cách cố vấn kỹ thuật, tôi hân hạnh tháp tùng ông Ngô Khắc Tĩnh, Tổng Trưởng Giáo Dục với sự cộng tác đặc lực của ông Charles E Rothwell, nguyên Chủ Tịch của Mills College, người đã góp công sáng lập Liên Hiệp Quốc năm 1945 tại San Francisco. Nhờ uy tín của ông Rothwell, Việt Nam được Ford Foundation, Rockefeller Foundation, Lilly



*Họp báo tại Washington D C
Trái sang phải: Trần Kim Phụng (Đại Sứ),
Tổng Trưởng Ngô Khắc Tĩnh, Khương Hữu Điều*

Foundation ... ủng hộ tích cực. Bộ Giáo Dục có ý định thành lập một Vietnam Institute of Technology theo mô hình của Đại Hàn đã đạt được nhiều thành công.

Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Washington DC có tổ chức một cuộc họp báo để ông Tổng Trưởng Ngô Khắc Tĩnh trình bày kết quả tốt đẹp của chuyến công tác xin viện trợ này.

Họp Thượng Đỉnh Giữa Tổng Thống Thiệu và Johnson tại Manila, Honolulu, và Guam (1966-67)

Tôi cảm thấy may mắn và hãnh diện được chọn đi cùng phái đoàn của Tổng thống và chánh phủ, tham dự cả ba buổi họp thượng đỉnh giữa Tổng Thống Thiệu và Johnson tại Manila, Honolulu, và Guam. Tôi đã rút tỉa được những điều sau từ các buổi họp:

Cuộc Họp tại Honolulu về Chiến Tranh Việt Nam, ngày 5-7 tháng 2, 1966

Tổng Thống Johnson tái xác nhận quyết tâm của nước ông "bảo vệ Miền Nam Việt Nam." Tổng Thống Thiệu đáp lại "ông không có ngần ngại gì về lời cam kết của Hoa Kỳ."



Tổng Thống Johnson & Tổng Thống Thiệu



*Tướng Cố, Tổng Thống Thiệu,
Thủ Tướng Kỳ và Tổng Thống Johnson*



Hai Tổng Thống Thiệu, Johnson



Phòng Họp Việt-Mỹ tại Honolulu

Ở Honolulu, Việt Nam Cộng Hòa với Hoa Kỳ, Úc Châu, Tân Tây Lan, Đại Hàn, và các đồng minh khác đồng ý cùng nhau tìm mọi cách để đánh bại quân xâm lăng, tình trạng nghèo đói, xây dựng một xã hội dân chủ bền vững và tìm kiếm hòa bình. Quốc gia Việt Nam đang trên đường tiến tới một thể chế hợp hiến và dân chủ. Tướng Westmoreland cộng tác với Chánh phủ Miền Nam để đẩy mạnh các hoạt động giáo dục, sản xuất, và y tế. Các công tác của chánh phủ sẽ cùng lúc tiến triển trên hai mặt quân sự và kinh tế.



Tổng Thống Thiệu và Tướng Có



Dean Rusk và Tổng Thống Johnson

Lòng trung thành và sự ủng hộ của nông dân đối với chánh phủ là tối cần thiết. Trong thời chiến, đạt được điều đó không phải là dễ. Tuy nhiên cần đeo đuổi cho được điều này vì nó cũng quan trọng không kém những nỗ lực quân sự nơi chiến trường. Chúng ta cần cố gắng thêm nữa trong chương trình “bình định” nông thôn và một nhóm chuyên gia Mỹ về canh nông và y tế sắp lên đường qua Việt Nam. Cuộc chiến bằng súng đạn đang diễn tiến cùng lúc với một chính sách cải cách điền địa nhiệt tình. Ở Honolulu, Tổng Thống Johnson đưa ra quyết định hỗ trợ một cuộc cách mạng xã hội. Những từ ngữ và ý tưởng được dùng trong thời điểm đó phản ánh rõ rệt dấu ấn của Tướng Landsdale, một lựa chọn khác cho chủ nghĩa cộng sản ở Miền Nam.

Phó Tổng Thống Humphrey tháp tùng giới lãnh đạo cao cấp của Miền Nam bay về Sài Gòn để đẩy mạnh những chương trình chống đói, bệnh tật, và mù chữ tại một quê hương đang bị chiến tranh tàn phá. Việc làm này có chủ đích phủ nhận những lời chỉ trích cho rằng người ta đã quá chú trọng tới giải pháp quân sự mà xao lãng việc dân vận để thu phục nhân tâm của người dân.

2. Hội Nghị tại Manila, Tháng Mười 1966



Lãnh tụ Thế Giới tại Hội Nghị Manila, Tháng Mười 1966.

Từ trái qua phải: Thủ Tướng Harold Holt (Úc Châu), Tổng Thống Park Chung Hee (Đại Hàn), Tổng Thống Ferdinand Marcos (Phi Luật Tân), Thủ Tướng Keith Holyoake (Tân Tây Lan), Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu (Việt Nam Cộng Hòa), Thủ Tướng Thanom Kittikachorn (Thái Lan), Tổng Thống Lyndon B. Johnson (Hoa Kỳ).

Cuộc họp thượng đỉnh tại Manila ngày 24 và 25 tháng 10, 1966 nhằm bàn luận về chiến tranh Việt Nam và những mục đích rộng lớn hơn cho Á Châu và vùng Thái Bình Dương. Mục đích là để bảo vệ tự do cho toàn vùng.

1. Tránh bị xâm lăng.
2. Loại bỏ nạn đói, mù chữ, và bệnh tật.
3. Thiết lập một vùng an ninh, trật tự và tiến bộ.
4. Đạt được hòa hợp và hòa bình cho toàn cõi Á Châu và Thái Bình Dương.

Tổng Thống Johnson và các lãnh tụ đồng minh hứa hẹn sẽ rút quân đội của mình ra khỏi Miền Nam Việt Nam trong vòng sáu tháng nếu Bắc Việt rút binh lính của họ về miền Bắc và chấm dứt xâm nhập vào Miền Nam. Trong chuyến đi Đông Nam Á này, Tổng Thống Johnson bất ngờ viếng thăm chiến binh Mỹ đóng ở Vịnh Cam Ranh.



Tổng Thống Johnson và Tướng Westmoreland tại Vịnh Cam Ranh, 1966

3. Cuộc Họp Cấp Cao về chiến lược ở Guam ngày 21 tháng 3, 1967



*Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và
Tổng Thống Lyndon B Johnson
trong lễ nghi chào mừng tại
Phi Trường Quốc Tế ở Guam*



Thiệu và Johnson



*Dean Rusk, Johnson và
McNamara*



*Từ trái qua phải: Dean Rusk, Johnson và Mc Namara.
Hình chụp buổi họp: Tổng Thống Thiệu ngồi bên trái (nhìn từ phía lưng)*

Cuộc họp tại Guam đem lại nhiều ý kiến xây dựng và mới mẻ nhưng không đưa ra một quyết định quan trọng nào. Bắc Việt tuyên bố nếu chính phủ Mỹ muốn có hòa đàm thì trước tiên họ phải chấm dứt vô điều kiện việc thả bom và các hành động khiêu khích khác.

Miền Nam gây bất ngờ thú vị ở cuộc họp tại Guam khi đề nghị thông qua một hiến pháp mới bảo đảm cho một chánh phủ dân sự lãnh đạo đất nước đang bị chiến tranh. Miền Nam cần được bảo đảm việc thay thế Đại Sứ Lodge bằng Đại Sứ Bunker sẽ không đem lại một sự nới lỏng nào trong những đòi hỏi trong cuộc đàm phán với Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Đại Sứ Ellsworth Bunker là một người tài ba dày dạn kinh nghiệm. Ông đã gây ấn tượng tốt với người Việt Nam.

Trong sự quan hệ của tôi với Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, tôi giữ được mối giao hảo tốt đẹp với Đại Sứ Ellsworth Bunker (ngày 5 tháng Tư, 1967 – ngày 11 tháng Năm, 1973) và ông Phó Đại Sứ Samuel D. Berger (tháng Ba 1968–tháng Ba 1972).



Đại Sứ Ellsworth Bunker



*Phó Đại sứ Samuel D. Berger và
Đại Tướng Creighton Abrams, Tổng Tư Lệnh Quân Mỹ tại VN*

Thông thường chỉ một đại sứ được bổ nhiệm tại một quốc gia bạn mà thôi. Trường hợp đặc biệt của VN vì tình trạng chiến tranh đòi hỏi nhiều việc phải làm nên cần có thêm một phó đại sứ. Vì tôi có cơ duyên gặp ông Phó Đại Sứ Berger tại *Hội Hoa Cảnh VN* ở Sài Gòn do tôi



*1. Thượng Nghị Sĩ John Tower
của Texas*



*2. Thượng Nghị Sĩ
Daniel Inouye của
Hawaii*

thành lập và sau đó chúng tôi trở nên thân thiết. Với đại sứ Bunker, tôi gặp ông lần đầu tiên nhân dịp phái đoàn năm thượng nghị sĩ Mỹ viếng thăm Việt Nam năm 1967. Đại Sứ Bunker nhờ tôi đưa phái đoàn đi thăm công việc phát triển tôi đã thực hiện trong Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa. Tôi không nhớ được tên của tất cả mọi người trong phái đoàn vì hơn nửa thế kỷ đã trôi qua rồi. Tuy vậy, tôi nhớ được ba tên rất đặc biệt. Trước tiên, tôi nhớ thượng nghị sĩ Tower của Texas bởi vì tiểu bang này rất lớn ngược lại ông ta lại nhỏ thấp (xin xem hình).



*3. Thượng Nghị Sĩ
Birch Bayh của
Indiana*

Kế tiếp là thượng nghị sĩ Inouye của Hawaii. Ông bị mất một cánh tay trong Thế Chiến Thứ Hai và là một trong những đại úy được phong tặng nhiều huy chương nhứt của Lục Quân Hoa Kỳ và là người Mỹ gốc Nhật đầu tiên phục vụ tại Quốc Hội Mỹ. Cuối cùng là Thượng Nghị Sĩ Birch Bayh của Indiana. Tôi nhớ rất rõ ông ta vì kiến thức rộng rãi của ông về ngành nuôi heo. Ông ra trường từ Purdue University Phân Khoa Canh Nông. Vì lý do an toàn, chúng tôi đáp hai máy bay trực thăng trên nóc tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn để đi Biên Hòa.



Bãi đáp trực thăng trên nóc nhà tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn

Tôi ngồi cùng năm thượng nghị sĩ trên chiếc trực thăng thứ nhứt còn nhân viên USAID đi trên chiếc thứ hai. Tôi biết được là bên Mỹ, các thượng nghị sĩ có quyền uy rất cao và có người sau này có thể làm tổng thống. Một công chức phạm lỗi với thượng nghị sĩ có thể bị mất việc. Thật là dễ hiểu tại sao

nhân viên USAID không muốn ngồi trên chiếc trực thăng của tôi. Tôi xếp đặt đưa phái đoàn tới Biên Hòa thăm một trại dùng bắp và đậu nành nhập cảng qua chương trình viện trợ Mỹ để nuôi heo rất thành công. Các nông dân đã đón tiếp phái đoàn một cách long trọng để cảm ơn các thượng nghị sĩ về chương trình viện trợ họ được thụ hưởng. Trong lúc trò chuyện tôi rất khâm phục kiến thức rộng rãi của thượng nghị sĩ Bayh về ngành nuôi heo. Ông ta làm chủ một trang trại ở tiểu bang Indiana. Phái đoàn được mời uống champagne. Chuyển viếng thăm thành công mỹ mãn. Trên đường về, tôi phải giải thích cho các thượng nghị sĩ hiểu tiền viện trợ Mỹ đã không được dùng để nhập cảng xa xỉ phẩm như champagne. Thay vào đó, ngoại tệ do chính Việt Nam thu được đã được sử dụng để làm việc này nhưng bị đánh thuế nhập cảng rất đắt. Sau đó chúng tôi dùng cơm tối tại tư dinh Đại Sứ Bunker tọa lạc trên đường Phùng Khắc Khoan, Sài Gòn. Ông cảm ơn tôi đã cho các thượng nghị sĩ một chuyến viếng thăm Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa đầy thú vị.

Vào một lần khác, Đại Sứ Bunker giới thiệu tôi với tướng Lansdale. Ông Lansdale mời tôi tới nhà dùng cơm trưa và để biết thêm ý kiến trực tiếp từ một người Việt. Ông ta từng làm cố vấn cho Tổng Thống Diệm và có được mối giao hảo sâu đậm với Tổng Thống. Tuy nhiên, ông rời bỏ Việt Nam khi chế độ của Tổng Thống Diệm chấm dứt rồi quay trở lại làm việc với tòa đại sứ Mỹ từ năm 1965 tới 1968 với chức vụ đặc sứ. Đối với một số người, ông ta được coi là một tay cao bồi thần đồng biết vượt lên trên luật lệ để đạt được những mục tiêu chính đáng của lý tưởng dân chủ Tây Phương. Dưới mắt một số người khác, ông lại là hiện thân

của chính sách ngoại giao cao ngạo đang dẫn bước vào con đường sai trái nguy hiểm. Ông ta đã gặt hái nhiều thành công trong những đặc vụ ở Phi Luật Tân vào những năm 1950-53 khi hỗ trợ Quân Đội Phi đệp tan cuộc nổi dậy của cộng quân Hukbalahap (Huk). Nhưng tình trạng Việt Nam lại khác với những vấn nạn cũng khác. Sau này mới được rõ Lansdale đã phạm sai lầm khi đổ đầu và huấn luyện cho Phạm Xuân Ẩn, một phóng viên làm cho Time Magazine và cũng là gián điệp cấp cao của Bắc Việt.

Xét về mặt chánh trị, trong thời gian trở lại làm việc ở Việt Nam, ông ta không được tín nhiệm, bị gạt sang bên lề và đâm ra thối chí. Tôi còn nhớ lời ông phàn nàn trong bữa cơm trưa đó: "Miền Nam giống như một nhà bếp có tiện nghi với nhiều tay đầu bếp giỏi nhưng vì lý do nào đó không ai làm được một bữa điểm tâm ngon." Ông nghĩ quân đội Mỹ nên áp dụng phương cách của Mao Trạch Đông: "Mua và bán một cách công minh. Trả lại những gì đã mượn. Bồi thường những gì mình làm hư hại. Đừng tắm rửa trước mặt phụ nữ. Đừng lấy gì của tù nhân."

Ông Lansdale chống đối việc lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Ông nói với Robert McNamara như sau: *"Trong nước đã có sẵn một hiến pháp... Xin đừng bỏ nó đi khi ông định thay đổi chánh phủ. Xin nhớ là VN đã có một phó tổng thống là ông Nguyễn Ngọc Thơ được bầu ra và hiện đang tại chức. Nếu điều chi xảy ra cho vị tổng thống thì ta phải đưa ông ta thay thế. Ta nên hành động theo luật lệ có sẵn... Khi chúng ta oanh tạc làng xóm của họ, gây ra nhiều thiệt hại thảm khốc về tài sản cũng như nhân mạng cho người dân thì chúng ta nên tự hỏi, chúng ta đang bảo vệ cho tự do gì và cho người Việt Nam nào?"* Tướng Lansdale viết thư cho một người bạn và nói rằng nếu giải pháp [cho cuộc chiến] là "giết cho tới người cuối cùng trong hàng ngũ của kẻ địch" thì ông ta sẽ "không những chống đối trên căn bản lương tri con người" mà còn tin rằng điều này "không ai làm nổi." Ông ta viết thêm "Không một tư tưởng nào có thể bị hủy hoại bằng bom đạn hay giết cho chết cả. Giải pháp quân sự không sao đủ được. Tôi không tin chánh phủ này có thể thấu phục được nhân tâm của người dân."

Lansdale từ nhiệm rồi trở về nước trong tháng Sáu năm 1968. Trên cương vị của một người Việt Nam, tôi tiếc rằng Ngũ Giác Đài đã không nghe theo ý kiến của ông ta.



Tướng Lansdale, cựu trưởng phòng CIA của Phái Đoàn Quân Sự Mỹ tại Sài Gòn, với Tổng Thống Ngô Đình Diệm (Douglas Pike Photo Collection, The Vietnam Archive, Texas Tech Univ.)

Đại sứ Bunker còn giới thiệu tôi với một người Mỹ nổi tiếng khác, ông Robert W. Komer, một thành viên của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia do Mc George Bundy đứng đầu. Khi Bundy rời khỏi chức vụ, ông Komer tạm thời thay thế và làm Cố Vấn An Ninh Quốc Gia trong một thời gian ngắn. Sau đó ông ta qua Việt Nam làm với Chương trình Bình định Nông thôn. Ông Komer là người Mỹ xuất sắc nhất tôi có dịp làm việc chung. Vào năm 1966, Komer mời Tổng Trưởng Âu Trường Thanh và tôi dùng cơm tối ở nhà hàng trong khách sạn Caravelle. Tôi thán phục phương cách ông ta dùng để thu thập những dữ kiện cần thiết nhằm hoạch định chương trình làm việc của mình.

Sau này tôi mới biết ông là người đầu tiên chỉ huy Chương Trình Bình Định/Civil Operations and Revolutionary Development Support (CORDS), một chương trình không mấy thành công của Hoa Kỳ trong kế hoạch thu phục nhân tâm của người dân. Ông Komer tới Sài Gòn với cấp bậc đại sứ và chức vụ Trưởng Chương Trình Bình Định. Trên nguyên tắc ông là người Mỹ có quyền hành nhất ở Việt Nam chỉ sau Đại Sứ Ellsworth Bunker.



*Robert W. Komer
với Tổng Thống Lyndon Johnson*

Qua việc làm, ông nâng cao uy tín của mình với thái độ cương quyết tuyệt đối không nhượng bộ và một niềm tin vững mạnh là cuộc chiến sẽ thắng được dựa vào tính cách khách quan của sự việc và các dữ kiện thống kê. Ông cộng tác chặt chẽ với William E. Colby, trưởng C.I.A. tại Việt Nam, để chỉ đạo chương trình thu phục nhân tâm từng làng một. Dần dà chương trình này chuyển thành Chương Trình Phụng Hoàng cứng rắn hơn do Tòa Bạch Ốc khởi xướng và cơ quan C.I.A. thi hành. Mục đích của chiến dịch Phụng Hoàng là để vô hiệu hóa Việt Cộng nắm vùng tại Miền Nam. Sau này, ông Colby đã tuyên bố trong cuộc điều trần trước Quốc Hội Mỹ là hơn 20.000 người Việt đã chết vì chương trình đó. Ông Komer chỉ huy tất cả các nhân viên làm việc trong Chương Trình Bình Định. Ông ta được biết đến về lối làm việc cứng rắn và bốc đồng của mình. Chính vì vậy ông đã được Tổng Thống Johnson ưa chuộng và cựu Đại Sứ Henry Cabot Lodge gán cho cái tên là "blowtorch Bob/ông xịt lửa Bob."

Nhờ mối giao hảo tốt đẹp của tôi với Đại Sứ Bunker, tôi đã gặp gỡ nhiều yếu nhân làm việc về chiến tranh Việt Nam và vì vậy, tôi có dịp tháp tùng Tổng Trưởng Âu trường Thanh đi Washington gặp Tổng Thống Johnson và Cố Vấn An Ninh W. Rostow để duyệt lại những khó khăn về kinh tế Việt Nam và các biện pháp đối phó. Tôi còn nhớ một trong những chi tiết trong chuyến đi là phương tiện liên lạc chớp nhoáng giữa Hoa Kỳ và Việt Nam qua điện thoại thời đó.



Viếng thăm Tổng Thống Johnson và Cố Vấn An Ninh W. Rostow, 1966

Trong lúc ông Âu Trường Thanh họp riêng với Tổng Thống Johnson, tôi làm việc riêng với ông Rostow tại văn phòng của ông trong tòa nhà Executive Building. Khi tôi đang học cao học ở MIT năm 1956, ông Rostow là giáo sư giảng dạy môn Economic History tại đó (1950-60.)



Mr. W. Rostow

Trong lúc thảo luận về vấn đề kinh tế, tôi có đề cập tới những khó khăn gây ra bởi việc cộng sản xâm nhập từ miền Bắc qua Đường mòn Hồ Chí Minh. Để làm chậm lại mức độ xâm nhập của quân đội cộng sản vào Miền Nam, tôi không ngần ngại nêu ra ý kiến dùng bom điều khiển chính xác bởi TV của Không Quân Hoa Kỳ hầu phá hủy những con đê ở Miền Bắc. Đây không phải là những con đập xây bằng xi măng chúng ta thường nghĩ tới mà là đê được đắp bằng đất. Để tránh gây sự chống đối từ dư luận quốc tế, tôi cũng có đề nghị thả bom vào mùa khô thay vì mùa mưa và đưa ra cảnh báo 6 tháng trước khi bắt đầu để tránh thiệt hại về nhân mạng. Vì không có máy móc cơ khí, chánh phủ Miền Bắc sẽ cần sử dụng hàng ngàn nhân công để sửa lại đê và sẽ không thể tiếp tục xâm nhập Miền Nam nhiều như trước được nữa. Sau này, tôi biết được một hành động như vậy trong một nước dân chủ cần phải được thảo luận bởi quá nhiều ủy ban khác nhau và không đưa đến một quyết định cụ thể.

Nhờ làm việc với Đại Sứ Bunker và tiếp xúc với các chính trị gia người Mỹ, tôi nhận biết được nhiều khía cạnh phức tạp của chiến tranh Việt Nam và không dễ khi lấy một quyết định vì những nguyên tắc của một quốc gia dân chủ.

Để kết luận, sau một thập niên làm việc với những người bạn Mỹ, tôi cảm thấy cay đắng và tức giận về kết quả thảm hại của sự sụp đổ của Miền Nam, thống nhút chế độ độc tài cộng sản, ngu dốt và nghèo đói trên toàn cõi Việt Nam. Marie và tôi đã trở thành những người tị nạn trắng tay khi đến trại tị nạn Marine Camp Pendleton vào tháng tư năm 1975.

Trong nỗi bi phẫn, tôi không sao quên được tội ác của tên ngoại trưởng gian xảo Kissinger đã dùng nhiều mảnh khoe quý quyết lưu manh, qua mặt cấp lãnh đạo của ông và lừa dối cấp lãnh đạo Việt Nam và các quốc gia đồng minh để bán đứng miền Nam Việt Nam cho

Cộng Sản. Trong khi hàng ngàn chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa ngã gục trên chiến trường vì thiếu chiến cụ do Mỹ ngưng viện trợ, trong khi Hòa đàm Ba Lê chỉ là màn kịch do Kissinger đạo diễn trong hậu trường với các lãnh tụ Nga Sô, Trung Cộng, kể cả phe cộng sản Hà Nội thì chuyện Miền Nam phải buông súng một cách bi đát nhưng bi hùng, tất cả là do tội ác của Kissinger mà nhân dân Miền Nam Việt Nam không sao quên được.

Một bức ảnh bằng ngàn lời, sau đây là vài bức ảnh cho thấy Kissinger, Nixon đang «cụng ly» thương lượng mật về số phận của miền Nam VN với Chu Ân Lai. Những bức hình sau đây nói lên những việc làm bí mật **thâm hiểm, tàn độc, âm mưu xảo quyết bất chấp thủ đoạn** của Henry Kissinger đã đưa tới sự sụp đổ tang tóc của Miền Nam. Tôi không thể quên được trước đó ông ta được huấn luyện để trở thành một điệp viên trong thời kỳ đi lính binh nhì trong Quân Đội Mỹ. (Xin xem Chương 18: Kissinger và Cuộc Chiến Việt Nam.)



Kissinger và Chu Ân Lai tại Bắc Kinh, 1971



Nixon và Mao tại Bắc Kinh, 1972



Kissinger, Nixon, Chu Ân Lai dự dạ tiệc tại Bắc Kinh, 1972

Nhưng chiến tranh Việt Nam không phải chỉ có những người Mỹ phản bội như Kissinger, Nixon, những người Mỹ phản chiến ngây ngô không hiểu những xảo trá bịp bợm của cộng sản, mà còn có những người Mỹ dũng cảm, thành tín, chiến đấu cho lý tưởng tự do, dân chủ như 58 000 người chiến sĩ các cấp đã hi sinh và 300 000 người phải chịu đựng dai dẳng nhiều thương tật không kể hàng triệu người dân Mỹ vẫn còn mang nặng mặc cảm thua trận «hội chứng Việt Nam» (Vietnam Syndrome).

Hãy nghe những lời nói thành thật của những người Mỹ không cùng chiến tuyến với Kissinger :

- Đại Tướng William Westmoreland, cựu Tổng Tư Lệnh quân đội Mỹ và Đồng Minh tại VN :
"On behalf of the United States Armed Forces, I would like to apologize to the veterans of the South Vietnamese Armed Forces for abandoning you guys" (General Westmoreland)
«Thay mặt cho Quân Đội Hoa Kỳ, tôi xin lỗi những cựu chiến binh của Quân Đội Miền Nam vì đã bỏ rơi các bạn.»
- Strom Thurmond, Thượng Nghị Sĩ đảng Cộng Hòa (tiểu bang South Carolina): "Chúng ta đã không thực thi những điều khoản của Hòa Ước năm 1973."



General William C. Westmoreland:



TNS Strom Thurmond

Và dĩ nhiên, chúng tôi, những người may mắn sống sót sau một cuộc chiến tàn bạo, làm sao quên được công ơn của 250 000 người đã hi sinh và non 1.2 triệu người bị thương tật để bảo vệ chính nghĩa Việt Nam Cộng Hòa. Nhìn hình của 5 vị tướng tuần tiết không đầu hàng Cộng Sản mà lòng tôi thấy thương cảm, kính phục vô ngần.



Các vị anh hùng của Việt Nam

1. Tướng Nguyễn Khoa Nam
2. Tướng Phạm Văn Phú
3. Tướng Lê Nguyên Vỹ
4. Tướng Lê Văn Hưng
5. Tướng Trần Văn Hai

Bên cạnh những lời tôn vinh như trên, tôi cũng không thể nào giấu được sự thất vọng đối với những tướng lĩnh đã không cùng nhau cộng lực để chiến đấu chống kẻ thù chung mà chỉ biết chống đối nhau vì quyền lợi riêng tư. Ở tuổi 86, nếu không thành thật nói lên điều này thì còn đợi đến lúc nào ?